

Khởi Hành

tuyển tập



福

Chúc Mừng
năm mới

mùa xuân

bình nguyên lộc • mai thảo • vô phiến • nguyên thủy long
• tử kều • thanh nam • tam ích • tuệ mai • cao tiêu • tạ ty
đương nghiêm mậu • nhật tiến • tân vy • lệ tất điều • duy năng
nguyên nhật duật • du tử lệ • đặng trăn huân • hoàng hải thủy
kiếm minh • ng. ái lữ • vương tẩn • hoàng ngọc liên • viên linh

Khởi Hành

xuân 1970

Tuyển tập

**Khởi Hành
xuân 1970**

tuyển tập

Bìa: *Tuần báo Khởi Hành*
Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

**Khởi Hành
xuân 1970**

TUYỂN TẬP

**Tuần báo KHỞI HÀNH
số 39 và 40 - Xuân 1970**

TRONG SỐ NÀY

1. Thư gửi bạn đọc	13
2. Mùa xuân thư gửi bạn <i>Tú Kếu</i>	17
3. Cánh hồng <i>Viên Linh</i>	29
4. Tàu suốt tết tiền chiến <i>Bình Nguyên Lộc</i>	50
5. Cái hăm <i>Dương Nghiễm Mậu</i>	62
6. Bài hành đón tuổi bốn mươi <i>Thanh Nam</i>	86

7. Quê ngoại <i>Tạ Ty</i>	94	15. Không có điều gì không thể khoan dung. Nhắc đến Ma Lâm – <i>Nguyễn Bắc Sơn</i>	284
8. Xuân loạn <i>Cao Tiêu</i>	138	16. Cũng trả cho đời <i>Từ Thế Mộng</i>	289
9. Cảnh vật mùa xuân <i>Kiên Minh</i>	142	17. Hồi hương <i>Đặng Trần Huân</i>	292
10. Người mẹ và các con <i>Nguyễn Thụy Long</i>	154	18. Mùa xuân nữa <i>Hoàng Ngọc Liên</i>	322
11. Viết ở Fort Harrison <i>Du Tử Lê</i>	184	19. Trên đường lưu diễn năm xưa – <i>Phạm Lê Phan</i>	325
12. Tết lính <i>Hoàng Hải Thủy</i>	195	20. Chuyện cấm đàn bà <i>Đặng Trần Huân</i>	345
13. Một đoạn đường <i>Tần Vy</i>	228	21. Mùa riêng của loài người <i>Lê Tất Điều</i>	353
14. Trong cuộc, ngoài cuộc <i>Nhật Tiến</i>	238	22. Với đồng lúa đầu mùa <i>Phạm Cao Hoàng</i>	376

23. Câu trả lời dứt khoát <i>Duy Năng</i>	380	31. Thăm nhà một buổi <i>Mai Thảo</i>	498
24. Tiếng sáo của người kếp già - <i>Nguyễn Ái Lữ</i>	391	32. Xin chớ gần tôi <i>Tuệ Mai</i>	508
25. Đêm nằm kích ở Luật Chánh 2 - <i>Trần Hoài Thư</i>	417	35. Quảng cáo	512
26. Gửi cho côi im lặng <i>Nguyễn Tôn Nhan</i>	420		
27. Ngày mai mùa xuân <i>Vương Tân</i>	423		
28. Cuối hành lang <i>Đặng Đình Tông</i>	427		
29. Nhìn vào văn chương Việt Nam trong năm 1969 - <i>Nguyễn Nhật Duật</i>	439		
30. Trước bàn thờ <i>Võ Phiến</i>	485		

THƯ GỬI BẠN ĐỌC

Trước tình thế “kiệm ước” nóng bỏng, vật giá leo thang – trước những cơn sốt chính trị vô chừng, những biến chuyển sôi động – và nhất là trước sự bãi oải bản thân của đa số quần chúng đang phải vật lộn với cuộc sống “Khởi Hành Tuyển Tập Mùa Xuân” đã hết sức chật vật – tưởng đâu không góp mặt được với đời trong mùa Xuân Canh Tuất.

Chúng tôi được bạn đọc xa gần thôi thúc – nồng nhiệt ủng hộ – chúng tôi được sự cộng tác quý báu của những văn nhân

học giả hữu danh – và nhất là với sự giúp đỡ của những vị hàng hỗ trợ cho những công tác văn nghệ nghiêm chỉnh bằng những phương tiện sẵn có, Tuyển Tập này mới được hân hạnh ra mắt hôm nay.

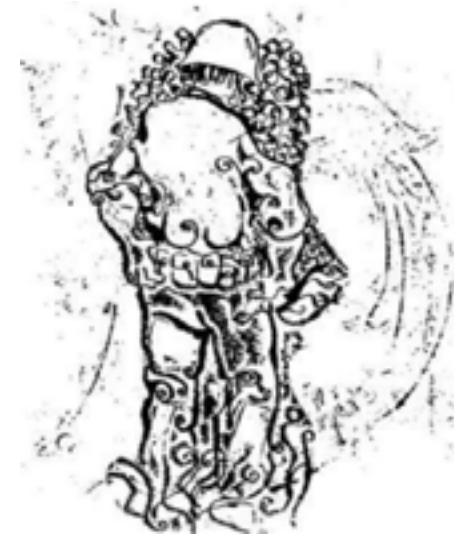
Trong thời gian qua – “Khởi Hành” đã luôn luôn nói lên khát vọng thanh bình của dân tộc trên mảnh quê hương đang oằn oại khổ đau vì chiến tranh. Khởi hành đã góp lại tiếng nói chung của Tuổi trẻ – của những người trai thế hệ sinh và trưởng thành trong thời ly loạn – họ có nhiệm vụ dập tắt ngọn lửa chiến tranh để xây dựng một đời sống mới mà con người sẽ biết yêu thương nhau hơn, quyết tâm xóa bỏ hận thù – và chung sống trong niềm cảm thông thấm thiết.

Trước thêm năm mới – Toàn bộ biên tập chúng tôi nhiệt thành trong niềm tin “Khởi Hành” sẽ là văn đàn khởi sắc trăm

hoa bình nở. “Khởi Hành Tuyển Tập Mùa Xuân” sẽ mang lại cho mọi người – mọi giới một niềm tin mới: “Thanh Bình sẽ đến với chúng ta. Để xóm làng yên vui – Quốc Gia thịnh vượng – và nền văn học nước nhà có cơ hưng phát”.



TỨ KẾU
MÙA XUÂN THƯ GỬI BẠN



Người ở rừng xanh núi đỏ
Có thương có nhớ Kinh thành

Tấm thân dầm sương giải gió
 Mộng đời biết có còn xanh
 Chiến trận tung hoành đây đó
 Mắt còn những nét tinh anh
 Có thấy xuân về hoa nở?
 Mơ chỉ những giấc mơ lành??
 Hay chỉ thấy toàn máu đỏ
 Sặc mùi tử khí hôi tanh?
 Hay chỉ thấy toàn chém giết
 Giết nhau giết mãi cho đành?
 Hận thù lên cao chắt ngất
 Hận thù xương thịt chia phân
 Hận thù anh em giáp mặt
 Lạnh lùng chặt đứt tay chân!

Tình thương bây giờ đã mất
 Nhường cho bạo lực phi nhân!
 Ta biết người thường vất vả
 Đêm ngày di chuyển hành quân
 Đêm đêm ngồi ôm súng gác
 Vẫn vợ nghĩ chuyện xa gần
 Mắt mở canh chừng bóng giặc
 Lo âu căng thẳng tinh thần.
 Ta biết người thường thiếu thốn
 Núi rừng không đủ cơm ăn
 Rễ, lá đói lòng tạm ngốn
 Màn trời chiếu đất quanh năm!
 Buổi sáng khi người thức giấc
 Có thấy hồn vui lên chăng?

Có thấy bình minh xuất hiện
 Hay là sương trắng giăng giăng?
 Bốn phía núi rừng mờ mịt
 Mặt vàng giá rét căm căm
 Thấm thía nỗi buồn cô tịch
 Nỗi buồn lính chiến mênh mông!
 Mây dựng thành sâu lớp lớp
 Vợ con thương để trong lòng
 Vợ con giữa thời loạn lạc
 Gia đình phân cách như không
 Thanh niên giữa thời binh cách
 Tử sinh nhẹ tựa lông hồng

*

Vận mệnh người đâu định đoạt

Vì người, giọt nước trên sông
 Sông cuốn nước trôi biên biệt
 Đổ tràn ra đại Trùng Dương
 Nước đi, khi nào quay lại!
 Cổ lai chinh chiến, ... là thường!
 Số kiếp, thôi đừng thắc mắc
 Yên lòng mà giữ quê hương!
 Yên lòng đền ơn tổ quốc
 Bằng thân, bằng máu bằng xương
 Đừng hỏi ơn gì đất nước?
 Và vay nợ lãi bao giờ??
 Thời đại con người vô phước
 Dem nhau chết bụi chết bờ
 Kia bọn chính qui du kích

Gian nan từ Bắc lẫn vô
 Giải phóng hô hào sát địch
 Địch cùng tiếng nói màu da
 Gặp nhau kẻ hò người hét
 Đạn đồng xối xả tuôn ra
 Người người thi nhau gục chết
 Trăm, nghìn chiếc miệng rên la!
 Tham dự trò chơi man rợ
 Trò chơi đã được thù hoa
 Vẫn biết đau lòng lắm chứ
 Nhưng mà không thuộc quyền ta!
 Những sáng hành quân mệt lử
 Ngồi lê dưới gốc cây già
 Tai người còn nghe chim hót?

Mắt còn nhìn ấm tha nhân
 Có nhớ con đào thành phố
 Có còn thấy đẹp hoa xuân,
 Xuân, Tết đang về rồi đó
 Nhớ người xa cũng như gần!
 Ta ở đô thành cát bụi
 Những ngày những tháng buồn tênh
 Những bước lạc loài vô vị
 Tâm hồn ray rứt không yên
 Sống giữa bọn người ích kỷ
 Toàn quân thối nát ươn hèn!
 Đừng nói vấn đề sĩ khí
 Đừng hòng kêu gọi lương tâm!
 Chán những trò hề chính trị

Bon chen trong cát bụi lấm
 Thiên hạ đua nhau dối trá
 Vô tri như thú như cầm!
 Danh lợi làm cho tối mắt
 Eo sèo bán tước mua quan!
 Hoạn lộ đi ngang về tắt
 Lọc lừa kế độc mưu gian
 Nhưng nhúc một phường sâu mọt
 Nhớn như trên tiếng kêu than
 Nhớn như quanh mình chết chóc
 Nhớn như hưởng thụ truy hoan
 Nhớn như tinh thần sa đọa
 Đền màu, nhạc vũ khiêu dâm
 Khói thuốc pha mùi sặc sụa

Phấn son rượu mạnh đêm đêm,
 Ta đã bao lần phẫn nộ
 Muốn làm hiệp sĩ vung gươm
 Muốn tự tay mình chém cổ
 Những quân ăn hại đái đường
 Những đứa mặt người dạ chó
 Không hồn, không cả tình thương!
 Ta đã bao lần uất hận
 Mắt trừng nộ khí xung thiên
 Mẹ nó, cuộc đời khốn nạn
 Hung hăng bạo lực oai quyền
 Bạo lực hoành hành chi phối
 Còn đâu giá trị con tim.
 Thế kỷ con người tội lỗi

Mỗi ngày tội ác đeo thêm
 Những vụ sát nhân, phản bội
 Lòng người đã bị bôi đen,

*

Đêm nay ta buồn rưng rức
 Tâm hồn nặng trĩu thương đau
 Nhớ người rừng xanh núi biếc
 Lũ mình mới biết thương nhau...
 Đã mấy hôm rày thời tiết
 Nghe chùng khác lạ hơn xưa
 Mưa bỗng trái mùa da diết
 Gió lùa lạnh lẽo gai ghê
 Không khí có gì chuyển động
 Bình minh mai sẽ lại về

Lúc đó nếu người còn sống
 Gặp nhau cười nói hê hê
 Kéo nhau chúng mình đi nhậu
 Ăn riêng cái tết xum huê!



CẢNH HỒNG

Viên Linh



Vĩnh nắm tay con bé dắt nó bước lên cầu. Buổi chiều nắng gắt, chàng vừa rời bỏ phía sau con đường không bóng cây, trơ vắng, thỉnh thoảng bốc lên inh ỏi tiếng còi xe vận tải từ ngoại ô vào, trên chất nặng hàng hóa vừa được dỡ từ kho xuống.

Chiếc cầu ngắn, một đầu dính liền bờ, một đầu gắn cứng vào nhà hàng nổi. Buổi chiều, mực nước đang lên trở lại, nhưng còn dưới lằn dấu nơi chân đá của Mỡ Đậu Láo dưới vệt thâm chạy ngang như một băng vải màu xanh rêu, ngăn thủy triều cao nhất đêm qua, đã vừa rút xuống hết vào buổi sáng. Đã lâu lắm, hôm nay Vĩnh mới lại có dịp trở lại nhà hàng nổi, mới có dịp nhìn ra khúc sông Sài Gòn ngang bến Thương Khẩu, ngồi trên boong chiếc tàu giả, nghe sóng vỗ róc rách phía dưới.

Có đến mười năm nay rồi, con tàu vẫn chưa rời khỏi bờ lấy một lần dù khói vẫn thả đều đều lên trời, dù mỗi chiều, mỗi đêm không ngớt người lên xuống. Không có con bé chắc chiều nay chàng không tới chỗ này. Lúc ăn cơm trưa xong ở nhà người bạn, con bé nhìn Vĩnh cười im lặng. Chú Vĩnh thấy nó lớn chưa. Ủ, trở mã rồi. Con bé nghiêm mặt khi nghe Vĩnh nói đùa với má nó. Chàng nâng ly cà phê tim một lời nói vớt vát làm thân, nó hơi bĩu môi. Tôi nhớ hai ba năm trước nó còn nhỏ xíu. Vĩnh nói, tay nâng cao hơn mặt bàn chút ít.

– Hồi đó còn dẫn nó đi ăn kem, bây giờ chắc nó chê tôi già, đi bên cạnh sợ xấu lây.

– Chú nói xạo.

– Không, chú không nói xạo với cháu.

– Có.

Vĩnh uống ngụm cà phê, ngẫm nghĩ. Chàng nhìn trộm con bé sau miệng tách. Nói bắt gặp cái nhìn của chàng, môi dưới lại hơi trề ra. Vĩnh làm bộ cứng cỏi đặt cái tách xuống.

– Chú xạo bao giờ. Cho là xạo đi, nhưng là xạo với ai. Chưa khi nào chú xạo với cháu hết.

– Thế mà chú xạo với cháu, lâu rồi.

Vĩnh hỏi lâu là bao giờ, nó lấy điệu nhún vai.

– Chú chóng quên quá. Mới hai ba năm mà chú đã quên. Chú không nhớ thiệt sao.

Vĩnh ngạc nhiên ngó người bạn gái, rồi nhìn con bé.

– Chú không nhớ chú đã nói gì với cháu, mà dù chú có nói, không lẽ cháu còn nhớ sao.

– Cháu nhớ.

– Thế chú nói gì.

Con bé ăn múi cam. Cặp môi nó tươi hồng.

– Chú tưởng trẻ con không biết gì sao. Lúc ấy cháu cũng mười tuổi rồi chứ bộ.

Vĩnh cười hì hì.

– Lớn quá nhỉ. Con gái mười tuổi khôn bằng con trai mười hai tuổi phải không?

– Ủ. Cháu lại thông minh, mười tuổi mà bằng đứa mười ba tuổi. Ủ, cho là thế

đi. Vinh gật đầu không biết con bé định nói gì.

– Rồi sao?

– Còn sao nữa. Vì là con gái nên cháu bằng một đứa con trai mười hai tuổi, lại thông minh nên cháu bằng một đứa mười lăm tuổi. Năm cháu mười lăm tuổi chú có hứa hôm nào sẽ cho cháu đi chơi khắp Sài Gòn. Thế mà bây giờ cháu vẫn chưa thấy chú thực hiện lời hứa. Ai xạo?

Vĩnh ngấm hai mẹ con, nghĩ: má mà xạo, nhưng lại hỏi còn bé một câu không hề suy nghĩ:

– Thế bây giờ cháu còn muốn đi không?

– Đi. Chú.

Vĩnh e dè nói người bạn cũ. Nàng im lặng. Im như ngôi nhà cũ kỹ, nhỏ bé mà hai mẹ con nàng cư ngụ suốt ba năm nay, từ khi người đàn ông duy nhất trong nhà mà họ trông cậy được từ trần. Người bạn của Vĩnh chết lúc anh ba mươi sáu tuổi, ngay trong tháng vợ anh ở cũ đứa con trai mà anh mong ước. Thằng nhỏ năm nay ba tuổi, đang ngủ ở phòng trong. Vĩnh, từ ngày bạn mất, ít lui tới ngôi nhà này. Hôm nay chàng đã dừng lại, bước vào, sau khi đã ngần ngừ đứng ngoài cửa tới năm bảy phút. Chàng biết người đàn bà góa chồng ấy vẫn sống cô độc, song chàng ngại có thể sẽ gặp một người đàn ông nào đó trong ngôi nhà bạn.

Cho tới hôm nay chàng trở lại. Trong bữa cơm trưa, được mời niềm nở và ở lại rất ơ hờ, trong nỗi băng khuâng mờ nhạt vật vờ như một hơi sương muộn, Vĩnh

hiếu người bạn gái của chàng sắp phải đi thêm một bước nữa. Đứa con trai nàng ba tuổi, và không lâu nữa, nàng phải tiếp tục những ngày thanh xuân dang dở.

– Chưa, mấy năm nay không ai dẫn cháu đã đâu hết. Má cháu đi làm trưa đâu có về. Năm giờ tan sở ở Long Bình, sáu giờ má cháu mới về tới Sài Gòn. Lại từ bến xe về tới nhà cũng nửa tiếng nữa. Ăn cơm xong là má cháu mệt đi nằm ngay, chả mấy khi dẫn cháu đi đâu được.

– Ờ má cháu bận quá mà. Còn bạn cháu?

– Mấy con nhỏ đó lí lắc cháu chịu không nổi. Chỗ này là chỗ nào đây, chú.

– Sông Sài Gòn.

– Chiếc phà kia đang chạy đi đâu đó chú?

– Bên đó là Thủ Thiêm.

– Thế còn chiếc tàu khổng lồ kia, chắc là tàu ngoại quốc.

– Ờ.

– Nó đi mãi đâu chú?

– Chắc là Tân Gia Ba hay Hồng Kông.

– Thế còn cái tàu này?

Vĩnh ngó nhìn con bé, hỏi:

– Cái tàu nào?

– Cái tàu mình đang ngồi đây này.

Chàng cười, không trả lời. Trong khi im lặng, chàng nghe tiếng sóng vỗ róc rách từng đợt. Trên mặt sông đục, từ nơi chiếc phà đang chạy, hàng vệt sóng từ mau đến thưa chạy liên tiếp vào bờ. Vĩnh để ý nhà hàng nổi hơi dập dềnh.

- Sao chú cười.
- Không.
- Nó chạy đi đâu, chú?

Vĩnh lại cười, nhìn con bé kỹ hơn, cố gắng hiểu rõ nó. Chàng bỗng buồn bã. Quả thật nó không biết nhà hàng nổi này là một con tàu giả. Nó không biết rằng con tàu này, ngày này qua tháng khác, mãi mãi, chỉ đậu yên một chỗ, mãi mãi chỉ nhả khói lên một góc trời, mãi mãi chỉ chở hàng những kẻ lữ khách không hành trang, y phục nguyên nếp lúc xuống tàu và tâm hồn một khối chẳng đổi thay khi trở lại đất liền.

- Kìa, chú, cháu hỏi.
- Để xem. Nó chạy trong nước thôi. Tàu này chạy sông chứ không chạy biển được.

- Có phải tàu gì cháu nghe nói mỗi đêm có ca nhạc âm ĩ đây phải không?
 - Tàu gì, cháu?
 - Cháu nghe nói tàu gì có hàng ăn có ca nhạc đó.
 - A. Ờ. Kìa mưa rồi.
 - Trời ơi sướng quá! Cháu thích ngồi trong xe xích lô khi trời mưa lắm. Chết, mấy giờ tàu chạy chú?
 - Giờ mấy giờ rồi?
- Con bé xem đồng hồ tay:
- Sáu rưỡi.
 - Không lo, cháu, Bảy giờ nó mới chạy.
- Mưa nặng hạt hơn, dội xuống mái tôn âm âm.

Hai người nhìn ra mặt sông, nước nháy múa sóng sánh vui mắt. Phía Thủ Thiêm mờ trắng, khoảng cách mới xa hơn. Trong mưa, một chiếc thương thuyền nào đó kéo còi. Giữa sông một chiếc ca nô chạy ngang mỗi lúc một gần, rồi hướng về phía cột cờ Thủ Ngũ.

– Chú nghĩ gì đó? Cháu thấy chú có vẻ buồn.

– Không có đâu. Cháu thấy chú buồn à?

– Dạ. Lúc nào chú cũng có vẻ buồn hết. Má cháu bảo không biết sao Ba với chú chơi thân được với nhau. Hai người chả có điểm nào giống nhau hết.

– Thiệt sao?

– Thiệt mà. Cháu cũng thấy như vậy. Má bảo Ba ở đâu ở đó, còn chú không

bao giờ ở yên một chỗ cả. Sao vậy chú.

– Tại chú thích thay đổi.

– Chú xấu.

– Nhảm nào.

– Má bảo chú nhiều người yêu lắm. Người ta có thể yêu nhiều người một lúc sao?

– Chắc là không.

– Cháu thấy người ta yêu mãi một người thì được. Má cháu đấy. Má bảo sẽ không lấy chồng nữa.

Mưa bỗng ào ào bay vào lòng tàu từng mảng lưới nước. Con bé ngơ ngác ngó xuống chiếc áo đầm:

– Ướt hết rồi chú.

Nó đứng dậy, nhìn Vĩnh. Vĩnh xô

ghế, ngó vào phía trong. Khách đã dồn vào dãy bàn giữa đông kín. Yên vị. Mãi nói chuyện với con bé, chàng quên đổi bàn từ lúc mưa còn nhẹ.

Chàng hỏi người bồi vừa đến gần, muốn kiếm một cái bàn không hắt mưa. Anh ta bảo chỉ còn bàn dưới hầm tàu. Vĩnh kéo con bé đi trở xuống.

Nó reo nho nhỏ bên tai chàng lúc hai người đã ngồi bên chiếc bàn cạnh cửa kính. Trong hầm nhìn ra, mặt nước lấp mé khung cửa:

– Trời ơi, cháu thích quá. Như đi tàu ngầm vậy.

– Làm như đã đi tàu ngầm rồi không bằng.

Con bé rùn vai cùng lúc một tiếng còi tàu lan truyền trên mặt sông.

– Tàu chạy hả chú?

Vĩnh cười:

– Ủ. Cái tàu cháu nói đó. Mỗi tối nó ra Nhà Bè rồi lại về đây.

– Mình đi luôn hả chú?

– Ủ.

– Lát tối mình lại về đây hả?

– Mình đi luôn.

– Đi đâu?

Vĩnh nhìn làn da mịn màng trắng hồng của con bé:

– Đi luôn. Cháu chịu đi với chú không?

– Bao giờ về mới được chú?

– Đã bảo đi luôn mà.

Con bé phá ra cười:

– Không về đây nữa hả?

– Không.

– Bỏ mẹ cháu một mình sao?

Vĩnh làm bộ ngẫm nghĩ trong trò đùa vui thú:

– Lâu lâu về thăm chứ.

Con bé gật đầu thản nhiên:

– Vậy thì được.

*

Trời mưa, chiều xuống nhanh. Giữa bữa ăn tối, Vĩnh đã nhìn thấy những đốm đèn bên kia bờ, thấp thoáng sau những màn nước trắng. Trong một vệt

đen xám, những bóng điện úa vàng thấp thoáng.

– Đấy là đâu, chú?

– Xem nào. Bờ bên kia.

– Ai chả biết thế, nhưng chỗ đó là chỗ nào.

– Xa Sài Gòn lắm. Cháu không thấy tàu chạy lâu rồi sao.

– Hơn nửa tiếng rồi.

Nó bỗng cười thích chí:

– Má cháu tưởng cháu đang ở quanh chợ Bến Thành là cùng. Nửa tiếng, chắc mình đang xa Sài Gòn đến gần hai chục cây số, chú nhỉ.

– Chú sao. Cháu thích không?

– Còn hỏi. Từ nhỏ tới giờ cháu có

được ra khỏi cái thành phố đó lần nào đâu. Tiếc là mình đi đêm, cháu không nhìn thấy rõ mấy. Nhưng cảnh vật phải lạ lắm, chú nhỉ?

– Chú sao. Cháu thấy không, ánh đèn chuyển động thấp thoáng.

– Như ma trời.

– Cây cối um tùm.

– Như rừng ấy chú nhỉ. Nghe sóng vỗ. Cháu có cảm tưởng mình đang đi đâu xa lắm. Chỗ này chắc là xa bờ đến hai cây số.

– Ba, bốn.

– Lỡ đắm tàu rồi làm sao, chú?

– Chú sẽ chìm lỉm, vì chú không biết bơi.

Cô bé khều tay Vĩnh:

– Chú đừng lo, tàu đi êm thế này, sóng nhỏ mà. Vả lại cháu biết bơi, cháu sẽ đưa chú vào tới bờ cho mà xem.

– Cháu nhỏ xíu à.

Con bé trề môi:

– Đừng coi thường người ta, cứ đắm tàu đi rồi biết,

Vĩnh phá ra cười, gật gật cái đầu. Con bé che miệng ngó chàng.

*

Hai người trở lên boong tàu lúc trời tối mịt, mưa đã tạnh. Vĩnh cố ý đi chậm lại trước chiếc cầu bắt vào bờ. Con bé không nhận ra con tàu giả vừa đưa nó đi

một chuyến đi ảo tưởng. Cặp mắt long
lạnh, nó dắt tay Vĩnh trở lại bờ.

– Mình đi xa quá hả chú.

Vĩnh ngó thành phố đổi khác, gật
đầu:

– Chưa bao giờ chú đi xa như vậy đó.

20-1-1970

TÀU SUỐT TẾT TIÊN CHIẾN

Bình Nguyên Lộc



Xứ ta đã có xe lửa (tàu hỏa) từ lâu, nhưng những chuyến xe chạy thông suốt từ Nam chí Bắc thì không cao

niên lắm, nhớ đâu như mới bắt đầu chạy từ năm 1936, không dám bảo đảm là nhớ đúng, nhưng chắc cũng chẳng sai nhiều.

Năm đó, tôi làm công chức ở một tỉnh kia, chưa viết văn, cũng chưa có mộng làm văn sĩ, nhưng lại ưa chơi một trò mà hình như chỉ có con nhà văn nghệ mới thích mà thôi.

Chiều thứ bảy không có lệ nghỉ cuối tuần như ngày nay, nhưng tôi vẫn xoay hầu về Sài Gòn được thật sớm để coi chiếu bóng. Rạp xi-nê bảnh nhất cho người Việt thuở đó là rạp Majestic. Rạp Eden chỉ có Tây và trí thức là lui tới thôi vì ở đó chiếu toàn phim ông Tây bà Đầm uống rượu và đối thoại, ta chưa thưởng thức được.

Bình dân người mình thì xem phim Tạc Dăng trong Đa Kao, phim câm, vì

chiếu bóng nói, thì chỉ có ở Majestic và Eden mà thôi. Chiếu bóng nói cũng mới ra đời trước tàu suốt có vài ba năm, những tài tử ahu Maurice Chevalier là kép trẻ đang lên và lừng danh thế giới, bởi Âu Mỹ thuở đó cũng còn kém cỏi lắm, ngoài phim ca nhạc, họ cũng chẳng biết làm gì khác cho ra hồn.

Ở rạp xi-nê ra là vừa đúng bữa ăn tối. và ăn tối xong là tới cái màn hấp dẫn, màn chủ lực của tối thứ bảy: lấy vé bến vào nhà ga Sài Gòn.

Vé bến giá hai xu, chỉ bán cho những người vào đó tiễn bạn mà thôi. Dân ta không được phép ra khỏi nước, mà đi Bắc, cũng phải có giấy thông hành riêng, nên chỉ mới có những vụ đưa tiễn lôi thôi như vậy, bởi trong tình cảnh cá chậu chim lồng thì đi Hà Nội là cả một cuộc viễn du đáng kể.

Ồ, chiếc xe dài không thể tưởng tượng được. Đuôi xe nằm bên hông “Con gà đẻ trứng vàng” ngày nay, nhưng đầu xe nằm mãi đằng cái buyn-đin trước công viên mũi tàu Lê Lai – Võ Tánh.

Tôi không nhớ mỗi tuần có mấy chuyến tàu suốt như vậy, nhưng chắc chắn chuyến tối thứ bảy chuyến quan trọng nhất, không hiểu vì sao, bởi: công chức đi xa, về đâu có kịp để làm việc vào sáng thứ hai, còn người buôn bán thì họ đâu có cần tối thứ bảy.

Thỉnh thoảng một thanh niên được sang Pháp du học, nhưng họ toàn là người hưởng học bổng, mỗi năm Tây leo heo chỉ bố thí cho mấy cái, còn du học sinh tự túc thì rất hiếm, bởi khó xin phép lắm. Thành thử nhà ga là nơi độc nhất trong xứ mà những cuộc chia ly đã diễn ra hằng tuần, những buổi tiễn đưa

này không thơ mộng như ở dưới thương cảng, nhưng được cái là ai cũng xem được và thường được xem.

Người đi xem, thật ra, có lẽ chỉ có một mình tôi, bao nhiêu người khác là người tiễn bạn thật sự.

Tại sao có người về Bắc luôn rồi không trở vào nữa, tôi không làm sao mà biết được, nhưng tôi có nghe tiếng khóc của đàn bà ở dưới bến và thỉnh thoảng có tiếng khóc của đàn bà ở trên xe.

Thuở ấy, đàn ông cũng không có khóc, y như ngày nay. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ không đau.

Cái giây phút thú vị nhất, đối với kẻ nặc danh coi tiễn bạn là giây phút tiếng còi của xếp tanh (Chef de train) thổi lên.

Ai đang bận bịu với ai ở trên xe, hoặc ở dưới bến đều phải dứt khoát, không còn bịn rịn được nữa. Thiên hạ lên xuống rần rần, và khi hiệp còi thứ ba tắt tiếng thì cả một chuỗi goong dài chuyển mình, một rừng tay dưới bến mọc lên.

Tiếng còi xe lửa ngày xưa nghe hay lắm. Đó là còi của đầu máy chạy bằng hơi nước nóng, khác hẳn còi ngày nay của loại đầu máy chạy dầu cặn, còi xưa nghe giống giống còi tàu thủy, vang rền cả một góc thành phố và ngậm ngùi vô cùng.

Những chuyến đầu, tôi chỉ thường thức như vậy thôi, cho tới 9 giờ đêm, xe chạy, bỏ tôi lại Sài Gòn. Nhưng tới chuyến thứ tư là tôi thót lên xe, khi còi của xếp tanh thổi. Không phải là tôi nuôi ảo tưởng đi Hà Nội tối thứ bảy để trở về tỉnh mà tôi làm việc sáng thứ hai đầu,

nhưng thấy họ đi, vui quá, thì mình cũng đi, rồi sẽ hay. Tôi nói có nghe tiếng khóc, nhưng không có nói rằng không có tiếng cười. Thật ra thì tiếng cười nhiều hơn.

Đi tàu suốt lậu vé, bị giải tòa chớ không phải chỉ phạt năm bảy hào. Tuy nhiên có thể thương lượng với những ông soát vé, và không sao cả, mà các ông lại sẽ đưa mình ra khỏi nhà ga nào mà mình tới, việc đó khó hơn việc nhảy lên xe quá nhiều.

Nhưng tôi cũng chỉ đi chơi nửa tiếng đồng hồ thôi, bởi thoát một cái là tôi đã về tới tỉnh nhà là tỉnh Biên Hòa. Tàu suốt chạy hết tốc lực, chạy đến cả chiếc xe dài đều lắc lư và chỉ ngừng lại ở Thủ Đức có một phút mà thôi, và ngừng ở Biên Hòa lối ba phút.

Nhưng chuyến tàu suốt dễ mê nhưt là tàu cuối năm ta. Có thể nói tất cả người miền Bắc khá giả, giàu có, mà không phải là công chức đều về Hà Nội để thưởng cái xuân có thật ở ngoài ấy. Họ đi hai ba chuyến như vậy cũng chưa hết và xe bắt đầu đông khách ngay từ hôm 19, 20 tháng chạp.

Toa cút-sết rất mắc tiền vậy mà chuyến nào cũng không còn vé. Các toa hạng tư, được tăng cường, chiếc xe dài thậm thụt, nhưng vẫn chen chơn không lọt vì hàng Tết được chở ra Trung và Bắc cũng rất nhiều. Các ông lái, bà lái, cũng giàu có, nhưng đều đi hạng đó và ngủ ngay trên những núi hàng hóa để giữ của.

Chỉ có các toa hạng nhì và hạng ba là từ chuyến thường đến chuyến Tết đều ế khách. Đó là các toa để dành cho những

khách đi Biên Hòa đi Phan Thiết, đi Nha Trang, họ không cần nằm, nhưng ngồi cũng chẳng êm nên họ lấy vé hạng tư hết ráo, nhưng trên xe, họ ngồi toa quán ăn.

Toa quán ăn, theo tiểu ti thì không phân biệt nghèo giàu, nhưng họ đập mạnh tay quá, thành thử khá nặng túi mới dám ngồi ở đó. Ở đó, ghế khá êm, ngồi bao lâu cũng được, thì khách ăn một bữa, ngồi cho tới Mương Mán, vẫn còn lời tiền.

Nhưng sự vui nhộn, luôn luôn chỉ ở các toa hạng tư mới có. Ở đó, ta chỉ nghe được có một giọng, giọng phụ nữ, nhưng thật ra thì có tới bốn giọng, giọng Sài Gòn, giọng Bình Định Nam Ngãi, giọng Huế và giọng Hà Nội, và câu chuyện chỉ có một mùi vị: Tết. Một giọng, một mùi, nhưng rất yêu đời, có lẽ bà nào cũng nắm chắc lời to trong tay,

Thuở ấy, con người còn thật thà, dân miền Nam chưa biết làm cho xoài có trái và chín như ngày nay họ đang làm, nhưng vậy mà cũng có người làm được và bà nào chở được một giỏ xoài chín về Bắc thì tha hồ hốt bạc, ở ngoài ấy chỉ có muỗm nhỏ và chua, không ngon như xoài trong này.

Tôi nói dài dòng về chuyện du lịch nửa tiếng đồng hồ của tôi, thật ra chỉ để cắt nghĩa do lai của công việc làm văn của tôi về sau.

Từ nhiều năm nay, nhiều báo văn nghệ hỏi tôi do đâu mà tôi viết văn, và với mỗi báo, tôi đều nói khác hết, thét rồi người ta cho rằng tôi bịa lác. Nhưng không. Những nguyên động lực nó thúc đẩy con người làm một việc gì, rất là phức tạp, không việc gì mà chỉ có độc một nguyên do. Nhưng không ai tìm biết

và nhớ làm gì. Thành linh các báo hỏi thì nhớ thứ nào, tôi nói thứ nấy, tuy khác nhau, có vẻ láo khoét nhưng đó là sự thật một trăm phần trăm, nguyên động lực này bổ túc cho nguyên động lực kia.

Những đêm chơi ngông của tôi chính là một nguyên động lực trong khối nguyên động lực xui tôi làm văn.

Tàu suốt gợi hình ảnh viễn du, nhắc nhở những chơn trời xa lạ, tạo một giấc mơ khôn thỏa. Giấc mơ đó, văn nghệ lắm, và làm văn tức là gạt gẫm lòng mình, tức là làm những chuyến viễn du trong tưởng tượng. Viết truyện một anh thợ máy mơ nhà lầu, ô-tô là đồng hóa giấc mơ của mình với giấc mơ của anh ấy, tuy hai giấc mơ khác nhau, nhưng đồng tánh cách, tánh cách đó là sự khôn thỏa của những hoài bão vậy.

Năm đó vở kịch Marius vừa nổi danh và tôi lấy vở kịch ấy làm quyển sách đầu giường...

CÁI HẦM

Dương Nghiễm Mậu

Cuối cùng tôi đã giáp mặt cha tôi, chúng tôi gặp nhau trong một tình cảnh tội nghiệp tôi nghĩ thế, tôi nhớ lại một câu chuyện nào chuyện cổ của Tàu, trong đó người con đã đi một đường hầm để tới gặp mẹ, bởi vì trước người con với tư thế của một ông vua đã giam lại. Đi qua đường hầm tới thăm mẹ để chúng tỏ coi như mẹ mình đã chết, hành động chuộc lỗi. Còn tôi, nào tôi có

can dự gì với việc cha tôi dưới hầm đã từ nhiều năm trước?

Cái hầm cha tôi ở như cái hầm của định mệnh. Theo tôi biết nó được đào từ lúc còn yên khi cha tôi đang hoạt động. Chừng như ông đã tính rất kỹ cho cái hầm có thể là một nơi trú ẩn lâu dài, có hai cửa, một cửa đi từ phía nhà để vật dụng một cửa đi từ ngoài ao vào. Tất cả đã được xây bằng gạch hết sức kiên cố. Gặp tôi, cha tôi nói:

– Cha rất mừng khi biết con trở về, mẹ con đã mất.

Cha tôi già sọp người, trong ánh sáng nhờ nhờ căn hầm nhỏ tôi nhìn rõ từng nếp nhăn trên mặt, nơi khoé miệng và những sợi tóc dài bạc. Tôi nghẹn ngào không nói được gì. Tôi so với hình cha tôi hồi trẻ với thực tế, một nỗi xôn xao khôn

ngươi khuấy động trong tôi. Tại sao ông phải chọn như thế? Áo tưởng nào còn cháy đỏ trong cha. Tôi nói cho cha tôi nghe đời sống của tôi trong thời gian xa nhà, ngày tôi trở về và đời sống trọ học ngoài Hà Nội. Cha tôi nói: cha tôi biết rõ những việc đó. Cha không muốn biết việc cha sống thế này là nguy hiểm. Có người muốn giết cha.

Cha tôi cười không nói. Trong khi nói chuyện có lúc ông vượt những sợi râu, và chúng tôi có nhiều khoảng thời gian im lặng. Những khoảng thời gian im lặng ấy cho tôi thấy, tôi ở xa ông quá, có ngăn cách nào đó tôi không hiểu được. Nếu còn tôi chắc điều ấy đổi khác. Cha muốn con nghĩ là cha đã mất rồi. (Cái đầu ngã vào vách hầm, đôi mắt nhìn xuống mệ nhọc, hai tay đan vào nhau bỏ trên lòng, ánh sáng yếu ớt khiến cả thân hình mỏng

như một tờ giấy đã úa với thời gian). Tôi lắng nghe dư vang của một tiếng nói nào đấy. Cha muốn nghĩ như cha đã chết rồi. Bây giờ tôi vẫn như còn nguyên cái cảm giác của buổi gặp đầu tiên ấy. Cha tôi tự coi như đã chết. Sao vậy? Cái im lặng như tờ ấy kéo dài, tôi lắng nghe tôi cái cảm tưởng rã rời chạy khắp trí não và thân xác. Tôi đã trở về để nhìn thấy quê hương tan hoang, một cuộc sống u tối, một phần của người mẹ, một người cha còn sống nhưng đã tự coi như chết. Anh thử đặt anh ở trường hợp của tôi xem. Tôi lắng nghe, chờ đợi xem thử giữa tôi và cha tôi còn một sợi dây gì ràng buộc không. Tôi không thấy có nhưng tôi cũng không thấy không. Có đấy nhưng cũng không đấy. Tất cả như không khí, như đời sống của một cõi âm nào. Bây giờ con đã lớn cha nghĩ cha có thể nói với con được một vài điều. Trước hết là cha rất buồn vì mẹ

con đã mất, suốt cả đời mẹ con đã không có một lúc nào được sống sung sướng, lúc nhỏ cực lúc nhỏ, rồi những năm này thì chỉ còn có mình mẹ con thay cha nuôi nấng trông nom báo hiếu ông nội. Cha như một người thừa trong đời sống người khác. Và mẹ đã phải chết trong nỗi oan khuất khó quên... Thật tình cha mong con không trở về đây, được thế con sẽ không bận tâm tới những gì từ ngoài, những gì hoàn toàn không thuộc về con. Nhưng không được nữa. E giờ thì con đã phải sống. Cha không biết làm sao hơn. Cha mong con, quên đi mọi điều, nghĩ chuyện học hành, sống với ông nội, cha nghĩ, cha sẽ thấy đỡ cô quạnh khi có con ở bên, may mắn sẽ đến để con thoát ra khỏi những khó khăn đời sống này... Và cha, cha mong một đổi thay đến, một hy vọng cuối cùng thoát ra khỏi, để cha có thể...

Cha cũng không hiểu sao mình còn sống sót. Ngày bảy giờ cha đang hoạt động cho huyện bộ. Rồi cha được cử vào trong ủy ban hàng huyện và lên đường đi họp với ủy ban hàng tỉnh. Công việc lúc đó thật là phấn khởi, mọi người tin tưởng rằng thế nào mình cũng thắng lợi, dù giặc có trở lại đi nữa cũng bị đánh thua. Nhưng khi lên đường trở về thì thảm hại. Giữa lòng sông nước lớn chiếc thuyền đã lật chìm. Tiếp theo là những loạt đạn bắn xuống dòng nước như mưa. Nhưng cha đã thoát được và trốn vào trong một bụi lau. Qua một đêm, qua một ngày cha cố gắng ngâm mình dưới dòng nước với vô vàn những ý nghĩ mung lung. Trở ra khu cũng khó, họ có để cho mình yên không, có khi một bản án tử hình nào đó đã được tuyên đọc. Trở về thành được không. Nhất định là không. Người ta đặt cha trước cả hai lựa chọn đều không thể

chấp nhận. Và cuối cùng cha nghĩ tới cái hầm này... (Không khí nhạt nhòa, dòng sông nước đục cuộn chảy, những tiếng nổ chát chúa, con đường trở về cái hầm như một nhà ngục mới, nhà ngục cho tù nhân lựa chọn, không khí ẩm ướt, bốn vách hầm bung bít, tuổi già mòn mỏi, những nếp nhăn, mái tóc bạc dần và có thể còn đó một chút than hồng trong quá khứ, mà ngọn lửa trong nhiều tháng năm đã rực đỏ hào hùng...).

Con có buồn khi thấy cha sống như thế này không? (Đôi mắt nhìn xuống chột ngừng lên, vẻ ái ngại buồn rầu) Có lúc cha cũng nghĩ tới, sao mình không ra khỏi cái hầm này. Tôi nói: cha có biết, người ta đang tìm kiếm cha không? Có, người ta muốn cứu cha phải không? Không? Tôi trả lời nhanh và gọn. Cha tôi có vẻ ngạc nhiên. Chừng như cha

tôi đã biết hết mọi điều. Người ấy là bạn của cha? Bây giờ anh em còn có khi giết nhau... Con chẳng hiểu được. Cha tôi lặng im một lúc. Con có trông đợi điều gì nơi cha không? Con thấy cha còn sống con mừng. Con buồn là mẹ con đã mất. Con muốn ở lại nhà không ra Hà Nội học nữa. Không con phải tiếp tục việc học, ở nhà sẽ không yên cho con... Con hãy kín đáo một chút. Con hãy kể lại những chuyện của con cho cha nghe. Và tôi kể, những ngày xa nhà, ngày trở lại Hà Nội, ngày được sống lại ở quê hương. Cha tôi lắng nghe ngậm ngùi...

*

Em yêu dấu, chừng như có một lần em đã hỏi anh, có một điều gì đó em không hiểu về anh, chính vì thế mà ở bên

anh em như một người lạ, những điều gì đó nhảy múa trong trí tưởng, thôi thúc anh. Anh nói với em, sao đời sống mình cô quạnh, nỗi cô quạnh bám sát vào người, chúng ta đã sống bên nhau trong một thời thơ ấu, chúng ta đã xa nhau để sau đó mỗi đứa theo về một ngã cùng với dòng cuông lưu, anh chìm trong cuộc để thức dậy bàng hoàng. Nỗi kinh khiếp của thực tế.

Kể lại câu chuyện về mẹ anh cha anh khiến em khó tin, đôi mắt mở lớn những ngạc nhiên, tiếng thở dài nghe lạnh suốt đời sống còn lại, và em cũng thế, em đã trải qua những biến động không ngừng một đời sống cũng tẻ nhạt buồn rầu. Anh không muốn nói tới những điều đó nữa... Bây giờ em ra sao? Anh cũng không biết nữa. Như chính anh, anh vẫn hỏi lại

chính mình, nỗi quạnh hiu mình có đó phải chăng bỗng có, như một số kiếp. Em không được sống như một người hạnh phúc, anh sống với con bệnh trong một con tim đã suy nghĩ cạn khô và một khối óc tan loãng bởi những mộng tưởng đã vỡ... Em hiểu điều đó và em đã khóc, có phải thế... Như vậy anh nghĩ anh cũng chẳng còn gì, cho mình và cho người khác. Anh không có nơi để tới, không có nơi để trở về... Chúng ta bị bắt đi khỏi và trôi lênh đênh trên một con tàu cho tới lúc con tàu tan ra... Anh muốn nói với em một điều, nhưng sau chót anh thấy cũng không cần thiết phải nói với em, vì điều đó không thuộc về anh, thuộc về em nhưng chắc em cũng không cần thiết tới nữa. Anh nghe ngóng lại mình, không còn cơn xúc động, chỉ còn lại mỗi thương tâm dửng dưng nhạt nhẽo, chùng như điều đó cũng theo với những

giọt mưa, theo với những đợt nắng làm héo úa tới những cành lá của cây ngâu có hương thơm ngát...

*

Viên đá cầm nơi tay vẽ lên tường vôi vàng cũ, những nét hằn rõ. Người bạn mỗi một điều thuốc. Nắng cháy đây trên con đường những di chuyển không ngừng. Những khuôn mặt thoáng lướt. Những bụi và khói mù. Người con gái cầm cặp đi chạm ven sát với khoảng tường vôi trắng bên kia con đường. Tiếng còi hú vang và chiếc xe cứu thương chạy hối hả. Thêm một người. Tiếng hai người đi trong hành lang nói chuyện với nhau không rõ ràng. Viên đá bị ném ra khỏi hàng song sắt:

– Mình vào thôi, anh có vẻ buồn.

Sau này tôi được biết một điều: có khi vẽ xuống đất mà nhà tù ở đấy.

– Anh muốn chọn cái chết?

– Anh nghĩ thế?

– Không, anh biết tôi đã sống như thế nào, với cái chân gãy này, với những ngày điều trị ở đây. Tôi vẫn tin vào một điều gì đấy...

– Thật tôi không hiểu được. Như cha tôi. Ông nghĩ gì trong đầu ông?

– Tôi nghĩ ông đã nói với anh. Người ta thường nói tới lập trường. Anh chắc khó chịu điều này. Chính ra cũng không hẳn như vậy, đó là một thứ quan niệm, một thứ thái độ mà người ta phải có. Chúng tôi, có lẽ cả từ cha anh đã ở

trong một dòng sông và suy tưởng như thế. Chúng tôi có niềm tin, có thái độ và chúng tôi sống trong cái nôi đó. Cha anh không phải chỉ là một người bình thường, trước đó ông như vậy, sau đó là cái lý tưởng thôi thúc. Cha chú chúng ta thực sự có lý tưởng khi phải lựa chọn giữa cuộc sống thái bình nô lệ và cuộc đấu tranh cho tự do đầy bất trắc. Cái truyền thống sĩ phu... Cái truyền thống chân phác và hào hùng đó làm thành cuộc đấu tranh giải phóng, làm thành cái huyền thoại kháng chiến. Nhưng cũng chính cái truyền thống đó đưa họ đến thất bại. Với cha anh là một. Cũng như bao nhiêu người khác đã chết từ 1945 cho tới 1954. Từ khi có những người đệ tam trong lịch sử đấu tranh. Như thế cũng có nghĩa: chính tây phương giết chúng ta, Tây phương đưa tôn giáo, tư tưởng, kỹ thuật, khoa học tới đô hộ chúng ta.

Rồi cũng chính tây phương đưa đến cho chúng ta khí giới thiêu hủy những gì do tây phương tạo thành. Tây phương đứng ở cả trên hai thế. Và cha anh, và nhiều người khác chết trong đó, hoặc chết thật sự mau chóng hoặc chết dần mòn. Họ không ở bên nào, ở trong kháng chiến thì một là phải trở thành người của đệ tam, hoặc làm dụng cụ cho họ, không thì trở về bên này chịu làm tay sai cho đế quốc thực dân. Và cái hầm cũng trở thành một trọng tội. Tôi cố gắng thoát vượt ra thực tế đó, và cuối cùng. Dù vậy tôi không muốn chết...

– Anh nghĩ tôi muốn chết?

– Sao anh không trả lời anh.

Tiếng cười khô khan. Cánh lá me vàng rơi là tả trên lối đi loáng thoáng gợi lên những vật nắng trong chói lòa. Tiếng

nặng gổ khua đều và nhẹ. Phải cứu ông ta.... Tiếng nói ma quái. Cái hầm tối.

Khuôn mặt nhợt nhạt. Tiếng nói lấp lửng. Những sợi tóc bạc. Bốn vách hầm kín. Hai cái cửa.

Tôi đợi xem tôi sẽ chết như thế nào.

– Tôi sẽ cố sống như tôi nghĩ. Tôi không nghĩ tới cái chết.

– Anh lạc quan.

– Tôi không nghĩ tới. Tôi sống vậy thôi,

Người trẻ dừng lại. Người già đi lên một chút rồi dừng lại. Khoảng cách không xa. Nắng đẩy lên lối đi. Những ngọn cỏ xanh khô. Hàng gạch sơn trắng nằm hai bên con đường. Tiếng một con chim sâu trong im vắng.

Tôi bỗng sợ những bức tường màu xanh.

Người lớn tuổi lặng lẽ bước đi, tiếng nạng gổ không đều. Người trẻ ngồi xuống bậc tam cấp, con đường thẳng đưa ra cổng bệnh viện, những chấn song sắt, con đường hàng cây thẳng, dốc xuống dưới xa. Không bóng người.

*

Thật tôi không hiểu, trong cái hầm tối đó cha tôi đã sống như thế nào với suốt một thời gian kéo dài đằng đẵng. Tôi nghĩ, nếu là tôi, tôi sẽ điên. Chú tôi không hài lòng chuyện tôi biết cha tôi còn sống nhưng chú cũng không nói gì. Tuyệt nhiên giữa những người sống, ngồi quanh mâm cơm không bao giờ

chúng tôi nói tới chuyện một người đang ở không xa chúng tôi. Và cha tôi như một người đã chết. Người ta rủ con ra khu. Con nghĩ sao? Cha tôi ngồi lặng im không lộ một chút phản ứng. Sao ông có thể thản nhiên như thế. Người ta nói với con: Chỉ có một con đường phải chọn, con đường quốc gia dân tộc, con đường giải phóng, công việc đánh Tây... Con chẳng nghĩ gì cả... Ở ngoài Hà Nội người ta sống như thế nào? Dạ như thường, người ta bỏ quê ra tỉnh ngày một đông, đời sống khó khăn... Những trục lộ con đi thế nào. Yên, nhiều đồn bót, nhưng nhiều khi cũng có mìn và những cầu sập... Con thấy dân làng sống thế nào? Họ sống trong sợ hãi, không dám có thái độ, ngày sống một đời sống, đêm sống một đời sống...

Con không hiểu người ta còn phải

sống như vậy trong bao lâu nữa. Cha có biết được không? Không, nhưng cũng có một chu kỳ nào đó, việc của con là học hành. Nhưng con không yên tâm để học, con thiếu nhiều điều quá. Cha muốn con trở vào sống với bác con, và con hãy quên đi mọi điều. Nhưng con không quên được.. Cha tôi lặng thinh.

Những nếp nhăn trên trán, những sợi tóc bạc, nước da nhợt nhạt. Tôi muốn ôm lấy ông mà khóc nhưng sao giữa chúng tôi không có được một biểu lộ tha thiết. Giữa chúng tôi đã có một ngăn cách.

Tôi tự thấy mình như một trẻ mồ côi. Sau này nữa trong nhiều đời sống khác, tôi cũng nhận thấy vậy, thế hệ chúng tôi như một thế hệ cô cút. Chúng tôi không tìm thấy một đời sống gia đình đầm ấm. Chúng tôi không có những ràng buộc máu mủ sắt son. Chúng tôi không có

tình yêu tha thiết. Chúng tôi không có những kêu gọi gào thét để phóng mình vào lửa đỏ... Chúng tôi sống trong nhạt nhẽo, dửng dưng, buồn phiền.

Cứ như thế với giòng thời gian, cuộc chiến ở những biến dạng, và cho đến hôm nay tôi vẫn thấy mình sống như thế, vô vị và không dứt khoát. Nghĩ tới cái chết tôi cũng không thấy gì nữa. Có phải đó chính là sự bất hạnh... Anh thì anh có thể làm khác được phải không. Tôi tự hỏi: cái dòng sông kia, trong suốt một thời gian hơn hai mươi năm thực không ảnh hưởng gì tới anh sao? Chẳng lẽ những điều kia chỉ đến với chúng tôi, vậy cái gì giúp cho các anh cũng như cha chú tôi sống được trong sự u mê đó. Không. tôi không tin rằng chỉ có các anh, cũng như cha chú tôi còn có đức tin. Có lẽ chúng tôi cũng có nhưng chúng tôi không biết,

nếu không có thì lỗi đó ở chúng tôi hay ở cha chú chúng tôi, ở các anh. Chắc không phải tại chúng tôi. Ra khu. Khi người ta nói tôi điều này thực sự tôi cũng không nghĩ gì, tôi không có ý niệm gì về điều đó, và cả những điều cha tôi nói nữa.

Chỉ sau này tôi mới nhận ra rằng: cha tôi thực cũng không thể làm gì khác trong cảnh huống đó, nhưng không phải vì thế mà cha tôi vô tội, những người thuộc thế hệ ông có tội, ngay từ đầu, vì chính họ đã đưa họ tới những cái hầm. Và anh, anh cũng đã vào trong một cái hầm. anh hãy nhìn lại chính anh xem. Anh cũng đang ở trong một cái hầm tối và những dĩ vãng nào đó đang như một cái phao trên mặt nước cho anh bám lấy. Như cha tôi cái ảo tưởng về một sự vượt thoát nào đó. Nhưng thực thì ông mơ tưởng. ông ảo tưởng. Ông không có thực tế của đời

sống ông, tất cả những người thuộc thế hệ cha chú chúng tôi chỉ là những người ảo tưởng. Những đối thủ thì không, họ sống giữa đời sống, sử dụng đời sống đó để thực hiện tham vọng của họ. Như vậy họ thành công là xứng đáng. Tôi chỉ nói tới thành công, không nói tới giá trị của thành công đó.

Chính nghĩa bao giờ cũng thắng. Anh vẫn thường nghe câu nói đó. Anh cũng còn tin cả điều đó nữa phải không. Tôi thì không. Nhiều khi chính nghĩa cũng thua. Đó, anh ngó chính cái lịch sử chúng ta đang sống đây, có phải chúng ta có chính nghĩa không. Có chính nghĩa, nhưng chúng ta không thắng.

Bạo lực đã thay đổi mọi điều. Bạo lực đã sai khiến, chỉ huy lịch sử, khống chế lịch sử và làm thành lịch sử...

Chính nghĩa sẽ thắng. Chắc anh muốn nói như thế.... Nhưng mình lại lao đầu và những điều tâm bậy này làm gì nhỉ. Xin lỗi anh, có khi anh không bằng lòng cái cách nói của tôi. Cái cách nói không nghiêm chỉnh. Các anh thì lúc nào cũng đòi nghiêm chỉnh, cần trọng. Từ ăn nói, đi đứng và đời sống. Tôi xin lỗi anh về điều này. Vì vậy tôi muốn được cùng anh, thử tìm lại, thử xét lại với những gì mình đã có đó. Khởi đi từ cha tôi, cái hầm và đời sống chúng tôi.

Tôi chưa muốn chết, tôi muốn được chết một cách thoải mái. Tôi không muốn chết trong sự buồn chán này. Hoặc ít nhất, tôi muốn làm sáng tỏ một thực tế về cái chết của mình. Tôi phải nói ngay với anh, thực ra tôi không bao giờ muốn chúng tỏ một điều gì cả. Chính là với chính tôi. Chúng tôi không muốn ở

cái thế của cha tôi, trong một cái hám biến dạng, tôi cũng không muốn đứng ở những nơi người ta đã chia cho nhau, vậy thì tôi, phải làm thế nào, trong lựa chọn, cả ngay cái chết. Anh hãy nói với tôi, thuyết phục tôi, anh hãy thử, cũng như tôi xét lại đời sống của mình...

*

Viên sỏi bị ném ra xa. tiếng động thật nhỏ. Con đường dốc thẳng ngoài cửa bệnh viện. Tiếng con chim sâu lạc lõng. Những bóng cây im. Có bao giờ những viên sỏi lăn lại bên nhau. Có bao giờ...

BÀI HÀNH ĐÓN TUỔI BỐN MƯƠI

Thanh Nam

Ớn nhận về Nam, xuân rồi đây!
 Nghe thềm ly rượu chút mưa bay
 Gọi về trong đáy buồn lưu lạc
 Những bước chân xưa nhạt dấu giày
 Bạn cũ hãy nương theo rét lạnh
 Về đây cùng nhập một cơn say

Uống ly thứ nhất mừng tao ngộ
 Cho tiếng cười lên võ thán ngày
 Vào cuộc hành hương tìm gặp lại
 Cõi trời xanh biếc tuổi thơ ngây
 Trong veo cặp mắt chưa vương bụi
 Chấn chiếu còn thơm ngát mộng trai
 Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ
 Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai
 Đồng tiền mừng tuổi ngày nguyên đán
 Canh bạc đời chưa lọt trắng tay
 Dăm bảy lòng sông om biển cả
 Coi đời dưới mắt nhẹ không ai
 Cơn mê nhập cuộc sâu chưa bén
 Thân thể chưa đau cát bụi này

Gió nổi mùi hương trời buổi đó
 Với ngày như lá, tháng như mây
 Lâu sương từng đã đưa nhan sắc
 Giấc ngủ thêm khuya rộn tiếng hài
 Chiều xuống đã nghe lòng dục đã
 Gió lên hồn ngổ phổ vui mời
 Ca trường, hý viện, xuân như hạ
 Đời thả trôi vào nhịp phách lời...

*

Lãng đãng khói sương trời tưởng nhớ
 Ly này xin cạn hết chua cay
 Mười lăm năm đó từ phiêu dạt
 Đứa vợ con yên, đứa lạc loài
 Viết mượn đã bao thẳng mệt mỏi

Sang giàu đếm được những ai đây?
 Lưới đời chân đã bùn như vớ
 Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay!
 Cuộc chiến đã chừa dăm bảy mạng
 Thôi thì rượu đó, uống cho say
 Rót thêm ly nữa, chào năm cũ
 Tuổi bốn mươi rồi thương lắm thay!
 Lận đận lý nào theo trọn kiếp
 Tối tăm không lẽ mãi đêm dài
 Niềm thê nhi đó giờ yên phận
 Nợ áo cơm này nặng chiu vai
 Năm tháng sức trai mòn mỗi mãi
 Nụ xuân đời đã lánh tầm tay
 Vỡ tuồng nhạt nhẽo màn chưa hạ

Vai kếp buồn kia vẫn diễn hoài
 Nhìn lại trời xưa vừa khép kín
 Thơ hồng, tuổi ngọc sót thương ai...

*

Nghiêng chai, thêm một ly này nữa
 Trên vách, sấu ta đối bóng gầy
 Chợt tiếng con thơ cười lạnh lớt
 Nhìn con, lòng bỗng thấy xuân đầy
 Lại đây con nhỏ, con yêu dấu
 Bổ uống cho con ly rượu này
 Ly rượu mừng con tròn mộng đẹp
 Niềm vui hoa nở tháng năm dài
 Ngủ đi, con hỡi, mai khôn lớn
 Đời sẽ bình yên không lửa gai

Trong vắt hồn con nguyên khối ngọc
 Lượng xuân đời chẳng khép vòng tay
 Nhìn con giây phút lòng tan biến
 Những chuyện ân thù, những đắng cay
 Chiều tà khôn gỡ nước cờ sai
 Trắng tay nhìn lại còn con đó
 Hy vọng đời cha mẹ kiếp này
 Tăm tối căn phân cha đã chịu
 Cánh hồng con hản sẽ xa bay
 Tiếng bạc đời cha gieo đã lỡ
 Ngủ đi con, ngủ đi yên giấc
 Cha ru con bằng hơi rượu say
 Cha ru con bằng lời thống khổ
 Trong nhọc nhằn mê sáng đêm nay...

Chuồnh choáng lòng khuya men đã
ngấm

Nghe ngoài đêm tối tiếng mưa rơi

Vọng lời xao xác hồn năm tháng

Chuyển nhịp mùa xanh lại đất trời

Bắt chước cổ nhân nâng chén rượu

Mừng xuân thay áo mới cho đời

Mười năm thêm một bài thơ nữa

Viết tặng riêng mình tuổi bốn mươi!

QUÊ NGOẠI

Tạ Tỵ

Dã mấy chục năm rồi tôi còn nhớ như in, từng sự việc xảy ra trong chuyến về quê ăn Tết lần đầu, cũng là lần sau cùng và mãi mãi. Mẹ tôi lấy chồng xa, tính đến mùa Xuân ấy đã gần hai mươi năm mà mẹ tôi mới về thăm quê ngoại được hai lần. Hai lần đó đã khá lâu. Theo lời mẹ tôi, ông ngoại đã già chẳng biết sống được bao lâu nữa, nên dù bận bịu một đàn 8 đứa con, người

quyết tâm Tết này sẽ về thăm lần chốt gọi là báo hiếu. Thấy tôi cũng đồng tình nhưng bảo nên cho vài đứa nhỏ theo để ông ngoại và họ hàng biết mặt chúng. Mẹ tôi chỉ muốn đem theo một đứa, vì đường xa xa xôi, tốn kém, nhất là tuổi chúng đang độ dở dang lấy ai trông nom. Sau cùng, người chọn tôi vì cho rằng – Thằng Sáu ngoan nhất nhà, vả lại, nó có thể giúp đỡ những việc vặt khi cần đến.

Năm ấy, tôi đang học lớp nhì. Từ hôm nghe mẹ nói, tôi không còn học hành gì cả. Tôi tính từng ngày để được về ăn Tết ở quê ngoại.

Buổi tối, trước hôm đi, tôi trần trọc không ngủ được. Trời lạnh, tôi nằm chung với hai anh, cứ ngo ngoáy hoài làm mấy anh tức vì mất giấc. Tôi cắn răng chịu đựng để khỏi òa khóc vì những cú “lụi” ngấm. Ngủ không được, tôi mở mắt

nhìn ra ngoài màn in lò mờ bộ đồ mới may mặc trên thành ghế. Tôi thích chiếc quần nỉ màu xanh thẫm tuy hơi dài và vòng khá rộng. Khi mặc tôi phải sấn lên một gấu vẫn còn chấm đất. Phải thú thực; lần thứ nhất trong đời, tôi có được một chiếc quần tây mới, khi trước, tôi chỉ bận đồ ta, đi guốc. Kèm theo với chiếc quần mới, tôi còn có thêm đôi dép “săng đan” quai chéo, màu nâu và chiếc sơ mi bằng vải phin trắng tinh. Chiếc sơ-mi này làm khổ tôi cũng không ít vì nó cũng dài và rộng quá khổ nhưng cái cổ lại chặt. khi gài nút tôi cảm thấy như bị thắt dây ở ngang cuống họng. Tôi than phiền với mẹ, người bảo mặc thử cho coi.

Tôi mặc thử và xỏ dép đàn hoàng. Mẹ tôi ngồi thụp xuống cho tay nắn vuốt một lát, lúi xa rồi khen:

– Ô, may khéo quá, sang năm thì vừa vặn!

Riêng tôi, lúc mặc xong quần áo, cảm thấy mình có lớn lên một chút không thua gì mấy anh, nhưng cử chỉ thật ngượng ngùng, đi đứng không còn thoải mái như khi bận đồ thường. Ngắm tôi một lát, người vừa cười vừa nói:

– Thằng Sáu bảnh trai ghê vậy. Đẹp rồi, muốn gì nữa. Cái áo “vệ sinh” và chiếc “phu la” giặt hơi sớm phơi ở ngoài sân, chắc đã khô lấy vào cho đủ bộ. À, còn cái mũ nồi mẹ cất trong tủ đó. Này, cởi ra đi con, kéo bản mai đi sớm rồi.

Tôi nhè nhẹ tụt dần từng thứ xong gấp nếp để trên tay ghế. Trong lúc ấy mẹ tôi lui hui thu xếp vật dụng cho vào chiếc tay nải lớn, nào gói quần áo cũ, nào bánh mít, hương vòng cùng coi trâu bằng

đồng vàng chói và những cân lạp xưởng đỏ au. Tôi hỏi, sao mang nhiều thế mẹ? Mẹ tôi bảo để biếu cho họ hàng vì ở quê không có. Tôi nghe các anh nói lại, quê mẹ nghèo và xa lắm ở mãi bờ biển đi mệt muốn chết luôn, đừng có ham mà khổ! Biết vậy, nhưng lòng vẫn xôn xao, háo hức.

Chẳng biết tôi ngủ được bao lâu chợt nghe tiếng mẹ gọi:

– Sáu, dậy con, kéo trể tàu.

Tôi nhồm người lên như mặt giường có lắp lò so làm tung cả chăn bông dày cộm. Bị lạnh, anh Tư co chân đạp một đạp làm tôi suýt té nhào xuống đất. Anh nói làu nhàu một câu rồi kéo chăn trùm đầu ngủ tiếp. Đôi mắt tôi cay xè vì thiếu giấc nhưng cố làm ra vẻ tỉnh táo, bỏ choàng ra sân múc nước rửa mặt. Trời

tối như than. Gió thổi ào ào trên mái ngói rồi ùa xuống chiếc sân con vun vút.

Nhúng chiếc khăn vào chum đựng nước ăn, rút vôi lên thay vì múc ra chậu, tôi làm mau để tránh lạnh. Tôi quét chiếc khăn sũng nước vào mặt. Nước lạnh buốt làm tỉnh hẳn. Quay vào nhà, tôi thay vôi áo quần như sợ mẹ tôi bỏ ở lại. Tôi lập cập mang từng thứ vào người. Sáng nay tôi mới thấy mặc đồ tây thực phiền phức. Nó nhiều nút quá, cài mỗi tay không xong. Lúc này mẹ tôi ngồi ở góc phản vừa nhai trầu vừa nói chuyện với thầy tôi, bỗng người nhìn:

– Sáu, con cài đủ chưa đấy?

– Dạ, cài đủ!

– Cài đủ sao thế kia, nhìn lại nút quần coi!

Tôi cúi nhìn, chiếc nút cuối ở cửa quần màu đen lách phôi mình trước ánh đèn đèn.

– Lại đây, mẹ sửa cho!

Tôi lại gân, mẹ tôi cài nút... và sửa lại quần áo cho ngay ngắn. Buổi sáng đói nên cặp quần càng rộng nó tụt xuống làm cho ống quần càng dài. Mẹ tôi phải xắn lên hai gấu rồi lấy kim đính tạm cho khỏi quét đất. Mẹ tôi nói nhỏ:

– Ồ, hơi dài thật, giá ngắn một gấu thì tốt.

Tôi nghĩ, mẹ tôi nói hơi chậm. Sau khi đeo thêm chiếc áo “vệ sinh”, quần chiếc khăn “phu la” to sù và đầu chụp cái “bê rê” phủ kín tai, tôi ngồi thu lu trong ghế hỏi mẹ:

– Hôm nay mấy Tết rồi mẹ?

– Hăm tám.

– Đi bao lâu mới tới quê?

– Chiều tối, nếu gặp chuyện, không thì đến trưa mai.

– Xa quá mẹ há!

Thầy tôi đang ngồi rung đùi uống nước trà bên phía chiếc bàn con gắt khê:

– Chưa đi mà đã thắc mắc, hay ở lại ăn Tết với tao, để mẹ mà đi một mình vậy!

Sợ quá, tôi ngồi im thin thít.

Mẹ tôi cho miếng trâu vào miệng rồi cúi xuống xách chiếc tay nải to tổ bố và một gói lá chuối đựng hai giỏ thủy tiên của thầy tôi mua gửi biếu riêng ông ngoại. Thầy tôi đứng dậy đỡ bọc lá chuối trong tay mẹ tôi:

– Sáu, cầm đỡ cho mẹ may cái này. Để gãy lá nào chết đòn. May nhìn thấy mấy giò hoa chú, đúng mong 1 Tết là nở đó.

Tôi cầm bọc lá chuối, nhìn những chiếc lá xanh nõn hình lưỡi dao tây đâm tua tủa thẳng đứng lòng hơi lo sợ:

– Xin phép thầy rồi đi con.

Nghe mẹ nói, tôi vòng tay xin phép thầy về quê ngoại ăn Tết. Thầy tôi “ừ” rồi quay lại chiếc bàn con uống trà nốt.

Hai mẹ con đến ga hàng Cỏ, trời vẫn chưa sáng hẳn. Những ngọn điện đỏ lờm không soi tỏ bên trong nhà ga đông nghẹt người. Tôi bước nhanh trên những bậc đá trong lúc mẹ tôi ôm chiếc tay nải vào lòng lần từng bước. Mẹ tôi đặt chiếc tay nải dựa vào lan can, bảo tôi trông để

mẹ mua vé. Vì lần đầu đi xa, nên cái gì đối với tôi cũng lạ. Những kiện hàng công kênh đặt trên vai những gã đàn ông to lớn đi lại thoăn thoắt. Những tiếng mời chào xen lẫn vào tiếng chửi của những cô gái bán quà chanh chua. Nhà ga mỗi lúc mỗi đông, người ở đâu dồn lại mà nhiều thế. Họ chen lấn xô đẩy nhiều lúc làm tôi hoảng hồn sợ họ đụng đến cái bọc lá chuối mà thầy tôi vừa căn dặn hồi nãy phải giữ gìn không có chết đòn. Nhiều lúc tôi phải giơ cao bọc lá chuối lên khỏi đầu, đến nỗi quên cả chiếc tay nải mà tôi biết nó quý hơn giò thủy tiên nhiều. Trong lòng tôi bồn chồn hồi hộp. Tôi nường mắt vào chỗ bán vé để tìm mẹ nhưng không nhìn thấy.

Lát sau tôi mới thấy mẹ tất tả vừa đi vừa quần lại vành khăn, lúc đến gần, mẹ nói:

– Ôi cha, đông quá, biết thế này mẹ cho anh mày đi theo để nó chen. Thôi lên tàu con!

Tôi lon ton cầm bọc lá chuối đi sát bên tiến vào phía chiếc cửa hẹp ở đó có gã đàn ông khoác chiếc áo da tím, đầu đội mũ kết tay cầm cái kềm.

Tôi thấy gã oai ghê. Gã càu nhàu gặt gông và muốn cho ai ra sân ga mới được ra:

- Chị đi đâu?
- Tôi đi Nam.
- Còn lâu tàu mới chạy, ra ngồi đợi.
- Nhà ông đi đâu?
- Tôi ngược!
- Bảy rưỡi tàu mới ngược, vội gì!

– Thưa ông, tàu Phòng mấy giờ chạy? Mẹ tôi hỏi.

– Sáu giờ ba mươi bảy phút, ra mau, lữ bây giờ!

Mẹ tôi đưa vé cho gã bấm rồi nhấc bổng chiếc tay nải lên vai, dắt tôi qua nhanh khỏi chiếc cửa sắt. Ra đến sân ga, tôi nghe tiếng máy phì phò liên hồi thờ từng bùm khói trắng tinh và những toa tàu chuyển động.

Mẹ tôi nhìn ngơ ngác một lát rồi đến gần người có bộ râu tre, tay cầm chiếc cờ đuôi nheo màu đỏ.

– Ông ơi cho hỏi thăm, tàu Phòng đậu đâu thế?

Gã chỉ tay về mé trái:

– Nó đó!

Vừa lúc ấy một hồi còi kéo dài tiếp theo mấy tiếng ngắn. Gã cầm cờ phe phẩy màu đỏ phấp phới trong ánh sáng mờ mờ. Tôi theo mẹ chạy vội đến con tàu, nhảy đại lên. Là chuyến tàu Tết nên rất đông, hành khách ngồi đầy ở bậc lên xuống. Khi tôi đặt được hai chân lên sàn tàu, chưa tìm được chỗ đứng thoải mái, con tàu vừa chuyển bánh. Tôi đổ nghiêng người, cái bọc lá chuối cầm tay rớt xuống. Tôi kêu lên:

- Mẹ, mẹ ơi!
- Gì thế?
- Giò thủy tiên.
- Sao?
- Rơi rồi hả?

Tôi không trả lời mẹ cố chùng người xuống. May quá tôi nắm được nó và đưa vội lên cao.

- Hư chưa con?
- Dạ, chưa?

Mẹ tôi không nói gì nữa nhưng tôi thì lo lắng. Tôi mong cho chóng sáng để nhìn xem coi có lá nào gãy không, nhất là những nhánh có ấp giò hoa phồng lên mùng mọt.

Tàu chạy qua cầu sông Cái thì trời sáng tỏ. Tôi nhìn dòng sông Hồng ánh lên sắc biêng biếc trông mềm mại, dịu dàng uốn lượn theo triền cát chạy dài với bờ đê xanh rì rồi lặn vào sương mù. Trời mùa Đông sáng thật chậm. Màu trời thật nặng, sũng nước. Con tàu nghiêng đường sắt nhịp đều đều.

Cảnh vật bỗng nhiên bị xóa mờ bởi lớp mưa rất mỏng, tuy trời đã thật sáng. Tôi ôm bọc lá chuối vào ngực cúi nhìn, may quá, chưa sao! Tôi thở ra nhẹ nhõm. Liếc sang hai bên cảnh vật như lùi dần dưới lớp mưa mỗi lúc mỗi đần mau. Bụng đói cồn cào. Tôi gọi:

– Mẹ!

– Gì con?

– Đói quá!

– Chờ đến ga Cẩm Giàng tàu đỗ, mẹ mua bánh cho ăn.

Tôi cứ ôm bọc lá chuối vào ngực lách dần về phía vách tàu để tìm chỗ dựa lưng cho đỡ mỏi. Tiếng bánh tàu nghiền vào đường thép đều đều làm tôi chập chờn rồi ngủ đứng luôn mặc đói, mặc mưa và gió.

– Đến nơi rồi, xuống con!

Tôi mở choàng mắt thấy một cảnh tượng thật hỗn độn. Thay vì xuống theo lối lên, nhiều người nhảy qua cửa sổ bên hông tàu, đồ đạc và vật dụng được ném theo. Tiếng gọi, tiếng kêu, tiếng mời chào a vào nhau làm cho khó phân biệt nó phát xuất từ đâu. Mẹ tôi trả vé, dẫn tôi ra nhanh khỏi ga rồi mặc cả xe ra bến Sáu Kho. Trong lúc ngồi xe mẹ tôi đưa cho cái bánh giò đã bóc sẵn và miếng chả.

*

Con gái đêm khuya già gạo... Quê ngoại rộng vắng quá, chơ vơ quá làm tôi có cảm tưởng bị lạc vào một khung cảnh hoàn toàn xa lạ nếu không có tiếng nói quen thuộc của mẹ tôi đang làm ấm lại

tình quê hương ruột thịt giữa các người thân.

Khi tôi tỉnh dậy, trời sáng đã lâu. Quàng vội chiếc “phu la” vào cổ, tôi tung chăn nhảy xuống, xỏ chân vào đôi guốc tre lọc cọc đi ra. Nhà vắng hoe. Ngoài sân mấy con chó mực đang đùa nhau thấy tôi chồm lại sủa nhát gừng. Từ nhà ngang chị Tần đi lên:

– Sao không ngủ nữa đi, còn sớm mà!

– Mẹ em đâu chị?

– Cô Tư đi chợ Tỉnh từ mờ đất rồi!

– Thế em ở nhà với ai?

– Với tôi!

Chị Tần cười. Tôi nhìn thấy hàm răng chị đỏ cạch màu vỏ già

– Tôi đun nước nóng rồi, chú rửa mặt rồi ăn bánh nếp để trên bàn nước đó.

Tôi đáp lửng khùng:

– Ủ! A, chị Tần hôm nay đã mặc cái áo bông khác.

Tôi nhìn nó đúng là cái áo của mẹ tôi thường mặc. Trông chị hôm nay tươi hẳn. Cái khăn vuông đen lánh che gần kín khuôn mặt bầu bĩnh. Chị rót nước nóng vào thau vò khăn đưa cho tôi. Tôi lau vội mấy nhát rồi quẳng vào chậu. Chị Tần đến phía bàn nước cầm chiếc bánh đã bóc lá sẵn.

– Cô Tư đi chợ tới chiều mới về, chú ăn bánh xong có buồn tôi đưa đi thăm bến.

– Ngoại đâu chị?

- Ông cũng đi chùa!
 - Chùa ở đâu, có xa không?
 - Xa lắm, ở trên núi.
 - Núi nào?
 - Núi Yên Tử!
 - Em đi được không?
 - Đâu được, từ bé tôi chỉ đi có một lần, trèo mỗi chân lắm!
- Tôi xịu mặt tỏ vẻ buồn. Chị Tần thấy thế vội an ủi:
- Thôi, chờ một lát, tôi đưa đi xem cá. Nhiều con đẹp lắm. Chú thích để tôi xin về thả vào lon mà chơi.
 - Bến xa không?
 - Gần thôi!

Nói xong chị đi nhanh xuống nhà ngang. Tôi nuốt từng miếng bánh mận chát. Trời bên ngoài vẫn nặng. Gió thổi rùn rụt làm các thân cau vật vã liên hồi.

– Rồi, đi chú.

Mang guốc cao không quen, tôi nói với chị Tần cho tôi đi chân không, chị bảo sợ mẹ tôi la nếu biết, hơn nữa, con đường xuống bến nhiều vỏ trai, vỏ sò lắm, đi không quen sẽ đứt chân. Chị hỏi:

– Sao không mang dép?

Tôi chẳng dám nói thực vì dép mới đã làm cho chân tôi sưng mọng, tôi bảo chị, đi hư mẹ mắng.

Chị Tần dẫn tôi đi xuôi một thoi dài rồi quẹo theo một bờ mương để toàn xác thuyền mục nát, thì nhìn thấy nước. Những chiếc cột buồm ngả nghiêng,

chao động đâm vút lên trời. Hơi cá tanh tanh lợm giọng.

– Bến đây hả?

– Ừ, bến đó!

– Thế biển đâu?

– Chèo một thôi xa là đến biển.

– Chị đã đi biển chưa?

– Đi nhiều rồi chứ?

– Vui không?

– Vui nhưng nhiều lúc sợ lắm, nhất khi nào có giông.

Bàn chân tôi bước không vững trên đôi guốc cao nhiều lúc muốn ngã. Tôi phải bấu vào chị Tần mà đi. Trước mắt tôi hiện ra một hàng thuyền lớn nhỏ. Có cái dán hai vế câu đối đỏ chói ở cửa khoang.

Có cái kết lá dừa xung quanh trông thật vui mắt. Dòng nước khá rộng, xanh rờn im vắng. Bên kia bờ, vài ngôi nhà mái vàng tươi, chắc vừa lợp lại. Giữa dòng sông một chiếc đò đọc chở đầy người và hàng Tết. Chị Tần lôi tôi xuống bến. Vừa đi, tôi vừa nhặt vỏ sò đựng đầy hai túi quần.

– Cá đâu? Sao chị bảo xem cá?

– Bữa nay chắc biển đổi gió nên thuyền chưa về, thuyền về vui lắm.

Nói rồi chị nhìn trời. Những hạt bụi mưa bắt đầu rơi. Cảm thấy lạnh tôi đòi quay lại.

Trên đường về tôi hỏi chị:

– Người đàn ông có râu ngạnh chiều qua là ai?

– Chú Hích! Em út ông đó!

– Còn bà móm răng? Bác Đồi. Chị họ ông!

– Thế có ở chung với ông không?

– Không, nhưng nhà ngay phía sau có cửa ngách thông sang nên coi như ở chung!

– Thế hả?

Tôi cúi gập người để tránh lạnh. Tôi thấy buồn ghê. Tay tôi thọc vào túi quần mân mê vỏ sò.

– Có muốn đi thăm làng không?

Chị Tần hỏi. Tôi trả lời cụt lùn:

– Thôi!

Về đến nhà chả biết làm gì tôi ngồi đếm vỏ sò. Nhiều cái vỏ có vân thật đẹp.

Tôi múc nước rửa sạch từng chiếc, định bụng đem về Hà Nội khoe bạn. Chị Tần bỏ đi đâu không biết, lát sau mang về cho tôi một lon cá đủ màu. Tôi thích lắm, đổ ra chậu rửa mặt. Những con cá bơi lượn lờ óng ánh. Tôi say mê nhìn ngắm quên cả thời gian chờ mẹ.

Cứ như thế không biết đến bao lâu, chợt thấy đói, tôi gọi:

– Chị Tần ơi, mấy giờ rồi?

Chị Tần từ nhà ngang chạy lên ngược nhìn ngọn cau:

– Gần trưa!

– Gần trưa là mấy giờ, nhà không có đồng hồ sao?

– Không chỉ nhìn trời thôi!

Tôi hỏi chị có cơm không, chị bảo ăn

nếp với mắm thay cơm vì cô Tư đi chợ chưa về.

Tôi xuống nhà ngang ăn mấy miếng rồi lại cái nhìn đàn cá.

– Tần ơi!

Đúng là tiếng mẹ, tôi chạy vù ra cổng. Chị Tần ra theo. Mẹ tôi mua về đầy một thúng và cả ôm lá giông. Tôi đỡ giùm mẹ bọc lá, chị Tần hạ từ đầu mẹ tôi chiếc thúng. Chưa qua hết sân, mẹ đã hỏi về tôi. Chị Tần bảo, tôi ngoan lắm. Chị đặt chiếc thúng ngay thêm nhà rồi dỡ ra từng thứ nào đậu xanh, nào hoa quả, nào thịt, nào rau củ đủ thứ. Mẹ tôi cởi áo dài rồi giục chị Tần đun nước đồ đậu. Tôi hỏi:

– Mẹ mua nhiều thế, gói bánh hả? Bao giờ nấu?

– Đêm nay, con ăn gì chưa?

Tôi nói ăn rồi nhưng ớn cá quá! Mẹ tôi không nói gì, cầm cúi làm mọi thứ. Chợt nhớ, tôi hỏi:

– Mẹ có mua pháo không?

– Ông có sẵn để trong tủ ấy.

Tôi lảng xảng giúp mẹ nhưng đụng đầu hông đó, sau tôi ôm lấy chậu cá, bỗng ông ngoại về mang theo trên vai một cây trúc vàng khè. Mẹ tôi giục:

– Sáu, ra đỡ giùm ông.

Ông ngoại cười:

– Khỏi cần, nhẹ mà!

Nói xong ông nhẹ nhàng hạ cần trúc từ vai xuống và chiếc bọc giấy. Tôi mở gói hóa ra toàn đồ bằng sành hình cái

khánh, con cá v.v.. Ông ngoại lấy một nhánh trúc uốn thành vòng tròn nổi mắc những thứ đó vào, đoạn ông buộc trên ngọn trúc. Ngoại tôi lấy chiếc thuổng đào ở giữa sân một lỗ sâu cắm gốc trúc xuống. Những con cá, cái khánh chạm vào nhau tạo thành những âm thanh vui vui. Sau khi nện cán thuổng vào gốc trúc, ông ngoại nhìn tôi:

– Tết này có mẹ con mày, nên ông cất công đi lấy trúc trồng nêu đó, mọi năm đâu có. Ông già rồi, làm việc nặng không nổi!

Nói xong ông cười khà khà. Mái tóc trắng xóa của ngoại bị gió thổi rối bù.

Mẹ tôi và chị Tần bận tíu tít chẳng có thì giờ hỏi đến ai. Chắc đi mệt; ông ngoại tợp ly rượu rồi lên giường nằm. Chẳng biết làm gì, tôi loanh quanh đi tha thẩn

rồi ngồi thu lu xem mẹ gói bánh chưng. Chị Tần cúi gập người thổi bếp để làm cơm chiều. Những chiếc “vầu” đen đũi treo la liệt trên bức đố. Ngoài trời không mưa nhưng mỗi lúc mỗi lạnh hơn. Tôi ngồi sát vào bếp lửa cho ấm và thỉnh thoảng cho tay nhón từng nắm đậu nóng hổi bỏ vào miệng.

Sau bữa cơm chiều, ông ngoại đi họp việc làng vì tối mai, ba mươi có lẽ ở Đền Ông. Mẹ tôi nhai trầu bồm bẻm ngược nhìn lên bàn thờ chỗ đặt hai giò thủy tiên trong cái bầu thủy tinh chân cao. Những đồ thờ bằng gỗ sơn đỏ, lâu ngày có chỗ đã loang lổ. Chiếc mâm ngũ quả được mẹ tôi bày biện toàn hoa trái trông vui mắt. Những hộp mút ngũ vị bọc giấy bóng kính màu cánh sen lấp lánh dưới ánh đèn treo. Nhìn nét mặt mẹ lúc ấy, tôi đoán hình như mẹ đang trở về với

những ngày thơ ấu nơi đây.

– Cô Tư ơi! Bếp nhóm xong rồi, cô xuống xếp bánh!

Mẹ tôi như chợt tỉnh, vội vã đi xuống. Những chiếc bánh xếp dần trong lòng chiếc thùng dầu hôi cũ đen xỉn. Từng khối vuông xinh xinh xanh mướt lần lượt cao đến gần miệng thùng. Chị Tần đổ nước vào rồi nhắc bồng đặt trên chiếc hỏa lò rùng rục lửa. Ngoài trời đã tối xẩm. Có tiếng chó cắn rồi tiếng người chào hỏi, chỉ lát sau xung quanh tôi đã rộn ràng tiếng cười, nói. Mẹ lên nhà trên, tôi hỏi chị Tần:

– Người đâu mà đông thế?

Chị bảo họ hàng đến thăm cô Tư đó. Tránh sự chào hỏi mất công, tôi ngồi lì với chị Tần bên cạnh nôi bánh.

Cả buổi sáng hôm sau, mẹ tôi dẫn đi chào họ hàng. Tôi mang theo mẹ những gói quà đựng trong tay nải. Nơi nào mẹ tôi cũng biếu, nơi thì cân lạp xường, nơi cân mứt, nơi quần áo cũ của thầy tôi và của chúng tôi. Tôi được khen hoài nên phát chán.

Quê mẹ nghèo thật, không nhà nào có sân gạch, mái ngói. Tự nhiên tôi cảm thấy trong lòng như ứ nghẹn niềm thương quê ngoại. Lúc trở về, tôi nói:

– Quê mẹ nghèo quá!

Mẹ tôi chỉ lẳng lặng nhìn ra phía bến với những con thuyền ép sát nhau như sợ hãi trời cao, biển rộng.

Sau bữa cơm cúng tiên thường, ngoại tôi mặc cái áo nhiễu đỏ, quần khăn đen, tay cầm một cây nến to và thẻ hương. Tôi hỏi:

- Ông đi đâu đó!
- Ông đi lễ Đền!
- Cho cháu theo với!

Mẹ tôi từ sân đi vào hỏi:

- Sáu, làm phiền gì ông đó?

Ông tôi cười:

– Nó đòi xem lễ đền, ừ, lát nữa bảo cái Tấn đưa đi, bây giờ ông ra trước.

Tôi giục mãi chị Tấn mới chịu đi vì chị nói, xem nhiều lần rồi, lễ xương cá ông đó mà, có gì đâu. Mẹ tôi bảo chị:

– Thôi, cháu chiều em, chả mấy khi nó về quê.

Chị Tấn mặc áo bông của mẹ tôi cho, rồi cầm theo chiếc đèn bão soi đường. Đêm tối mù mịt, gió buốt đến tận ruột,

tôi đi lần theo ánh đèn rọi mờ mờ. Chị Tấn nói khẽ:

– Để mai mông 1 xem thi bơi chải có hơn không? Ở nhà còn bao nhiêu việc.

Tôi nói:

– Xem một lúc, rồi về mà!

Những tiếng chiêng trống vọng lại rộn rã. Đi quanh co một thôi, tôi nhìn thấy những ngọn đuốc cháy bập bùng đỏ rực một khung trời, Tiếng reo hò vang vang theo gió đưa lại làm tôi náo nức. Tôi rảo bước giục chị Tấn đi mau nữa. Chị đóng đưa chiếc đèn theo nhịp bước. Những ngọn đuốc đột nhiên tỏa rộng ra thành một vòng tròn. Tiếng chiêng trống nổi to giục dã. Một lá cờ ngũ sắc to bằng nửa mặt chiếu đang phân phật theo chiều gió.

Tôi len vào gần để xem cho rõ. Tôi thấy bốn người đang khênh một chiếc đòn ở trên đặt một vật gì to lớn, khum khum, phủ nhiễu điều. Xung quanh có những chàng trai mặc áo xanh nẹp đỏ, mỗi người cầm một cái bơi chèo sơn son vừa dô hò dô, vừa chèo không khí. Ông ngoại tôi cầm hương đưa lên ngang mặt đi sau chậm chậm. Ở vòng ngoài những ngọn đuốc quơ cao như những bông hoa lửa. Rồi họ đi thẳng đến cửa đền. Vì lòng đền nhỏ nên mọi người phải dừng lại bên ngoài. Ngoại tôi tiến lên mở tấm nhiễu. Mọi tiếng động im bật đến nỗi tôi nghe được cả tiếng gió đập vào lá cờ phướn. Một cái xương đầu cá voi vàng khè với những chiếc răng dài như cây đĩa khu-yết gần hết, trông khủng khiếp. Ngoại tôi khấn khứa lâm râm một lát rồi chiếc đòn được khiêng vào giữa đền, đặt cả lên bệ thờ. Tiếng chiêng trống lại nổi lên như

óc cùng tiếng reo hò. Một tràng pháo nổ giòn tan. Khói pháo thơm thơm bay tản mát trong không gian sâu thẳm.

Chị Tần giục tôi về. Tôi hỏi còn gì không? Chị nói không, bây giờ là dân làng đến lễ chờ giao thừa. Trên đường về chị kể cho tôi nghe chuyện chiếc xương sọ cá ông mà mười năm trước trong lúc tránh bão, ông ngoại đã tìm được ở một hòn đảo giữa biển. Cá ông, chắc bị tàu đánh cá bắn ở xa đến đấy thì chết. Lâu ngày quá, sóng cuốn xương xuống biển hết chỉ còn chiếc sọ dính cứng vào khe đá mà thôi, do đó, còn sống năm nào ông phải làm chủ lễ năm đó. Tôi ngơ ngẩn hỏi:

– Sao lại phải thờ cá ông chị?

Chị Tần thì thào:

– Cá ông linh lắm, hay cứu người đắm thuyền, không biết à?

– Thế sao cá ông không cứu bố mẹ chị?

– Tôi đâu có biết!

Về đến nhà, mẹ hỏi có vui không? Tôi nói vui. Nồi bánh sôi ùng ục trên lửa. Mẹ tôi bảo chị Tần cho thêm củi rồi người thắp thêm hương trên bàn thờ. Tôi đứng sát vào mẹ. Mẹ tôi xoa nhẹ vào tóc tôi, âu yếm.

– Quần áo con mặc hai ba bữa bên rồi đấy, mai mồng một Tết con mặc đồ ta, mẹ mang sẵn đây kia. Tôi phụng phịu:

– Đâu đã bẩn, mẹ cho con mặc nốt ngày mai.

Tôi nhìn chiếc quần nỉ bạc phếch vì

bụi, hai cái ống suông đuột như hai ống tre chẳng còn “li” gì cả. Mẹ tôi bảo cởi ra để mẹ giữ bụi rồi mang gói đầu giường. Sáng mai sẽ thẳng như là vậy. Tôi nói cởi ra bây giờ lạnh lắm, khi nào đi ngủ mẹ làm cũng được, rồi tôi năn ni mẹ cho đốt pháo của ông ngoại và đòi tiền mừng tuổi ngày mai. Nghe nói đến tiền mừng tuổi, mẹ tôi mở hầu bao lôi ra một cái túi vải. Mẹ tôi dốc xuống mặt phản những đồng hào đồng xu vàng ối và một xấp bao giấy đỏ. Tiếng kim khí chạm nhau kêu rộn ràng. Mẹ tôi đếm lẩm nhẩm trong miệng rồi bỏ vài đồng tiền vào mỗi chiếc bao giấy.

Ngoài sân tối um. Tôi chỉ còn nghe tiếng lanh canh của con cá, cái khánh sành đang đuối tà ma đêm ba mươi Tết trên đầu ngọn nêu, rồi thôi.

Sáng mồng 1 Tết, tôi dậy muộn, chị

Tần phải lay mãi mới tỉnh. Tôi lật chiếu lấy chiếc quần nỉ sờ vào rồi chạy ra. Xác pháo đỏ hồng ở đầu hè làm tôi bỡ ngỡ. Ông ngoại đang rung đùi uống rượu suông. Ông gọi:

– Sáu ra rửa mặt rồi vào đây ông mừng tuổi cho.

Tôi vội đi tìm mẹ ở nhà ngang. Mẹ tôi đang làm cơm cúng. Tôi phụng phịu muốn khóc:

– Sao mẹ không gọi con sớm để con đốt pháo, pháo của con đâu mẹ? Mẹ nói ngoại để dành cho tôi ở đầu bàn thờ và bảo mong 1 đừng khóc, rông cả năm. Ngoan con, Tết sau mẹ lại cho theo về.

Cả buổi sáng đó, tôi không vui vì nhiều lẽ, nhưng lý do mà tôi thấy thấm thía nhất là không có bạn để chơi, dù

ông ngoại đã dành cho một gang pháo, dù tất cả mọi người đều quý mến chiều chuộng và tôi có nhiều tiền mừng tuổi hơn những Tết trước. Chắc đoán được sự tình đó nên buổi chiều mẹ tôi bảo chị Tần đưa đi xem thi bơi chải. Chị Tần hôm nay ăn mặc tươm tất, trông chị xinh hẳn ra. Hàm răng chị mới nhuộm thuốc hôi hôm trông đã đen chứ không đỏ nhờ nhờ nữa. Chị ăn trầu, môi chị thắm tươi mỗi khi cười. Trước khi dẫn đi, chị dúm vào tay tôi hai đồng xu mới tinh.

– Mừng tuổi chú đấy!

Tôi nhất định không lấy vì nghe mẹ nói chị khổ cực từ nhỏ. Chị bẽn lẽn rút lại vào túi áo cộc.

Chúng tôi ra đến bờ sông thấy đám người đang bu đông lại một chỗ. Buông tay chị Tần tôi chạy vù đến. Trời lạnh giá

mà có một số người cỡi trần đóng khố, những chiếc khố xanh đỏ vàng trông thật vui. Người nào cũng đen trũi, khoẻ mạnh. Những bắp thịt nổi cuộn cuộn mỗi khi họ cử động. Tôi nhìn ra bờ sông, một dọc thuyền nhỏ kết lá dừa ở mạn thuyền có gài những bông hoa đủ màu kết bằng lụa. Chị Tần đã đứng gần, tay chị nắm chặt lấy tay tôi như sợ lạc. Tôi hỏi:

- Đua thuyền đẩy sao?
- Ừ.
- Chèo sang bên kia rồi quay về à?
- Không, chèo ra tận cửa biển cơ, vui lắm.
- Bao giờ bắt đầu?
- Đâu biết, chờ lát coi.

Có tiếng trống đánh ba tiếng đồng đạc. Một người đàn ông đứng tuổi mặc áo dài thâm nói to về luật đua và các giải thưởng rồi yêu cầu các toán đứng vào chỗ của mình.

Tôi thấy trên mặt cát lổn nhổn vỏ ốc, vỏ sò và những mảnh vỏ trai óng ánh có đóng hàng cọc tre quét vôi trắng. Những chiếc khố màu nào sắp hàng theo màu đó. Tôi đếm được 6 màu, mỗi màu có 8 người. Một tiếng hô tiếp theo hồi trống những chiếc khố xoay tròn một vòng rồi đi xuống thuyền giữa tiếng reo hò của người xem. Tiếng trống cứ nhịp nhàng trong khi các tay chèo đã ngồi ở lòng thuyền và chèo dần ra giữa dòng rồi cùng quay mũi về một hướng. Người đứng tuổi xuống chiếc thuyền có đặt chiếc trống cái và phèng la đậu ngay phía sau hàng thuyền đua với nhiều tay chèo.

Một tiếng pháo đại nổ âm. Những mái chèo vung lên làm nước bắn tung tóe, thuyền lao vun vút. Tiếng cổ võ, la hét từ trong bờ vang vang vào sóng nước. Đoàn thuyền đua nhỏ dần, nhỏ dần rồi mất hút trước tầm mắt. Tôi hỏi chị Tần:

– Chùng nào quay về?

– Lâu lắm, vì ra tận cửa biển cơ mà!

Những người xem lúc này túm lại đánh bạc. Tôi nói muốn đi thuyền chơi cho biết. Chị Tần kéo tôi đi ngược lên một quãng, rồi bảo chờ chị đi mượn xuồng.

Chị Tần đi xuống phía bến chỗ đậu nhiều thuyền lớn một lát sau, từ phía dưới chị vừa chèo xuống vừa vẫy tôi. Xuống đến nơi, tôi xắn quần lội tới mạn sông. Một tay búi chặt cọc chèo lấy đà

tôi bước mạnh lên. Vừa lúc ấy, một con sóng xô ngang chiếc xuồng mất thăng bằng lật nghiêng quăng tôi xuống. Quần áo tôi ướt hết, chị Tần sợ quá, buông chèo nhảy đại xuống nước đưa tôi lên bờ. Chị hỏi:

– Có sao không?

Tôi khóc. Chị quay mình nhảy vào lòng xuồng chèo nhanh về phía bến. Gió thổi vun vút. Áo quần sũng nước làm cả người tôi run cầm cập. Chị Tần chạy đến, dắt tôi đến một bãi rộng chứa toàn ván thuyền cũ. Chị bảo tôi ngồi đây tránh lạnh và cởi quần áo ra để chị vắt nước cho chóng khô. Tôi ngược, nhất định không cởi truồng, chỉ cởi áo và phu la thôi. Chị cởi chiếc áo bông của chị cho tôi mặc tạm. Tôi ngồi núp vào những manh ván mốc thối bám đầy vỏ hà sắc như dao, hai cẳng chân tê dại.

Chúng tôi chờ đến chạng vạng mới dám về nhà để ông ngoại và mẹ tôi không biết. Tôi thay nhanh quần áo leo lên giường nằm. Người tôi gầy gầy. Mẹ tôi sờ đầu thấy nóng, người lấy dầu thoa khắp mình tôi. Bữa cỗ buổi chiều tôi không ăn. Đến khuya, tôi lên cơn sốt miên man.

Trong giấc mơ, tôi thấy chị Tần chèo xuồng ra tới biển để tôi xem nốt cuộc đua thuyền với những mái nước dập dềnh, trôi tới đại dương mit mùng xa thẳm.

XUÂN LOẠN

Cao Tiêu

*Xuân đến in thêm những nét già
 Trong cơn binh lửa mộng phôi pha
 Ngược lẩn bốn chín, Xuân hoài cảm
 Xuân ấy, Xuân này vẫn thiết tha.*

*Nhớ những Xuân hoa bướm thuở nào,
 Men lòng dâng ước vọng lên cao.*

*Thèm mây bốn hướng bay hồ hải,
 Thèm gió ngàn khơi lướt sóng đào.*

*Tuổi đời thêm mãi mỗi lần Xuân,
 Buồn cũ, vui nay cũng lắng dần.
 Gió bão chẳng nguôi lòng cố Xứ,
 Cảnh đời như những bóng phù vân.*

*Niềm tin ai mất những xuân xanh
 Quê cũ Xuân đầu thuở thái bình?
 Chân giả chuyện đời ai đã biết
 Dầu cho gỗ đá dễ tro tình!*

Xuân loạn, thơ căm, rượu bất bình

Mực hần nét chữ, tứ phiêu linh.

Hỏa châu chột sáng phương vân vũ,

Tiếng súng dồn theo gót viễn trình.

CẢNH VẬT MÙA XUÂN

Kiên Minh

Bây giờ là lúc những cây cối ở trong giai đoạn trút bỏ lớp áo cũ của chúng để chờ khoác lên lớp áo mới. Trên quê hương ta, chỉ thảo mộc lại có được sắc sang mùa xuân của nó. Dù chiến tranh khói lửa, thiên nhiên đã không bao giờ bị đánh cho thua hoàn toàn cả. Một trái núi bị lở lói vẫn cứ còn là một trái núi. Một khu rừng bị cháy, chỉ liền sau đó bốn năm tháng, cây cối lại đâm chồi để chờ

chim chóc trở về mùa xuân sau. Một con sông, ở khúc đầu dòng của nó, vào đêm trước đổ lòm những máu vì một cuộc tàn sát, sáng ngày mai lại trong xanh như thường.

Và như thế, nền trời xuân của một xứ sở rách nát vì chiến tranh vẫn cứ đẹp. Điều đó có thể làm chúng ta thêm bi ai trong tâm hồn, nhưng cũng có thể giúp chúng ta không dễ đánh mất niềm hy vọng, sự tin tưởng ở đời sống.

Cái ý nghĩ thứ nhì, cái ý nghĩ “nền trời xuân của một xứ sở rách nát vì chiến tranh vẫn cứ đẹp như thường này có thể giúp chúng ta không dễ đánh mất niềm hy vọng sự tin tưởng...” thường năm đã từng tạo cho tôi niềm lạc quan, khiến giúp tôi thấy trước được những vui vẻ, hạnh phúc trong tương lai.

Tôi thấy rằng mùa xuân thật huyền diệu. Và huyền diệu nhất là những ngày những đêm của tháng cuối năm, cái giai đoạn chờ đợi mùa xuân đến. Đây không phải ý nghĩ của một con người mà cuộc sống đã cho nó nhiều êm xuôi, nhiều rục rỡ, trái lại. Bốn mươi năm của đời mình là bốn mươi năm vui rất ít mà buồn chán thì rất nhiều. Lại nữa đất nước thì chiến tranh điêu linh và những đau thương mà đất nước đã trải qua làm cho mình xót xa... nghẹn ngào và bao nhiêu cảnh xảy ra trong xã hội làm cho mình chán chường. Thế nên, thường thường, sự lạc quan có đến với tôi thì cũng đến một cách không dễ dàng cho lắm.

Nhưng, bây giờ đây, khi mà những cây cối ở trong giai đoạn trút bỏ lớp áo cũ của chúng để chờ khoác lên lớp áo mới, lòng tôi xúc động mạnh với những

ý nghĩ tình cảm tươi sáng và trí tôi thật tung bùng.

Tôi nghĩ đâu phải riêng mình là như thế mà gần hết tất cả mọi người đều thế. Mùa xuân như có mang theo nó cái gì rất huyền diệu. Nó làm cho thảo mộc sáng lên trong màu xanh, và nó khoác lên cho mặt đất buồn thảm của chúng ta một tấm áo choàng vĩ đại muôn sắc. Nó làm cho trời xanh thêm xanh, dòng sông đẹp thêm đẹp.

Chính trong cái cảnh vật này mà những con chim lười biếng nhất đã cất lên những giọng hót.

Đã rất nhiều lần, cứ vào dịp cuối năm, nhìn, nghe, thấy, cảnh vật và người, tôi đã phải xúc động lớn lao khi được biết rằng giống như những con chim lười biếng ca hót nhất.., có những con người từng gục

đầu xuống vì những đau khổ ác liệt nhất, đã mở môi cười trước mùa xuân.

Nụ cười đó không phải là có bất chợt trong sáng đầu xuân, mà chính đã được chuẩn bị trong những ngày cuối năm qua. Đúng thế, hai vợ chồng nghèo mà ngày xưa là láng giềng của tôi đó, họ đã từng tuyên bố với tôi và một số người quen biết trong xóm là năm nay cũng như mấy năm trước tôi không có “ăn tết ăn tiệc” gì cả. Họ tuyên bố điều đó vào khoảng những ngày đầu tháng chạp. Ấy thế rồi mỗi ngày của tháng chạp càng đi qua, tôi càng thấy họ có thêm cái vẻ nôn nao cuối năm, cái vẻ nôn nao không thể giấu diếm che đậy được, cái vẻ nôn nao mà chẳng một ai trong chúng ta không có ở vào thời gian cuối năm. Cái vẻ nôn nao càng ngày càng lộ ra nét mặt đó của cặp vợ chồng tội nghiệp kia có cái lý do

sau đây: Phải có một chút gì để ăn Tết, phải có một cái gì mới cho trong nhà trong cửa, cho vợ chồng, con cái. Phải có như thế để được thấy mùa xuân – cả mùa xuân của thiên nhiên và mùa xuân trong lòng người.

Và như thế, vào ngày 25 hay 26 Tết gì đó của năm ấy tôi thấy hai người đi phố mua về cho ba đứa con nhỏ của họ ba bộ áo quần mới. Về phần ăn diện xuân của hai vợ chồng thì người chồng sắm một đôi “săng đan”, người vợ thì một cái khăn quàng. Họ cũng mua một miếng vải ni lông có sọc xanh sọc vàng để trải lên mặt bàn. Và họ cũng có mua một cành hoa bằng nhung để rồi họ sẽ cắm vào một cái ly uống nước.

Trong những ngày cuối năm, ai ai cũng thấy nao nao trong tắc dạ cả. Tôi cố ý dùng chữ tắc dạ để cho tự tôi dễ thấy

càng vui hay càng buồn. Vâng, trong tắc dạ của mỗi người, sự nao nao chờ đợi Xuân liền nổi dậy trong những ngày tháng chạp, thấy nổi bật nhất là trong những ngày cuối tháng chạp.

Những gì đã qua, những gì sắp tới, chúng hiện lên, chúng chiếm lấy trí ta, hồn ta trong cái tháng đầy tính chất ác liệt tinh thần này. “Một năm qua – người ta nghĩ – một năm qua, sao mà buồn thế, sao mà chẳng có gì lạ, chẳng có gì mới hết cho cuộc đời?”

“Một năm qua – người ta nghĩ – mình có một lỗi lầm về tình cảm thật đáng ân hận...”

“Năm qua, thế là chuyện mà mình dự trù đã không thành”, người ta than thầm và buồn kín đáo.

“Năm qua, trong gia đình mình có hai cái chết”, người ta cúi đầu xuống mà nói thế trong cái dáng điệu suy tư mặc niệm kẻ thân yêu đã không còn.

“Năm qua, chú thím ấy tiêu tan sự nghiệp trong nháy mắt”... một người chồng nói chuyện với vợ như thế về một mất mát vật chất lớn lao của người em. “Bây giờ đây, làm sao mà xây dựng được nữa. Tuổi chú ấy đã lớn. Và sau sự mất mát đó, chú mệt mỏi lắm rồi, đâu còn cái hăng hái của tuổi trẻ nữa?”

“Năm qua, một tình yêu tan vỡ vì vật chất...” một thanh niên đi trên hè phố vào những ngày cuối năm thì thầm với lòng mình như vậy?

Trong những ngày cuối năm, người ta ngó trở lui và rồi người ta nhìn về phía trước, ai ai cũng vậy. Dù ai có tự

cho tự bảo rằng mình già cỗi rồi, mình không cần mùa xuân nữa, mùa xuân có đến cũng như không đến cuối cùng rồi cũng phải nghe bàng hoàng, nghe xao động trong cả con người mình khi mà cái hoàng hôn cuối cùng của một năm đổ xuống.

Thật kỳ lạ, cái màu sắc mặt trời khi lặn về phương Tây vào cái buổi chiều cuối năm cũng vẫn là cái màu sắc của thường những hoàng hôn trong năm, nhưng tại sao nó lại làm cho ta xao xuyến tận cùng khi tình cờ hoặc cố ý nhìn thấy.

Có cái gì rất buồn của đời người vậy! Nhìn cái màu sắc mặt trời khi lặn về phương Tây vào những buổi chiều cuối năm, người ta nghĩ đến người ta nhớ lại vào những ngày cuối năm trước người ta cũng đã có những nỗi buồn nhân sinh như bây giờ, và người ta cũng đã đặt bao

nhiều tin yêu hy vọng về một mùa xuân mới, một năm mới như bây giờ... để rồi có gì đâu? Một năm qua, như thế đó. Một năm qua là thế đó. Vẫn những bóng đêm buồn của thân phận trái đất, thân phận con người...

Có cái gì rất buồn của đời người vậy. Tuy nhiên, con người vẫn là một sinh vật biết nhiều cách đánh đổ thành sầu, từ tích cực đến tiêu cực. Và cái cách đánh thành sầu hay nhất là hãy cứ chơi xuân, cứ tiếp tục tin tưởng ở những ngày sắp tới.

*

Tôi nghĩ đến sự cần thiết phải có cái gì mới để đón mùa xuân này, để sống vui trọn vẹn với mùa xuân này. Tôi sẽ

bắt chước vợ chồng người láng giềng cũ, nghèo thì nghèo cứ mua sắm đan, khăn quàng, áo quần cho con và một cái tấm vải nylon có sọc xanh sọc vàng để phủ lên mặt bàn. Chùng ấy thứ cũng đỡ đủ để cho hai người đó thấy rõ mùa xuân hơn. Và cũng đủ để cho hai người quên nỗi sầu xa xứ họ vốn ở nông thôn và không ngừng nhớ nông thôn, nhất là vào cái tháng cuối năm.

Tôi sẽ bắt chước hai vợ chồng đó: tôi sẽ đứng ở một chỗ cao, từ đó tôi sẽ nhìn mặt trời lặn về phương tây trong buổi chiều cuối năm này, và tôi sẽ ngó hoàng hôn phủ xuống trên thành phố này để làm chấm dứt một năm mà những hy vọng tốt lành, những tin yêu tươi sáng chưa tới. Để rồi khi bóng đêm bắt đầu phủ xuống tôi nói: “tôi đang chờ mùa xuân”. Và tôi sẽ vui với cái ý nghĩ là cái

mặt trời mà tôi vừa nhìn lặn ở phương tây, sáng mai sẽ hiện ra ở phương Đông để cho tôi lại được chào nó bằng những lời mới, mới như hoa lá mùa xuân và trong như pha lê – như pha lê nhưng không bao giờ vỡ – bởi vì những lời nói đó chúng không rơi xuống, mà chúng bay đi bay vào trong cảnh vật mùa xuân.

NGƯỜI MẸ VÀ CÁC CON

Nguyễn Thụy Long

Cho con gái đầu lòng

Nguyên 17 tuổi, thằng Linh là em trai Nguyên 9 tuổi, cô em gái út, con Loan mới có 3 tuổi. Nguyên tuổi dần, mẹ Nguyên nói thế. Mới hồi tối trước khi đi ngủ bà còn nhắc lại:

– Con tuổi Dần con nhớ chưa?

Buổi tối buồn bã, mưa rả rích suốt

từ chiều. Hành lý của mẹ Nguyên và đứa em gái nhỏ đã được chuyển dần đi đến nhà người quen từ mấy hôm trước. Ngày mai mẹ Nguyên đi rồi, bà mang theo con Loan, bà sang Lào. Hai anh em Nguyên ở lại chắc chắn những ngày đen tối sẽ tới. Khi mẹ Nguyên đi khỏi, căn nhà này sẽ có người khác chiếm cứ. Tất cả đồ đạc đều bị các chủ nợ tới xâu xé lấy hết, kẻ đứng mũi chịu sào vào phút chót sẽ là thằng Linh.

Mẹ Nguyên vừa khóc vừa nói với Linh:

– Con nhớ nhé, họ nói gì, chửi bới gì con cũng mặc kệ, mẹ biết chuyện đó sẽ xảy ra, mẹ không sung sướng gì hết khi phải trốn nợ ra đi, nếu việc làm ăn ở nhà không thất bại thì đâu đến nỗi, mẹ cũng mong có ngày trả được nợ cho người ta, mặc dầu họ đã ăn lời quá số

vốn của mình. Nhưng họ vẫn có lẽ phải, vẫn được pháp luật che chở... và mình vẫn là kẻ lười gặt. Con hãy nhin họ, con bé chắc họ không nỡ đánh đập đâu, anh Nguyễn thì phải đi ngay sau khi mẹ đi, họ có thể bắt anh Nguyễn hoặc có thể đánh anh ấy.

Thằng Linh cúi mặt, hai môi mím lại. Con mèo vàng nằm cuộn tròn trong lòng nó ngủ khi. Nó thương con mèo này nhất. Đi học về là nó bế eon mèo, vuốt ve, bắt rận cho mèo suốt ngày. Linh im lặng một lúc lâu, mãi nó mới nói:

– Khi nào phải đi con sẽ mang theo con mèo.

Mẹ Nguyễn gắt khẽ:

– Còn bàn thờ của ba, lúc nào cũng chỉ con mèo.

– Dạ cả bàn thờ của ba nữa!

Linh còn ngây thơ quá, có lẽ chỉ hơi buồn, nó nghĩ đến những đứa em họ trên nhà chú. Nó sẽ lên ở đó và vẫn đi học như thường. Mẹ có đi bất quá chỉ một hai năm lại về như lời đã hứa...

Nguyễn buồn, nhưng Nguyễn không khóc, Nguyễn nghĩ đến lời nói của ba khi sanh tiền:

– Con trai khóc là hèn, con trai phải cứng rắn và không bao giờ được ỷ lại vào ai. Mười lăm tuổi ba đã tự lập... Con trai họ nhà mình đều thế cả vậy mà có ai hèn đâu. Con đã sinh ra giữa lúc gia đình giàu có và con đã lớn lên trong nhung lụa.

Nguyễn đã sống trong chuỗi ngày thơ ấu thật đầy đủ. Mới một năm trước đây. Nguyễn còn được ngồi xe hơi đi học. Sự

phá sản mau lẹ như một cơn lốc, đúng là một con lốc rũ sạch sự giàu sang phú quý của gia đình Nguyên. Những sự rủi ro tai họa giáng xuống gia đình Nguyên liên tiếp cho đến kiệt quệ. Mẹ Nguyên tuyệt vọng:

– Không còn gậy dựng nổi cơ đồ nữa, nhất định mẹ phải đi, đi để làm lại tất cả. Các con cố gắng chịu đựng vài ba năm nữa khi mẹ về sẽ khôi phục lại tới quy lụy gia đình mình như ngày xưa.

Nguyên nghĩ đến ngày xưa, ngày xưa xa vời như trong cổ tích. Khi thằng Nguyên mặc những chiếc áo gấm thật đẹp ngồi trên lưng ngựa với ba đi dạo khắp đồn điền Năm Lý. Ngắm buổi chiều tràn trên ruộng lúa mênh mông xa tắp tới chân rặng núi Tam Đảo miệt Thái Nguyên. Ba Nguyên chỉ tay:

– Tất cả đất đai đó sau này sẽ của con, con phải xứng đáng đầy đủ tư cách để cai quản tài sản này. Khi con hai mươi tuổi con đã là một ông chủ đồn điền rồi. Dù con giàu có, nhưng ba không bao giờ trở nên lỗ bịch, con hãy nhũn nhặn, biết điều với tất cả mọi người, Thương yêu họ, con đừng để người ta coi con như một tên trọc phú bán thiu.

Có lẽ với lớp tuổi của Nguyên hồi đó, ba Nguyên đã nói những điều đó quá sớm. Nhưng không hiểu tại sao Nguyên lại nhớ đến tận ngày nay. Nguyên đã ra đời và sống suốt quãng tuổi thơ như thế đó. Mẹ Nguyên nhất định ra đi, bà lo sợ tương lai của Nguyên. Nguyên sẽ ra sao. Nguyên sẽ dở ông dở thằng với một mớ học vấn chưa đi đến đâu.

Trước khi mẹ Nguyên quyết định ra đi, bà đã đem gửi gắm thằng Linh ở nhà

chú Thọ. Còn Nguyên bà mang đến nhà ông bác Nguyên, ông giàu có và nhà chỉ có hai bố con. Bà hy vọng ông nghĩ đến tình ruột thịt ông sẽ nuôi đỡ cho Nguyên ăn học đến khi bà về.

Nhưng ông bác đó đã giẫy nẩy lên:

– Không, thiếu đừng phiền tôi, cùng lắm tôi chỉ cho nó ăn, còn ở thì không được.

Mẹ Nguyên vẫn nhẫn nại:

– Anh cố giúp em trong hoàn cảnh này, bố nó mất đi đâu còn biết trông vào ai, ngoài họ hàng...

Ông bác cương quyết:

– Tôi nói không được là không được, nhà tôi có hai bố con thật đấy nhưng con tôi là... con gái!

Nguyên thấy mặt mẹ mình xạm lại. Một ông bác ruột của Nguyên lại có thể được như vậy sao?

Nguyên thấy mắt mẹ mình ráo hoảnh, bàn tay của bà run lên, bà lật bật đặt tách nước xuống đĩa. Bà không nói được câu nào nữa.

Nguyên cùng chung tâm trạng của mẹ. Trống ngực Nguyên đập thình lình, tất cả sự kính trọng đối với ông bác lúc này biến đâu hết. Chỉ còn lại sự ghê tởm, ghê tởm đến tột độ, trong lòng một đứa trẻ 17.

Nguyên đỡ mẹ dậy:

– Đi về mẹ, con không muốn nhờ vả ai hết, con sẽ bỏ học ra đời kiếm sống, nhưng con không hèn, không bao giờ hèn hết, con cũng không đến nỗi khốn nạn...

Nguyễn quay sang bác:

– Cháu cảm ơn bác, cháu không dám phiền đến bác nữa, kể cả việc ăn cơm.

Khi mẹ con Nguyễn đi ra. Nguyễn thấy mẹ thần thờ:

– Ngày xưa khi bác gái chết đi, tao rửa dít cho từng đứa con của bác, nuôi nấng chúng nó còn hơn con đẻ.

– Mẹ đừng nhắc nữa.

Đêm khuya lắm thằng Linh nằm cạnh Nguyễn đã ngủ say ánh đèn điện từ ngoài cửa sổ chiếu vào thứ ánh sáng vàng vọt. Con mèo vàng của Linh nằm gù gù trong vòng tay ôm của nó. Khuôn mặt của Linh lúc này trông thật vô tư dễ thương. Có lẽ giấc ngủ của nó rất bình thản, nó không nghĩ ngợi vẩn vơ như Nguyễn, không buồn đến thối ruột thối

gan ra. Tự nhiên Nguyễn đưa tay vuốt những sợi tóc phát phơ trên trán em.

Nguyễn bỗng nghe tiếng thở dài của mẹ ở giường bên cạnh. Thì ra từ tối đến giờ bà cũng không ngủ. Chưa bao giờ Nguyễn lại thấy thương mẹ như lúc này. Gần năm mươi tuổi đầu rồi bà vẫn vất vả. Suốt một đời bà hết sức lo cho chồng cho con. Kể từ khi bà lấy chồng, khi ba Nguyễn là một sinh viên nghèo. Nguyễn thường được nghe những người thân kể lại, ngày xưa mấy chị em mẹ Nguyễn đẹp có tiếng trong trường Đồng Khánh ở Hà Nội. Nguyễn vẫn còn giữ những tấm ảnh của mẹ khi mẹ Nguyễn còn con gái. Nguyễn công nhận những người thân không nói ngoa. Khi nhắc đến chuyện đó bà thường nói:

– Tao đâu có phải hạng con gái tham giàu sang phú quý tao lấy bố mày chỉ có

một cái áo the và đôi giày há mõm. Bao nhiêu kỹ sư bác sĩ hỏi tao hỏi đó tao có thềm đâu. Lấy ba mày vì tao kính trọng tư cách của ông.

Những lúc đó Nguyễn thường trêu mẹ:

– Không phải mẹ mê ba đẹp trai?

– Quý con. BỐ mày mà đẹp trai ở cái chỗ nào, mặt thì đầy trứng cá.

Nguyễn nghĩ lan man hết chuyện nọ sang chuyện kia. Nguyễn không tài nào ngủ được nữa. Hình như trời gần sáng. Nguyễn nghe tiếng trẻ con khóc trong xóm, tiếng những bước chân đi dưới đường, tiếng một chiếc xích lô máy nào đó nổ giòn. Những âm thanh đó quá quen thuộc đối với Nguyễn từ bao lâu nay. Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa.

Nguyễn phải vĩnh viễn xa căn nhà này. Tối mai Nguyễn chưa biết mình phải ngủ đâu. Nguyễn nghĩ đến nhà một người bạn thân ở tận Phú Thọ.

Nguyễn nghe tiếng ho của mẹ, bà đã thức giấc. Một lát sau Nguyễn thấy bà trở dậy. Bà tới trước bàn thờ bà thắp mấy nén nhang. Trong bao nhiêu năm nay, cứ mỗi lần có chuyện gì buồn bực bà lại có hành động đó.

Nguyễn nghe tiếng mẹ sụt sịt khóc, tiếng khăn vải nghẹn ngào. Nguyễn thấy mình cũng mũi lòng. Tội nghiệp bà, có lẽ suốt đêm qua bà không ngủ.

Một lát sau Nguyễn thấy mẹ mình đến cạnh giường mình. Bà lay nhẹ vào vai con:

– Dậy con, trời gần sáng rồi!

Nguyên giả vờ ngủ say. Nguyên ú ớ như hầy còn trong cơn ngái ngủ. Mẹ Nguyên vén mùng lên, vuốt tay lên trán Nguyên:

– Dậy, đánh thức cả em nữa!

Nguyên ngồi dậy, hỏi một câu bâng quơ:

– Máy giờ rồi mẹ?

– Bốn giờ rồi, mẹ phải đi trước khi trời sáng rõ!

Nguyên đánh thức thằng Linh dậy. Hôm nay Linh dậy liền, nó không để đánh thức đến câu thứ hai hay thứ ba như mọi khi. Nó hỏi một câu bất thần:

– Mẹ đi hả mẹ!

Mẹ Nguyên không trả lời, Bà chỉ gật đầu:

– Các con xuống rửa mặt đi, mẹ đánh thức em Loan nữa.

Khi anh em Nguyên rửa mặt xong, trời đã hừng sáng. Nguyên đã thấy mẹ sắp riêng cho mình một chiếc cặp quần áo. Bà dặn dò lần chót.

– Quần áo của con phải giữ gìn cẩn thận, chỗ quần áo này con phải mặc hằng năm nữa mới phải may. Cả đôi dép Nhật mới này nữa, lúc nào đôi kia đi không được nữa mới được lấy ra dùng. Con phải tiết kiệm không được phí phạm như khi mẹ ở nhà.

Bé Loan được mặc chiếc áo đầm mới nó có chiếc mũ bằng cối thắt nơ xanh. Cô bé ngơ ngác hết nhìn mẹ lại nhìn các anh, Nguyên ôm em gái vào lòng:

– Đi với mẹ phải ngoan nhé!

Bê Loan vẫn thường sợ anh, mọi khi cứ mỗi lần quấy quá Nguyên quắc mắt lên nó lại im thin thít. Bé Loan thủ thủ nói:

– Loan được đi tàu bay ù ù mẹ bảo thế.

Nguyên ôm em nước mắt rưng rưng. Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa Nguyên phải xa cô em gái bé bỏng. Bao nhiêu năm nữa Nguyên mới được ôm em vào lòng.

Tiếng nói của mẹ Nguyên kéo Nguyên về thực tế.

– Thôi mình đi.

Nguyên thấy lòng mình nao nao buồn. Trời chưa sáng rõ mặt người. Mẹ Nguyên, em Linh và Loan ra ngoài ngõ trước. Nhà hàng xóm đã trở dậy. Nguyên

nghe tiếng họ hỏi mẹ Loan:

– Bà đi đâu vậy?

– Tôi cho các cháu lên cụ tôi ăn giỗ. Tôi ở phải ở trên đó mấy ngày, còn cháu Nguyên và cháu Linh đi đi lại lại coi nhà.

Chờ cho mẹ ra khỏi ngõ một lúc lâu Nguyên mới xách xe đạp và cặp cặp đi ra. Nguyên khóa cửa kỹ lưỡng. Nguyên nhìn lại căn nhà thân yêu của mình lần cuối cùng rồi cắm cúi đạp xe ra khỏi ngõ. Nguyên đạp xe lên thẳng phi trường.

Nguyên dừng xe ở phía ngoài vào thẳng phi cảng. Mẹ Nguyên đang lúi húi đứng coi cân hành lý, sổ hành lý này bà đã gửi ra phi cảng từ hôm trước. Chẳng có gì ngoài một chút đồ đạc thực dụng. Nguyên hiểu rõ bà hơn ai hết, bà không còn vốn liếng là bao nhiêu. Một ít vàng,

một ít bạc mặt mà lát nữa bà phải đổi trước khi lên phi cơ.

Nguyễn sờ tay vào bầu áo mình, nơi đó mẹ Nguyễn đã khâu vào một chiếc nhẫn ba chỉ vàng. Bà dặn dò:

– Khi nào cần lắm con hãy bán, lại bán cho tiệm vàng mẹ đã đánh cái nhẫn này nhé, con cứ đưa hóa đơn ra họ không đến đổi trả rẻ quá đâu, còn chiếc máy may nữa mẹ gửi trên thím Thành bán, con lên lấy tiền mà tiêu dần trong khi chờ đợi kiếm việc làm....

Thằng Linh và bé Loan chạy chơi ở trong phi cảng. Thấy anh chúng chạy lại. Bé Loan tíu tíu nói:

– Anh Nguyễn ơi em thấy có con búp bê đẹp lắm cơ, con bé kia có kìa. Mẹ nói bao giờ anh Nguyễn có tiền anh Nguyễn sẽ mua cho.

Nguyễn chỉ còn biết gật đầu, hứa hẹn suông với em. Mẹ Nguyễn đã cân hàng xong, bà đưa ba đira con ra câu lạc bộ Phi cảng ăn sáng. Mỗi đĩa một tô bún bò. Trong bữa ăn sáng này, bà có vẻ săn sóc đến hai đứa con trai ở lại nhiều hơn. Bà nhặt từng miếng ớt nhỏ trong tô bún của Nguyễn ra. Nguyễn không biết ăn cay.

Giọng mẹ Nguyễn ngậm ngùi:

– Dù trong hoàn cảnh nào con cũng phải cố gắng nên người, các em con trông vào con đó.

Từng lời nói của mẹ thấm vào tâm hồn Nguyễn. Nguyễn biết những lời nói đó sẽ mãi mãi, và còn mãi không bao giờ phai... Mẹ Nguyễn tiếp:

– Giấy rách phải giữ lấy lề con nhé, con nhớ cho một điều, gia đình con, cha mẹ con không phải là hạng người hèn hạ, con đừng làm một điều gì để cho thiên hạ khinh rẻ con. Nếu chuyện đó có thể xảy ra mẹ không nhìn mặt con...

Nguyên có cảm tưởng mình nghe những lời giáo huấn cuối cùng, như lời giáo huấn của ba Nguyên khi người nhắm mắt. Nguyên chỉ còn biết vâng dạ.

– Con hứa đi, hứa với mẹ một điều.

Nguyên ngậm ngùi:

– Con xin hứa, mẹ cứ yên trí, con sẽ nên người, con phải làm gương cho các em.

Nguyên nhìn thấy mắt mẹ đỏ hoe. Bà cầm chiếc mùi xoa trắng nhàu nát chấm lên khóe mắt:

– Các con ở lại mẹ đi, chắc chỉ một vài năm mẹ về thôi, thời gian thấm thoát chẳng bao lâu đâu con.

Nguyên không ăn hết tô bún bò, không uống hết ly cà phê sữa. Tiếng máy phóng thanh oang oang:

– Yêu cầu quý khách đi chuyển máy bay Vạn Tượng hồi tám giờ sửa soạn lên tàu bay.

Nguyên chợt thấy sắc mặt mẹ hơi đổi khác, bà trả tiền bữa ăn sáng, bà vuốt tóc thẳng Linh:

– Mẹ đi, ở nhà con phải ngoan, phải chăm chỉ học hành.

Nguyên cúi mặt, nhà hàng trả lại tiền còn lại. Mẹ Nguyên đếm đi đếm lại:

– Mẹ chỉ còn bấy nhiêu, cho Nguyên năm chục, Linh hai chục.

Nguyên cầm lấy nắm tiền của mẹ nhét vội vào túi, tự nhiên Nguyên thấy lòng mình nhói lên. Tiếng mẹ Nguyên nói thật nhỏ:

– Mẹ đi!

Nguyên và Linh mỗi người dắt một tay bé Loan, chúng đưa mẹ ra đến tận cửa phòng đợi ra sân máy bay. Con bé ngơ ngác khi thấy mẹ bỗng trên tay, bỗng miệng nó méo xệch đi, dấy trên lòng mẹ:

– Không Loan không đi đâu. Loan ở nhà với anh Nguyên và anh Linh cơ!

Hai mắt mẹ Nguyên nhòe lệ, bà ôm chặt lấy đứa con gái út vào lòng vỗ về, bà quay mặt đi, bà đi thẳng vào phòng trong. Nguyên nghe tiếng em gái khóc ré lên, xa dần. Hình ảnh mẹ và em gái khuất sau tấm cửa kiếng dày. Nguyên thấy

mẹ quay nhìn lại, hình như bà nói một câu gì đó, nhưng tấm kính dày và ngăn lại tiếng nói thân yêu đó. Lúc này âm thanh phía trong cửa kính trở nên hỗn độn. Nguyên nhìn thấy mẹ một tay bế bé Loan, một tay xách chiếc tay nải. Bà ngoái cổ nhìn lại, lưỡng lự người xô đẩy bà ra phía sân bay.

Thằng Linh đứng kiễng chân lên cổ với tới mặt kính để nhìn mẹ và em. Nó cuống lên:

– Anh Nguyên ơi cho em nhìn thấy mẹ mấy!

Nguyên cúi xuống xúc em lên. Bàn tay thằng Linh quờ quạnh trên mặt kính. Nó nói giọng nhòe nhoẹt nước mắt:

– Em không thấy gì hết!

Hình ảnh mẹ Nguyên đã lẫn vào

đám hành khách đông đảo. Nguyên chợt thấy đám người tiễn đưa chạy lên phía cầu thang, Nguyên đặt em xuống đất tay nó lôi đi.

– Mình lên đây nhìn!

Chân thẳng Linh như rú lại, nó chạy theo anh lên cầu thang mà vấp ngã đến mấy lần. Khi anh em Nguyên tìm được chỗ đứng nhìn xuống sân bay thì đám hành khách đã lên tàu hết. Chiếc cầu thang được hai người phu đẩy vào phía sát phi cảng. Cửa ra vào phi cơ đã đóng lại. Hai chiếc cánh quạt bắt đầu quay tít. Những chiếc khăn từ bao lớn khách đưa tiễn phất lên như bướm bướm, thẳng Linh cuống lên:

– Cho em mượn cái khăn tay!

– Không có!

– Làm sao mà vậy?

– Vấy bằng tay.

Bàn tay thẳng Linh giơ lên vấy rồi rít rồi chậm dần, chậm dần, nó thả rơi tay xuống khi chiếc máy bay bắt đầu cất bồng lên khỏi mặt đất. Nó nói nhỏ:

– Mẹ đi rồi!

Mặt Nguyên bỗng đanh lại:

– Thôi mình về!

Thằng Linh bật khóc. Nguyên bực mình một cách vô lý:

– Làm sao mà khóc?

Tiếng khóc của thằng Linh nghẹn ngào trong cổ họng, tức tưởi. Tự nhiên Nguyên bật ra một câu:

– Con trai khóc là hèn!

Nguyên đã vô tình nhắc lại câu nói của ba hồi sanh tiền. Linh lẳng nhẳng đi theo anh.

Mặt trời đã lên cao, nắng bắt đầu gay gắt. Nguyên ra chỗ dựng xe đạp:

– Linh lên xe anh chở ra ngoài phi trường, rồi Linh đi xe buýt về nhà. Dọn dẹp đồ đạc sách vở xong lên chú ngay.

Nguyên uể oải đạp xe, con đường nhựa xa tăm tắp. Nguyên nhìn thấy những chòm hoa phượng vì bắt đầu nở trên cành cây bên đường. Hè rồi đó. Nguyên lẩm bẩm.

Đến Lăng cha cả. Nguyên đậu xe lại, Linh tụt xuống, nó hỏi anh:

– Anh có lên chú không?

Nguyên lắc đầu:

– Không anh phải...

Linh nhìn đăm đăm:

– Anh đi đâu?

Nguyên buồn bã nhìn quãng đường dài ngút ngàn:

– Anh chưa biết...

Linh không biết nói gì hơn, nó cúi gằm mặt xuống đôi giày cũ kỹ của mình. Nguyên vỗ vai em:

– Anh đi!

– Nhớ đến chú nhé!

Nguyên day xe không ngoái cổ lại:

– Anh sẽ đến thăm!

Tự nhiên Nguyên thấy lòng mình thắt lại. Nguyên nhìn lên bầu trời trong

xanh. Máy bay đã bay qua đó. Máy bay đã chở mẹ và em gái Nguyễn đi. Nguyễn thấy mũi mình cay cay. Nguyễn cúi gằm mặt xuống đạp xe. Tiếng dây sên nhào nghe cọt két. Hôm nay Nguyễn thấy chiếc xe của mình hình như nặng hơn.

Nguyễn đạp xe lang thang hết đường nọ sang đường kia. Mọi khi Nguyễn có tiền như hôm nay thế nào Nguyễn cũng phải ghé vào một xe nước mía bên đường. Nhưng hôm nay Nguyễn không thấy còn tha thiết gì hết. Nguyễn chán nản đến cùng cực. Đầu óc Nguyễn bỗng trở nên hoang mang, mình sẽ làm gì, mình sẽ ra sao?

Chợt nhớ đến bữa ăn trưa. Nhưng Nguyễn không thấy đói. Nguyễn nhất định ghé vào một tiệm mì, bên đường. Nguyễn ngồi xuống ghé hai tay ôm lấy đầu:

– Cho tôi tô hủ tiếu mì!

Nguyễn không biết gã phổ ky có nghe lời của mình nói hay không. Khi Nguyễn nghe tiếng cạch trên mặt bàn. Nguyễn ngẩng lên. Nguyễn thấy tô hủ tiếu mì bốc khói để trên bàn, đôi đũa cắm chênh chếch trong tô, mấy cọng rau thơm một vài lát ớt.

Nguyễn uể oải cầm đũa trộn đều những thứ đó trong tô, Nguyễn thấy những sợi mì sợi hủ tiếu trở nên nhạt nhẽo, cổ họng Nguyễn như nghẹn lại.

Nguyễn húp một tí nước lèo rồi đặt tô xuống. Nguyễn không thể ăn được nữa.

Nguyễn bỏ giở tô hủ tiếu mì. Nguyễn uống một ly nước trà, trả tiền đứng dậy. Khi Nguyễn ngồi lên yên xe đạp. Nguyễn không biết mình phải đi đâu.

Mọi khi vào giờ này Nguyên ngồi ăn cơm ở nhà. Nguyên nhớ món canh cà chua đập trứng mẹ thường nấu cho Nguyên ăn. Bắt đầu từ ngày hôm nay mình sẽ là kẻ lang thang. Nguyên nhủ thầm. Không bao giờ còn những ngày êm đềm trong cuộc sống gia đình.

Hết, hết thật rồi Nguyên thấy lòng mình quặn lên, nổi đau khổ ngấm ngấm từ đêm hôm qua đến giờ như bị khơi dậy.

Nguyên uể oải đạp xe, từng vòng bánh xe quay trên con đường dài ngụt nắng. Mình sẽ đi qua con đường này. Qua bao nhiêu con đường khác nữa. Những con đường chắc chắn nhiều chông gai trong cuộc sống ngày mai. Mồ hôi bắt đầu vã ra, chảy rì rì trên chân tóc trên mặt Nguyên.

Nguyên thầm nghĩ không lẽ mình cứ đi mãi, đi mãi dưới trời nắng chang chang này. Nguyên rẽ vào một con đường yên tĩnh có hai hàng cây cao vút: con đường Chu Mạnh Trinh. Ở đây có những ngôi biệt thự xinh xắn, buổi trưa không có huyền ảo. Ánh nắng gay gắt lọt qua lá cây chiếu xuống mặt đường những đốm sáng vàng rung rinh.

(trong Bão Rớt)

VIẾT Ở FORT HARRISON

Du Tử Lê

1.

Thôi ngày mai ta sẽ được rời khỏi nơi đây
 như phạm nhân được rời lao xá
 như một tay ma đầu
 ta hà hà xuống núi
 như một samurai
 trở về nơi rách rưới

như một cánh chim
 sau thời gian thương tích
 cùng với nỗi tủi mừng
 bay lên tìm về một nơi yêu dấu

2.

Vì ngày mai ta đã rời khỏi nơi đây
 nên hôm nay già từ
 lần cuối cùng những ngày loanh quanh
 kiếm đồ trong P.X
 những buổi chiều mờ hôi
 bê gạo muối về cho một bữa ăn tối Việt
 Nam
 thôi ở lại nghe

người thiếu phụ trẻ gốc Mã
 ta trả cô về với anh chồng to gấp bốn
 năm lần ta
 (nhưng như lời cô nói
 y không khác bao nhiêu một pho tượng
 rỗng)
 thôi ở lại nghe Donna
 tình chúng ta có thể
 ở lại nghe người mẹ nuôi hiền lành
 chỉ khiến ta thêm nhớ mẹ già lưng còng,
 mắt mờ
 ở lại nghe cô Mỹ đen dọn phòng cho ta
 mỗi sáng
 ta đã để sẵn trên tủ này
 một dollar làm quà cho cô trong tháng

ta biết rằng lát nữa đây
 khi nhận tiền
 cô sẽ nhìn ta như một khách hào hoa
 phóng khoáng
 cùng con mắt vốn sâu ấp đầy mặc cảm
 của một kẻ da đen
 dọn phòng cho một tên da vàng mũi tẹt
 mà thực ra cô có biết đâu
 chính ta đây mới là kẻ rầy đây mặc cảm
 vì ta biết rõ ta
 chỉ là một thứ hổ giấy
 vì ta hiểu rõ ta
 khi trở về quê hương
 nào có khác chi một đời ngựa chạy

vì ta thấy rõ ta
 không bao giờ dám mơ ước
 cho những người bồi phòng ở quê hương
 ta
 có xe hơi đi làm như cô mỗi sáng
 mà ta chỉ cầu xin
 cho đồng bào ta
 có ăn có mặc
 có hòa bình có hè hội vui chơi

3.

Em không biết đâu, Thụy Châu.
 sáng nay anh dậy muộn
 lọt thỏm trong chiếc ghế bành hai lần

nệm mousse
 chân gác lên chiếc bàn kiểu cổ đồng
 phương
 tay gạt thuốc trên mặt thảm nhung xanh
 anh thấy mình bỗng nhiên sung sướng
 bỗng nhiên đầy đủ
 như một ông hoàng
 (không có gì ngu ngốc bằng ông hoàng
 tưởng mình sung sướng)
 anh cũng chợt nhận ra phút chốc
 anh đã trở thành một tên vô cùng bất
 tiện
 vì đã vét, đã vơ
 tất cả những gì anh đã đem sang đây

trong hai chiếc va li nhóc đầy tạp phẩm
 đến đôi giày há mõm
 tính quẳng lại cho rồi
 nhưng sau lại đem theo
 chỉ vì anh chợt nhớ
 ở quê hương mình
 thiếu chi những người suốt đời chỉ ước
 ao có được
 một đôi giày há mõm
 để mang đi chơi
 những ngày tết nhất

4.

Dĩ nhiên bằng cách nào
 anh cũng không thể về ngay bên em
 (ít ra cũng phải qua mười lăm ngày nữa)
 nhưng anh vẫn rạo rức
 vẫn hân hoan
 bởi nghĩ thời gian đã đem chúng ta xích
 lại gần nhau một chút
 và ngày mai
 trên chuyến xe bus tốc hành
 anh sẽ nhắm tính từng thước đất đi qua
 từ đông sang tây
 nước bạn đồng minh chúng ta rộng lớn.
 trước khi về đến phi trường

bắt buộc

dành cho những người Việt Nam về nước

5.

Ngày mai ta đã rời khỏi nơi đây

mà hôm nay ta còn tự hỏi

sao sống ở đây

ta vẫn nghĩ đời ta không phải thế

ôi đời ta – đời ta

đâu đây – thấp thoáng

6.

Em thấy không, Thụy Châu

phải đứng giữa hai màu trắng, đen

thì màu vàng da ta mới rõ

một màu cho muôn năm

máu chảy?

một màu cho muôn năm

thành bao bọc đựng xương khô?

bởi thế nên trước sau gì thì anh cũng trở về

dù cho không còn em

vì anh trộm nghĩ

dưới mặt trời

thượng đế đã chia khu

cho từng màu da sinh sống

7.

Ta phải sống hôm nay
 như ngày mai sẽ chết
 anh phải sống bên em
 dù nhọ than người thân bơi đầy khuôn
 mặt
 ta có thể hóa đen
 nhưng chưa từng cạo trắng
 không thể xóa hận thù
 bằng máu người xối chảy

TẾT LÍNH

Hoàng Hải Thủy

*Tặng những người bạn lính
 của tôi trong Đệ Nhất Đại
 Đội Võ Trang Tuyên Truyền.*

H. H. THỦY

Năm ấy, tôi và 12 người bạn lính,
 ăn Tết Nguyên Đán trên hải đảo
 Phú Quốc.

Chúng tôi là những đội viên của
 “cái gọi là Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang

Tuyên Truyền”, một danh hiệu dài lê thê thường bị lầm với Vô Tuyến Truyền Thanh vì được viết tắt bằng những chữ đầu ĐNĐĐVTTT. Phải gọi đơn vị ấy của chúng tôi là “cái gọi là” mới đúng, vì nó đã xưa cũ quá rồi – đã hơn 15 năm – rồi còn gì – qua bao nhiêu năm tháng và từng ấy vị chỉ huy, đơn vị xưa cũ ấy đã thay họ, đổi tên, kẻ vô, người ra quá nhiều. Đến bây giờ, thực sự nó được gọi là gì, tôi cũng không biết rõ.

Tôi chỉ biết nó nằm trong Cục Tâm Lý Chiến thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị bi giờ và người cũ ở đó, người đã cùng tôi gia nhập nó từ hơn 15 năm xưa, hiện giờ gần như không còn ai. Thiếu Tá Trần Tử Oai, Trưởng Phòng Năm, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH – ngày đó Tướng Oai mới là Thiếu Tá và Bộ Tổng Tham Mưu của quân ta nằm ở

đường Trần Hưng Đạo – đã khai sinh ra Đệ Nhất Đại Đội Vô Trang Tuyên Truyền.

Khi tôi mới chân ướt, chân ráo đến Phòng Năm thì bên trong đã có mặt Trung Úy Lê Đình Thạch, Thượng sĩ Tô Kiều Ngân, Thượng sĩ Hà Thúc Cần, Trung sĩ Hoàng Giác (Ngày về), Trung sĩ Trọng Khương (Bánh xe lãng tử) – những cậu Văn Quang, Phạm Huấn, Hà Huyền Chi v.v... những văn nghệ sĩ kaki hiện giờ nổi danh trong Cục Tâm Lý Chiến thời đó còn đạp xe máy đi học, làm thơ tình lớn nữ sinh ở những chân trời góc biển nào xa lắm lắm – anh Văn Thiệt bây giờ hình như ở cấp Thiếu tá, cùng vào Đệ Nhất Đại Đội VTTT với tôi một ngày.

Tôi còn nhớ huy hiệu của Đại Đội vẽ hình khẩu súng Tôm-Sơn vát lên cây đàn cò. Đàn cò chứ không phải là đàn

ghi-ta, chắc vì ý nghĩa đàn cò mới là đàn dân tộc trong khi đàn ghi-ta là đàn ngoại quốc. Tuy mang huy hiệu có đàn cò và súng Tôm-Sơn nhưng sự thực, chúng tôi không được sử dụng hai thứ vũ khí ấy. Đàn cò thì không thằng nào biết gảy còn súng thì chúng tôi được cấp loại súng Mas 38. Súng Mas 38 trong thời Đệ Nhất Thế Chiến có thể là một loại súng tối tân, sau năm 1950, nó chỉ còn được dùng để gác cửa. Vì là võ trang tuyên truyền cho nên đi đâu, ngoài việc phải khiêng máy phóng thanh, máy quay phim, chúng tôi còn phải xách theo khẩu Mas 38 đạn bắn rơi ra trước mặt. Cũng may, trong suốt thời gian ở lính, tôi chưa từng đụng độ với địch lần nào nên chưa bị chết vì “cái gọi là” súng Mas 38.

Xỏ tay vào áo lạnh, tôi được mang lon hạ sĩ nhất tức Cai Xếp, lương 1800

không kể vợ con. Chừng nửa năm sau, tôi cùng một lô thanh niên cùng vào đại đội chừng 20 người, được đeo lon Trung sĩ. Bọn chúng tôi được coi là rường cột của Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền.

Căn cứ đại đội tôi đặt trong một vi-la ở đường làng thứ 19 hay 21 giờ đó bây giờ là đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Ở cái vi-la trông không có vẻ gì là trại quân đó tôi đã sống những ngày đầu tiên trong đời lính tráng: tập đi ắc ê, dùng máy phát thanh, quay phim, sống tập thể, báo động giả, cắm trại và gác cổng. Ở đó tôi đã buồn phiền, đã giận hờn, đã bất mãn và đã yêu, đã sống.

Những năm về sau, vi-la đó trở thành trường tư thục. Trường Nhân Vị. Nhiều năm sau có một buổi chiều tình cờ tôi đi ngang cửa trường. Không còn

chút dấu vết gì của trại lính năm xưa ở đó. Con đường này năm xưa còn hoang vu, còn đồng mà bây giờ đầy nhà và đầy người.

Tôi bồi hồi nhớ lại tôi của những đêm cuối năm về khuya trời lạnh, làm xếp bót giữ cổng trại, thức suốt đêm không ngủ. Với cấp bậc Trung sĩ tôi được làm Xếp Bót và, Xếp Bót được quyền thức canh ở điểm canh từ 7 giờ tối tới 1 giờ sáng, phần còn lại giao cho Phó Trưởng Điểm, tức là Xếp vẫn được ngáo từ nửa đêm tới sáng và đêm thức canh như không lấy gì mệt nhọc lắm. Xong, người anh em được cắt làm Phó của tôi những đêm ấy biết tính tôi dễ dãi, nói trước:

– Anh cứ việc đi chơi, để tôi gác trước cho. Nửa đêm anh đi chơi vào trại cũng được...

Tôi biết các bạn muốn được ngủ và tôi vẫn vui lòng. Có những đêm tôi đi bộ từ Tân Định vào trại. Đường tối om với những hàng cây um tùm. Cũng có đêm tôi thấy rờn rợn. Đằng trước có một bãi tha ma. Đằng sau trại là một nghĩa địa. Binh sĩ gác trên lô cốt sau trại nhìn xuống nghĩa địa ban đêm bảo nhau là nghĩa địa có ma. Nhiều đêm khuya làm Xếp Bót, tôi thường đi loanh quanh trong trại cho đỡ buồn ngủ. Tôi leo lên lô cốt hỏi chú binh nhì đang gác ở đó:

– Có thấy gì không mày?

Nghĩa địa chỉ là một vùng tối đen thấp thoáng những mộ chí bằng đá hoặc xi măng trắng trắng. Chú binh nhì đáp:

– Đứng một mình mới thấy anh ơi. Có hai người nó không ra đâu...

Nghĩa địa là phải có ma, đó là chuyện thường, nhất là những giờ gác đêm ướt lạnh vì mưa khuya. Có điều chính mắt tôi chưa bao giờ nhìn thấy bóng ma nào ở bãi tha ma trước trại cũng như sau trại.

*

Tôi cùng tiểu đội rời Sài Gòn vào một buổi sáng sớm cuối năm. Chúng tôi đi trên hai chiếc Dodge 4 để xuống Rạch Giá. Khởi hành từ bình minh ở Sài Gòn, tới 5 giờ chiều chúng tôi mới tới Rạch Giá. Đường đi mất nhiều giờ vì phải qua hai con sông Tiền Giang, Hậu Giang. Thời đó lực lượng Việt Cộng ở miền Nam rất yếu, tất cả mãnh lực của chiến tranh như dồn cả vào những mặt trận Bắc Việt.

Xe chúng tôi chạy gần một ngày, qua

gần hết phân đất cuối cùng của giải đất hình chữ S mà không nghe thấy một tiếng súng. Sự có mặt của địch thời đó trên những con lộ chính của miền Nam chỉ là những trái mìn đánh quân xa, chiến xa mở đường. Chúng tôi đi an ninh như vậy cho nên tiểu đội chỉ có Mas 36 và Mas 38 mà vẫn không làm sao hết, vì không có địch tấn công nên không phải dùng tới súng.

Tới Rạch Giá, quê hương của loài hải âu – biển vào sát thành phố, buổi chiều tôi ra bãi biển đứng nhìn ra khơi thấy có nhiều hải âu bay lượn trên những tấm lưới đánh cá, giăng phơi hầy còn dính mắc những con cá nhỏ – chúng tôi ngủ lại một đêm chờ tàu đi Phú Quốc.

Tàu đây không phải là tàu của Hải Quân. Gọi là ghe gắn máy mới đúng. Đó là những chiếc ghe gắn máy của Ba Tàu

được Phân Khu Phú Quốc mượn thàng chở lương thực và binh sĩ đi phép, đi lấy thư cùng vợ con binh sĩ. Ghe đậu nghe trước Tòa Tỉnh. Buổi tối, nước ròng, vào khoảng 8 giờ, ghe ra khơi. Nơi chỗ nằm dưới khoang quá chật cho đàn bà, trẻ con, tôi và vài người bạn leo lên nằm trên mũi ghe.

Đêm trăng. Ra khơi. Trời biển sáng vàng vạc chỉ có trời nước mênh mông. Máy tàu nổ xình xịch và con tàu như đứng mãi một chỗ không đi. Cảm giác lìa xa đất liền cũng hay hay vì đây là lần thứ nhất tôi đi tàu ra biển. Dù tàu không ra tàu và nơi đến không xa xôi gì lắm, xong cũng vẫn là đi xa đất liền, vẫn là ra khơi.

Tàu đi một đêm. Sáng sớm, tôi đã nhìn thấy Phú Quốc. Hải đảo cây trên núi xanh rì. Nhìn xa, Phú Quốc có vẻ là

một hải đảo giàu thổ sản và hiền hậu. Dưới biển là cá, trên đảo là cây. Vua Gia Long ngày còn lưu lạc đã từng sống trên Phú Quốc nhiều năm. Có nhiều hòn đảo nhỏ nằm quanh Phú Quốc.

Vua Gia Long ngày xưa có đặt lò đúc tiền kềm ở một trong những hòn đảo nhỏ đó. Người ta nói bây giờ vẫn còn di tích: những nồi gang nấu chì kềm, những đồng tiền đúc hư còn bỏ lại ở trước cửa hang. Trên đảo Phú Quốc có những bãi cỏ phẳng lý rộng như cả một cái sân banh tự nhiên nổi lên trên núi, giữa rừng. Đó là những bãi voi quần. Mỗi năm đến mùa tình ái của loài voi, voi đực, voi cái từ khắp nơi trên đảo theo tiếng gọi của ái tình kéo về đó, chúng quần thảo ở đó làm cho cây rừng không mọc được.

Người ta còn nói trên núi có một cái hang sâu. Trong hang có hai thạch nhũ

giống hệt cặp vú đàn bà. Cặp vú núi này rỉ nước ngọt ra từng giọt và Vua Gia Long đã từng ẩn trốn trong hang núi đó, dùng nước rỉ ra từ cặp vú tiên để sống. Có một ngày đẹp trời nào đó Vua buồn tình, tần mẫn sờ tay vào một cái vú thử chơi và vú tiên lập tức tắc tị không chảy nước nữa. Vua ngại quá không dám đưa tay rộng sờ vào vú thứ hai nên bây giờ, trong hang động đó, cái vú tiên bị Vua sờ vẫn còn nhưng không chảy nước nữa, chỉ còn cái vú tiên thứ hai chưa bị Vua sờ là còn chảy nước.

Đó là những chuyện tôi được nghe kể lại trong thời gian đi thăm thú ở Phú Quốc. Chỉ được nghe kể nhưng không được lên coi. Phú Quốc có chiều dài 70 cây số và chiều ngang 50 cây số và có một con đường dài chạy suốt từ Dương Đông tới mũi Cây Dừa, nhưng từ năm 1946,

VC đã chặt cây đổ xuống bịt kín con đường đó. Muốn di chuyển từ Cây Dừa là nơi tôi đóng quân và có trại tù binh về Dương Đông, phải đi đường thủy mất chừng ba tiếng đồng hồ.

Dương Đông là thị trấn của đảo. Ở đây có chợ, có vựa nước mắm, có dân chúng, có sân bay. Tiểu đội tôi không đến Dương Đông, chúng tôi đến Cây Dừa, mỏm đất cuối đảo. Gọi là Cây Dừa vì ở đó có nhiều dừa. Trước kia người Pháp xây một nhà máy ép dầu dừa ở đó. Từ ngày chiến tranh, nhà máy này đóng cửa bỏ hoang. Dừa nhiều đến nỗi sau đó chúng tôi chán không thiết trèo lên cây hái dừa lấy nước uống nữa.

Năm Quân Đội Trung Hoa Dân Quốc phải rút khỏi lục địa, một số đã dùng thuyền đi xuống miền Nam, ghé vào ở nhờ trên đảo ít lâu trước khi về

Đài Loan. Họ ở Cây Dừa. Họ dẫn cây, lấy gianh, làm nên hàng ngàn căn nhà gỗ ở ven núi. Bây giờ tất cả những căn nhà đó đều bỏ không. Có những buổi sáng, tôi và vài người bạn trong tiểu đội xách súng đi chơi trong khu nhà hoang đó. Chúng tôi có cảm giác lạc vào thành phố chết. Khu này có nhiều nhà rất đẹp. Có những nhà làm cho Tướng ở có hồ sen, quán nghinh phong, có cây cầu nhỏ nhỏ cuối dòng bắc ngang. Lính Tàu làm cả một sảnh đường dùng làm nơi hội họp, diễn tuồng. Tòa nhà này thật lớn nhưng được làm nên toàn bằng gỗ, không có qua một cây đinh sắt nào.

Quân ta đóng ở Cây Dừa năm đó là để giữ Trại Tù Binh. “Căng” này do Quân đội Pháp lập nên và mới đây, giao lại cho quân đội VN. Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ được giao quyền chỉ huy Phân Khu Phú

Quốc, người phụ tá ông là Đại úy Trần Vĩnh Đắc. Cấp bậc của các vị này đây đều là cấp bậc của các vị thời đó, tức là cách đây hơn 15 năm – Trên núi trong đảo có VC, nhưng lực lượng chúng yếu, không dám ra đánh, dù là đánh trộm. Quân ta cũng không đủ đông để mở hành quân tảo thanh toàn đảo. Đứng ra thì quân ta đóng ở Cây Dừa chỉ có phận sự giữ trại tù binh.

Trại tù binh thời đó ở Cây Dừa gồm 4 trại. Mỗi trại chứa 4.000 người, tất cả đều là đàn ông và có thể nói tất cả đều là người bị quân Pháp bắt trong những cuộc hành quân lớn ở miền Bắc và miền Trung giáp với miền Bắc. Trong số 12.000 tù binh ở 4 trại này, theo sự nhận xét của tôi, có tới một nửa bị bắt oan. Họ là những dân quê không may lạc vào mặt trận, bị quân Pháp bắt gán cho nhân

hiệu tù binh và đem đi tập trung cho đến ngày hết chiến tranh.

Công tác của tiểu đội VTTT chúng tôi ở đây thật nhàn hạ. Chúng tôi phụ trách việc tuyên truyền, chiếu phim trong các trại tù binh, kiểm duyệt thư từ ra vô và kiểm soát những phòng Thông Tin, bày báo chí, sách của mình trong 4 trại. Có được mấy bộ phim còm mang theo, chúng tôi chiếu hết trong tháng đầu. Không có phim mới thì khỏi chiếu. Chẳng ai đòi hỏi chúng tôi phải làm việc nhiều. Tôi lại có máu lười rất nặng. Buổi sáng, tôi ngủ tới 9 giờ, ngủ đến lúc chán không ngủ được nữa mới dậy. Có những buổi sáng, Đại Tá Lễ huỳnh huỵch tập thể thao một mình ở sân cờ. Căn phòng tôi ngủ nhìn ra sân cờ. Có lần tôi đang ngủ mở mắt nhìn ra thấy Đại Tá ở ngay

trước sân, tôi hoảng quá vội lồm cồm bò dậy và sỉ vả anh em:

– Chúng mày dậy trước không đóng cửa lại. Ông ấy trông thấy giờ này tao còn nằm phây phây ngủ thì chết tao còn gì..?

Thư từ của tù binh và thân nhân gửi ra, gửi vô rất nhiều. Chứa đầy một nhà. Tất cả đều phải kiểm duyệt. Những ngày đầu tôi thấy việc kiểm duyệt thư hay hay nên chăm tới bóc thư ra xem. Nhưng chỉ vài ngày sau là thấy chán. Thư nào cũng chỉ có vài dòng giống nhau, tả cảnh nhà đói khổ, chết chóc. Có những bức thư làm tôi buồn. Thường là thư của em gửi cho anh: “Anh bị bắt đi. Ở nhà chị đi lấy chồng khác, cháu bị chết, mẹ bị chết. Nhà bị cháy chẳng còn gì...” Sau khi bị đọc vài bức thư đen tối như thế, tôi dặn các bạn tôi:

– Hễ đọc thấy cái thư nào gửi vào báo tin con nó chết, vợ nó bỏ đi lấy chồng khác... thì chúng mày cứ thủ tiêu đi. Đừng cho đem vào trại. Tụi nó khổ chỉ sống với hy vọng mong có ngày được trở về với vợ con. Đưa cho nó cái thư như thế, nó hết hy vọng nó chết còn gì? Cứ để nó hy vọng còn nhân đạo hơn....

Tôi và các bạn tôi sống những ngày nhàn nhã trên đảo. Buổi sáng chúng tôi đi chơi lang thang ven biển, đi qua những trại tù, Buổi trưa sau giấc ngủ trưa chúng tôi kéo nhau ra biển tắm. Buổi tối bày đặt ăn nhậu, ca hát với nhau. Tôi chỉ buồn có một lúc trong ngày. Đó là buổi chiều, vào lúc chạng vạng tối. Tôi thường ngồi trên tảng đá cao nhìn ra biển, thấy những con sóng lớn như những đoàn GMC theo nhau từ xa chạy vào bãi cát, nghe tiếng sóng biển ì ầm và tưởng tượng đến cảnh

giờ này ở Sài Gòn, các bạn tôi đi làm về, vừa tắm rửa xong, sửa soạn đi ăn, đi chơi. Buổi tối là giờ tôi nhớ Sài Gòn nhất.

Tôi có người yêu, hơn cả người yêu, tôi có vợ chưa cưới ở Sài Gòn. Người yêu con nhà lành, hoàn toàn ngây thơ, bị tôi xử ức chỉ biết khóc và lo sợ. Nhớ và viết thư. Ngày viết tới hai ba thư dày cộp – Quân thư chưa phải mất tiền tem – mỗi lần Vaguemestre về Rạch Giá lấy thư đem về cho tôi cả chục lá thư của người yêu nhỏ. Ngày tháng trôi qua, tôi hẹn nàng đến Tết sẽ về nhưng rồi Tết đến, bọn tôi vẫn ở lì trên đảo.

*

Phân khu có một Phòng Năm. Trưởng Phòng là một ông Trung úy. Tôi

tuy là lính Bộ Tổng Tham Mưu nhưng tới đây, phải làm việc dưới quyền ông trung úy này. Tôi vì còn trẻ nên hăng tiết vọt, nên tự gây ác cảm và hiềm khích với đương sự. Tôi thấy ông ta dốt. Mà ông ta dốt thật, làm công tác chiến tranh chính trị, tác động tinh thần mà một bài đề cao ta, hạ giá địch lắm cảm để đọc trong máy phóng thanh cho tù binh nghe đương sự cũng không viết nổi. Sau ít ngày đầu tạm vui vẻ, tôi càng ở lâu càng gây nhiều mâu thuẫn với đương sự. Ông Trung úy đâm ra ghét tôi, ông đợi dịp cho tôi một mách.

Đêm Ba Mười Tết, chúng tôi được lệnh vào chiếu phim trong một trại tù. Người ra lệnh cho tôi làm việc đó là ông Trung úy nhưng ông ta lại quên không thông báo nên binh sĩ gác trại giam không mở cửa trại cho chúng tôi vào. Tôi bực lắm, toan bảo anh em khiêng đồ nghề về

thì ông Trung úy khật khưỡng xách ba toong đến – Ông ta hãy còn trẻ, – nhưng xách ba toong là một cái mốt của sĩ quan ở đảo, có thời cả lính cũng bắt chước mỗi anh cầm một cái gậy đến nỗi Đại úy Đắc thấy ngứa mắt phải ra lệnh cấm lính cầm gậy – ông vừa đi nhậu rượu ở đâu về, hơi rượu để tung bừng giọng ông khê nặc. Tôi trách ông thiếu nhiệm vụ và đòi đi về, viện lẽ trời đã tối quá rồi, chúng tôi không kịp căng màn ảnh và sắp đặt máy. Tôi và ông cãi nhau, to tiếng một mách trước cổng trại tù binh.

Bị mất mặt, đương sự ức sườn, bèn về làm báo cáo khép tôi vào tội vô kỷ luật, không tuân lệnh thượng cấp, khẩn cấp đưa lên Đại úy Đắc ngay sáng hôm sau. Đại úy Đắc là sĩ quan tốt, gương mẫu và tính nóng như lửa. Vì gương mẫu nên ông rất ghét binh sĩ vô kỷ luật. Vì tính

nóng nên ngay sáng mồng Một Tết, ông cho lệnh tập hợp bọn tôi trước sân cờ, đến sĩ vả tôi một chập và ra lệnh đem tôi đi tù ngay lập tức.

Tôi líu ríu lên xe đi chịu phạt. Tôi biết tính Đại úy rất nóng, nếu lúc đó tôi đại dột phân trần, nói bướng, sẵn gậy trong tay, ông có thể quật tôi năm bảy cái.

Thế là sáng mồng Một Tết năm ấy, ở đảo Phú Quốc, tôi đi tù quân. Tôi đã là hạ sĩ quan rồi. Chiếu luật, tôi chỉ phải ở nằm bột gác. Nhưng bột gác ở đây lại ở ngay sân cờ, tức là gần ngay căn nhà tôi ở. Cho tôi nằm đó chỉ thêm bực mình, chướng mắt, tôi bị đưa vào tận một cái đồn trong đảo cho khuất mắt.

Đồn này có một đại đội trấn đóng. Đại đội trưởng là một ông Thiếu úy trẻ

tuổi. Ông ra nhận tôi và khuyên nhủ tôi vài câu, đại khái:

– ...mình là Trung sĩ tại sao lại đại cãi lộn Trung úy. Dù ông Đại úy có thương nhưng ông cũng cứ phạt vì ông Trung úy đã báo cáo....

Thế rồi, tôi thấy trong bột gác của đồn, nơi tôi phải ở mấy ngày tù, xuất hiện một ông Trung sĩ. Ông này người Bắc, đã có tuổi và tôi đã gặp ông vài lần ở ngoài Phân Khu. Ông vui chuyện, nhận họ với tôi và sốt sắng mời tôi đến nhà ông ăn bữa cơm trưa nay với gia đình ông...

– Chẳng mấy khi Tết nhất. Ông Thiếu úy Đại đội trưởng cũng nhã ý mời tôi ăn cơm trưa với ông nhưng thấy ông Đội sốt sắng với tôi quá, ông nhường hân hạnh mời tôi ăn bữa cơm đầu tiên trong năm cho ông Đội.

Từ Phân Khu ngoài bờ biển vào đồn quân này xa chừng 3 cây số. Tôi tới đây được một lúc thì đội viên của tôi cũng tới nơi. Anh em định mang cơm từ ngoài đó vào cho tôi nhưng tôi cho họ biết là anh em cứ yên trí, tôi đã có người mời ăn trưa nay rồi, trình trọng mời nữa là khác, tôi kiêu hãnh ra cái điều là đi đến đâu cũng có người mến, đón rước v.v...

Anh em bèn ra về, Và trưa mồng Một Tết ấy, tôi nằm khàn ở bốt gác, đợi mãi đến bốn năm giờ chiều cũng chẳng thấy mặt mũi ông Đội mời ăn cơm xuất hiện. Thì ra ông ta máu mê cờ bạc. Sau khi từ giã tôi, ông sà vào một đám bạc và vì thua, ông mãi gõ, quên cả về nhà ăn cơm và quên bếng cả ông khách quý là tôi đói meo nằm chờ ông rước đi đớp.

Trên đảo Phú Quốc một cái Tết cách đây 15 tôi bị tù bị nhện đói tới gần hết

ngày mùng Một. Ông Đội Xạo, ngược, tránh mặt tôi luôn. Sáng mồng Hai Tết, Đại úy Đắc một mình lái xe Jeep tới thăm tôi. Ông cũng an ủi tôi đôi câu đại khái như ông Thiếu úy đã nói:

– Tại sao mình là Trung sĩ mà lại đi ăn thua với người ta là Trung úy v.v...

Rồi ông bảo với ông Thiếu úy Trưởng đồn cho tôi vào nhà ở, khỏi phải nằm bốt canh tang thương. Ông Thiếu úy mời tôi vào ở chung nhà với ông cho đủ số 4 ngày tù. Kể cũng hách...

Trong quân ngũ, việc ở tù thật khó tránh. Ít nhất đó là nhận xét của riêng tôi. Ở lính hai năm, tôi bị tù chừng 60 ngày. Lính thì nhiều thứ tù. Có thứ tù chỉ phải ghi vào hồ sơ cá nhân, có thứ tù

nằm phây phây ở bốt gác, có thứ tù phải đi nằm ở nhà tù của Đệ Nhất Quân Khu, có thứ tù vào khám Chí Hòa hoặc Quân lao. Tôi đã thưởng thức đủ thứ tù lính, trừ tù Chí Hòa. Ngày tôi ở lính chưa có Quân lao.

Chừng nửa tháng sau Tết, tức là sau lần tôi bị phạt tù ở Cây Dừa, chúng tôi có lệnh dọn đồ xuống tàu về Sài Gòn. Có lẽ vì thấy tôi ba gai quá nên thiên hạ cho tôi về cho được việc, có để tôi ở lại tôi cũng chẳng chịu làm gì; phạt tù nữa thì phiền, sợ mất lòng Thiếu Tá Trần Tử Oai, vì tôi là lính của Thiếu Tá Oai, đến địa phương công tác. Bỏ tù lính của Thiếu Tá Oai tức là làm bĩ mặt ông. Chỉ có cách cho tôi về là tiện nhất.

*

Ngày rời Cây Dừa, tôi lên chào Đại úy Đắc. Ông trao cho tôi một phong thư cầm tay về đưa cho Thiếu Tá Trần Tử Oai. Tôi biết thư này thế nào cũng nói đến tôi và vụ tôi bị tù ở đây nên xuống tàu, tôi bóc thư ra coi trộm. Đúng như tôi nghĩ. Trong thư Đại úy Đắc viết rằng tôi là một trung sĩ có nhiều khả năng, làm việc tích cực, sẽ dĩ xảy ra vụ tôi bị phạt là vì có hiềm khích với một sĩ quan.

Thế là tôi yên trí về Sài Gòn. Về tới trại Đại Đội, nơi hơn hai tháng trước tôi lên xe ra đi, người ta hù tôi:

– Chết mày rồi. Thiếu Tá giận vụ mày bị tù lắm. Mày là thằng lính đầu tiên của ông ấy đã công tác xuống địa phương bê bối để cho địa phương bỏ tù... Thế nào ông cũng phạt mày ít nhất là 15 củ nữa...

Nghe anh em dọa, tôi cũng hơi lo.

Sự thật thì tôi không muốn làm mất lòng Thiếu Tá Oai. Ông đối với tôi thật tốt. Về tới trại lúc 6 giờ tối, tôi bị giữ lại ngay trong trại không được về nhà để sáng sau, theo ông Đại đội Trưởng lên trình diện Thiếu Tá Oai. Nguyên do chỉ vì tôi bị tù ở Phú Quốc.

11 giờ trưa, tôi được đưa vào văn phòng Thiếu Tá Oai ở Bộ Tổng Tham Mưu. Lúc đó, tôi còn nguyên râu ria – tới đảo, tôi để râu trông rất quái dị – còn nguyên áo trận, mũ sắt. Thiếu Tá Oai mặt rất lạnh, bảo tôi trình bày nguyên do tôi bị phạt ở đảo.

Tôi bèn, trước hết, đệ trình người bức thư tay của Đại úy Đắc. Bức thư vô cùng quý báu với tôi. Người bèn đọc và tôi bèn thấy mặt người nguôi nguôi. Trong lúc ông Đại Đội Trưởng của tôi – quá sợ Thiếu Tá Oai, – đứng ngay đơ

cán cuốc – ông ta còn sợ bị liên lụy cả với tôi nữa – tôi đành hoảng bỏ mũ sắt xuống bàn, đứng nghỉ và kể lể một thiên truyện ngắn do tôi sáng tác ra về vụ tôi bị tù oan ở đảo. Trong truyện ngắn ấy, tôi là một quân nhân gương mẫu, vì tuân lệnh của Thiếu Tá Trưởng Phòng Năm, vị chỉ huy trực tiếp của tôi, nên tôi bị thù ghét. Nguyên vì Thiếu Tá Oai có dặn chúng tôi phải bảo vệ máy móc đem theo, ông Trung úy ngoài đảo lại cứ bắt chúng tôi đem súng ra hàng rào tập trận giả. Bọn tôi, vì phải bảo vệ máy móc theo đúng lời dặn của thượng cấp, nên đến nơi chỉ định chậm, nên tôi bị ghét v.v..

Tôi còn nhớ từng lời buổi sáng đó. Thiếu Tá Oai hỏi tôi:

– Tại sao lại bị người ta phạt tù?

Tôi đáp:

– Thưa Thiếu Tá... tại vì ông Trung úy ngoài đó ổng ghét tôi...

Tôi lại bị ông hỏi:

– Tại sao người ta lại ghét?

Khi bị hỏi câu này, tôi thấy trong bụng sôi ruột rồi, tôi nghĩ không chừng phen này mình bị tù nữa cũng nên. Đảng nào cũng bị tù nữa, mình nên tỏ ra hách hách một tí. Tôi bèn, rất chững, trả lời ngang:

– Thưa thiếu Tá... có nhiều người, người ta ghét mình mà mình không biết tại sao...

Thiếu tá Oai ghét những thằng khúm núm nhưng được cái ông khoái những thằng làm được việc dù có ba gai một tí. Nói xong câu đó, tôi chờ đợi một là ông an ủi tôi, hai là ông ra lệnh cho Đại

Đội Trưởng đưa tôi về tù thêm năm, bảy ngày nữa. Tôi thấy ông không hỏi vặn gì tôi nữa, ông nói với ông Đại Đội Trưởng của tôi:

– Làm một cái văn thư gửi đi khắp nơi. Nói rằng từ giờ trở đi lính của tao tới đâu, làm điều gì bậy, phải báo cáo về để tao phạt chúng nó. Không được phạt lính của tao ở địa phương như thế này nữa...

Ông Đại Đội Trưởng của tôi vâng dạ còn tôi thì sướng mở cờ trong bụng, thế là tôi thoát rồi. Quả nhiên, Thiếu Tá Oai quay lại an ủi tôi đôi câu, tôi bèn biểu diễn một bộ mặt râu rĩ để tả oán:

– Thưa thiếu Tá... tôi chỉ vì nghe lệnh của Thiếu Tá nên bị người ra phạt tù mất mấy ngày. Bây giờ tôi được Thiếu Tá bảo vệ thì tôi đã bị tù oan mất mấy ngày...

Thiếu Tá Oai rất sành tâm lý. Ông hiểu tôi muốn yêu cầu gì ngay, không cần hỏi tôi muốn gì, ông bảo ngay ông Đại Đội Trưởng, người vẫn đứng nghiêm cứng ngắc vì chưa được lệnh cho nghỉ:

– Cho nó nghỉ phép 15 ngày...

Tôi có tật được voi đòi tiên, bên thừa thắng xông lên mè nheo thêm:

– Thừa Thiếu Tá... Tôi từ Hà Nội vào đây đi lính dưới quyền Thiếu Tá... đã lâu lắm không được về thăm gia đình (thực ra gia đình gồm bố mẹ anh em tôi ở cả Sài Gòn) – nhân dịp nghỉ phép này, xin Thiếu Tá cho tôi về Hà Nội...

Thiếu Tá bèn nói với ông Đại Đội Trưởng của tôi:

– Làm cho nó cái giấy máy bay cho nó về Hà Nội mười ngày...

Bây giờ, khi kể lại chuyện này, tôi thầm cảm ơn Đại úy Trần Vĩnh Đắc, Thiếu Tá Trần Tử Oai. Khi các ông lên Tướng, tôi không có dịp nào để được gần hai ông nhưng lúc nào tôi cũng có cảm tình riêng với hai ông. Bởi vì các ông đã đối với tôi thật tốt. Tôi chỉ là một anh Trung sĩ quèn thôi, nhưng ngày tôi ở lính, các ông vẫn nhìn thấy ở tôi một thằng người, một thằng người cần sự tử tế, cần lời lẽ ngọt ngào, cần an ủi và khuyến khích, nếu không thằng người đó sẽ khổ, sẽ hư và các ông đã tử tế với tôi, đã ngọt ngào, an ủi, khuyến khích tôi ngày tôi ở lính.

MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG

Tần Vy

*Cùng với bước chân chiều phủ với cơn
mưa.*

*Trên cao kia là miền thanh bình mộng
tưởng.*

*Những âm vang vùi lấp dưới tàn cây, đó
là lời*

kinh cầu mọi lần sau tội ác che giấu

*dưới những luồng mưa bão và những
trùng sóng*

*Từng lớp một, mỗi người ngỡ ngàng trôi
dạt*

*ra ngoài mặt vùng buồn bã, giữa khắp lối
đi*

Cơn gió lãng quên trả về thành phố.

*Mỗi tình nào, của tiếng thở dài, sự yên
tĩnh*

của mọi phản kháng và thách đố

Mà màu nước mắt đã hóa mù sương.

*Những cảnh khô lác lõng trên phố dài hun
hút*

Khế ước sao lục trong hàng triệu lá vàng.

*Nha Trang vùng cô liêu những ánh mắt
ngóng trông,*

*Lóng lánh những hạt sương, lời hoa thầm
kín.*

Thời gian tung cánh vỗ không ngừng.
 Mang vóc dáng khối ám ảnh chia lìa đã
 sẵn từ thuở nào
 Gió hồi tưởng âm thanh dĩ vãng.
 Biển cả đem mặt trời đến với tôi, niềm bí
 mật Đại dương.
 Cùng sự tìm kiếm trong thành phố.
 Định mệnh rình rập trên con tàu.
 Buổi chiều trôi bồng bềnh.
 Nhớ gì không Nha trang, những năm
 tháng biệt thư từ.
 Đánh giá bằng sự thân nhiên, quyền biến
 đổi chuyển động lòng sâu
 Mới biết vì sao chưa một phút ngoài ngoai,
 Khiến xui những vì sao biệt dạng

Những mảnh tả tơi cuộc tình lây lất.
 Những thoáng chết, những ngày sống bồn
 chồn
 Đáy hoàng hôn, mỗi vực thăm đó là...
 Anh có thể hiểu vì sao tình chưa dứt.
 Nha Trang, khăn tang mây phủ trên đỉnh
 tháp cô đơn.
 Đìu hiu bốn biển lòng thương nhớ.
 Vực sâu sự thật nhá nhem.
 Trái tim khóa lấp chầy khoảng trống.
 Những bài thơ tình anh dành tặng cho ai.
 Bài thơ đó không tình cờ khởi sự nổi thất
 vọng.
 Tôi choáng váng xây xẩm mặt mày, lửa
 bùng

lên, bây giờ kinh hãi thức giấc.

*Ngỡ lòng gõ đá, giấc mơ nào nửa đêm
bàng hoàng*

*Tôi nhìn thấy gì, anh đã mất tâm trong
một đời sống khác.*

Vết thương sâu ray rứt, mạch nước ngầm.

*Chân cầu đổ, nước về ngủ trong mắt ngó
hoang vu*

*Trên kia lừng lơ làn khói lam mái nhà ai
trong chiều tà.*

Có nghe chuyến tàu ấy qua đây.

*Giăng trời sương bụi tháp chuông chiều
xám*

Giữ lại cùng ta mối sầu ngất ngây.

Buồn hắt hiu cô biếc.

Lưng trời đôi cánh chim.

Đôi mắt kẻ ở ngó theo thân thờ.

Viên mi khép, thu vàng lá đổ.

Mưa xa xào xạc, thân trút cành khổ đau.

*Từng nhánh xếp thêm bóng tối cho con
đường*

Ngõ lấp kín hơi thở.

Vườn mang lá chằng tơ.

Rào gai như thay mối nghi ngờ đã sẵn.

Một ngày nào bầu trời sẽ ru lắng xuống.

Chính sự lãng quên sẽ được quên.

*Trên bãi vắng bước chân bắt chụp những
thời khắc xa lạ.*

Trong biển cả cuông phần nộ, đời người.

Sóng khác xưa, khi tôi là người khác.
 Soi mặt thực tế buồn râu.
 Nỗi vui lẫn đi thân nhiên, những bông mơ
 ước
 Gặm nhấm cái chết nổi trôi ngoài tầm với.
 Hàn kín thân phận bọt bèo
 Sóng xô nhanh, tạo dựng mùa bão bùng
 Dòng sâu trôi luôn thời ước mơ.
 Rong tấp bờ, chum kỷ niệm héo, ảnh tượng
 con đường suốt chiều tà, trong tôi vô vàn
 ăn năn
 Sóng đập từng cơn, sóng lại rút xa.
 Không gian tím, chiếc bóng nào còn đổ
 xuống hồn tôi.
 Hoa nở về lòng, cơn mưa trắng xóa.

Một chút tình cũng vượt khỏi đôi tay.
 Ấu thời trong khu rừng lan bốc cháy.
 Vui tro tàn dưới cát với tính danh bị lãng
 quên.
 Ngỡ chính mình rưng rưng nước mắt...
 Giấc mộng hoang mong manh giữa trời
 rộng trải vẫn quanh quẩn đâu đây, nỗi
 buồn vô cớ.
 Mưa vượt mặt cơn đau triền miên.
 Khởi cuồng phong trong những lúc biển
 say.
 Rượu nồng đáy biển sao còn vương vấn
 Cánh tay mỗi những lần với lên cao.
 Bắt hụt thình không, sương soi phần mộ.
 Nhật nguyệt soi quanh ngày tháng.

Nhen nhúm lửa rục rồ mộng ảo đêm đêm.

*Nha Trang, đời sống đã trở nên cách
quảng.*

*Anh rời bỏ nỗi quen thuộc gọi dậy trong
lòng tôi, u ám giăng trên vùng lạnh lẽo.*

*Giấc mơ này mông lung những tiếng kêu
quá khứ, vây bọc hình dáng êm đêm mà
tôi đứng đứng.*

*Mối tình đó, tự kết liễu hay phải gập gờ lại
khi đã mệt mỏi thả lỏng dần.*

Thời kỳ này tôi sống không nghĩ ngợi gì.

*Nha Trang, mùa mưa sâu thẳm, tôi đi
đâu trên dưới mưa đi tìm dấu chân cũ.*

*Anh có thấy, cơn mưa trên mặt biển, cơn
mưa làm rung rẩy giấc mộng lạc loài*

Nha Trang, anh có thấy hình ảnh của một

*con tàu đắm, thành phố bắt đầu rửa dần
dấu vết anh mà tôi say đắm bấy lâu.*

*Mùa mưa, mùa mưa, tiếng nhạc âu sầu
vùi lấp.*

TRONG CUỘC, NGOÀI CUỘC

Nhật Tiến

Tám trăm đồng hai cột báo bốn phân. Đó là giá tiền những dòng chữ đăng nhấn thân nhân mà Phùng đã làm theo lời ủy thác của Huy lúc Huy chết, báo cho chị hẳn biết là hẳn đã không còn.

Ở tòa báo ra, Phùng nhìn đồng hồ

mới thấy hơn chín giờ. Gã tha thân trên những đường phố buổi sáng. Nắng mới lên ở những ngôi nhà nhiều tầng đang xây cất. Thành phố có vẻ bề bộn như một hộp đồ chơi trẻ con đang bỏ dở. Những chiếc xe ủi đất. Những cần trục. Những lớp tường đang trát vữa nửa chừng. Tất cả đều mang một vẻ trỗi dậy hấp tấp của một nước đang vươn lên. Một vài chiếc xe quân đội nối đuôi nhau đi qua mặt lộ, huýt còi râm rĩ. Những tiếng động cơ phản lực siêu thanh xẹt qua bầu trời, thấp thoáng đâu đó bóng dáng những bộ quân phục ta, Mỹ hay Đại Hàn.

Ngần ấy cảnh tượng cũng chẳng thể làm xao động được cái bề ngoài xa hoa và đàng điếm của thủ đô Sài Gòn. Sài Gòn là một nước Việt Nam thứ hai. Phùng đã đi vào với những cảm nghĩ xa lạ của một

người ngoại quốc mới đặt chân lên đây lần đầu. Phùng nhớ đến một bạn đồng đội khi đi phép về đã nói:

– Đứa nào trở về Thủ Đô cũng mang cái mặc cảm thua kém. Nhìn một thằng con nít cũng thấy nó văn minh hơn mình.

Phùng cho rằng lời nhận xét đó hơi quá đáng, cho dù cũng phản ánh được phần nào tâm trạng của kẻ mới ở vùng địa ngục trở về. Qua một tiệm phở nổi tiếng, Phùng định ghé vào nhưng thực khách quá đông. Những mái tóc, những màu áo, những khuôn mặt, những khổ người, chen chúc, ồn ào, hỗn loạn, tất cả gây cho gã cái cảm giác rứt rứt. Gã bỗng nhận ra mình là một kẻ xa lạ đối với quần chúng Sài Gòn. Ngoại trừ gia đình anh chị Soạn, ở đây gã không quen thuộc một ai, không quen thuộc cả với

nếp sống của mọi người chung quanh. Điều đó khiến gã thấy chuỗi ngày nghỉ của gã chứa chất một khoảng trống mênh mòi.

Gã đứng tần ngần ở bên vệ đường và gã nhớ giọng nói tiếng cười của các bạn đồng đội một cách kinh khủng. Một chiếc xe buýt trời tới. Hai ba người đổ xuống. Gã thủng thẳng leo lên không dự định. Chiếc xe lắc giật rồi chạy đi. Đứng cạnh gã là một ông già. Cạnh ông già là một cô nữ sinh. Cạnh cô nữ sinh là một ông già nữa rồi mới tới hàng ghế, có bà mang bầu ngồi cạnh một cô bạn áo Tàu. Chiếc xe chạy thêm một quãng nữa thì lại ngừng. Không có ai xuống, cũng chẳng có ai lên. Người soát vé thổi một tiếng còi ngắn. Chiếc xe lăn đi được vài chục thước lại đứng lại vì kẹt xe. Phùng mở cửa bước xuống, gã đứng giữa một

rừng tiếng động cơ và khói sặc sụa. Tất cả mọi người trên xe buýt đều nhìn về phía gã. Gã giơ tay chào nhưng chẳng có ai đáp lại. Gã chỉ thấy đôi mắt của cô nữ sinh như đen thêm và long lanh sáng.

Bỗng nhiên gã thấy lòng rung động. Nhưng một tiếng còi xe chát chúa làm gã giật mình, và lách vội lên vỉa hè. Một vài cái nguýt của những bác tài xế ném vào mặt gã. Gã cúi thủi bước đi. Bỗng nhiên gã khám phá ra rằng từ sáng gã mới hút một điếu thuốc lá. Gã vui mừng móc một điếu thuốc ra châm như gặp một bạn cố tri. Khói thuốc bay tản mạn trong không khí. Gã hít thật dài cho thở phõỉ căng lên. Lần đầu tiên trong buổi sáng hôm nay gã cảm thấy khoan khoái. Gã yêu đời trở lại và lẩm nhẩm ca một khúc hát quen thuộc. Gã đi ngược lên mạn chợ Bến Thành.

Và gã ngồi nghỉ chân trong một ghế đá trong công viên. Xe cộ chạy quanh gã theo hình vòng tròn. Những người bộ hành thơ thẩn cũng đi thành hình vòng tròn. Gã ngắm thả cửa những cặp tình nhân Việt Mỹ trước mặt. Một lát, gã mua năm đồng mía, gã ăn mía rồi gói vỏ vào một túi giấy dầu nhật được. Lúc đứng dậy, gã bỏ cái túi vào một thùng rác đóng ở một gốc cây. Một người cảnh bình bỗng quay lại nhìn gã chăm chú. R ô i ông tiến lại gần. Thần kinh của ông ta có vẻ căng thẳng. Ông ta đòi gã cho xem giấy. Gã lần trong túi áo sơ mi trắng lấy ra tờ giấy nghỉ phép và thẻ quân nhân. Trong lúc ấy ông ta thò tay nhấc túi giấy dầu lên như ước lượng sức nặng của nó. Cái túi nhẹ tênh hênh làm ông mỉm cười xin lỗi.

– Bây giờ mìn của quân khủng bố

thiếu gì. Báo hôm qua đăng plastic nổ ở khu Gia Định.

Chỉ có mỗi một điều đó là làm cho Sài Gòn trở nên mất đi trong đôi lúc cái vẻ thanh bình giả tạo. Và chỉ chúng kiến tận mắt những cái tường sụp xuống bàn ghế văng ra, người ta mới ý thức được sơ qua thế nào là bom đạn là chất nổ, là dụng cụ giết người đang được sử dụng trên khắp mọi chiến trường. Nhưng rồi những người vô sự lại tiếp tục công việc hằng ngày của họ. Bình thản. Dửng dưng. Như tai họa không phải xảy ra cho mình.

Phùng bẽn lễn chào người cảnh binh rồi theo làn sóng người đổ qua đường theo dấu hiệu của ánh đèn xanh. Bây giờ gã lạc vào trong chợ và gã đụng ngay phải một cặp vợ chồng mới ở đó bước ra. Người đàn ông reo lên:

– Phùng!...

Phùng sững sốt nhìn kỹ lại. Trí nhớ kém cỏi của gã không cho gã nhận ra người lạ mặt. Nhưng người đàn ông đã nắm lấy tay gã rồi rít:

– Trời ơi! Trung sĩ không nhận ra tôi sao. Báo đây mà. Báo móm ngày xưa đó...

Phùng à lên, một tiếng ngạc nhiên rồi cũng hân hoan không kém. Gã nắm lấy tay người lạ mặt rồi lắc mạnh:

– Chà! Cậu Báo mà tôi không nhận ra. Sao cậu trông bệ vệ như một công chức hạng bự như thế này chớ.

Báo mỉm cười mãn nguyện và quay về phía một người đàn bà trẻ đứng ở bên cạnh chăm chú nhìn Phùng. Hấn nói:

– Đây! Bà xã của tôi đây.

Phùng trố mắt ngạc nhiên. Gã nhìn Bảo như dò hỏi. Bảo vội vàng cắt nghĩa.

– Bà trước chê mình rồi. Hai đứa thôi nhau từ hai năm nay. Còn đây vợ mình mới cưới hơn một năm.

Phùng cúi đầu chào. Người đàn bà mỉm cười chào lại. Vành môi đỏ chót. Cặp mắt đánh thâm quầng. Lớp phấn trắng không che được hết làn da đen và xỉn. Nhưng thân hình của nàng thì thật tuyệt diệu. Bộ ngực căng phồng sau lần robe màu hồng nhạt. Ở chính giữa ngực áo, một mặt ngọc đính kim cương phản chiếu lấp lánh. Bảo hỏi:

– Bây giờ anh làm ăn gì chưa? Giải ngũ chưa? Có vợ chưa?

Phùng đáp:

– Tất cả đều chưa hết.

Bảo tròn mắt ngạc nhiên:

– Thế nghĩa là ông anh vẫn còn ở trong quân đội đấy hả? Hành quân đều đều hay sao mà hèn chi đen dũ.

– Thì mới nghỉ phép được hai ngày.

– Có mục gì không?

Phùng lắc đầu. Gã đàn ông bèn quay lại phía vợ nói:

– Thảo đi mua nốt đồ rồi ra xe, anh chờ ở đấy nhé.

Người đàn bà gật đầu, Bảo kéo Phùng lách qua đám đông. Một lát hẳn dừng lại trước cái xe tuyệt đẹp và mở cửa cho Phùng cùng lên ngồi. Lúc châm mời Phùng điếu thuốc lá Mỹ. Bảo mới nói:

– Chỗ cậu tôi mới nói, chắc hồi tôi đi rồi, thì sau đó cậu cũng biết chuyện của tôi.

Phùng gật đầu:

– Có, tụi nó có nói.

Bảo gật gù:

– Đúng đấy, sau cái đêm từ già cậu ở Kontum, mình phải đổi về Hậu Nghĩa, rồi đi Long An, Tây Ninh, Cà Mau. Hành quân quá trời và chết dữ quá làm tôi không còn một chút tinh thần gì nữa cả. Thế là nhân chuyến đi phép về Sài Gòn, tôi đào ngũ luôn.

– Làm sao thoát được cho tới bây giờ?

– Hừ! Với thằng Bảo này mà cậu còn hỏi cái đó. Sài Gòn đông như kiến cỏ.

Tôi lại nằm bẹp một chỗ trong suốt một năm. Sau đó thì bắt đầu dùng căn cước giả mạo. Mình dùng chường mặt vào một vụ gì phi pháp để lôi thôi với pháp luật thì sức mấy mà bị nhận ra.

– Thế nghĩa là bây giờ cậu cũng vẫn bất hợp pháp?

Bảo nháy mắt mỉm cười không đáp lại. Trong cái vẻ thản nhiên đó, Phùng thấy rõ những nét khả ố. Gã không tìm lại được một chút cảm tình nồng hậu nào mà ngày xưa đã dành cho Bảo. Hồi đó hai người ở chung một đại đội và đã dự chung nhau nhiều trận đánh. Bảo có nhiều tính xấu, nhưng nói chuyện rất hấp dẫn và có duyên. Điều đó khiến Bảo trở thành một cái đỉnh giải sầu cho anh em đồng đội trong những thời gian lặn lội hàng tháng trời ngoài trận địa.

Ở đó, Phùng đã cứu Bảo thoát chết hai lần. Một lần Bảo xà vào ngói dưới một gốc cây đầy bóng mát sau một chặng đường hành quân mệt nhọc. Phùng đẩy Bảo lăn xuống bờ mương kịp thời trước khi quả mìn gài ở đó phát nổ. Lần thứ hai là lần Bảo lội xuống tắm rồi bị nước cuốn đi Phùng liều mạng lao ra giữa dòng và nắm được cổ tay của Bảo. Hai người bị trôi xuống xuôi theo dòng hơn một trăm thước. Cuối cùng Phùng túm được một rễ cây và nhờ đó cả hai thoát chết. Thành ra đối với Bảo, Phùng là ân nhân. Nhưng ngược lại Phùng quên ngay Bảo từ khi được tin hắc đào ngũ. Khi đó, Phùng chẳng buồn mà cũng chẳng vui. Gã tôn trọng tự do của tất cả mọi người. Còn nguyên nhân liều mình để cứu Bảo thì Phùng nhận ra không phải vì mình có cảm tình đặc biệt với Bảo, mà chính là tinh thần đồng đội đã thúc đẩy Phùng

làm chuyện đó. Xong thì thôi.

Ngoài trận địa, sự cứu nguy bạn bè thoát khỏi những cái chết bất ngờ chỉ là những chuyện tầm thường. Nhưng Bảo thì biết điều, hắc nhớ dai hơn và vẫn mong có dịp tỏ lòng cảm ơn đối với Phùng. Hắc ngắm nghĩa bạn trong bộ đồ dân sự cũ kỹ rồi mỉm cười băng quơ. Phùng đùa:

– Cậu không sợ tôi phản thù đã tố cáo cậu hay sao mà đối với tôi tự nhiên như vậy nhỉ?

Bảo mỉm cười:

– Với ai thì Bảo này sợ chứ đối với Phùng thì không.

– Như thế thì cậu còn ngại thơ lắm.

– Tình đời thì đúng hơn. Tim gan

cậu thế nào thì tôi cũng đã rõ hết cả rồi.

– Thời gian làm tôi đổi khác đi rất nhiều rồi.

– Ở thì cho là cậu phản thùng có tố cáo đi chẳng nữa thì Bảo này có chết về tay Phùng cũng chẳng ân hận gì nữa cả.

– Chí tình quá nhỉ.

– Sao lại không. Cậu cứu tử tôi những hai lần. Trong khi tôi chỉ có thể chết được một lần thôi. Như thế tôi còn nợ cậu ít nhất là đến kiếp sau mới trả hết.

– Nói vậy thôi chứ. Anh em gặp lại nhau là quý. Bây giờ làm gì mà có vẻ giàu sang quá thế?

Bảo mỉm cười:

– Chẳng có tài cán gì đâu. Nhờ vợ hết cả đó. Bây giờ tụi tôi có một cái Bar

khá đông khách. Còn những affaire phụ ngoài nữa không kể.

– Thế thì thành triệu phú đến nơi rồi.

– Ủ thì cũng mát mặt với bà con. Bây giờ cậu có cần gì tôi giúp thì cứ nói. Kể cả phương tiện giúp cho cậu dứt bỏ cuộc sống hãì hùng mà cậu đang sống đó đi.

– Thế là cậu lại cũng định khuyến khích tôi đào ngũ đó hản?

– Nếu cần! Chả lý tưởng cái chó gì đâu, thời buổi này đứa nào chết đứa ấy thiệt.

Vừa lúc ấy, vợ Bảo ôm một gói đồ về tới. Bảo xuống mở cửa xe rồi nói:

– Bây giờ anh đưa em về nhà rồi cho anh libre với anh bạn cố tri của anh cho

đến tối anh sẽ ra Bar luôn em nhé.

Phùng nghe nói chưa kịp từ chối thì Bảo đã quay về phía gã nói tiếp:

– Thôi chuyện làm ăn lâu dài hãy gác qua một bên. Hôm nay tôi phải bắt cóc cậu suốt một ngày để thỏa lòng mong nhớ cái đã. Rồi hạ hồi phân giải.

Nói rồi Bảo mở máy cho xe chạy. Cái xe nổ êm ru, lướt qua những đường phố đông. Bảo đưa vợ về nhà rồi dẫn Phùng tới một căn phòng rất sang trọng ở một building vùng Phú Nhuận.

Hắn giới thiệu:

– Đây là căn phòng tụi tôi dùng để tiếp những khứa cần giao dịch để chạy affaire. Cậu thấy không. Tiện nghi thật là hoàn toàn. Tủ lạnh, máy lạnh, vô tuyến truyền hình, rượu tây và muốn kêu em

út thì bất cứ giờ nào cũng sẵn sàng. Căn buồng mé sau cánh cửa kia thật là một chỗ lý tưởng để mà hú hí. Ông bự nào vô đây ra cũng lấy làm hài lòng.

Phùng nói:

– Về cái khoản đó thì tôi lại không ưa mấy.

Bảo cười:

– Không ưa mấy tức là cũng có ưa. Để rồi tôi kêu cho cậu vài em thật thơm. Cậu sẽ thấy bỏ qua thì sẽ hối hận cả một đời người, nhất là cậu cả năm bì bõm ở trên suối trên rừng, không trả thù cuộc đời thì còn chờ đợi cái quái gì nữa.

Phùng mỉm cười:

– Ấy vậy mà tôi lại thấy không khí của núi rừng dễ thở hơn ở Sài Gòn này nhiều lắm đấy nhé.

– Thì nào tôi đã dụ dỗ cậu đào ngũ trở về đây ngay mà cậu phải lo lắng. Cậu nhớ là thời gian này cậu đang được nghỉ phép. Cậu có quyền đập nát cái không khí giòi bọ này ra. Rồi tới ngày hết hạn thì người anh em cứ việc trở lại làm nghĩa vụ của người trai thời khói lửa, nào có ai cấm đâu.

Phùng không đáp, ngồi ngả dài trên tấm ghế nệm thật êm. Gã thấy cơ thể rã rời. Mười lăm phút gặp Bảo, Phùng thấy mệt mỏi hơn cả một ngày phải đi hành quân. Gã cố hình dung lại hình ảnh của người bạn đồng đội ngày xưa. Hồi ấy Bảo nhanh nhẹn, gọn gàng và hùng dũng hơn thế này nhiều lắm. Bản tính xưa của hắn lại rất vô tư lự. Có thể chuyện gì cho dù buồn đến đâu, hắn cũng tìm ra được một khía cạnh khôi hài để tếu với anh em.

Chung quanh Bảo lúc nào cũng có tiếng cười.

Sống với Bảo được gần hai năm thì Bảo xin đổi về đồng bằng. Gã không chịu được khí lạnh của vùng cao nguyên và bệnh tê thấp của hắn bắt đầu tái phát. Thật ra Bảo đã *affaire* với một ông chú quen biết nhiều, để xin được về văn phòng. Nhưng công việc trực trực sao đó nên hắn bị đi Hậu Nghĩa, rồi tiến dần ra những mặt trận vùng Hậu Giang. Bảo nói:

– Cả đại đội của tôi trong vòng hai tháng chỉ còn sống sót có tám thằng. Nhưng tụi nó còn chết dữ hơn, có trận xác khiêng về chôn kín cả một cái sân banh. Thật là ghê rợn. Phải được nhìn qua cảnh đó mới thấy cuộc chiến tranh của đất nước mình khốc liệt và vô lý đến

như thế nào. Đáng lẽ tôi chưa đào ngũ. Nhưng tôi bị ám ảnh bởi con dao rùng mà ngày trước tụi nó vẫn lấy để lột cóc nấu cháo ấy, cậu nhớ chứ. Hôm đó đánh xáp lá cà, tôi chém một thằng đứt lìa một cánh tay. Nó giãy lên như những con cóc bị lột làn da. Rồi nó cắp cánh tay của nó bỏ chạy được mười bước thì nó ngã xuống. Tay trái của nó vẫn cầm khư khư cánh tay gãy lìa. Nó nhìn tôi. Chẳng phải cái nhìn cầu khẩn, cũng chẳng phải cái nhìn thù hận. Tôi không nghĩ là cặp mặt của một thằng Việt Cộng nữa. Nó giống tôi, giống anh, giống tất cả mọi người, chính vì thế mà tôi bỏ đi. Bàn tay của tôi còn giữ nguyên cái cảm giác của lưỡi dao chém ngọt ngào lên thớ thịt ấy cho tới bây giờ. Tôi nhìn xuống lưỡi thép máu nhuộm đỏ từ trên xuống cán gỗ, cậu phải hiểu rằng đó là lần đầu tiên tôi đánh xáp lá cà. Và đó cũng là lần cuối cùng tôi tham

dự vào lối đánh khốc liệt ấy. Bắn súng dễ hơn nhiều. Đòm một phát. Nhẹ nhàng hơn và có thể tự dối lòng rằng viên đạn đó đã bay lên trời.

Ngừng một lát. Bảo tiếp:

– Mấy ngày hôm sau tôi vẫn chưa hết những cảm giác ghê sợ, và cho đến suốt đời có lẽ tôi không bao giờ quên được hình của một thằng nhật từ đồng bùn lên cái cánh tay của chính nó rồi cắp đi chạy. Thế rồi ít lâu sau tôi đào ngũ. Dầu sao thì tôi cũng không mang cái mặc cảm của một thằng trốn trách nhiệm vụ, Tôi đã đóng góp cho cuộc chiến này trên bốn năm, vào sinh ra tử đủ cả rồi. Lương tâm của tôi cho phép tôi được nghỉ ngơi.

Phùng thở dài:

– Chỉ tiếc là cậu đã chọn lầm bằng một sự nghỉ ngơi bất hợp pháp, phí phạm cả bao nhiêu công lao.

Bảo cười:

– Công lao? Tôi cóc cần! Như cậu đã từng biết đây. Mình xông xáo liều mạng đâu phải vì những cái anh dững bệ tinh. Chúng mình chỉ đóng vai trò của một cái bánh xe trong guồng máy. Nghĩa là chỉ được xoay xuôi chiều khi guồng máy chuyển vận. Còn cái sự bất hợp pháp của tôi, thì cậu phải ở ngay cái đất này lâu ngày, cậu mới thông cảm được cái quyết định của tôi. Những ngày đầu, tôi sợ hãi thật đấy. Nhưng bây giờ thì hết rồi. Tôi không thấy mình là kẻ độc nhất. Mà chỉ kẻ độc nhất mới thấy mình trợ trợ và để cho sự sợ hãi bao quanh mà thôi.

– Nghĩa là cậu cho rằng có cả một đám đông ở đây cùng lấm bùn như cậu nên cậu không còn thấy thối mắc chứ gì.

– Nếu cậu ví tới chữ lấm bùn thì phải kể tôi là kẻ lấm bùn... Ít nhất!

Phùng bật cười:

– Thật là gái đĩ già mồm!

– Chứ sao! Bộ tôi không phải cầm súng rồi sao, bộ tôi không phải đùa giỡn với cái chết biết bao nhiêu lần rồi sao. Vậy thì tôi đã đóng góp cho đất nước bằng cả sinh mạng của tôi rồi. Cái sự đào ngũ của tôi chỉ là sự tôi tự cho phép tôi một cách hợp lý.

– Nhưng kẻ nào cũng quan niệm như cậu thì bên này lính tráng buông súng hết và khi đó cộng sản nó xông vào cắt cổ như cắt một con ngóc chẳng để

cho cậu ngồi trong phòng có máy lạnh, có salon có nệm mousse để mà lý luận suông đâu.

– Đồng ý, đồng ý lắm. Chính vì thế mà tôi đâu có đi hô hào mọi người phạm tội theo tôi. Tôi vẫn quan niệm rằng cuộc sống nó có muôn ngàn ngõ ngách. Có ngõ ngách đưa đến sung sướng an nhàn. Cũng có ngõ ngách đưa con người đến gian nan khổ cực. Tất cả chỉ là may mắn hay rủi ro, có chen lẫn một chút khôn ngoan hay khờ khạo mà thôi. Cũng như cậu thấy đấy. Tại sao lại có những người như cậu, cả cuộc đời chỉ lăn lóc giữa rừng rậm, đèo sâu, biết bao gian nan khổ cực. Trong khi đó lại có những thằng khác ô tô, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, phây phây ở mãi cái đất phù hoa cực kỳ an toàn này. Như thế có phải là khi cái sàng lắc xuống, thì những hạt gạo đã nằm ở các

vị trí khác nhau rồi không? May cho kẻ nào được rơi vào vị trí tốt...

Phùng ngắt lời:

– Như vậy cậu cắt nghĩa thế nào đối với những trường hợp có người từ bỏ hết mọi sự êm ấm, hạnh phúc để xung phong ra tiền đồn nhận lãnh tất cả mọi gian lao nguy hiểm.

– Đó là một kẻ mang đầy ảo tưởng.

– Ảo tưởng hay lý tưởng?

– Ảo tưởng. Chẳng thể có cái lý tưởng gì hết trong cái môi trường sống thê thảm này. Bởi vì muốn có lý tưởng, cậu phải có đối tượng để tôn thờ, hay ít nhất cũng là để theo đó mà tiến tới. Hãy kể cho tôi một đối tượng nào khả dĩ làm được công việc đó?

– Này, tôi nói thẳng cho cậu biết, khi cầm súng chiến đấu, chúng tôi không lý luận dông dài. Tôi chỉ thấy trước mặt tôi là cộng sản. Tôi không thể sống được với cộng sản thì tôi đánh. Đánh để tự vệ và đánh để dành lấy một chỗ đứng dưới ánh mặt trời.

– Đúng lắm! Và tôi cũng tin chắc là cậu không thể đánh cộng sản để phụng sự cho một thiểu số thối nát, một nhóm nhỏ chuyên ăn trên ngồi trốc dùng sự hy sinh của chính cậu để làm bậc thang đưa chúng nó lên địa vị cuội đầu cuội cổ quần chúng.

– Điều đó dĩ nhiên!

– Thế mà đã xảy ra rồi đó. Biết bao nhiêu chiến sĩ đã bị phản bội. Các cậu chiến đấu cho quần chúng. Nhưng quần chúng đã được hưởng gì đâu. Đa số vẫn

nghèo nàn. Đa số vẫn cực khổ. Rút cục, vẫn chỉ có một thiểu số được thụ hưởng an nhàn hạnh phúc do chính xương máu của các cậu đem lại. Cho nên tôi vì các cậu như một con thuyền hùng vĩ ra khơi. Nhìn thì đẹp nhưng nó đã được làm bằng giấy. Nên rã rời ngay khi đụng chạm, dù một cơn sóng mạnh. Lý tưởng của các cậu cũng thế, nghe thì đẹp đẽ lắm, nhưng coi chừng, cậu sẽ bị phản bội. Thời gian đã chứng tỏ nhiều quá đi rồi. Cậu nên nhớ rằng tất cả mọi danh từ tốt đẹp ở trong giai đoạn này đều chỉ là những cái vỏ rỗng tuếch, gõ thì kêu mà thực ra chẳng có một chút ý nghĩa chân thực vào. Thí dụ như danh từ cách mạng mà người ta đã xài đến rách nát ra chẳng hạn.

Tôi thì tôi cho là chẳng có cách mạng cách mung gì hết ráo. Còn vấn đề

lý tưởng. Tôi đồng ý là có đấy. Nhưng nó chỉ tồn tại được khi tất cả mọi người cùng thấy chung một trách nhiệm, cùng quan niệm chung một đường lối cùng cố gắng theo đuổi một mục đích chung, và cùng chia sẻ với nhau những nỗi gian khổ khi thực hiện điều đó. Nghĩa là phải có yếu tố đoàn kết không tạo được đoàn kết thì tất cả chỉ là suông, lý tưởng lúc đó sẽ trở thành ảo tưởng một cách dễ dàng.

Ngừng một lát, Bảo tiếp:

– Bây giờ có người hỏi tôi. Anh cầm súng cho ai, vì cái gì, thì nếu mới nhập ngũ, tôi sẽ trả lời là: Tôi cầm súng cho tự do của quê hương đất nước tôi, cho hạnh phúc của đồng bào tôi. Nhưng sau khi đã lăn lộn ở chiến trường, và nhìn về những thối nát diễn ra ở Thủ Đô, thì tôi sẽ trả lời: “Tôi cầm súng cho chính tôi vì cuộc đời đã đẩy tôi đến đúng chỗ đó. Bởi vì

tôi đã mất lý tưởng rồi. Người ta không thể nào thực hiện lý tưởng được khi mà chung quanh ta vẫn còn có những kẻ, nhiều kẻ chỉ coi vấn đề lý tưởng chỉ là phụ thuộc. Cậu làm một, chúng nó phá mười. Cậu là dã tràng, chúng nó là sóng biển.

– Nhưng thà thắp một ngọn nến mà đi còn hơn là ngồi nguyên rửa bóng tối.

Bảo giờ tay:

– Hoan nghênh! Cậu sẽ yên ổn với lương tâm trong mọi sự mệt nhọc hàng ngày. Chính vì điều đó mà tôi có khuyến khích cậu bắt chước tôi đâu. Nhưng ngược lại, đối với tôi cái triết lý cù lằn ấy cũng chẳng làm tôi thay đổi thái độ sống. Trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn một phương cách. Mỗi phương cách đã được tạo nên từ một hoàn cảnh.

Chẳng ai giống ai. Vậy cũng chẳng nên bắt ai làm theo như mình. Có phải vậy không?

Phùng nhún vai:

– Quan niệm của cậu chỉ đúng khi cậu sống riêng rẽ một mình, không liên hệ tới ai, không ràng buộc đến bất cứ một trách nhiệm tập thể nào...

Bảo xoa tay:

– Thôi, thế là đủ. Mình chỉ có thể nói chuyện triết lý lắm cầm đến mức đó là cùng. Đi xa hơn nữa sẽ không bao giờ gặp nhau. Bởi vì giữa tôi và cậu đã có ranh giới của một kẻ đứng trong và một kẻ đứng ngoài cuộc. Ngay cái quan niệm về chữ “cuộc” tôi với cậu đã khác nhau từ căn bản rồi. Phải không?

Phùng mỉm cười:

– Phải, mình chẳng nên đi xa hơn. Chờ bao giờ kết toán cuộc đời vào lúc cả hai đứa cùng già lão, nếu còn sống sót, ta tiếp tục cũng còn vừa.

Một lát, Bảo giơ tay nhìn đồng hồ rồi nói:

– Thôi chúng mình đi ăn cơm. Sau đó tôi sẽ rút lui để cậu nghỉ ngơi tại đây. Đến sáng ngày mai tôi sẽ trả tự do cho cậu. Ở hay đi lúc đó tùy cậu.

Phùng định phản đối thì Bảo đã chặn lại:

– Tôi biết rằng cậu chẳng ưa gì cái không khí này. Nhưng nếu có ở lại một vài ngày, chắc chẳng đến nỗi có thể làm sút mẻ gì đến cái lý tưởng mà cậu tôn thờ, phải không,

Trước giọng chế giễu của Bảo, Phùng

đành mặc nhiên để bạn lôi cuốn theo những dự định của hẳn. Hai người vào một tiệm ăn lớn ở đường Đông Khánh. Bảo gọi những món ăn thật đắt tiền. Rồi hẳn nói:

– Nếu gặp bạn bè khác thì tớ còn giữ gìn. Huy hoặc quá chúng nó sẽ vừa ăn, vừa chửi thâm mình. Nhưng với cậu, tớ cóc có cái mặc cảm gì cần phải giữ gìn. Cậu cứ coi như tất cả chỉ là phương tiện. Khi mình có phương tiện trong tay, tội gì mà không xài.

Phùng biết Bảo nói với mình như thế là thành thực, nhưng dấu sao hình ảnh của những con cua rang muối mỡ màng, những đĩa bồ câu quay màu sắc rực rỡ và những đĩa xào nghi ngút bốc khói thơm ngào ngạt ở trước mặt vẫn không làm Phùng quên đi được những bữa ăn khổ cực trên đường hành quân, có khi

hàng tuần lễ không biết đến một sợi rau luộc nóng một mẩu thịt tươi kho mặn trong những cái lon sữa bò. Nhiều hôm xót ruột quá, bọn Phùng đi kiếm rau tào bay trong đồng cỏ đem luộc lên rồi chia nhau húp từng ngụm nước rau một cách khoái trá, Phùng tưởng như trong đời không bao giờ còn được hưởng những phút vừa ăn vừa cảm động về tình đồng đội yêu thương nhau thắm thiết đến như thế.

Bữa ăn kéo dài đến quá trưa. Ít quen uống rượu nên Phùng thấy choáng gã thấy cần nằm nghỉ ngơi hơn là bất cứ nhu cầu nào khác. Và gã đã theo Bảo trở về với đầu óc chòng chành như một kẻ đang ngụp lặn trong sóng biển. Hình như Bảo phải đóng giùm gã cái cửa xe, hình như Bảo phải dìu gã đi băng qua đường phố, lên những bậc thang, đặt gã

nằm trên nệm giường êm ái và cởi giày cho gã.

Trong cơn say chập chờn, gã thấy mình bé lại, bé như ngày xưa còn nằm trong vòng tay săn sóc êm ái của mẹ hiền. Và điều đó khiến gã muốn khóc. Bây giờ mẹ gã ở đâu trong giải đất miền Bắc xa vời? Bà còn sống hay chết? Bà được sung sướng hay cực nhọc? Mười lăm năm trôi qua như một cơn ác mộng, và gã có cảm giác như phút chia tay với mẹ già hôm tiếp thu ở Hải Phòng mới chỉ xảy ra ngày hôm qua. Gã đã hứa với mẹ hai năm thì sẽ trở về, hai năm vừa đủ để gã thỏa mãn cái chí giang hồ muốn được đi xa, để biết Sài Gòn thế nào, miền Nam có gì lạ. Năm ấy gã mới mười tám tuổi và bây giờ gã đã tròn ba mươi ba.

Tất cả mọi dự định mọi ước đoán đều thay đổi hết, duy chỉ có hình ảnh của gã;

của mẹ gã hồi mười lăm năm trước là còn nguyên vẹn trong trí nhớ. Hai người đứng trên kè đã nhìn xuống mặt nước đục ngầu. Gã không dám nhìn vào đôi mắt đỏ hoe của mẹ. Gã chỉ liếc thấy cái hình ảnh chua xót ấy trong một phần muôn ngàn của cái tích tắc. Vậy mà suốt trong mười lăm năm trôi nổi của cuộc đời sau này của gã đôi mắt đỏ hoe ấy đã trở thành một sự ám ảnh hằn trong mọi đêm khi gã bắt đầu dỗ giấc ngủ. Có nhiều đêm gã khóc thút thít như một đứa trẻ con và gọi mẹ trong trí nhớ. Cũng có nhiều đêm gã mơ thấy mình lại được đứng trên kè đá để nắm bàn tay run rẩy của mẹ với cơn xúc động tột cùng. Nhưng giấc mơ của gã thường bị phá đám bởi tiếng bom rên rĩ trên bầu trời phía xa, hay tiếng trọng pháo đều đặn câu đi từ một pháo đài gần đó.

Gã tỉnh dậy, giương cặp mắt trắng tráo nhìn vào đêm đen. Đêm đen dài vô tận. Như cuộc đời của gã, Như cuộc đời của toàn thể mọi người, của toàn thể quê hương, của đất nước từ Nam chí Bắc.

*

Khi tỉnh dậy, Phùng ngơ ngác khi thấy vòng tay của mình nặng trĩu và một giải tóc mềm mại xoa đầy trên ngực gã. Gã vội vàng cựa mình và xoay hẳn người lại. Cử động của gã làm người con gái cũng choàng mở mắt. Nàng nhoẻn với gã một nụ cười:

– Trời ơi! Vậy mà em cũng thiếp đi rồi chớ!

Trong bóng tối mờ mờ của căn phòng đóng kín cửa, Phùng có cảm giác là nàng

đẹp. Đôi mắt thật đen. Cánh mũi nhỏ, và xinh. Vành môi tươi tắn. Bộ áo ngủ rộng rãi cắt theo kiểu Nhật ẩn bên trong một thân hình như một pho tượng nặn bằng sáp. Thấy gã chưa hết ngạc nhiên, nàng ngồi nhổm dậy, vừa thu gọn mái tóc, vừa giải thích:

– Anh là bạn của anh Bảo phải không? Còn anh Bảo thì dặn em tới đây với anh....

Phùng nhìn kỹ nàng lại một lần nữa. Lòng gã nhen nhúm một sự tiếc xót xen lẫn đôi chút bực bội. Bởi vì nàng đẹp. Nàng quá đẹp so với nghề nghiệp mà nàng đang phải làm. Cỡ người như nàng, thả ra ngoài phố, những ngừ như Phùng chớ có hông bèn gót theo đuổi. Vậy mà nàng đến với gã một cách tự nhiên, dễ dàng, đến với tất cả mọi người một cách tự nhiên, dễ dàng tương tự.

Điều đó khiến cho Phùng thấy nàng bớt kiêu kỳ đi hơn. Gã cố ngắm kỹ nàng hơn nữa để, tìm ra một khuyết điểm khả dĩ có thể giết chết được cái mặc cảm tự ti đang nhen nhúm, trong lòng gã. Nhưng càng ngắm, gã càng thấy nàng đẹp hơn, duyên dáng hơn, đến nỗi gã muốn ghen với Bảo, ghen với tất cả những tên đàn ông đã đến với nàng. Ánh mắt khác lạ của gã khiến nàng hơi bối rối. Nàng phác một cử chỉ bâng quơ rồi bước xuống đất tiến lại mở tung cửa sổ. Gió mát ùa vào phòng theo ánh sáng của buổi chiều sẫm tối. Trên những tòa building cao ngất ngưỡng trước mặt đã thấp thoáng vài ánh đèn. Nàng nói:

– Anh Bảo hẹn tám giờ đến đưa mình đi ăn cơm rồi vô Maxim’s nghe nhạc. Anh đã đi Maxim’s lần nào chưa.

Phùng uể oải lắc đầu. Gã chỉ tay về

phía mắc áo nói với nàng:

– Em với cho anh gói thuốc lá.

Nàng tiến lại chiếc áo sơ-mi của gã tìm ra gói thuốc. Tự tay nàng rút một điếu và lại đặt lên môi gã. Gã tự nhủ: Ít ra em cũng còn chất dạn dàng của một người đàn bà biết chiều chuộng. Cử chỉ đó của nàng khiến gã thấy gần nàng hơn. Gã gỡ điếu thuốc xuống rồi hôn nhẹ lên một bên má mịn màng của nàng. Bây giờ gã mới hỏi:

– Tên em là gì nhỉ?

Nàng mỉm cười:

– Cứ gọi em là Hiền.

Phùng vắn lại:

– Tại sao lại “cứ gọi”. Vậy Hiền chỉ là biệt hiệu của em thôi sao?

Hiền mỉm cười:

– Chả trách anh Bảo nói anh là vua cù lần. Bộ đi làm nghề này em lại cung khai ngày sinh tháng đẻ, tên thật của mình cho các anh nghe sao?

Phùng có vẻ bực:

– Vậy là em không thành thực với anh rồi.

– Đàn ông các anh tham lam không thể chịu được. Tham lam mà lại còn ích kỷ nữa. Thử hỏi đến ngày mai, khi rời khỏi chỗ này các anh có còn nghĩ đến em là Tuyết, là Hiền hay là gì gì nữa hay không.

Phùng im lặng không đáp, cúi xuống nhặt chiếc thuốc đặt lên môi. Hiền hỏi:

– Bật lửa của anh đâu?

Và không chờ Phùng trả lời, Hiền luồn tay vào túi quần của Phùng lục lọi. Nàng chú ý đến mảnh giấy gấp tư nằm cạnh chiếc khăn tay hôi và bẩn. Nàng tò mò mở ra đọc. Phùng nói ngay:

– Biên lai của nhà báo về việc đăng nhận tin tìm người nhà đấy.

– Bộ anh thất lạc gia đình hả.

– Không, một người bạn đồng đội.. Nó không liên lạc với gia đình từ nhiều năm nay. Bây giờ thì nó chết rồi. Và trước khi chết nó muốn người thân biết tin là nó chết.

Ngừng một lát, Phùng nói tiếp:

– Nó còn trẻ lắm. Hồi mới nhập ngũ nó mới tròn 18 tuổi. Nó ham đời lính nên trốn nhà tình nguyện nhập ngũ. Nó đánh trận rất hăng, và được ân thưởng

rất nhiều huy chương đánh giặc. Ba năm sau nó mới về thăm nhà với một ngực đầy huy chương. Nó muốn chứng tỏ với mẹ và chị nó rằng sự trốn nhà ra đi của nó là một việc hữu ích. Nó đã trở thành hữu ích. cho quốc và quốc gia ghi ơn nó. Nhưng không bao giờ nó được gặp lại người thân cả. Cả hai người đã dọn nhà ra đi, không để lại địa chỉ. Nó buồn bã trở về đơn vị, đánh trận hăng hơn, chiến công nhiều hơn và cuối cùng nó mất cách đây hơn bốn tháng.

Hiên vụt hỏi:

– Tên nó là gì? Phải Huy không?

Phùng sững sốt nhìn Hiên một giây rồi thốt lên:

– Cô là... chị Hiên phải không? Trời ơi!...

Hiên không đáp vụt ôm hai tay lên mặt đứng gục ở bên cửa sổ. Trong khi ấy Phùng cảm thấy ngượng ngập về cách ăn mặc lố lờ của mình... Gã nhồm dậm mặc quần áo thật nhanh, lòng cay đắng. Hai người không nói gì với nhau thật lâu và cuối cùng Phùng rút tấm ảnh của Huy trao lại lúc trước khi nhắm mắt tiến lại phía đằng sau Hiên nói ngập ngừng:

– Xin chị tha lỗi cho, giữa ảnh và người khác nhau quá xa, tôi không nhận được. Vả lại trong cuộc chiến tranh này, còn có điều gì mà không bị thay đổi. Trước khi chết Huy không trối trăng điều gì cả. Nó chết bình yên, trầm lặng trong tay tôi. Nó chỉ nhờ tôi trao lại cho chị tấm ảnh này và báo tin cho chị biết là nó đã mất. Nó xin mẹ và chị tha lỗi cho nó...

Hiền vụt quay lại, cặp mắt đăm lè:

– Mẹ tôi mất từ hai năm nay rồi....

Mẹ tôi giận nó vô cùng... Khi chết bà cụ không nhắm mắt được...

Phùng không đáp, lẳng lẳng nhét tấm ảnh vào lòng bàn tay run rẩy của Hiền rồi mở cửa phòng bước ra. Bóng tối chập choạng phủ kín dãy hành lang rộng bát ngát. Chiếc cầu thang sâu thẳm và tối om làm bước đi của Phùng thêm chập choạng. Gã bước thật nhanh như kẻ bị săn đuổi. Đầu óc gã trống rỗng. Gã không nghĩ được điều gì. Gã cảm thấy không có điều gì để bầu vịu ở đây, trong thành phố này, trong không gian ngập ngụa này. Gã ước mong mình có cánh để bay được ngay trở về đơn vị. Vì ít ra ở đấy, tuy thiếu thốn, đói khổ, hiểm nguy

và đầy đe dọa chết chóc nhưng ít ra gã còn tìm được một đôi điều an ủi, cho dù chỉ là nhỏ mọn.

KHÔNG CÓ ĐIỀU GÌ KHÔNG THỂ KHOAN DUNG

Nguyễn Bắc Sơn

*Ở các quận Bắc Bình Thuận
Có nhiều nhà điếm và nhiều trại lính
Nhà tu được người đời tôn kính
Kẻ cầm quyền được người đời nể sợ
Kẻ giàu sang được người đời bợ đỡ
Các cô gái nhà lành được người đời chiều chuộng*

Còn gái điếm được người đời khinh khi

Tôi không muốn tranh luận về vấn đề mãi dâm

Tôi chỉ muốn nói lên một điều dễ thấy

*Nếu không có các nhà điếm tại bốn quận
Miền Bắc*

Con số các cô nhà lành

Bị lính tráng hãm hiếp

Và lường gạt tình yêu

Đương nhiên sẽ gia tăng

Người đời vốn có thói quen

Khinh rẻ bất cứ ai

Gặp những bất hạnh cùng loại

Tôi nhân danh một kẻ làm thơ

Có một điều khuyên các cô nhà lành

Là trước khi vào giường ngủ

Nên nguyện cầu cho các ân nhân.

NHẮC ĐẾN MA LÂM

Chiều Thiện Giáo hồn mình đầy bóng núi

Con đường mìn ươn vết máu đông khô

Khu phố quận những đời người đã mới

Cỏ tranh đùn cao gió khói hư vô

Đêm ngủ đổ ngâm thơ cùng đại bác

Hồn lao đao trong chuyến trực thăng bay

Đâu có chắc mặt trời mai sẽ mọc

Trời ray mưa lành lạnh khiến thèm say

Khuya thức mãi trâm tư cây hồng lạp

Chảy trong lòng men nhạc Trịnh Công Sơn

Đêm không ngủ trong những ngày bão táp

Ôi những ngày máu ứa xác quê hương

Tôi hơi tôi xin tôi đừng chết nhé

*Bóng hòa bình thấp thoáng ở Miền Nam
 Ngày ta mong nằm trong tâm tay với
 Sao thấy lòng chưa dứt mỗi mang mang*

*Chiến tranh quá dài nên người quá khác
 Không thể mừng vui tiếp rước hòa bình
 Đêm đen quá dài nên người quá khác
 Không thể nào tin sẽ có bình minh.*

CŨNG TRẢ CHO ĐỜI

Từ Thế Mộng

*Ngày tiêu tụy cong dân trên mái rạ
 ta dừng quân, dừng lại bước chân xiêu
 mây lãng đãng, đã như lòng hối hả
 gạo vo xong khói xám đã un chiều*

*Trâu từng vòng, từng vòng, đi lặng lẽ
 lúa rơi vàng, rơm cũng rơi vàng
 theo trâu khờ khạo dẫm lên chiều quạnh*

quẽ

lúa rơi buồn vang mãi bước chân xiêu

Ta nhìn tiền thân ta, rướn cổ mà cúi đầu

ngậm ngùi bước cho bao giờ hết đất

rồi cuối cùng...

một tiếng kêu, nghìn vạn tiếng kêu theo

Máu thịt của ta, ruột rà của vợ

cũng trả cho đời, ta, chiều nay buồn hiu!

Lấy vợ 3 năm, con vừa 1 tuổi

lửa hận thù đã lên cao chói với

ôi nghìn sau cũng thẹn với hôm nay

ta cúi đầu, xin lỗi hai bàn tay

Ta vác súng lên vai, làm trai đền nợ nước

ôi vợ con ta vợ con ta, đền cho ai!

ta ngoảnh mặt nhìn lui, mây vùi khói sóng

ta ngẩng mặt nhìn trời, khói trắng đùn

hai vai

Máu thịt của ta, ruột rà của vợ

cũng trả cho đời, ta biết mang gì theo!

HỒI HƯƠNG

Đặng Trần Huân

Tuấn nghĩ rằng mãi sáu giờ chiều mới lên máy bay, nhưng Tuấn đã thanh toán tiền phòng từ tám giờ sáng. Giữ thêm phòng từ sáng tới trưa để nghỉ ngơi cũng phải trả thêm hai đô la như ở qua đêm. Uổng lắm!

Từ phòng trọ dành cho quân nhân ra tới phi trường quân sự không xa chỉ độ ba hay bốn trăm thước thế mà tắc xì cũng

tính một đô la. Cái đồng đô la không hay mất giá như đồng bạc Việt nên quý lắm, Tuấn phải tiết kiệm nó. Tuấn đi bộ. Hai chiếc va-li đầy quần áo, tặng phẩm kỷ niệm và hàng họ Tuấn mua cả năm nay, nặng quá. Hai tay xách hai chiếc không nổi. Chàng xách từng chiếc một. Đi một quãng lại đặt chiếc này ở lề đường để quay lại xách chiếc kia. Cứ thế khoảng mười lăm hay hai mươi phút sau, Tuấn và hai chiếc va-li cỡ lớn cũng tới được phi trường.

Tại đây chàng cũng đã thấy vài người bạn cùng khóa có mặt rồi. Họ gặp nhau bắt tay hơn hở mừng rỡ. Một năm trời xa quê hương, gia đình đề học hỏi những điều hay, lẽ lạ nơi Mỹ quốc vĩ đại này, hôm nay chuẩn bị trở về, mà lại về đúng dịp Tết thì ai mà không mừng rỡ.

Tuấn và một người bạn cùng ngồi

xuống hàng ghế đội, hai chiếc va-li để dưới đất. Tuấn hỏi:

– Anh và Thái cùng đi với nhau sao anh lại tới đây có một mình?

Người bạn trả lời:

– Tới tất cả hai đứa chứ! Nhưng nó còn ra P.X mua thêm đồ.

– R.X nào?

– P.X ở căn cứ này chớ ở đâu?

– Ở đây không gọi là P.X mà phải gọi là B.X.

Người bạn cãi lại:

– P. chứ sao lại B. được. Hợp tác xã bán hàng cho quân nhân ở đâu mà chả gọi là P.X.

– Nghỉ phép mười lăm ngày tôi về

đây ở 10 ngày, ngày nào chả đi mua hàng, chả trông thấy biển đề hai chữ B.X. Anh vừa về tới đây một tiếng đồng hồ mà anh cãi hoài.

Người bạn có vẻ đuối, nhưng vẫn chưa chịu thua. Anh hỏi vặn lại ;

– Anh nói thế thì tôi chịu. Nhưng P.X. là viết tắt của hai chữ Post Exchange nghĩa là nơi buôn bán trong đồn trại, còn B.X. là viết tắt của cái gì?

Lần này tới lượt Tuấn có vẻ đuối. Một năm trời ở Hoa Kỳ, Tuấn vào mua hàng ở cả chục P.X. rồi. Tuấn biết đó là Post Exchange, nhưng B.X. thì từ ngày về căn cứ hàng không Travis này Tuấn mới trông thấy là lần đầu.

Nhưng hơi đâu mà tâm nguyên mất thì giờ. Cứ biết ở đây bán hàng rẻ là được

rồi. Hôm nay bị Khanh hỏi vặn, Tuấn mới ngẩn người ra. Ồ! Tại sao lại B. mà không là P. nhỉ? Hay là đây là miền Nam nước Mỹ dân chúng địa phương cũng có thói quen đọc chữ P. thành chữ B như đồng bào của Tuấn ở miền Nam Việt Nam. Tuấn gật gù có vẻ đắc ý!

Chàng toan nói ý kiến đó cho Khanh nghe thì chợt ngừng lại ngay được khi nghĩ ra rằng nếu Người Mỹ miền Nam có đọc chữ P. khác người Bắc đi chăng nữa thì khi viết vẫn viết là P. chứ đâu có viết sai chính tả.

Mặt Tuấn lại thừ ra. Khanh thấy dồn được bạn vào chỗ bí cũng khoái rồi nên thôi không hỏi thêm. Vả lại nếu hỏi mãi, Tuấn bí quá lại yêu cầu Khanh giải thích thì gậy ông lại đập lưng ông. Khanh hỏi sang chuyện khác:

– Anh mua gì mà hai va ly đầy ắp thế?

Tuấn ấp úng:

– Có gì đâu. Đồ dùng lật vặt công kênh, với ít quà về tặng bà con, bạn bè.

– Mua gì thì nói đại! Cùng cánh với nhau mà. Có gì mà giấu.

Tuấn cười không đáp.

Phi trường lúc ấy đã đông hơn trước. Một chiếc phi cơ phản lực từ Việt Nam chở theo một số lính Mỹ hồi hương. Cũng có cả một số quân nhân Việt sang Mỹ tu nghiệp.

Mới tới Mỹ lần đầu họ ngỡ ngàng, chạy lăng xăng. Gặp người Việt sắp trở về họ mừng rỡ tới gần bắt tay chào, hỏi. Họ tíu tít mua bưu thiếp in hình

phong cảnh Travis gửi về cho vợ con biết là mình đã tới Hoa Kỳ. Có người làm quen ngay với người sắp trở về hỏi chỗ ở rồi gửi thư tay cho người bạn hồi hương mang về hộ cho vợ con mau biết tin là mình đã vượt Thái Bình Dương bình an vô sự.

Khanh rủ Tuấn:

– Còn nhiều thì giờ lắm tôi với anh ra commissary mua ít nho đi!

– Mua để vào đâu?

Hỏi xong câu ấy, Tuấn chợt nhớ ra không thấy Khanh mang theo va ly. Chàng ngạc nhiên hỏi bạn:

– Va-li của anh và anh Thái để đâu?

– Trong kia?

Khanh chỉ tay về phía cuối dãy nơi có một dãy ô kéo ở sát tường. Đó là những ngăn tủ cho thuê. Bạn chỉ việc bỏ vào một đồng 25 xu bằng kim khí vào cái lỗ nhỏ phía trên mỗi ngăn tủ một chiếc chìa khóa sẽ rơi ra. Bạn mở ngăn tủ và cho đồ đạc vào khóa lại, rồi đi chơi. Chỉ phiền một nỗi ngăn tủ chỉ có cỡ nhỏ nên không thể để được những va-li cỡ lớn như của Tuấn. Chàng hỏi Khanh:

– Va-li của anh và anh Thái gửi trong đó vừa hả. Thế các anh không mua đồ gì mang về à?

Khanh lắc đầu:

– Mua làm gì cho nặng. Hàng lậu của Mỹ ở Sài Gòn thứ gì không có mà phải mua ở đây mất công.

– Thế anh mang tiền về Tân Sơn Nhất phải khai rồi đổi theo giá chính thức thì ăn thua gì?

Khanh bĩu môi:

– Sức mấy mà khai?

– Không khai, quan thuế họ khám thấy họ tịch thu.

Khanh cười hể hể:

– Một năm trời ở Mỹ anh có để dành được hai ngàn đôn không? Nếu được, anh đổi lấy toàn giấy một đồng để mang về hay sao mà sợ khám. Anh vào băng đổi toàn lạc biểu (large bill) bỏ vào ví, ai khám ví anh?

Muốn để cho Tuấn hiểu lạc biểu là những thứ giấy lớn, mà dụng tâm đổi cũng không được nhiều. Khanh móc

những tờ 100 đô la xòe ra như cái quạt phẩy phẩy lên mặt và nói đùa:

– Lên máy bay nóng, lấy cái này mà quạt thì sướng biết mấy. Về Sài Gòn đổi giá chợ đen 300 đồng một đôn. Anh xách cả hai va ly đầy quần cao bồi và áo ban-lon mệt mà có bằng không? Mà lúc nào anh cũng khư khư ngồi trông va-li không dám đi đâu.

Quả là Khanh nói đúng. Kẹt hai chiếc va-li Tuấn không thể bỏ đồ đi theo Khanh, nên Khanh đã đi mua nho một mình. Hoa quả ở đây chỉ có nho ngon và rẻ nhất. Ba cắc một bịch nho tươi mọng nặng tới hơn nửa cân tây. Mua ở Sài Gòn phải bốn năm trăm đồng. Nhiều bạn bè của Tuấn cũng đã bàn tính khi về sẽ mua vài ký nho mang về làm quà. Nho bỏ vào sắc cầm tay không sợ bể nát mà cũng không bị trừ vào số 100 cân Anh được

phép mang theo. Nhưng bây giờ đã lỡ, Tuấn không rời phi trường Tuấn đành tới mấy tiệm bán đồ vật ngay bên trong phi trường ngắm nghía những đồ lặt vặt bán tại đây như quần áo, dao cạo, sách báo, thuốc đánh răng, đồng hồ, nước hoa v.v... Thỉnh thoảng chàng lại liếc về phía hai chiếc va-li lớn ở phía xa xem còn hay mất.

Đồng hồ chỉ 10 giờ. Các bạn bè cùng học một khóa ở cùng một trại với Tuấn, giờ đây đã có mặt gần đủ tại phi trường. Khi mãn khóa học tất cả đều được nghỉ 15 ngày phép có lương và được phát trước một số tiền lệ phí tính theo khoảng cách từ trường học tới phi trường Travis là chặng cuối cùng để lên máy bay về nước.

Vì nơi Tuấn học ở miền Đông nước Mỹ phi trường Travis ở tận miền Tây nên số tiền lệ phí phát trước lên tới gần 200

đô la. Có người xài sang dùng tiền này mua vé máy bay cho nhanh. Phương tiện này đắt tiền nhất. Có người đi bằng xe lửa để xem xe lửa của Mỹ ra sao. Nhưng đa số đều sử dụng xe buýt, một phương tiện giao thông rẻ tiền và dễ la cà dọc đường. Đi xe buýt chỉ hết nửa số tiền lệ phí được cấp phát, dọc đường khi băng qua ngang nước Mỹ, thấy thị trấn nào thích thú xuống ở lại một hai ngày. Chán lại lên xe buýt khác không phải đổi vé. Đồ đạc đã được hãng xe đưa đến tận nơi.

Có người tiết kiệm tiền mà cũng không thích du lịch thì thời gian nghỉ phép họ ở lại ngay nơi học, tiền trợ được rẻ 5 cắc hay một đô la một ngày. Tuấn cũng không không thích du lịch, nên mãn khóa là về hưởng những ngày phép ngay ở căn cứ này để chờ ngày về nước. Có điều Tuấn tưởng giá tiền trợ ở đây

cũng như ở các căn cứ khác không ngờ lại đắt gấp đôi, ba.

Một nữ quân nhân cùng học với Tuấn, nghỉ phép, đi Nữ Ước, Chicago, lu bù giờ này cũng có mặt kia rồi. Trông cô có vẻ bảnh lắm. Mặc duýp nhà binh ngắn, cô cũng mang đôi vớ nilon mỏng bó sát da thịt như những người đàn bà Mỹ chính cống. Một hai anh Mỹ trẻ đi cùng xe, tíu tít xách va-li hộ cô, lịch sự như người Tây phương chính cống.

Nhiều người Việt khác học ở các tiểu bang khác cũng có mặt tại đây để về nước cùng chuyến máy bay với Tuấn. Sĩ quan cũng nhiều lắm. Có cả cấp trung tá.

*

Khanh đi khỏi một lúc, thì Tuấn gặp Thông và Trí, hai người được bọn Tuấn gọi là cặp bài trùng. Họ cũng rời trường ngay sau khi tan khóa, nói là đi Hoa Thịnh Đốn. Tuấn hỏi:

– Hai anh ở Hoa Thịnh Đốn lâu thế chắc vui lắm nhỉ?

– Đâu có. Ở Hoa thịnh Đốn tốn lắm, có một ngày là bọn này về đây liền.

– Sao tôi không gặp các anh.

– Chúng tôi ở Cựu Kim Sơn.

Cựu Kim Sơn là thành phố cách xa căn cứ Travis lối 50 cây số.

– Trời! Ở đó chịu sao nổi tiền ô-ten. Chắc phải ít nhất 5 đôn một ngày.

Thông cười:

– Ở khu Tàu còn rẻ hơn ở đây. Khu đó có những ô-ten cho thuê tuần, mỗi tuần 10 đôn. Hai đứa chúng tôi ở chung nhau mỗi đứa mất có 5 đôn có rẻ hơn anh ở đây một tuần 14 đôn không. Ăn uống cũng tiện. Ra khu Tàu, mua đủ thứ về nấu lấy. Rau cải, rau cần, su hào, mộc nhĩ, dưa chua có đủ. Tội gì mà về đây ăn hamburger...

Tuấn ngán người, ngửa đầu nhìn lên trần nhà có chiều như tiếc rẻ.

Mười một giờ bắt đầu cân đồ. Không khí khu vực này nhộn nhịp hẳn lên. Hành khách có vé xếp hàng một lần lượt tới quầy cân, Mỹ và Việt Nam xếp hàng lẫn lộn. Khanh và Thái chỉ có mỗi người một va ly nhỏ nên phăng phăng xếp hàng trước. Những người có nhiều đồ còn nấn

ná nghe ngóng. Số lượng đồ mỗi người mang theo tối đa là 100 cân Anh. Khanh và Thái cân xong lấy giấy thông thả đi ra. Một người khác bị các nhân viên cân hàng từ chối khám giấy vì va-li ông nặng tới 120 cân. Họ yêu cầu ông bỏ bớt đồ. Năn nỉ, phân trần, cãi cọ rồi cuối cùng ông phải xách va ly ra ngoài hàng.

Sự kiện này là một biến cố đối với những người chưa cân mà mang đồ quá công kênh như Tuấn. Họ xúm lại xung quanh ông khách 120 cân hỏi thăm. Ông mở va-li lấy đồ đạc ra ngắm nghía, cân nhắc xem nên bỏ thứ nào giữ thứ nào.

Một ông to con đứng bên ông nói:

– Tôi ở đây mười ngày rồi. Hôm nào tôi cũng ra coi cân đồ. Thường thường quá một hai chục cân nó vẫn cho đi. Hôm nay khó vì cách đây mấy hôm có

một ông người mình gây gỗ với tụi nó đấy mà.

– Sao. Đầu đuôi làm sao?

– Của đảng tội ông ấy mang hơi nhiều đồ. Có lẽ tới 160 ký. Ở đây chúng nó không chịu. Ông năn nỉ mãi nó không nghe, ông nói với một thằng trung úy Mỹ nó cũng từ chối. Tức mình ông ấy lấy đồ vứt tung vào sọt rác và bảo thằng Mỹ rằng: “Anh ở đây yên ổn anh làm khó. Bao giờ anh sang Việt Nam thì anh mới biết”.

Hôm sau thì thấy có một nữ đại úy Mỹ kiểm soát việc cân đồ. Con mẹ nói rằng: “Tôi là đàn bà nên không sang Việt Nam chiến đấu đâu”.

Trong lúc ấy, những hành khách Việt Mỹ và các quốc gia khác vẫn tuân tự xếp

hàng để cân đồ. Quân Nhân Mỹ sang Việt Nam, Wake hay Xung Thăng đảo nhậm đơn vị mới thường mang ít đồ đặc hơn là hành khách Á Châu từ Mỹ trở về.

Hai va-li của Tuấn tuy đồ sộ công kênh nhưng bên trong chỉ có quần áo, búp bê, và các đồ nhẹ nên tổng số trọng lượng chưa tới 110 cân. Nhân viên phụ trách cân mỉm cười chúng nhận trên vé máy bay của Tuấn. Tuấn thở phào khoan khoái. Giờ thì nhẹ nhàng, thơ thoi rong chơi để chờ tới giờ lên máy bay mà thôi. Không biết làm gì, Tuấn ngồi xuống hàng ghế gần đó giải trí bằng cách quan sát những người cân sau.

Lúc đó tới lượt Đản. Chiếc va-li lớn của anh nặng 115 cân. Không có gì trở ngại. Nhưng người lính Hoa kỳ yêu cầu anh cân chiếc tivi Zenith 13 inch đang cầm trên tay.

Đản cười duyên.

– It’s my hand bag. (Cái này xách tay mà!)

Người lính Mỹ không chịu. Đản phân trần bằng một thứ Anh ngữ ôn tồn chậm rãi. Viên nữ đại úy tới gần và giải thích:

– Ti-vi không được kể là xách tay. Vì xách tay phải nhẹ và nhỏ như ấn định trên bảng kia.

Nói rồi, bà ghi trên vé của Đản một dòng chữ “không có xách tay mang theo” trước khi trao trả Đản và cũng ân cần dặn chiều nay khi ra cửa chiếc ti vi của chàng sẽ không được chấp nhận.

Vụ rắc rối thứ hai này đã tạo ra nhiều quyết định mới ở phía sau. Còn mười hai người nữa thì tới lượt Thuận được cân,

nhưng chàng tách ra khỏi hàng mang chiếc va-li nhỏ tới một trụ sở bưu điện gần đấy gửi đồ về Việt Nam theo lối bưu kiện.

Không biết bên trong có nhiều đồ đáng tiền hay không nhưng Thuận đã phải chịu trả cước phí gần 20 đô la.

Trên hàng ghế chờ đợi chỗ gần tiệm ăn, Ban vừa mở chiếc va-li nhỏ: hơn mười bịch nho và đào tươi mòng mọng hiện ra dưới mắt mọi người. Ban bóc hết các bịch nho ra mời bạn bè. Chàng chia cả cho mấy em nhỏ Hoa Kỳ mỗi đứa vài chùm. Mẹ chúng cảm ơn người bạn Việt Nam rồi rít. Trong vòng 15 phút bữa tiệc trái cây hoàn tất. Ban thu nhặt những cuống trái cây vào va ly đóng lại rồi liệng cả va-li vào thùng rác. Va-li đồ của Ban, chàng đã cân thử hôm qua: vừa đúng 110 cân. Số nho mới mua trên 20 cân, Ban

định xách tay mang về làm quà nhưng kế hoạch này đã phải hủy bỏ vào phút chót.

Trung úy Hải và thượng sĩ Nhật là những kẻ ăn chơi, hào hoa phong nhã nên không lo lắng gì cả. Bao nhiêu tiền họ đã tiêu gần hết khi ở Mỹ. Hành lý hồi hương của họ kể cả đồ đạc bạn bè gửi mang hộ cũng chưa tới 100 cân mỗi người. Quả là lúc nghèo tâm hồn thanh thoi thật.

Trên hàng ghế đối diện dãy học tử cho thuê, một người Việt khác đang ngồi nói chuyện huyền thiên với 1 binh nhất và 2 trung sĩ Mỹ về phong cảnh Sài Gòn, về chiến cuộc tại Việt Nam, về quần áo và nhan sắc đàn bà Á Đông. Ông nói tiếng Anh rất thạo và lịch sự. Tuy cấp bậc ba người Mỹ sắp sang Việt Nam chiến đấu bảo vệ tự do còn nhỏ hơn người bạn Á Châu, nhưng ông này vẫn gọi họ là sir

(ngài) như đa số những người nói tiếng Anh lịch thiệp.

Cuộc đàm thoại tay tư rất tương đắc. Người bạn Á Châu mời Coca Cola. Những người bạn Hoa Kỳ mời lại la-ve Budweiser. Có đi có lại đàng hoàng.

Lát sau cả bốn người đứng dậy tiến tới xếp hàng chờ cân hành lý. Người bạn Á Châu khệ nệ xách chiếc va ly Samsonite lớn và mới. Hai người trung sĩ Mỹ mau tay xách hộ 2 chiếc va ly nhỏ cho ông bạn vui vẻ có duyên nhưng quá kệnh càng.

Thời giờ còn nhiều, không biết làm gì để tiêu khiển trong khi chờ đợi. Tuấn vào tiệm tạp phẩm chọn một số bưu thiếp hình ảnh để kỷ niệm. Chàng cũng mua thêm ba cặp khuy áo. Ở đây họ bán rẻ, mỗi cặp có một đô la. Một đô la mà tính

giá chính thức cũng hơn trăm đồng, nếu giá chợ đen có thể lên tới hai, ba trăm. (Từ ngày đi Mỹ, Tuấn mắc phải cái tật xấu là hễ mỗi lần tiêu món gì là lại hay đối chiếu tiền Mỹ với tiền ta theo cả hai giá đen và trắng).

Chọn mãi cũng chỉ có những cặp khuy có khắc chữ N là kiểu đẹp. Suy nghĩ, cân nhắc rồi Tuấn móc túi trả tiền bụng nghĩ thầm:

– Giá nó khắc chữ T. hay chữ S. thì tiện quá. Nhưng thôi rẻ thì cứ mua. Cất đi, biết đâu chả cá lúc mình phải giao dịch với những người tên Ngân, Ngọc hay Nhạ, Nhã thì có sẵn đồ biếu họ.

Tuấn thủng thẳng đi về phía cuối dãy, ra ngoài ngắm trời. Ngắm cho kỹ đi. Hôm nay là ngày cuối cùng mà được nhìn ngắm nền trời văn minh Mỹ Quốc.

Mai đây lại trở về quê hương tao loạn, đau khổ chết chóc. Với những công việc hàng ngày nặng nề trong sứ mệnh bảo vệ tự do.

Đang mơ màng, Tuấn giật mình khi Khanh tới phía sau vỗ lên vai Tuấn:

– Anh ăn gì chưa?

– Tôi ăn rồi?

– Khát quá! Vào Cafeteria kiếm ly sữa tươi uống đi anh!

– Cám ơn anh tôi không khát.

Khanh đi khỏi, Tuấn rùng mình. Nói tới sữa tươi, Tuấn lại nhớ tới những cơn đau bụng triền miên khi Tuấn “tiếp xúc” lần đầu với mồn đồ uống Mỹ này cách đây một năm khi chàng đang ở trên đường từ Việt Nam sang Mỹ.

Vốn tính cẩn thận, lo xa, Tuấn đi lần về phía cuối phi trường đẩy nhà để giải quyết mọi vấn đề sinh lý một lần chót. Chàng đẩy cửa bước vào phòng tắm để thay bộ quần áo dạ cho đỡ nóng.

Trước mắt Tuấn gần hai chục quân nhân Hoa kỳ đang tắm dưới hàng hoa sen cộng đồng. Tất cả đều trần truồng như nhộng. Những người Mỹ đen trần trụi như con gấu. Những người Mỹ trắng nhể nhại, lực lưỡng. Họ vừa kỳ cọ vừa nhai kẹo cao su, vừa nói chuyện với nhau như khi dự dạ tiệc. Ở đây mọi người bình đẳng. Không có màu da. Không có kỳ thị. Không có cấp bậc.

Tuấn thay xong áo, bước vội ra khỏi phòng tắm. Ở Mỹ đã lâu nhưng Tuấn vẫn không quen cái sắc thái cộng đồng, nhiễm dân tộc tính Tây phương quá tự nhiên kiểu này.

Chàng tìm sang phòng bên cạnh, nhìn thấy hình vẽ đầu người đàn ông trên cánh cửa, bèn móc túi lấy một cục bỏ vào lỗ máy tự động, rồi đẩy cửa bước vào.

Trời đã xâm xâm tối. Chiếc Boeing 727 có lẽ đã lên cao tới tám ngàn thước, bắt đầu bay thẳng bằng. Những hành khách Mỹ lim dim mắt ngủ. Hành khách Việt Nam nôn nao nghĩ tới quê hương mỗi lúc một gần, không thể ngủ được. Họ đọc báo, đọc sách hay nói chuyện rì rầm.

Trên hàng ghế phía trước Tuấn, tiếng hai người bàn nhau chi tiêu nốt những Mỹ kim cuối cùng họ còn giữ:

– Này, cậu còn được hai chục đôn không?

– Còn.

– Cậu có xem thời khác biểu lúc ở Travis không? Máy bay này ghé phi trường Okinawa lúc mấy giờ.

– Không nhớ!

Im một lát, rồi lại có tiếng nói:

– P.X. ở Okinawa rẻ hơn ở Mỹ nhiều lắm đấy?

– Sao vậy?

– Ở Mỹ là vùng đất thái bình. Wake, Okinawa hay Việt Nam được coi là vùng chiến trận nên giá P.X rẻ hơn nhiều vì được miễn mọi sắc thuế.

– Thật không?

– Có thằng bạn mình đi chuyến trước nó nói Okinawa là đất Nhật nên đồng hồ

Seiko ở đây chỉ có 20 đôn một cái.

Giọng người đối thoại có vẻ hơn hờ:

– Nếu thế còn bốn chục, phải bắt thêm hai cái nữa.

Tuấn không mấy chú ý tới toan tính của các bạn phía trước vì Tuấn không còn tiền. Tuấn dở xấp ảnh phong cảnh Travis ra coi lại. Tuấn chợt chú ý tới hai chữ Base Exchange. À thì ra B.X. là viết tắt hai chữ này. Tuấn định gọi Khanh nhưng bạn chàng ngồi cách những sáu hàng ghế.

Tuấn lẩm bẩm:

– Travis AFB là Travis Air Force Base, Căn cứ không quân Travis. Base Exchange là nơi mua bán đặt trong một căn cứ.

Nhưng mà thôi! Nghĩ tới B.X. hay P.X làm gì khi trong túi chỉ còn vài đồng bạc các mang về để làm vòng đeo tay. Tuấn hận lắm. Ở Mỹ học cả một năm trời mà còn quá ngớ ngẩn. Tại sao Tuấn không đổi tiền lớn như Khanh? Tại sao Tuấn không giữ lấy vài chục đồng để lát nữa mua đồng hồ Seiko. Tại sao Tuấn lại ở Travis tốn tiền phòng hơn ở Cựu Kim Sơn? Tại sao? Tại sao?

Tuấn giận lắm, buột miệng chửi thề:

– Tới Okinawa thế đếch nào cũng có thằng gãy chân.

Đang lim dim ngủ, người bạn ngồi bên Tuấn tưởng có tai nạn xảy ra giật mình hốt hoảng:

– Sao? Sao? Ai gãy chân?

Tuấn nhắc lại:

– Tới Okinawa sẽ có thằng gãy chân?

Người bạn đã tỉnh hỏi sáng:

– Tại sao?

– Máy bay chỉ ghé có bốn mươi lăm phút mà thằng nào cũng muốn chen lấn xuống trước để vào P.X. mua đồng hồ Seiko rẻ thì thế nào chả có đứa té hay què chân?

MÙA XUÂN NỮA

Hoàng Ngọc Liên

*Như bão táp tự tầng sâu địa ngục
 Gió bạo cuồng bàn tay nào đang tay
 Kẻ thân xác như lớp bùn ngẫu đực
 Được thọ sinh không ngực máu ướm đầy*

*Từng mầu đất, từng ngành cây, ruộng lúa.
 Từng hình hài, xương thịt Mẹ Việt Nam.*

*Từng thống khổ đến vô cùng, tàn phá,
 Từng oan khiên, từng đổ vỡ, điêu tàn.*

*Hoa Huệ trắng trước Tòa cao Quốc Tổ,
 Bỗng đổi màu vàng úa nắng binh đao.
 Những bông gạo của rừng xanh rục rỡ,
 Tả tơi tàn theo gió loạn phương nao?*

*Những giòng máu trào ra, tràn chữ S,
 Những con người dâng hiến, những hy sinh.*

*Những tiếng đạn bom, những lời gào thét,
 Những nguyện cầu, đêm tối đợi bình minh.*

*Nắng đổ lửa nhịp cầu muôn tủa hận,
 Chẳng còn gì đây nữa, những màu sơn.
 Đợi một chút linh thiêng xin cầu khẩn,
 Cho mưa rơi thấm ướt triệu oan hồn.*

*Cho hơi thở ngày đầu Xuân ngưng chiến,
 Cho con người còn máu nóng buông tim.
 Cho ngày mai vẹn tròn bao ước nguyện,
 Cho thiết tha bao viễn ảnh trong tim.*

*Mùa Xuân nữa, mùa Xuân chưa hoa nở,
 Bao nhiêu năm phương Bắc Tết lưu đày.
 Một giòng máu mấy khung trời hò hẹn,
 Quê hương ơi, xui mãi phút giây này!*

TRÊN ĐƯỜNG LƯU DIỄN NĂM XƯA

Phạm Lê Phan

GẶP XÀ THÌ ĐI

Chuyến lưu diễn ở Chương Thiện được dự trù cả tháng trước, với những công điện đi về 4, 5 cái. Tiểu Khu sở quan đã sắp xếp chương trình cho chúng tôi đàng hoàng, nhưng chờ mãi tàu bay không được, chúng tôi quyết định theo đường bộ từ Cái Tắc đi vào – con đường

này sẵn VC lắm, nhưng đi nhiều quá, chúng tôi đâm lì, hết sợ, lại được bảo đảm an ninh lộ trình và có hộ tống nữa. Chấp hết!

Nhưng đoàn xe gồm 1 jeep, 1 dodge, 2 GMC của chúng tôi đến ngã ba Cái Tắc chờ mãi không thấy gì. Liên lạc vào Tiểu Khu chỉ nghe lời mờ không rõ. Nghe nói có thiết giáp hộ tống, nhưng thiết giáp đâu? Con đường này chưa đi lần nào, đi ẩu cũng ngan ngán. Chúng tôi chờ nóng lưng, rát mặt, đói bụng cũng không được đi. Buồn quá, đành trở về Cần Thơ chờ... dịp khác vậy!

Lần đầu tiên dự định lưu diễn Chương Thiện của “gánh hát Nhà Bình” chúng tôi kể như không thành.

Lần thứ hai nghe nói có tàu bay, nhưng cứ lên phi trường châu chực từ

sáng đến trưa về ăn cơm nhà; rồi lại lên chờ đến tối về nhà... ngủ, để sáng hôm sau lại lên sân bay chờ nữa. Chúng tôi phải mất hai ngày nhong nhong trên GMC đi về giữa phi trường Cần Thơ và Bình Thủy, mới gặp được một anh lính Mỹ ở trần tròng trọc, vác con trăn to tổ bố đi từ phi đạo vào và, linh nghiệm thay, lát sau một chuyến Caribou hốt hết chúng tôi, trực chỉ Chương Thiện!

Thật ông bà nói không sai, gặp xà thì đi...! Chúng tôi gặp một con trăn to tướng như vậy thì phải được đi là cái chắc!

Ở CÁ VỊ THANH

Từ phi cơ nhìn xuống. Chương Thiện đẹp như trang sách Trung Hoa in chữ triện. Ngày xưa, đất này là một Khu Trù Mật nổi tiếng, được cố TT Diệm đích thân đến khánh thành cơ mà! Có

nhiều giai thoại ngộ nghĩnh được truyền tụng ở khu trù mật Vị Thanh, Hỏa Lựu này, nào là người ta đã trồng cam không gốc; người ta đã dọn những tiệm vàng, sạp vải từ Sài Gòn xuống trưng bày trong phố, chợ để che mắt “lãnh tụ anh minh” và quan khách nhân ngày khánh thành. Vài hôm sau, dĩ nhiên là phố xá Chương Thiện lại có quyền vắng như chùa Bà Đanh! Nào là nhiều chuyện nhập nhằng, nhiều anh giàu lớn trong vụ xây dựng khu trù mật này vân vân và vân vân... Nghĩa là đại khái không có một chút tiếng thơm nào ở cái khu trù mật mà một ông nhạc-sĩ-thời-sự nào đó đã đặt nhạc ca tụng.

Từ phi trường nghèo nàn-thấy-rõ của Chương Thiện, chúng tôi về thành phố bằng xe của Tiểu Khu. Con đường chạy song song với dòng sông, trơn trượt

như đổ mỡ. Chương Thiện đón chúng tôi bằng một cơn mưa đủ bầy nhầy khắp mặt đất và hàng chữ đúc trên bức tường vàng lờ lỏi của căn nhà sát mé sông: “Ở cá Vị Thanh”.

Cho đến khi về tạm trú tại Câu lạc bộ công chức tỉnh – ngôi nhà chỉ còn lưu lại dấu vết vàng son một thời, đủ cho chúng ta hoài niệm – tôi suy nghĩ mãi về mấy chữ chột thấy, như một câu reo mừng “Ở cá Vị Thanh” thì ra, đây là ngôi chợ cá, nhưng tang thương biến cải, tường lở ngói tan, chữ chợ chỉ còn lại nguyên âm cuối cùng cũng mất dấu:

Ơ, cá Vị Thanh!

Khi chúng tôi ra phố, Chương Thiện điu hiu trong cơn mưa chiều còn rớt lại. Phố xá ngác ngơ từng đống gạch đá ngủ gật dưới hàng cây còi cọc, xác xơ; khu

chợ bùn lầy như một ao cá tát cạn mà những người hôi cá đã ra về. Gió mang hơi nước phèn mặn mặn ở đầu môi, không gian ẩm ướt và lạnh gai gai...

Nơi chúng tôi tạm trú là căn nhà thủy tạ, con nước về chiều vỗ sóng đều đều vào bờ đá, nghe như mình đang phiêu bạt ngoài khơi trong một đêm biển lặng.

Cảm ơn sự lừa dối của trí tưởng đã cho mình những phút giây hạnh phúc tình cờ.

ĐÊM CHƯƠNG THIỆN

Khu chúng tôi ở, có lẽ đã bỏ hoang từ lâu nên không có điện, ngoài phố thì từ đèn đường cho đến đèn trong nhà đều không có công tắc, mỗi đêm chỉ có 2 tiếng đồng hồ có điện: 7 giờ đèn sáng và 9 giờ đèn tắt, ai muốn dùng nhiều thì

mắc nhiều bóng và ngược lại. Nhà nào thức khuya, muốn dùng thêm giờ thì cứ tự nhiên tắt... đèn dầu. Chúng tôi đem theo một máy đèn nhỏ, đủ ánh sáng trình diễn. Sân khấu được dựng lên ở khu chợ mới – khu này chỉ mới có sườn sắt và mái thiếc, bốn bề còn trống trải lộng lộng. Nhưng càng tốt, tránh được mưa gió bất thường cho cả khán giả và diễn viên.

Khán giả của một đêm Văn Nghệ công cộng ở tỉnh lẻ thường rộng lượng, dễ tính nên chúng tôi đã được tán thưởng nhiệt thành đến độ khán-giả-con-nít lẫn với diễn viên đẩy sân khấu! Tuy nhiên, đó chính là kích lệ, an ủi khó quên của chúng tôi trên đường lưu diễn.

10 giờ đêm hết chương trình, chúng tôi về nhà thủy tạ vừa lạnh vừa đói, nhưng xách xe đi khắp phố xá không còn

một quán cóc nào hé cửa. Hàng phố ngủ kỹ như chưa bao giờ được ngủ một đêm ngon lành đến thế! Không thể tìm được một thứ gì để ăn đỡ, nhưng khổ nỗi là tửu đồ Hoàng Linh Duy đã thủ một chai rượu thuốc từ chiều, bây giờ không có đồ nhậu, không lẽ đồ đi, cắt cổ không bằng đồ rượu, đâu có thể làm ầu vậy được!

Chúng tôi rủ nhau ra hóng... rét ngoài bao lơn nhà thủy tạ để bàn mưu tính kế để đối phó với... chai rượu thuốc!

Mở đầu là những lời trách lẫn nhau, tại sao không lo đồ nhậu từ chiều? Trách nhau mãi cũng chán, chúng tôi quay ra trách tỉnh Chương Thiện đi ngủ sớm – mới 10 giờ đêm đã không còn gì ăn! Trách gần, trách xa cũng chả có gì nhậu, chúng tôi bàn chuyện câu cá, tôm và mò cua bắt ốc, nướng lên nhậu đỡ. Nhưng bàn sông thì hay lắm, chứ thực hành

sao nổi giữa một đêm lạnh như vậy? Câu cá, cá không cắn câu, thối chí quá, chúng tôi đành chuyển tay nhau nhâm nhi rượu thuốc với... lưỡi và răng vậy.

Vừa lai rai vừa ao ước, tửu đồ mỗi lúc nhập cuộc mỗi đông, dân nhậu thường thảo ăn, ban đầu còn mơ mộng đến hột vịt lộn, khô mực; sau tụt dần xuống rau muống, rau ngổ cũng không có. Chúng tôi đã vớt cả lục bình lên toan ăn bấp non, nhưng sợ ngứa lại thôi. Sau cùng, có đứa đề nghị đi ăn trộm cái gì đó, một đứa đồng ý bàn: “sáng mai mình trả tiền người ta là cùng chứ gì! – Đã đi ăn trộm lại còn trả tiền! Lời bàn của Thánh Thán, Mao tôn Cương chắc cũng chịu thua trước câu chuyện quá bất ngờ, ngộ nghĩnh như vậy.

Riêng tôi, tôi giật mình nghĩ đến chuyện “khi-người-ta-đói”, người ta

đói, người ta có thể ăn mọi thứ, làm mọi việc bất lương – cũng may là chúng tôi chỉ mới và bàn suông thôi, chứ chưa làm. Chúng tôi mới đến biên giới của tội lỗi và kịp dừng lại, để quay về.

Cuối cùng, chúng tôi bàn đến những chuyện phải bàn giữa một đám thanh niên ngà ngà say, chúng tôi ca tụng nhan sắc các tài tử trứ danh Âu Mỹ. Và, có lẽ nhờ mấy cặp đùi, bộ ngực, vòng eo, vòng hông của mấy cô tài tử này mà chai rượu thuốc hết veo, nhiều đứa còn thòm thèm muốn uống nữa!

Khi chúng tôi đi ngủ, đã quá nửa đêm. Nhìn bóng mình sau ánh nến nghiêng đổ, chờn vờn trên tường, tôi cũng hơi “đã” nên nghĩ như một cuồng sĩ trên sân khấu:

– Ta là một anh hùng chưa gặp vận, chiều nay phiêu bạt đến bến sông này, dừng chân bên mái quán, hâm vò rượu lớn, gõ bát mà ca rằng... (ngáp dài) Á a... buồn ngủ riu cả mắt... cái ghế bố này êm thật!

ĐƯỜNG SANG LONG MỸ

Sau đêm trình diễn tại Bộ CH Trung Đoàn, chúng tôi được lệnh sang quận Long Mỹ trình diễn ban ngày. Nghe nói Long Mỹ là một quận nằm trên đường từ Cái Tắc vào Chương Thiện, cũng hơi ngại ngại, lại đi hơi sớm nữa. Nhưng không sao, chúng tôi được hộ tống — cuộc bao-vây-bởi-bạn này tuy có mang lại chút an tâm, song lại tăng thêm ít nhiều lo sợ và bị chạm tự ái nữa: cũng là lính mà chúng tôi đi đâu cũng phải dựa vào lực lượng bạn, sống dưới sự che chở, bảo vệ của những anh em cũng là... lính. Nghĩ lắm

khi cũng xấu hổ, khó chịu. Nhưng có lẽ cũng vì chút-tự-ái-còm ấy, chúng tôi đi Long Mỹ hăng hái hơn thường lệ — đỡ mang tiếng là lính Văn Nghệ, lính kiểng sợ giặc, chúng tôi cũng đi, cũng xông pha như ai, xem có sao không? Chúng tôi không nhát như-cáy-ngày đầu nhá!

Như hầu hết những con đường quê miền Tây, đường sang Long Mỹ cũng chạy song song với một dòng sông nhỏ. Những mái lá lúa thưa ẩn lộ sau rặng dừa nghiêng bóng dưới lòng ao cá đục lờ lờ...

Cánh đồng đã gặt hết lúa, gốc rạ vàng nhạt lẫn với cỏ xanh điểm tô thêm đẹp màu đất nước. Tôi nghĩ đến ngày thanh bình trở lại quê hương, những thôn ấp ngoạn hiền không còn ngậm sâu màu tối ám, lòng thù hận ra khỏi tâm hồn tất cả những người cùng chung quê hương, dòng giống Việt Nam.

Ngày ấy, nếu không nhiều tiền để làm một khách du lang thang trên đất nước để uống rượu, làm thơ ca tụng tình yêu Dân Tộc, tôi sẽ trở về miền quê làm một nông dân chân phác, dưỡng già trong không khí trong lành, với cỏ cây không biết xảo trá lọc lừa. Hoặc đem chút chữ nghĩa lem nhem, dạy cho lũ trẻ mang thân hình đen đũi, còm cõi, mang cái bụng ỏng đầy sán lãi, biết thế nào là phép vệ sinh tối thiểu, thế nào là tình yêu Dân Tộc, Quê Hương...

Nắng trưa lên cao vẫn không làm cho quận đường và phố chợ Long Mỹ sáng hơn. Chúng tôi nhìn rõ sự nghèo nàn, heo hút của quận này. Có lẽ sẵn mặc cảm nghèo nàn ấy, ông quận trưởng là một sĩ quan bộ binh, đã tiếp đón chúng tôi thật lạnh nhạt – lạnh đến run người giữa trưa nắng! Ông trưng cả cái sự vụ

lệnh ra để chứng minh rằng ông sắp đi Cần Thơ công tác. Suốt buổi trưa chúng tôi tạm trú tại quận đường, chỉ nghe ông phiền trách sĩ quan hướng dẫn của Tiểu Khu đã không báo cho ông biết có Văn Nghệ đến, thành ra không sửa soạn gì cả. Ông cứ lảng xãng khiêng hết tấm tôn này đến dựng chỗ này, rồi lại khiêng tấm khác đến dựng nơi khác – những tấm tôn mới có thể soi gương được làm chúng tôi phát ngượng! Vị sĩ quan hướng dẫn đưa chúng tôi ra chợ ăn cơm hơi trễ, vì ông Thiếu Úy phụ tá quận trưởng còn phải ra quán đặt trước – đất này kiếm được cơm quán cho mấy mươi người ăn, đâu phải chuyện dễ!

Tội nghiệp, chúng tôi thoáng buồn có lẽ vì không khí heo hút ở Long Mỹ hơn là vì thái độ băng giá của vị phụ mẫu chi dân ở đất này. Chúng tôi đến đây để làm

công tác cho đồng bào và anh em binh sĩ giải trí, chứ không phải để được ông Quận Trưởng đón tiếp – dù bằng bất cứ thái độ nào – Bởi chắc chắn rằng chúng tôi không trình diễn Văn Nghệ cho ông Quận coi... một mình!

Ăn uống xong chúng tôi về quận, ông quận đã lên xe jeep đi công tác Cần Thơ từ lúc nào. Theo đúng dự định, chúng tôi xin một xe lam thông tin đi kêu gọi giùm đồng bào lát nữa đến xem văn nghệ tại Hội trường.

Hội trường là một căn nhà lợp tôn, vách cũng bằng thiếc luôn nghe nói tôn viện trợ cũng chịu khó vượt sông băng đồng đến đây khá dồi dào.

Sân khấu được dựng lên với sự giúp đỡ của một đơn vị Nghĩa Quân tạm trú với gia đình họ tại đây. Anh em Nghĩa

Quân mừng lắm, họ than thở rằng ở đây buồn thúi ruột, chả có phương tiện gì giải trí ngoài ba-xi-đế và vợ... con! Uống đế riết rồi da khô se lại, nhăn nheo, mồm thếch cả!

Buổi trình diễn được đặt dưới sự chủ tọa của ông Phó Hành Chánh còn trẻ măng. Vừa đồng bào, binh sĩ, công chức cũng được vài trăm người. Nhưng chúng tôi không nản, chúng tôi quyết định trình diễn một chương trình thật đặc biệt, nặng về hài hước – chính những nơi hẻo lánh này đã làm cho công tác của chúng tôi có ý nghĩa, chúng tôi cần phải cố gắng để làm một cái gì xứng đáng ở đây.

Từ giã Long Mỹ sau khi mỗi diễn viên đã được anh em Nghĩa Quân tặng một ly đế, chúng tôi trở lại Chương Thiện với nhiều cảm giác vui buồn lẫn lộn, với

những tiếc thương hờn giận làm ngăn chặng đường về.

Trời thấp xuống và tối rất mau, gió từ mặt sông lộng vào căn nhà thủy tạ lạnh căm căm. Giấc ngủ đến sớm trên thân người mệt lả.

ĐƯỜNG VỀ

Từ trên phi cơ, chúng tôi nhìn lại Chương Thiện lần chót, những dãy nhà vuông vắn, đều đặn thẳng hàng như trang sách Trung Hoa in chữ triện. Nhưng, giờ đây khi ngồi viết lại những chữ này trang sách trong lòng tôi chợt xưa cũ như một kỷ niệm – một kỷ niệm xót đau!

Chương Thiện như một ốc đảo viễn biên dị vực, nhưng ở đó các bạn tôi đang chiến đấu, đồng bào tôi vẫn bám vào ruộng vườn để sống – sống trong những

điều kiện khó khăn, giữa đôi mắt cú vọ của loạn ly rình rập.

Chúng tôi đến Chương Thiện làm gì nhỉ? – Công việc của chúng tôi làm thật nhỏ nhoi, xa xỉ. Sau một tuần công tác, có lẽ chúng tôi chưa gây được gì trong lòng ai cả. Biết vậy, tại sao chúng tôi lại về? Chúng tôi chạy trốn, bỏ Chương Thiện lại với mưa bùn nắng bụi và bỏ Long Mỹ lại với cô đơn.

Chương Thiện đã dẹt thêu nhiều huyền thoại thì Long Mỹ còn nhiều lời đồn đại hơn, nhưng chúng tôi bất lực, chúng tôi chỉ là một đoàn hát lưu động nhà binh, làm vui mọi người trong chốc lát. Chúng tôi đến và đi như những cánh chim.

Và nương theo cánh chim phiêu bạt ấy, đã 4 năm rồi tôi chưa có dịp trở lại

Chương Thiện. Theo dõi Chương Thiện qua báo chí, chúng tôi chỉ được biết một vài trận đánh, một vài vụ pháo kích của giặc thực hiện không hiệu quả vào Khu Trù Mật cũ ấy.

Chương Thiện đã chịu đựng được tất cả những sóng gió của cuộc chiến để đứng vững giữa một khoảng trời. Có lẽ bây giờ Chương Thiện đã đổi thay nhiều lắm – sự đổi thay nào chẳng mang lại những vui buồn? Nhưng, trong thâm tâm tôi vẫn ước ao, Chương Thiện bây giờ đang rục rở trong niềm vui mới.

Bốn năm rồi, sau 4 năm giữa thời loạn lạc này, bao nhiêu là biến chuyển, bao nhiêu là biển dâu. Chương Thiện dưới cánh tàu bay bông bênh trong mây đục năm xưa, bây giờ đã ra sao?

Có những ngày tôi nhớ Chương Thiện hơn nhớ một người yêu – người yêu chỉ gặp nhau thăm thiết một lần và bây giờ rờng rã 4 năm cách biệt.

– Chương Thiện ơi! Chương Thiện ơi!...

CHUYỆN CẢM ĐÀN BÀ

Đặng Trần Huân

ÁO MĂNG-TÔ

Loan nói với Thúy:

– Năm nay nhiều kiểu măng-tô đẹp. Nhưng đắt quá. Tuy vậy, tao cam đoan với mày sang năm tao sẽ có một cái thật đẹp với bất cứ giá nào?

Quả nhiên mùa đông năm sau, Lan đã có cái măng-tô như ước muốn. Chỉ phiên một nỗi Lan không thể cài được khuy.

CAO BỒI TẾCH-XA

Tại miền viễn Tây nước Mỹ. Hai anh cao bồi ngồi trên lưng ngựa đi bên nhau, mắt gườm gườm nhìn nhau phòng bị. Bất thành linh người thứ nhất quờ tay ra túi sau. Nhanh như cắt, người thứ hai rút súng bắn chết người bạn đồng hành. Rồi anh xuống ngựa khám xét người xấu số thì thấy ở túi sau quần anh này một chai rượu uýt-ky.

Trời! Tội nghiệp! Thì ra anh ta không định giết ta mà chỉ định lấy rượu mời ta.

Anh rút chai rượu tu một hơi hết rồi nói thêm:

– Ít nhất ta cũng nên tôn trọng ý muốn cuối cùng của anh ta.

TIN MỪNG

Hai thiếu nữ tâm sự với nhau:

– Này, tao nghe đồn mày sắp lấy thằng Tiến phải không? Nếu đúng thì tao có lời mừng cho mày! Còn nếu đó chỉ là tin đồn bậy, thì để tao gặp Tiến chúc mừng cho nó.

CÁI MÁY KỶ DIỆU

Một người Ái Nhĩ Lan di cư sang Mỹ lập nghiệp. Vốn liếng lúc đầu không có gì nhưng nhờ tính cần cù, chí thú ít lâu sau ông lập được một nhà máy làm xúc xích nho nhỏ. Mọi việc ông đều làm lấy. Ông nuôi heo, khi heo lớn ông tự làm thịt rồi bỏ heo vào máy. Máy chạy, vài phút sau

xúc xích tuôn ra ở đằng cuối máy. Ông tự gói xúc xích lại, tự đóng thùng rồi mang lên xe chở ra chợ bán,

Nhờ chịu khó làm ăn và tiết kiệm nên vài năm sau ông đã có tiền gửi cậu con trai lên Hoa Thịnh Đốn theo học một Đại Học.

Năm năm sau thành tài cậu con trai trở về quê. Vừa về tới nhà quan sát xung quanh vài phút người con trai nhăn mặt...

– Con đi mấy năm rồi chả thấy thay đổi gì cả. Vẫn những máy cũ kỹ ngày xưa, vẫn chiếc xe cũ rích, ba vẫn ăn mặc rách rưới, vẫn cái nhà tồi tàn này...

Người cha dịu giọng:

– Thôi con, chính nhờ những xe cộ máy móc cũ kỹ mà cha đã kiếm ra tiền để

gửi con theo học tới bậc Đại Học. Con cũng đừng nên phụ bạc chúng.

Người con trả lời:

– Không phải con muốn như thế! Nhưng với đà văn minh hiện tại cha có thể đổi một nhà máy khác tối tân hơn. Máy gì mà cứ bỏ con heo vào đầu này thì xúc xích ra ở đầu kia hoai hoai. Ba không thể kiếm một cái má khác có thể bỏ một thỏi xúc xích vào đầu này thì đầu kia ra một con heo có phải lợi không?

Người cha lắc đầu buồn bã:

– Cái máy như con nói thì ba không có nhưng má mày có đấy!

TRIẾT GIA

Một triết gia nhận xét về hôn nhân như sau: "Người ta cưới nhau vì không chịu suy xét kỹ, người ta ly dị vì thiếu kiên nhẫn và người ta lại cưới nhau vì thiếu trí nhớ".

TÀN NHÃN

Cô đỡ nói với người đàn ông đang chờ đợi:

– Nói xin ông đừng buồn. Cháu nhỏ bất thường lắm không giống những trẻ khác đâu?

Người cha đáp:

– Không sao. Tôi cũng đoán như vậy vì khi có thai nhà tôi uống nhiều thứ thuốc ấy quá. Nhưng vì nó không được

như những trẻ khác nên tôi càng thương nó hơn.

– Con ông không có tay!

– Tôi vẫn thương yêu nó.

– Nó cũng không chân nữa!

– Không sao! Nó vẫn là con tôi.

– Nó không có cả thân người.

– Được! Tôi vẫn yêu nó như thường.

– Nếu vậy! Mời ông vào coi.

Người cha theo cô đỡ vào phòng, Trong chiếc nôi không có đứa trẻ nào hết chỉ có một cái tai thật lớn đang ngo ngoặt. Người cha cúi xuống nựng:

– Con yêu quý! Quả là con khác với con người ta. Con đừng lo. Con tin ở cha! Cha sẽ yêu thương con hết lòng.

Cô đỡ quay đầu lại:

– Ông ơi! Ông phải nói to lên vì nó điếc!

MÙA RIÊNG CỦA LOÀI NGƯỜI

Lê Tất Điều

Không bao giờ tôi có dịp nhờ vả bà lão hàng xóm nữa. Sáng hôm sau, không biết vì mò mẫm đi đâu quá sớm, bà lão bị trúng đạn chết cách cửa nhà khoảng năm, sáu thước, nằm úp sấp xuống mặt đường.

Trận đánh diễn ra hồi đêm ở xóm này chắc cũng ghê gớm nhưng nhờ trời cho

cái tạt ngủ say tôi chẳng biết gì. Thằng An kể rằng nó có nghe reo hò và tiếng súng lớn như ở quê nhưng không dám đánh thức tôi dậy.

Khói đen từ các đám cháy trong thành phố che khuất mặt trời. Buổi sáng âm u như sắp mưa. Năm sáu xác chết nằm rải rác trên con đường trước cửa nhà tôi. Hình như có một cơn bão kỳ dị vừa ào qua đây, làm thay đổi hẳn bầu không khí và ánh sáng. Những tiếng còi, những tiếng súng lẻ tẻ thỉnh thoảng nổi lên ở phía hai đầu đường.

Buổi sáng hứa hẹn đầy hào hứng và những cảm giác mạnh. Lúc rửa mặt tôi đã được bà chủ nhà cho biết sơ qua tình hình và nhắc nhở rằng từ lúc này tôi đã mất cái quyền bước ra khỏi cửa. Chuyện đó là thông lệ của các cuộc biến động. Thông lệ của riêng tôi là chẳng bao giờ

bỏ lỡ dịp coi các chi tiết một vụ biến động. Tôi rủ thằng con lớn bà chủ nhà đi chơi. Thằng bé cũng thuộc loại mắc bệnh tò mò nặng. Nó vừa thay quần áo vừa cười nói:

- Tình hình có vẻ gay. Ra đường, ta mặc cái quần xấu xấu một chút. Lỡ có chết cũng không sợ bị thiên hạ lột mất quần.

Bà chủ nhà cần năn khuyên can con và nhìn tôi oán trách. Tôi phớt tỉnh.

Hai chúng tôi đi về phía thành phố. Một số xác người đã được phủ mặt bằng một tờ báo hoặc bằng chính cái áo của họ.

Vừa đến ngã tư chúng tôi đã bị một tiếng còi chặn lại. May lúc đó có một số người bông bế, đùm gánh từ trong một

ngõ hẻm đi ra. Chúng tôi lẩn vào bọn họ, tiến thêm được một đoạn đường. Nhưng chỗ nào cũng có dây thép gai. Thành phố bị cắt ra làm nhiều mảnh vụn. Chúng tôi dừng lại với bốn năm kẻ tò mò nữa đang nhìn về phía một cái bót. Một chiếc xe vừa đậu ở cổng bót, người ta đẩy xuống hai tên mặc áo đen, quần đùi đen, bị trói... Một tên nhảy quăng lên như gà chọi, không phải để chạy mà để đá vào ngực một người mập mập mặc thường phục, cầm súng. Hai người xông tới ghì tay hắn. Hắn vùng vẫy như một kẻ điên khùng. Tuy nhiên, người ta cũng đã có cách nói chuyện với hắn. Hắn được đưa vào bót một lúc rồi được khiêng ra, thấy lên xe.

Khi chiếc xe chuyên bánh, người lính gác cổng bót hướng về phía những kẻ tò mò, thổi một hồi còi dài, rồi anh ta

chĩa súng lên trời nổ một tràng. Những kẻ tò mò ở quanh đấy cả, họ rút về nhà đóng ập cửa lại. Thằng con bà chủ nhà cũng biến đâu mất. Tôi nhảy vọt vào cửa một căn nhà có mái hiên như để tránh mưa. Con đường vắng tanh, tôi bắt đầu cảm thấy không yên tâm. Cả hai ngã tư đường lúc này đều có tiếng súng. Nơi ngã tư gần tôi nhất, một người cảnh binh đang quỳ nấp sau một cái thùng, tay lăm lăm khẩu súng lục, dáng điệu thủ thế hết như một tài tử trên màn bạc.

Những tràng súng nổ vu vơ như thế lại luôn luôn tạo cho tôi cái cảm tưởng là đạn đang bay đầy trong lòng đường, trước mặt mình. Tôi bước ra lúc này là có thể biến thành một cái xác như những cái xác nằm rải rác khắp nơi. Tôi bị tù luôn ở trước hiên căn nhà lạ mãi cho đến lúc có một xe tuần tiễu chạy qua. Những người

lính trên xe nhảy xuống quát hỏi, bắt tôi dạng hai tay, úp mặt vào tường cho họ khám xét. Khi đã chứng minh xong rằng mình là người lương thiện, tôi liền leo đèo theo chiếc xe đi tuần, vượt được qua ngã tư, chui vào một con đường hẻm. Nhờ con đường này tôi lần về được tới nhà, sau khi đã đi quanh co hơn hai giờ đồng hồ.

Thằng An bóc một cái bánh chưng để trên bàn. Nó soi trước một góc rồi. Lúc tôi ăn, nó ngồi cạnh, kể chuyện hàng xóm :

- Ông thầy bói kiếm chú.
- Lão ấy hỏi gì?
- Cháu không biết,

Chắc lại chỉ là một vụ gặp gỡ trao đổi tin tức. Trong vụ biến động nào cũng

vậy, lão thầy bói luôn luôn tìm tôi trước. Tôi chịu khó đi lượm tin tức và nhất là thường ngoan ngoãn nghe lão tổng kết, bình luận, không thắc mắc một tiếng.

- Ông y tá bị bắt.

- Ai bắt?

Thằng An ngắt ra.

- Sao mày biết?

Bà chủ nhà nói.

- Còn anh Sáu Dậu bị lính bắt, cháu thấy. Mấy người nói ảnh có lựu đạn, ảnh đi treo cờ. Mấy người uỳnh quá.

Dân xóm chắc lại khối người suýt xoa kêu chẳng ngờ. Sáu Dậu làm vua xóm này, sống bằng nhiều nghề. Nghề hiền lành nhất của hắn là gá bạc. Ngoài ra, cách năm bữa nửa tháng hắn lại đem

về một cái xe mới tinh, hì hục tháo gỡ. Nhà chật lại đông người, công việc làm thịt xe phải thi hành ngoài trời, trong góc nhỏ phía sau lưng căn nhà bỏ hoang của cụ Đốc phủ. Cả xóm ai cũng thấy, cũng biết. Để cho những bộ óc lương thiện khỏi băn khoăn phiền phức, lâu lâu Sáu Dậu lại biểu diễn bạn bè. Năm sáu người ăn mặc rần ri ngồi quanh cái bàn tròn trước cửa nhà hăn và giải sầu với mấy két la-ve. Đến khuya, khi mà xóm vắng lặng hăn, những kẻ tò mò lắng nghe câu chuyện của đám người này thì sẽ bắt gặp một khí thế đậm thuê chém mướn bốc cao ngùn ngụt. Chưa ai dám thử xem khi bọn họ phục thù thì nó ghê gớm như thế nào. Tôi có tưởng tượng cái cảnh Sáu Dậu bị trói, lòng hơi khoan khoái. Tôi vốn ghen với cái vẻ ngang tàng của hăn từ lâu.

- Tụi thằng Út hư lắm chú.

- Hư sao?

- Tụi nó đi coi mấy người chết còn nắm chân người ta mà kéo.

Trời đất! Trẻ con bây giờ thật khó hiểu, chúng có những lối giải trí khó ai ngờ được.

- Thế còn mày?

Thằng An không lúng túng :

- Cháu chỉ coi, không kéo.

- Mày không sợ à?

Thằng An cười ngớ ngẩn. Tôi cáu sườn, định đem vấn đề ma quái ra giáo dục nó một hồi cho nó biết sợ nhưng ở ngã tư gần nhà lại vừa vang lên một hồi còi, một tràng súng. Tôi mở cửa nhìn

ra. Đường vắng tanh, ngã tư đường có rào kẽm gai và có hai người lính, một người tựa trụ đèn, một người đang lăn cái thùng thiếc dọc theo đường mương. Cả dãy phố đóng cửa im im nhưng chắc chắn sau mỗi cánh cửa phải có vài ba đôi mắt tò mò kín đáo nhìn ra. Thằng An đứng sau tôi, chỉ sang nhà hàng xóm:

- Mấy người khiêng bà già vô nhà rồi.

Qua khung cửa sổ nhà hàng xóm, tôi nhìn rõ xác bà lão đã được quần chần đặt nằm giữa nhà. Trên bàn thờ còn ngọn đèn dầu khêu nhỏ bằng hạt ngô. Trước sân, cái ghế bà lão ngồi tụng kinh, lẫn tràng hạt buổi chiều hôm trước còn đó, nải chuối cúng cũng còn nguyên.

Mấy cái xác khác cũng được đưa đi cả. Bên kia đường, trước cửa tạp hóa còn

một cái áo da màu nâu đẫm máu nằm sát mép tường.

Phía Nam thành phố khói bốc lên càng lúc càng dày, tiếng súng vắng lại giòn dã, không ngọt.

Có tiếng gõ cánh cửa gỗ thông sang nhà bà chủ. Sợ thằng con trai bà đi với tôi còn lưu lạc chưa về được tôi ngại không muốn sang. Nhưng kẻ gõ cửa lại chính là hấn :

- Mà về hồi nào vậy?

- Lúc đứng trước cửa bốt đó. Thấy tình hình nguy quá, cháu chuồn thẳng. Thế nào? Chú tính sao?

Hấn có vẻ chờ tôi cho một quyết định. Tôi sang nhà bà chủ. Con cái bà đang buộc quần áo, đồ đạc thành từng bó. Bầu không khí Tết trong nhà khiến

mấy cô gái đón tai họa một cách hơi lúng túng, ngượng nghịu. Ngay cả y phục họ cũng chưa lấy lại được vẻ thường nhật. Họ tranh luận khá kịch liệt về những vật nên mang đi. Họ khám phá ra những món đồ bịch lâu nay vẫn bị bỏ quên trong nhà. Sự đùa cợt còn lẫn lộn trong cơn sợ hãi.

- Nhất định chạy sao bà chủ?

Câu hỏi của tôi cũng cố giữ sự đùa cợt, bình tĩnh cho hợp với tinh thần chạy loạn của mấy cô gái. Nhưng bà chủ không đùa. Bà cho tôi biết tất cả những tin tức mà bà đã nhận được. Xóm này sắp nguy rồi. Họ về đây trong Chùa và đã bắt mất ông y tá. Chắc giờ này ông ta vừa run vừa chữa cho những người bị thương. Chùa chỉ cách nhà chúng tôi khoảng tám trăm thước, ở xóm trong đã bị xé sổ gia đình, nhiều người bị dẫn đi

mất tích. Mọi tin tức do bà cung cấp đều có tính cách khuyên tôi nên sửa soạn khăn gói thật gấp.

Nếu muốn phá bà tôi chỉ việc nói một câu đại ý là cái cảnh chạy loạn nó “quê” lắm. Chắc chắn rất nhiều món quý giá của bà sẽ bị bỏ lại. Mấy cô gái sẽ khuôn vác càng ít, càng nhẹ chùng nào càng cảm thấy bớt quê chùng ấy. Nhưng tôi cảm thông với nét mặt hốt hoảng của bà.

Tôi trở về, định sang gặp lão thầy bói. Vừa ra khỏi cửa ba bước tôi đã bị tiếng còi của người lính chặn lại, đuổi vào nhà. Cái thu thanh lải nhải những bài hát lạ suốt buổi sáng. Bây giờ tôi có nhiều thời giờ rảnh rỗi để nghe một cách kiên nhẫn hơn. Một nữ ca sĩ nào đó đang thiết tha đặt câu hỏi: “Sao anh không đến” giữa tiếng đàn, tiếng trống rè rè như ở một

cái đĩa hư. Tuy vậy, một lát sau cũng có một nhân vật quan trọng đến, nói mấy lời trấn an dân chúng.

Tôi ngủ trước khi nghe hết lời phủ dụ và bị thằng An lay vai, đánh thức dậy.

- Chú! Chú! Uýnh nhau quá xá chú. Ngay cửa nhà mình.

Tôi choàng dậy nhưng chỉ dám nhìn qua khe cửa sổ. Hai người lính ở ngã tư đã biến mất. Trước cửa nhà tôi, một người mặc chiếc áo ka ki vàng, quần đùi, nằm sóng sượt. Tay chân hằn hình như còn nhúc nhích, cử động. Vẫn chỉ có tiếng súng từ xa vọng lại, âm ì, rền rền như pháo nổ lúc giao thừa. Con đường trước nhà tôi hoàn toàn yên tĩnh.

- Đánh nhau đâu?

Thằng An hoa chân múa tay :

- Hồi nãy. Cháu thấy mà. Mấy ông chạy rầm rầm còn kêu la om xòm. Ông nào cũng có súng.

- Họ có bắn không?

- Nghe điếc tai luôn.

Sao tao không nghe gì hết?

- Chú ngủ dữ quá.

Có lý nào tôi ngủ mê đến thế? Người ta bắn nhau rầm rầm trước cửa nhà mà chẳng biết gì.

Người nằm trước cửa nhà tôi vẫn cử động chân tay chậm chạp như đang mê sảng. Mặt hằn nghiêng về phía bên kia đường nên tôi không hiểu hằn già hay trẻ. Năm sáu vết đạn ghim trên bức tường rêu những lỗ hồng non tươi như vết thương. Giữa ngã tư đường những

vòng dây kềm gai cong lên như lưng con rắn đang uốn khúc. Con đường chột có vẻ bản thủ khác thường. Tôi có cảm tưởng nó chứa nhiều cát, nhiều cành cây, lá cây khô hơn thường lệ.

Một chiếc trực thăng ào ạt bay ngang, hướng về phía chùa. Phía xa, hai chiếc khác đang quanh quẩn trên một vùng bốc khói lâu lâu lại kêu lên như bò rống.

- Tao ra, để tao ra coi. Người ta bị thương thì mình phải lấy tình đồng bào mà lo, không có phân biệt gì hết. Để tao ra.

Giọng rệu rơ của cụ Ron. Ông cụ sống bằng nghề đập xích lô mặc dầu con cháu đầy nhà, đứa nào cũng có nghề nghiệp. Trong ba ngày Tết chắc chắn chai rượu để chịu một phần trách nhiệm về lời nói và cử chỉ của ông cụ.

Ông cụ Ron nhìn ngược, nhìn xuôi rồi đến thẳng bên kẻ bị thương. Một đứa cháu ông lò dò bước ra theo. Chỉ một lát sau, lão thầy bói và mấy người hàng xóm khác bắt chước ông lão. Đây là dịp tốt nhất để cả xóm tụ tập trao đổi tin tức. Tôi và An cũng góp mặt với mọi người.

Kẻ bị thương còn trẻ, chắc chưa tới hai mươi. Hắn trúng đạn ở sườn, vạt áo chỗ đó xơ ra, cháy nám, đẫm máu. Mắt hắn mở hé nhưng chỉ có lòng trắng. Cổ, một nửa mặt và mái tóc hắn đầy bùn, cát.

Thấy mọi người ra đông ông cụ Ron có vẻ tin tưởng ở những điều ông sắp làm. Ông quẩn vãi quanh người kẻ bị thương và phân bua :

- Thấy người mắc nạn thì cứu. Giúp người để đức cho con. Hồi ở dưới ruộng ai cũng thương tôi. Đất vùng tôi cứng

thấy ông nội. Đào cái huyết chôn đứa con nít cũng mất bạc ngàn. Vậy mà gặp mấy người nghèo tôi không tính một đồng. Đổ mồ hôi làm nghĩa rồi trời sẽ giúp.

Ông cụ gọi đứa cháu đẩy cái xe ba bánh ra. Tôi tưởng lão thầy bói sẽ nhân dịp này ba hoa về những ngôi sao đã đẩy thành phố đến cuộc biến động. Nhưng lão có vẻ nghiêm trang và sốt sắng giúp ông cụ đưa người bị thương lên chiếc xe. Lão cũng bản khoăn:

- Đường nào cũng cấm, làm sao cụ đi?

- Được mà! Mình nói với mấy người lính chớ. Chắc không ai làm khó đâu.

Cái xe ngấn, người bị thương phải nằm xéo, hai chân gác lên thành xe. Dáng nằm của anh ta thoáng trông thật đầy vẻ

đùa cợt, nghịch ngợm. Lão thầy bói vẫn chưa yên tâm :

- Rồi cụ khai làm sao? Lỡ người ta hỏi cụ có liên hệ gì với anh này thì sao?

- Mình ngay tình mà lo gì

Ông cụ nhảy ngay lên yên xe ba bánh, cử chỉ hệt như lúc leo lên xích lô. Chúng tôi ngấn ra mìn theo ông Ron. Ông lão có vẻ kiêu hãnh. Thỉnh thoảng ông nhắm người lên để đạp cho nhanh. Một người chỉ cái xác bà lão hàng xóm của tôi, thắc mắc:

- Còn bà cụ kia làm sao? Có ai đánh điện báo tin cho mấy người con trai không?

Câu hỏi chưa được ai trả lời. Ở ngã tư đường nổi lên một tràng súng. Cụ Ron vừa đạp xe tới đó. Chúng tôi thấy

ông cụ nhả xuống, giơ hai tay lên trời, bước tới mấy bước. Súng vẫn nổ dữ dội. Thình ình, ông lão quay phắt về xe, kéo tên bị thương xuống, lúi vào lề đường, để ngổ tựa vào một cái cột đèn. Sau đó, ông lão nhả lên xe, đạp quay trở lại. Chúng tôi đã chạy hết vào nhà, đóng kín cửa. Xe ba bánh của cụ Ron lướt qua cửa nhà tôi, sa vào những chỗ đường hư nảy lên rầm rầm. Ông lão chửi thề rầm rĩ. Kẻ bị thương ngổ tựa ở cột đèn có vẻ hoàn toàn bất động. Súng ở phía ngã tư bắt đầu nổ dữ dội.

Từ chiếc máy bay lượn ở phía chùa vẳng lại những tiếng oang oang đứt khúc. Cố chấp nối lại tôi ghép được một câu kêu gọi rời khỏi nơi này. Thằng An ngổ trên ghế vải nhìn tôi có vẻ đợi lệnh. Nó không sợ hãi, hoặc chưa biết để lộ sự sợ hãi ra mặt. Tôi quát :

- Bỏ bộ quần áo mới ra. Chọn bộ nào cũ nhất mặc vào sửa soạn chạy là vừa.

Tôi mở mấy cái hộp gỗ, soát lại tủ kiểm ít quần áo. Khi tôi quay lại thằng An đã lo xong hành lý. Nó ăn mặc hết như cái lần đầu tiên đến nhà tôi. Gói quần áo của nó bây giờ đầy cộm hơn và lòi ra những cái bìa của năm, sáu cuốn Thế giới tự do.

Nó lại đội cái mũ linh có vẽ lon trung sĩ. An đặt gói quần áo lên yên sau xe rồi quay ra buộc sách vở trên bàn thành từng gói.

- Cái đó bỏ mày.

- Uống quá chú.

- Ngu. Ra xếp giùm tao mấy cái áo. Sức nào mà khuan hết mọi thứ đi.

Thằng An vẫn bán khoán cho số phận mấy cuốn sách. Sợ tôi mắng, nó cử động vội vã, lôi thật nhanh mấy cuốn sách có hình ra, xếp riêng thành đống nhỏ.

Không phải số mệnh đã bày ra tất cả cuộc biến động này để cứu tôi. Nhưng ý nghĩ rất lạc quan còn sót lại của tôi lúc đó là: tôi sắp qua tai nạn tiền hung hậu kiết. Số tôi không phải đeo đẳng mãi cái của nợ trên trời rơi xuống này. Thành phố đang lộn xộn, tan tành. Trong một sự hỗn loạn mênh mông như thế, chả cần cố ý, thế nào rồi chú cháu tôi cũng có dịp lạc nhau. Thằng An tiếp tục cái số phận khốn nạn vất vả của nó, tôi được lương tâm để cho yên. Vùng này sắp thành bình địa rồi. Tôi sẽ dắt nó chạy cho tới lúc chúng tôi không làm sao tìm lại được nhau nữa. Từng khu phố cháy nghi ngút rồi sụp đổ, hàng trăm xác chết

rải đầy đường, thêm vào cái tai họa lớn lao đó một đứa trẻ lạc thật là chuyện nhỏ một giọt nước vào đại dương. Nó sẽ tan loãng, biến hình ngay tức khắc.

VỚI ĐỒNG LÚA ĐẦU MÙA

Phạm Cao Hoàng

đồng lúa ơi sáng nay có vui không
 tôi nghe gió tây đầy cả đất trời
 gió từ núi cao bay về rạng rỡ
 hãy nở những hạt đầu mùa đi lúa ơi.

 hãy ngát hương lên tận đỉnh mây
 để muôn người nằm nghe đất vỡ

cũng như trên những luống cày này
 tự do vừa nằm xuống

đồng lúa ơi lúa có đợi mưa không
 mà sao tôi nghe như không gian chuyển
 động
 nghe như ngàn năm còn xa vắng
 dù biết có một ngày nhìn lúa trở bông

khi lúa đã cao như là hạnh phúc
 thì cơm áo nào có nghĩa gì đâu
 nên tôi hiểu vì sao có lòng thù hận
 nên tự do giống như là chiêm bao

đồng lúa ơi tôi vừa trông thấy

ở cuối trời xa một cánh chim

cánh chim không như lòng mơ ước

nên làm sao chim về với tháng năm

tôi bỗng thấy mình là hoa là cỏ

ngủ với lúa với đồng xanh

để lòng mình rộn lên khi gió tới

hay là nghe sương rớt giữa đêm trăng

đồng lúa ơi hãy thử cùng tôi

hòa một điệu mà chắc chắn ở nhân gian

một ngàn năm không buồn nghĩ tới

và tự do sẽ chấp cánh thên thang

bấy giờ tôi sẽ thở như lúa thở

bấy giờ lúa sẽ cười như hoa cười

đây là thứ ân sủng lớn lao

thấm vào hồn như là vô tận

nghe gì không hỏi đồng lúa thân yêu.

CÂU TRẢ LỜI DỨT KHOÁT

Duy Năng

Khi chiếc tàu bốc hỏa giữa trùng dương
và lời kêu cứu gửi vào cho lục địa.

Người thuyền trưởng nghiêm khắc nhắc
lại lệnh đã ban hành.

Hãy để cho trẻ em được giải thoát đầu
tiên.

Trước cả đàn bà cùng người đau ốm.

Nhưng giữa phố phường này trẻ em đã
nằm yên.

Bên súng đạn được giao cho sử dụng

Có đứa còn sống xin về với mẹ cha khi
bị bắt,

Có đứa hãi hùng biết trò chơi không thơ
mộng như lời hứa lúc đầu.

Khi bước vào đám đông và lúc bắt đầu
câu chuyện trình bày.

Tất cả nhường lối cho đàn bà và người
đọc diễn văn lễ phép thưa cùng phụ nữ
trước tiên.

Trước cả vua quan quyền thế.

Nhưng giữa phố phường này, đàn bà
cũng được dẫn đi đầu về làm bình phong
hứng chịu.

Mìn, bộc phá và trăm thứ chất nổ giết
người,

Đàn bà nằm đó tim đã ngưng, nhưng mắt chưa kịp nhắm tưởng như còn để nhìn đứa hài nhi đang ngậm tràn đôi vú tìm thâm.

Đàn bà được đem ra để bị hấn thay cho chồng con đang cầm súng đứng trong hàng ngũ miền Nam.

Phụ nữ được trói ghì và chôn sống thay vì còn chẳng nên chạm nhẹ bởi cảnh hồng.

Khi bước vào vùng lịch sử, mọi người đều thở nhẹ im lờ.

Sợ tiếng chân khua động giấc ngủ của ngàn xưa

Nhưng ở đây, ngàn xưa không còn được biết tới,

Cung điện trở thành giao thông hào, chùa chiền, tượng đã trở thành bao cát ẩn thân.

Miếu vũ, nhà thờ ngổn ngang cùng gạch ngói,

Sư sãi, linh mục ban ân sủng cho người đang hấp hối, giờ đây không còn kịp cầu nguyện cho chính bản thân mình vì những phát đạn vô tình.

Tất cả những điều đó hoa đồng cỏ nội đều hay,

Tất cả những điều đó chim trời cả nước đều biết.

Tất cả những điều đó, hỏi người nhân danh cho giải phóng, cho tự do.

Tôi xin nhắc lại đây :

Buộc trẻ con phải cầm súng để giết người.

Rồi tự mình giết cả trẻ con vì sợ chúng ngày mai thành người lớn đứng trong hàng ngũ bên này,

Bản và chôn sống đàn bà vì chồng con họ là... đàn ông. (ôi thăm thương thay, bản án sao quá giản dị thế này!)

Đem cả phụ nữ lẫn trẻ con để thay bao cát chất trên miệng hố cá nhân.

Đem cả nhi đồng lẫn bô lão làm bình phong trên những chuyến xe chở đạn chở bom, chở thương binh tử sĩ.

Đốt cả nhà dân lành vô tội, đốt hàng loạt đốt hàng khu, để mong tìm sự sống cho mình.

Chiếm cả đền đài miếu vũ, lẫn chùa chiền.

Chiếm cả nhà thờ lẫn cô nhi viện và nhà thương để làm nơi phòng thủ, chống đỡ đạn bom

Tất cả những điều đó, từ 20 thế kỷ qua con người đã tranh đấu để được văn minh.

Giờ đây các người phủ nhận.

Giờ đây, mùa xuân Mậu Thân, các người bất ngờ mang đến.

Bởi người mang danh là tiến bộ, có ai ngờ phải gặp lại cảnh của thời man rợ hồng hoang xưa.

Nhưng các người đã dẫm lược để thi thành,

Không còn tai để nghe tiếng phản uất căm hờn.

Không còn mắt để nhìn những dòng lệ bi thương cùng cực, những nét mặt tuyệt đỉnh xót đau.

Không còn chút lương tâm tình cảm nào

để ngậm ngùi trước những nắm mồ chôn
vội ở bên đường.

Bởi chính các người đã từng chôn hàng
trăm người vào chung một ngôi mộ.

Những nắm mồ vô danh lấy ai làm chứng
tích cho thảm cảnh này.

Không thương để nào gây ra, không
nhân quả nào được giải thích,

Chỉ có các người chính là tội ác điển hình
và chúng tôi đây còn chút máu hồng và
danh dự sẽ là tảng đá làm bia.

Ghi sâu bản án cuối thế kỷ trên đất nước
của cùng chung một lịch sử nhưng được
giải phóng bằng xương máu và bạo tàn.

Tôi xin nhắc lại đây :

Giờ đã hết những ai phân bua cùng do
dự

Giờ đã hết những nghi ngờ và ngần ngại

Bởi sự thật đã trả lời.

Sự thật của điều tàn trong thống khổ
nhân danh từ tự do dân chủ, nhân danh
từ giải phóng ấm no.

Tôi nói với các người đã từ lâu trong tình
bằng hữu.

Chúng tôi nói với các người đã từ lâu
trong cốt nhục giống nòi.

Tưởng vết hằn con sông kia còn được
ngày ân hận đã xẻ cắt thịt mẹ xương cha.

Nhưng tim người đã tô vôi trát trấu

Nhưng hồn người đã thành đá thành cây.

Các người đến với thù hận trong lòng,
với tàn phá trên tay

Lấy máu nhuộm hồng cờ chủ nghĩa

Tàn sát bạn bè, chém cha giết mẹ
 Đồng bào già trẻ gái trai...
 Và đó là lần cuối cùng và đây là lần chót
 câu trả lời dứt khoát của chúng tôi.
 Đã đứng dậy muôn triệu người như một
 Đã đứng dậy như sóng triều lớp lớp
 Lấy hai trăm phát đạn các người bắn vào
 một thân xác làm hai trăm lần căm phẫn
 lớn hơn.
 Lấy nước mắt khổ đau rên gờm rên giáo
 Lấy đổ nát từ thôn lương xóm đạo.
 Lấy những mồ nông huyết cạn trăm nơi.
 Nén hết xuống hồn sâu cho nhớ mãi
 trong đời.
 Thay tiếng hát cho con bằng câu nhắc
 nhỏ

Cho đừng vì quên đến cuối cùng hơi thở
 Mùa xuân thú dữ các người.
 Một con ngựa đau cả tàu ngựa ngậm
 ngùi.
 Thế kỷ này đây thảm cảnh đó còn.
 Thở chết chôn kia sa lệ
 Nhưng các người với con người bằng
 tình cầu trệ
 Nhưng các người với đồng bào bằng tim
 gỗ đá.
 Văn minh Mác Xít vàng son.
 Trong cây cỏ khí trời, đầu sông cuối biển
 Trong tiếp nối những ai còn, trong nghìn
 thu ai vĩnh viễn.
 Đẳng cay thể chỉ một lần

Buổi các người về là máu xương dâng.
 Cũng là lúc Diên Hồng xưa trời dậy.
 Cũng là lúc máu hồng xưa tràn chảy
 Sục sôi lên từ huyết quản phương này.
 Trai gái trẻ già thủ khắc trên tay:
 Thân xác mất Việt Nam này không mất.
 Không chỉ là Cà Mau, còn Nam Quan
 bất khuất.
 Dòng sông kia mô vĩ đại đang chờ
 Dòng sông kia là huyết để các người.
 Gục ngã xuống với bạo tàn gieo rắc.
 Cho chúng tôi hận thù này chôn chặt
 Với vết nhơ danh đem đến từ người
 Mà cũng là câu trả lời dứt khoát.

TIẾNG SÁO CỦA NGƯỜI KÉP GIÀ

Nguyễn Ái Lữ

1

Đọc theo chiều sâu hun hút của một ngõ phố dài, vào giữa trưa im gió hừng hực nắng lửa, tiếng sáo vi vút ngân lên, dội thật cao, lơ lửng trên không rồi loãng tan vào không gian hoang vắng. Tiếng sáo ấy từng chập ngân lên, không theo một âm điệu nào có sẵn, nhưng véo von, buồn lâng lâng, như mang cả tâm

hồn nghệ sĩ chuyển vào cõi đời bát ngát này.

Tôi bàng hoàng mê nghe tiếng sáo. Từng giọt âm thanh réo rắc hay là tiếng than van của con người đang xoáy sâu vào khoảng trống buổi trưa - khoảng trống của một ngày cuối hạ. Tôi ngừng đầu nhìn qua cửa sổ, bắt gặp một ông già đang lững thững đi, đôi mắt lim dim dưới sức nóng mặt trời, đôi môi khô đặt trên ống sáo dài, toàn thân ông như se thắt lại để cho tiếng sáo được vươn lên cao, tỏa rộng ra xa, lọt đến tai những người dân sống trong ngõ sâu.

Không một bàn tay nào bỏ vào chiếc nón cũ của ông già một đồng xu. Giờ này không phải riêng tôi, mà còn nhiều người khác, nhiều người mà tôi biết không thể nào chợp mắt vào buổi trưa nắng lửa này, cũng đã nghe tiếng sáo

vẳng bên tai. Thế nhưng họ vẫn im lặng. Còn tôi, ông già đang đứng kia, nếu tôi chẳng ra gặp ông ta, đưa cho ông ta một cái gì, thì quả là một niềm tủi nhục lớn. Tôi biết trong túi cũng chỉ còn đủ tiền để trả tiền nhà và tiền cơm, mặc dầu mới lãnh lương, nhưng tôi cũng vội vàng ra gặp ông già thổi sáo, sợ ông ta đi mất. Tôi bỏ tiền vào chiếc nón của ông ta, không nói năng gì, và bắt gặp ánh mắt lơ đãng của ông ta nhìn xuống. Tôi không nghĩ rằng đây là một gã hành khát lười biếng đang sống những ngày còn lại một cách phiêu lãng, như một tên du mục già. Tôi thấy rõ cái cung cách của ông ta là cung cách một nghệ sĩ, một tâm hồn yêu nghệ thuật, mà tiếng sáo là tất cả gia tài, vốn liếng của ông còn lại.

Ông già thổi sáo đó chỉ xuất hiện một hai lần vào buổi trưa, trong khu phố

tôi ở chi chít ngõ ngách như một bàn cờ tướng. Những ngày tháng sau đó, tôi chẳng còn được nghe thấy tiếng sáo ấy nữa, những tiếng sáo đột hiện như một huyền thoại xa xăm.

2

Tên hấn là Tư Ngọc. Trên sân khấu các rạp cải lương vài chục năm về trước, hấn là một kép hát “độc” có hạng, một ngôi sao sáng của vòm trời cải lương. Hấn chuyên thủ những vai độc đáo, ngang tàng khí phách mà lại si tình, như Từ Hải gặp Kiều ở chốn lầu xanh, như Lã Bố với Diêu Thuyền hoặc một Đường Minh Hoàng với Dương Quý Phi. Hấn là một đứa con trai út bỏ nhà đi theo gánh hát cải lương, mê những khuôn mặt trên sân khấu, mê giọng ca mùi, tiếng đàn

tiếng phách từ lúc mới lớn lên, với cái say sưa thích thú của một tâm hồn ưa giang hồ đó đây.

Hấn đi theo gánh hát nhỏ lưu diễn các tỉnh miền Hậu Giang. Ông bầu của đoàn hát này coi hấn như đứa em nuôi. Những ngày đầu hấn chỉ đóng những vai phụ. Tên tuổi hấn chưa ai biết đến. Hấn hầy còn trẻ nên chưa lột tả hết tâm lý các nhân vật. Có lần gánh hát ở lại tỉnh Sa Đéc mấy tháng liền. Ông bầu thiếu kép hát. Những kép khá ở với ông ít lâu rồi lại bỏ đi đoàn khác. Mà dân Sa Đéc mê cải lương. Ông muốn khai thác khả năng của Tư Ngọc. Ông biết hấn có thể làm hơn vốn liếng hấn có sẵn. Giọng hát của hấn có hồn nhưng chưa đến độ cùng của rung cảm. Ông vỗ vai Tư Ngọc bảo :

- Gái Sa Đéc ở đây đẹp mà lại mê cải lương. Ngọc làm sao chinh phục nổi giới

mộ điệu. Dừng để gánh hát này rã đám ở đây đây nghe.

Tư Ngọc bị kích động. Lòng tự ái của hắn nổi dậy. Lúc ấy hắn đang ngà ngà say, nhìn ông bầu nói:

- Ông bầu cứ yên tâm. Nếu không làm vừa lòng giới mộ điệu ở đây thì Ngọc này sẽ giải nghệ luôn.

Những ngày sau đó, gánh hát chuẩn bị diễn vở tuồng mới. Tư Ngọc sửa soạn cho mình vai chính trên sân khấu. Hắn sẽ là một tên cướp biển yêu một cô gái giang hồ. Một tên cướp biển, uống máu người không tanh, coi luật pháp như không có trên trái đất này, đi đến đâu cũng xưng hùng xưng bá, thế mà hắn lại phải mềm lòng trước nhan sắc và tình yêu chung thủy của một cô gái tầm thường,

bỏ nghiệp giang hồ, sống trở lại đời bình thường.

- Vai đó khó lắm đó. Ngọc hãy ráng mà đóng cho tự nhiên nếu không thì hỏng cả.

Ông bầu căn dặn Tư Ngọc từng ly từng tí, chỉ sợ hắn lúng túng làm hỏng vai trò. Tư Ngọc cũng không hiểu tại sao lần đầu đóng vai chính hắn lại thủ vai tướng cướp trên mặt biển. Những bức tranh quảng cáo vẽ rõ hình ảnh Tư Ngọc man rợ quỳ dưới chân một thiếu nữ hiền hậu được đem đi giới thiệu khắp châu thành Sa Đéc. Lúc đó Tư Ngọc không có hình ảnh một người yêu nào trong đầu óc. Những va chạm hằng ngày với một vài cô đào trong gánh hát, đối với hắn không phải là làm tình. Hắn tưởng tượng trong đầu óc một người đàn bà đẹp nào

đó ở gần để giọng hát, giọng ngân vang của hắn có thêm thần khí làm say mê khán giả.

Ngày trình diễn đã đến. Đêm đầu tiên, khán giả kéo đến chật rạp. Tư Ngọc trong vai một tướng cướp dọc ngang nào biết trên đầu có ai, đã làm hồi hộp và rung động bao con tim khi hắn quăng gươm xuống biển, thả hết những nô dân bị bắt đi theo hắn, rồi tự nhiên hắn nghe lời cô gái - con của một người nô lệ già bị bắt cùng trở lại đất lành mà làm lại cuộc đời. Trước khi có quyết định bất ngờ ấy, Tư Ngọc đã tập trung tất cả dân nô lệ trên sàn tàu, tuyên bố rằng :

– Bạo tàn đến đây là chấm dứt. Thời đại của ta đã hết. Nay ta trả tự do cho các người. Các người hãy quên thù cũ. Nếu ta không làm như thế này thì đến lúc nổi loạn các người cũng chẳng tha ta đâu.

Nói xong, Tư Ngọc ném thanh gươm đã vấy máu bao người xuống lòng biển cả, ôm lấy cô gái con người nô lệ già mà trở về với vùng đất hứa. Dân nô lệ dù sắp chết đói và chịu bao tủi nhục, bỗng vui sướng hoan nghênh tên cướp biển đến đứt hơi. Một thời đại mới đã đến với nô dân và kẻ cuồng bạo. Sân khấu rung động giọng ca mùi của Tư Ngọc và cô đào đóng vai địch vận sáng chói.

Dưới hàng ghế khán giả, một thiếu nữ lần đầu đi xem cải lương đã say mê theo dõi Tư Ngọc từ lúc đầu đến lúc tẩm màn nhưng bỗng xuống giữa sự bùi ngùi của khán giả. Con tim nàng cũng thổ, cũng rung, cũng sống những giây phút tàn bạo, hèn học, si mê và nhân ái của tên cướp. Vì tên cướp chính hắn là một người. Hắn đã không tự dối lòng hắn mãi được. Hắn đã chấp nhận tình

yêu của Thượng Đế dành cho hắn. Mặt nạ của hắn đã rơi trước tấm lòng chung thủy của một cô gái tâm thường.

Lúc các khán giả đã về hết, chỉ còn lại những hàng ghế trống rỗng ở giữa rạp thì người thiếu nữ vẫn còn ngồi lại với cái dư âm của tuồng hát. Tư Ngọc từ hậu trường sân khấu ra vén tấm màn nhung, thấy nàng ngồi đơn cộc liền chạy xuống hỏi:

- Cô có làm sao không? Để tôi giúp cô.

Thiếu nữ tỏ vẻ choáng váng, ấp úng nói :

- Tôi bị xây xẩm mặt mày. Ông để tôi ngồi yên một lát rồi tôi sẽ ra về.

Tư Ngọc ái ngại lấy dầu thoa lên thái dương người đẹp. Hắn cảm thấy ngậy

ngất vì đôi mắt người đẹp chiếu thẳng vào mắt hắn, mà hắn không thể nào tránh được. Một vài giây phút ngắn ngủi trôi qua. Thiếu nữ được ngắm kỹ khuôn mặt thật của anh tướng cướp. Nàng đứng ngay dậy, bẽn lãn nhìn Tư Ngọc mà không nói thành lời.

- Nhà cô ở đâu, để tôi đưa cô về.

Trước câu hỏi của Tư Ngọc, người thiếu nữ cảm động nói:

- Xin cảm ơn ông. Nhà tôi ở ngay Tỉnh. Tôi còn đến đây coi nhiều lần.

Người thiếu nữ ấy tuyệt đẹp. Đúng như lời ông bầu nói với chàng. Con gái Sa Đéc đẹp có tiếng. Đôi mắt nàng sắc như dao. Làn da không phấn mịn màng và đôi má phình phính như trái nho tươi. Người nữ khán giả vô danh ấy sau này đã

theo sát cuộc đời cầm ca của Tư Ngọc như hình với bóng.

Tư Ngọc được nhiều người biết đến từ sau đêm đầu trình diễn võ tuồng “Giai nhân và Tướng cướp”. Gánh hát của ông bầu được yêu cầu ở lại Sa Đéc ít lâu. Đêm nào có Tư Ngọc thủ vai chính là có mặt người thiếu nữ mộ điệu. Bây giờ Tư Ngọc không còn phải tưởng tượng hình ảnh một người con gái đẹp trong đầu óc như một sự gợi hứng mỗi khi chàng ra sân khấu nữa mà đã có hẳn một thiếu nữ bằng da bằng thịt theo dõi chàng đều đặn trong các đêm tối dưới ánh đèn sân khấu huyền ảo.

Người thiếu nữ ấy cũng bỏ nhà đi theo kếp Tư Ngọc. Nàng mê cuộc sống của chàng, mê theo tiếng gọi của con tim, trong cái không khí và âm điệu quyến rũ của gánh hát cải lương. Từ ngày có

người đàn bà ở bên cạnh, Tư Ngọc hát khởi sắc hơn. Những mối tình vụn của hắn với các cô gái bốn phương cũng bứt đi và hắn thay đổi tính tình, không còn bông bột như trước. Ông bầu không còn lo lắng về hắn. Ông khen hắn một câu:

- Từ ngày có vợ, Ngọc ca mùi mẫn lắm. Hãy ráng mà giữ lấy phong độ. Nhưng đừng lấy cái nghề ca cải lương này mà vinh thân phì gia, cũng đừng coi nó là một trò giải trí cho thiên hạ. Tôi là anh bầu không phải chỉ nghĩ đến bóc lột công lao của nghệ sĩ, mà phải khai phá các tài năng. Còn nghệ sĩ phải đem các tài năng của mình để mượn câu ca, giọng hát mà thức tỉnh người đời. Thiên hạ càng thối nát thì sứ mạng của các nghệ sĩ cải lương càng lớn, càng đáng được ca tụng. Không ai bằng các anh. Nhất định là không ai bằng các anh cả.

Câu nói ông bầu thốt ra từ lúc hẳn tự cho mình có nhiều kinh nghiệm về nghề ca kịch, làm cho Tư Ngọc hiểu rõ thêm cái nghiệp mà hẳn đang theo đuổi. Ừ cái nghề ca cải lương này nếu chỉ để giải trí cho thiên hạ thì nhàm quá và chẳng có gì đáng nói, nhưng mà trong câu ca, giọng hát mình phải nói được một cái gì để người ta nhớ mãi. Như thế là tạm thành công rồi.

Người vợ của Tư Ngọc có sẵn máu nghệ sĩ và cũng say mê ca cải lương. Nàng có một vẻ đẹp lộng lẫy rất hợp với sân khấu và đã làm mê mết nhiều khách mộ điệu. Vào thời đó các quan đốc phủ sứ còn đang có thế lực mạnh vì được Tây trọng dụng. Tiền của Tây, chức tước của Tây ban cho, một vài Ông Đốc phủ sứ sống đế vương như những ông hoàng.

Có tiếng đồn trong giới công bộc của Tây ấy như thế này:

- Muốn nghe cải lương thì nghe vợ chồng Tư Ngọc. Thẳng chồng ca mùi mà con vợ sắc nước hương trời. Có tốn tiền cũng không tiếc.

Thế rồi Tư Ngọc và đại ban được vời đến tư dinh một ông quan lớn để trình diễn cho các quan coi. Một sân khấu được dựng ngay trong vườn của tư dinh quan lớn. Một vài quan Tây được mời đến để thưởng thức cái hay của ca cải lương. Tư Ngọc thấy đây không phải là đám khán giả dân gian có trình độ thưởng ngoạn đại chúng, mà là một nhóm đối tượng phong lưu hống hách nhất xã hội. Vì thế vỡ tuồng mà Tư Ngọc đem ra trình diễn được chọn lọc kỹ lưỡng.

Khi các quan đã no say thì tấm màn trên sân khấu được từ từ kéo lên. Gió mát về đêm và nhan sắc của vợ Tư Ngọc làm các quan tỉnh táo lạ thường. Khóe mắt sắc như dao và y phục lộng lẫy của vợ Tư Ngọc đã thôi miên các ông quan. Các ngài tỏ ý há hê và khen chủ nhân là một tay sành điệu rất đáng mặt quyền quý.

Tư Ngọc trong y phục một ông quan An Nam, mũ cánh chuồn áo thêu rồng, chân đi ủng, trịnh trọng ra nói đôi lời với khán giả :

- Thưa các ngài, hôm nay tôi được hân hạnh trình diễn trước các ngài một vở tuồng hoàn toàn Việt Nam. Tuồng Tàu các Ngài coi đã nhiều, hơn nữa nếu đem tuồng Tàu ra diễn thì tôi e các quan Tây có mặt hôm nay không hiểu, hoặc cho rằng người mình không có tuồng

mà chỉ đi vay mượn ... thiên hạ. Vậy tôi xin bắt đầu.

Bữa đó, vợ chồng Tư Ngọc và toàn ban trình diễn vở tuồng đã được soạn riêng. Câu chuyện bắt đầu bằng một anh chàng khi còn hàn vi, học hành chưa nên cơm cháo gì, được một cô vợ nuôi cho ăn học thành tài rồi được bổ làm quan. Đến khi làm quan rồi thì anh ta quên người vợ cũ, lấy con một ông Tổng Đốc quý phái hơn. Dân tình dưới quyền cai trị của ông quan nọ đói rách, tủi nhục vì thực tế hãn chỉ nghĩ cách vợ vét để cung phụng cho bà vợ quen tính đài các, chứ không có sáng kiến gì để lo cho dân. Còn người vợ cũ từ khi bị đuổi ra khỏi nhà quan, giận đời tự tử không chết, sau đi mở một quán nước dưới gốc cây đa đầu làng.

Câu chuyện kết thúc bằng cái chết tức tưởi của ông quan. Chính viên lính lệ thân cận của ông quan lại giết ông ta, vì hắn đã biết quá nhiều về ông quan này. Và hắn hành động chẳng phải vì lòng thù hận nhưng vì máu anh hùng thấy chuyện bất bình không đành khoanh tay. Giết xong tên quan lại tội lỗi, viên lính lệ tự đi đến nạp mình cho nhà hữu trách. Chỉ có một người nhỏ lệ thương hắn đó là có bán nước đầu làng do vợ Tư Ngọc thủ vai trò rất vững.

Khi tắm màn sân khấu buông xuống, mấy ông quan Tây khen hay. Còn mấy ông quan ta trong bụng không hài lòng nhưng phải cứ giả vờ khen để tỏ ra đồng điệu với các quan Tây. Rượu sâm banh, một bó hoa tươi và hai cái huy chương đáng lẽ được chủ nhân đích thân trao cho vợ chồng Tư Ngọc ngay sau khi vở

tuồng chấm dứt, nhưng không hiểu vì sao lại bị chủ nhân gạt bỏ vào phút chót. Sáng hôm sau, ông bầu nhận được một giấy báo của tỉnh phải đưa gánh hát đi nơi khác vì đã quá thời hạn lưu trú. Ông bầu gánh hát không ngạc nhiên lắm về quyết định này của tỉnh. Ông cười bảo Ngọc:

- Vợ chồng chú mày đêm qua chọc tức mấy ông lớn phải không. Thôi được mình lại đi lưu diễn tỉnh khác. Đời mình giang hồ mà.

Tư Ngọc sống những ngày rục rờ nhất của cuộc đời ca cải lương, lang bạt khắp bốn phương, nhưng cũng có ngày buồn vì gánh hát tan rã, ông bầu vỡ nợ, đào kếp bỏ đi và khán giả không còn nhắc đến tên tuổi của gánh hát. Những ngày đó, Tư Ngọc như kẻ bị bỏ quên trong bóng tối, hẳn học với chính

mình và mượn men rượu để giải khuây. Hắn không thể sống xa ánh đèn sân khấu được lâu. Sân khấu và khán giả đối với hắn là những tình nhân nghệ thuật, thiếu vắng chịu không nổi. Còn vợ hắn đã chán nghiệp cầm ca, chỉ cầu mong có một đứa con. Một đứa con đối với nàng là đủ, nàng không mong gì hơn. Và nàng đã mãn nguyện.

Tư Ngọc lại bắt đầu xuất hiện trên sân khấu đô thành hoa lệ trong vai những nhân vật đầy máu và si tình. Tên tuổi hắn lại nổi dậy như sóng cồn và trong những đêm trình diễn liên tiếp, dưới hàng ghế khán giả lại có một người đàn bà khác say mê Tư Ngọc. Có lẽ cuộc đời thực tế quá nhiều chua chát đổ vỡ, mâu thuẫn nội tại cho nên có những người đàn bà con gái đi tìm ảo tưởng tình yêu qua vai trò của những kép hát mà họ thấy ưa

thích dưới ánh đèn sân khấu hàng đêm.

Lần này là một thiếu phụ trẻ đẹp say mê kép Tư Ngọc. Có điều lạ là đoàn hát đi đến đâu thì thiếu phụ có mặt ở đó. Tư Ngọc lọt vào lưới tình của nàng. Và chàng đã sống phiêu lưu những ngày lưu diễn bên cạnh thiếu phụ, như chàng đã từng diễn vai trò tương tự trong các vở tuồng cải lương. Vợ Tư Ngọc đã biết rõ chuyện này nhưng nàng không đả động đến. Nàng cũng không ghen tương như những người đàn bà khác. Nàng hiểu sự nghiệp của Tư Ngọc cần đến những người đàn bà, như nàng đã từng say đắm và đi theo chàng. Khi đã thỏa mãn khát vọng rồi, họ có thể lặng lẽ buông rời nhau để trở về cái thế giới riêng của mỗi người.

Tư Ngọc sống với thiếu phụ trong suốt thời gian hai năm đi lưu động các

tỉnh theo đoàn hát. Đến khi vợ hấn gửi cho hấn tấm ảnh của đứa con trai đầu lòng vào ngày sinh của nó, thì tự nhiên hấn thấy xúc động và hối hận vô cùng. Hấn khuyên người thiếu phụ hãy buông tha hấn, để hấn trở lại với người vợ cũ và đứa con. Hấn đã chạy trốn khỏi người thiếu phụ đó, khi nàng còn muốn theo đuổi hấn đến cùng.

3

Tư Ngọc quay lại nói với gia đình bé nhỏ như một kẻ đi xa lâu ngày trở về. Người vợ không trách móc hấn nửa lời. Tư Ngọc ngạc nhiên trước thái độ bình thản của vợ. Có lẽ chưa bao giờ, trong cuộc đời đóng tuồng, hấn lại gặp một người vợ hiền đến thế. Đứa con trai lớn dần và Tư Ngọc nghĩ rằng sau này nó sẽ

làm một nghề khác cái nghề của bố nó, nghề sường ca bạc béo và trôi nổi.

Sau những ngày tương đối thanh bình, chiến tranh đã trở lại đất nước này như một con bệnh kinh niên. Thân phận một nước nhược tiểu lại bị xâm xé bởi những bàn tay ốm yếu cầm võ khí của ngoại bang. Tư Ngọc buồn vì hết thời vàng son múa may trên sân khấu. Hấn trở lại đời sống tầm thường, trong một ngõ hẹp không ai còn nhắc tên tuổi hấn. Còn vợ hấn, trước kia là một đào thương nhan sắc lộng lẫy, đã từng làm mê mết những khán giả mộ điệu, làm tan nát bao con tim, làm bàng hoàng những ông quan hét ra lửa trong một đêm hoan lạc với rượu nồng dê béo, bây giờ đã tàn phai sắc đẹp, như mùa đông của cuộc đời, như bông hoa chò rơi rụng xuống mặt đất.

Đứa con trai của Tư Ngọc đi lính để lại một nỗi buồn thấm thía cho vợ chồng hẳn trong lúc về già. Từ ngày xa đứa con, vợ Tư Ngọc đau yếu liên miên. Nàng biết nàng sẽ chết. Nhưng cái chết không đến ngay mà đến từ từ, đi dần từ đôi chân nàng bị tê liệt lên đến nửa người, ngừng lại ở con tim để nàng sống thêm những ngày mong chờ đứa con trở về nhìn mặt mẹ một lần cuối.

Nhưng đứa con độc nhất đó đã không bao giờ trở lại. Nó đã vĩnh viễn ra đi như một anh hùng vô danh. Ngày nhận được tin con chết, Tư Ngọc ngậm ngùi giấu kín trong lòng, không cho người vợ biết vì sợ nàng xúc động có thể chết ngay. Hẳn muốn người vợ vẫn nuôi cái hy vọng được gặp đứa con, để nàng sống thêm những ngày cuối cùng trọn vẹn ân tình.

Tư Ngọc đã phải mượn men rượu để cố quên nỗi buồn cùng ngày tháng, nỗi buồn của chính mình và nỗi buồn thời ly loạn. Nhưng đến lúc chịu không nổi, hẳn đã buột miệng khóc nức nở và muốn nói sự thật cho vợ hẳn biết, thì đúng lúc nàng nhắm mắt từ già cõi đời này.

- Nàng đã đi rồi. Tôi không còn gì nữa. Tôi hết là tôi.

4

Tiếng sáo của người kếp già chỉ nổi lên trong một vài ngày trong ngõ sâu, vào giữa buổi trưa những ngày cuối hạ sau đó không còn ai nghe thấy tiếng sáo véo von nào nùng ấy nữa.

Vào buổi sáng mùa xuân, có một xác chết vô thừa nhận do sở vệ sinh đô thành

chở vào nhà xác. Ở đây có hàng chục xác chết không tên tuổi, như những con vật ở lò sát sinh đang đợi người ta chuyển đi.

Tất cả gia tài của hắn chỉ còn lại ống sáo mà hắn đã sử dụng trong những ngày xưa cũ. Người ta đã tiếc rẻ giữ lại ống sáo ấy như một vật kỷ niệm của người kếp già.

Mùa Xuân đã tới và không xa các xác chết, những bông hoa mặt trời vẫn tươi nở dưới ánh nắng rực rỡ của một ngày khởi đầu.

ĐÊM NĂM KÍCH Ở LUẬT CHÁNH 2

Trần Hoài Thư

Dù ngại một lần rồi sẽ ngã

Ta dắt đàn con nhỏ chặt chiu

Về thăm gò má, thăm kên lạch

Thăm những oan hồn đang hăm hiu

Ta chẳng buồn đêm nay thiếu gái

Ta chẳng sầu bởi quá bơ vơ

Ta chẳng thèm thêm ly rượu đế

Ta chẳng màng đọc một bài thơ

Dù cũng nhớ đêm này sinh nhật

Buồn như điên giữa cõi tha ma

Buồn như vụn vì sao cô độc

Buồn xuôi tay nước mắt nhạt nhòa

Ta có áo mưa làm con vợ nhỏ

Có gò cao làm gối gối đầu

Ta có oan hồn làm bạn hữu

Thương dùm cho ta khỏi cùi phun

Ta có ông bà muôn năm cũ

Đội đất võ về giấc ngủ ta

Ông bà, xin thương một thằng lính sữa

Trọn đời chỉ biết có trăng hoa

Ôi những đêm dài như địa ngục

Mà hôn ta là bãi tha ma

GỬI CHO CÕI IM LẶNG

Nguyễn Tôn Nhan

Rồi người đi tóc bỏ đuôi gà

Tôi lao đao về những sân ga

Chiều hôm hoa nở cảnh chim chết

Tặng cho người đôi cánh lông khô

Tôi giang hồ như triệu bóng mây điên

Biết về đâu người biết đâu tìm

Đời tan nát cả lòng bia mộ

Mây cũng không màu mây cố nhiên

Rồi người đi tôi khóc ướt đôi

Mưa xuống cho hồn lạnh chết thôi

Thiên nhiên xanh quá tôi vừa thấy

Cũng đủ cho tôi đại cả đời

Chiều vui trời ướt nhẹ mây gù

Sãi về chùa, tôi sắp theo tu

Người không biết được thầy tăng nhỏ

Đã nhớ người rên suốt đêm thu

Người đâu biết được cụm mây kia

Nhớ run em, nên đã theo về

Nơi tôi có triệu cành vô sắc

Gửi cho người chết ngợp đam mê

Tôi nằm nghe cây chuyền nhựa non

Bóng thiên thu một mảnh trăng còm

Tôi nhớ vô cùng con đẽ gáy.

Tóc người gãy giã dựa bay điên

NGÀY MAI MÙA XUÂN

Vương Tân

Hãy cho anh sống hôm nay như ngày mai

*Nỗi hân hoan của tình yêu như bông hoa
đang nở*

*Hãy cho anh sống đến tận cùng của đời
người*

Những ngày ngọt của môi hôn hãy còn đó

Người thi sĩ của tương lai thật khỏe mạnh

Như nước từ trên rừng đổ xuống

*Người thì sĩ của tương lai nào cũng thù
ghét chiến tranh*

Như thù ghét những sự buồn

*Tình yêu của anh đã trông trong miền trí
tưởng*

Hãy mơ mộng đi em

*Hãy sống ra ngoài đê mả hỏa châu và súng
đạn*

Để tìm thấy nổi hân hoan của đời người

Nổi chết vẫn không rời cuộc sống hôm nay

Nhưng chúng ta vẫn phải sống

Anh mỗi ngày nhìn vào mắt em

Thấy cuộc đời thật buồn

*Hãy cho anh sống bằng sự say sưa của
tình yêu*

Và nhìn thấy em mỗi ngày

Hãy cho anh sống như quên lãng

Quên lãng cuộc đời trong hơi rượu say

Tình yêu nào là không buồn

Hãy cho anh đôi mắt em sâu

Đôi môi em hờn giận

Hãy cho anh tương lai màu xanh

Trong chiến tranh màu đen

Chúng ta chỉ còn miền trí tưởng

Và những mộng mơ ra ngoài cuộc đời

Sống lãng quên thực tại

Phải thế không em

Ngày mai mùa xuân cuộc đời

Anh muốn có tình yêu anh

CUỐI HÀNH LANG

Đặng Đình Tông

Cái lạnh như rút chặt dần một thân thể cần khô. Tôi nằm dật dựa trên sàn phòng, căn phòng ở cuối hành lang, nghe thân thể như chỉ còn bằng một ống chân người ốm. Tôi nấn ná chưa muốn vùng dậy (tôi như một kẻ ốm kinh niên, lúc nào thân thể cũng rã rượi, cũng bần thần chỉ bằng những tác động mạnh đó, mới có thể nhồm lũng lên khỏi mặt sàn phòng). Bụi vấy lên gáy

sách sấp lóp lóp ở bờ tường (đã ngăn nắp trở lại, để khởi đầu một quyết định! Tôi, có bao giờ, đeo đuổi đến tận cùng một quyết định?)

Con ve chuông, buổi chiều qua tôi bắt được ở bụi rậm một con đường mòn mà hàng những buổi chiều mưa bụi (ngoài này, một thời tiết định kỳ!) buồn bã nhút, tôi đã theo đó, thoát ra khuôn Chi Lăng ngồi uống một ly cà phê đặc, nóng, nóng thật nóng, mua một tờ nhật báo đến thật muộn (buổi sáng cách đây hai ngày. Ở đó ở thủ đô đó người ta được minh chứng một nguồn tin bàng hoàng bằng những trang báo chưa kịp gập lại), ngồi bên đồng cửa lá sách của sạp tạp hóa (có cả báo), nghe một điệu nhạc trầm vang, và con ve kêu ré đôi cánh mỏng ở một góc nào? Kính đã chiếm hai mảng tường. Hai mảng tường còn lại cũng đủ

chôn nhốt một con người: mảng tường ngang ngăn phân một phòng học bên kia, mảng tường xuôi ráp với cuối cùng hành lang, cho thêm được dài ra một khoảng ngắn. Những chiếc bàn màu bùn nằm chông chênh như những con thú chết, như những gốc thông bị búng lên nằm lăn lóc, như một đầu tóc rối.

Tôi vùng dậy, tìm chai dầu Song thập (một thói quen, chỉ những khi nào thân thể tôi nóng ran vì mùi dầu, thái dương như bị đốt, tôi mới có thể ngồi xuống, cặm cụi trên một quyết định!) hoặc tìm một tí thuốc nhức đầu. Típ thuốc tròn, trống không, nằm lăn lóc như một con trùng trắng sữa (trong ngôi nhà thuê đưa về một thoáng cảnh, con đường cũng đưa triền miên về thủ đô, tôi với Nhung đi dự một đám táng tập thể về, cửa phòng vừa xịch mở, Nhung la hoảng

và nằm bất tỉnh trên sàn phòng: con sùng trắng to hơn cả một ngón tay cái). Tôi đến bên khung cửa kính, khép nhẹ một cánh cửa hở. Con ve chuông phơi ngực yếu đuối. Đàn kiến cao cẳng đưa những bàn chân móng manh sờ sờ trên thân ve, chẳng khác, một giống dân bé choắt đang cố ra tay hành quyết một Lỗ Bình Sơn khổng lồ trong một cuộc đắm tàu trôi tấp trên bãi bể vắng (!) Con ve lại kêu rè (tôi thương tiếc mảnh đời ve rả rít trong những buổi trưa tôi khệnh khạng trên con đường mòn như ru ngủ tôi bên một gốc thông dừng chân nghỉ tạm, mệt mỏi). Tôi nắm xác con ve (chưa là một xác chết, một sinh vật thoi thóp, thì đúng hơn) ném phăng ngoài cửa sổ. Nửa đêm qua tôi đã thao thức vì nó (tôi thao thức đã lâu rồi, với một lần khuấy rầy nữa, có gì đâu? Nên tôi đã để mặc tình cho con ve thao túng, thoát thân).

Con ve yếu ngã trên thảm cỏ xanh. Thế cũng là một điều bất hạnh cho bé Lili! Con ve sao đến tay được chị Hạnh, sao đến tay được bé LiLi? Tôi đứng bên cửa sổ, bóng đèn còn sáng trên đầu trần nhà, gió lộng, mưa đêm qua động từng vũng trên nhiều lối đi tráng nhựa, nước loang loáng, phơi mình đến bao giờ?

Tôi ra khỏi phòng. Hành lang còn giấu mình, như thăm thẳm. Tôi chui ra (từ cuối hành lang) như một con sâu róm bò chậm ra khỏi hang. Khi thì tôi nghĩ: tôi như một nhà tu ẩn dật tôi buồn cười: nhà tu với những dự vọng còn thấp đây trong một giấc ngủ, một buổi sáng còn nguyên), khi thì, tôi nghĩ: tôi như một nhà khảo cổ đi khai quật một hang hầm (mãi mê chui rúc, ngày trở lại cõi hoang đàng còn lại không hơn được một bộ xương?) Tôi đếm từng nấc thang xuống phía này

(phía đầu hành lang: tôi sợ những nấc thang ở đó sẽ không dẫn được tôi ra khỏi đến mặt lộ) hơn hai mươi nấc (tạm cho là vậy đi, tôi phân vân: nấc đầu và cuối cùng có nên kể cùng với, không? Nếu kể đến thì cũng vừa vặn tuổi đời tôi). Chị Hạnh nói với tôi là, Chuẩn úy gì nhỏ vậy, cầu gần ba mươi, nói dễ nghe! Già thấy mô. Tôi nói với Chị Hạnh, một buổi trưa ở sở (có buổi trưa nào tôi không ở lại sở?) chị Hạnh, chị Hạnh đêm qua, tôi chiêm bao thấy tôi chết trong phòng này (căn phòng làm việc ở sở của chị Hạnh), chỉ còn lại như một đồng giẻ rách dưới chân chị. Chị Hạnh rùng mình:

- Trời, Chuẩn úy nói kỳ, Chuẩn úy kỳ thấy mô. Thôi đi ông ơi!

Lúc ấy chị Hạnh đang thêu trên tay một chiếc lon Thiếu tá, (chị Hạnh đã nói với tôi, độ nào, là chiếc lon thêu của một

ông Thiếu tá cùng quê với chị). Tôi mới nói :

- Phải ông Bozik không chị?

- Chuẩn úy kỳ, tôi nghĩ Chuẩn úy luôn nghe, nghĩ luôn!

Tôi đến đứng bên kính đục. Trên vữa đình khung cửa trường xa, mờ, mờ bóng dáng những sinh viên đến lớp học buổi trưa, phết dần thêm mặt kính đục ngẫu như chiếc khăn quàng cổ chị Hạnh đã cho tôi lâu ngày. Chị Hạnh nói, họ chết như rạ, Khóa 21B mới ra đây đã chết gần phân nửa. Chuẩn úy ngán không mà Chuẩn úy cứ đòi đi tác chiến hoài. Rừng thông phía xa (loại cây, mà lúc mới đến đã gây cho tôi nhiều thú vị, bây giờ, đối với tôi, chính bởi nó ở khắp cùng trên lối đi, trong những lần, ngày Nhung lên, tôi đưa Nhung đi trốn trên đồi, bên bờ hồ,

cả ở những ngoại ô xa ngút ngàn, nó vẫn sừng sững, đến gai mắt, dựng nển hoa trên đầu cành như muốn đốt cho hực một vòm trời.)

Tôi thoát ra đường. Dây hành lang, bây giờ như đầu một con nưa to, đã buông tha tôi ra (không, chỉ là một hành động vờn môi!) Tôi đi về phía cổng chính. Sân gồ ghề, lượn như sóng, dốc đổ xuống đưa tôi về câu lạc bộ NHỮ VĂN HẢI. Những món ăn cũng tồi tệ (chỉ là một việc để tôi lánh xa được một buổi sáng không đến câu lạc bộ sĩ quan, thường nhật tôi đã nhàm chán đến tận xương tủy, chính bởi trên những đĩa rau, tôi thường hằng gặp, một, hai con sâu đo còn chờn vờn trong bữa ăn). Chị Hạnh mà còn nói được nữa là: Nhiều khi, Chuẩn úy biết không, Hạnh chán phòng này đến muốn vứt bỏ cho rồi, nhưng rồi Hạnh nghĩ ở đâu rồi

cũng thế, cũng như thường hằng mình bắt gặp được một con sâu đo nào trên một đĩa rau đã tắm mỡ hành, chờ ăn.

Dưới xa kia thung lũng mọc thông dày (cũng lại thông nữa), chen giữa ngọn đồi không tên một lần nào tôi đến ngủ, đến trực thì đúng hơn (trực : để bào mòn dần thân thể đến cùn mẫn vì một ám ảnh đeo riết đời tôi, tôi không thể chớp mắt được ở một nơi lạ, trong một đêm lạ). Tôi vẫn ngồi đó (ở câu lạc bộ Nhữ văn Hải) trong tiếng nhạc ve vuốt mình. Tôi thấy thắc thỏm, không được yên như cái hối hả gắm trong dáng bước buổi chiều chạng vạng xa rời thành phố cho kịp giờ giới nghiêm (thành phố bị bỏ trống đều hiu như một nhà mồ, lúc đó!) Tôi nghe choáng váng ở thái dương. Ly cà phê đậm không thẳng nổi cơn đau nhức tê dại trên đầu. Thấp thoáng, đâu đây trong

hồn tôi, lời trong bức thư của Phạm Kiều Tùng (thằng bạn của học hạc, bất đồng tình, nhưng cùng yêu thương chữ nghĩa, chữ nghĩa: một mối cảm thông chung đồng) gửi cho tôi, sau hơn một năm trời không nhìn thấy, không gặp lại : “... Viết đi, cứ viết đi, viết bất cứ gì đi, để đừng nghe mình thất bại. Tùng! Nỗi thất bại đã ngấm trong câu nói rồi đó mi! Tôi loạng choạng về, buổi trưa còn phải đóng trò nữa. Trước những cặp mắt mở chờ đó, buổi trưa này tôi sẽ nói gì với họ đây. (Hỡi anh em! Tôi muốn nói đến tuổi trẻ mình: đừng bi lụy!)

Nghĩ đến, tôi đã cười ngất ngưỡng. Thái dương đã ê ẩm trở lại. Chắc tôi không thể nào lê nổi đến câu lạc bộ cho buổi trưa này (lấy sức cho mấy giờ buổi chiều, tôi nói không ngớt lời với họ - những sinh viên ngoài này), buổi ăn mà tôi nghĩ

đến đã no đầy. Tôi kéo chai dầu ra, mới hay ban nãy trên câu lạc bộ N.V.H tôi quên mua một tí thuốc. Tôi sẽ vào dãy nhà ngất ngưỡng kia (nơi buổi trưa chị Hạnh không về. Những hành lang sâu! Những nấc thang dài! Những chiếc gạch bông đủ màu nhảy múa! Những khung cửa đã khép! Tôi đi theo nấc thang vòng vòng xoắn ốc. Đầu nhức như văng đầu xa, rời rạc. Tôi chạy về phía cuối hành lang (ở đó, phòng chị Hạnh). Những bờ tường lung linh sóng sánh như xây trên mặt sóng.

Tôi đẩy cửa căn phòng chị Hạnh. Tôi quy trên đồng giấy vút đây chờ dốt. Tiếng la thất thanh của chị Hạnh. Có phải tiếng la vì một thân xác bệnh hoạn ngã chúi? Hay chỉ là một tiếng kêu hoàng vì một cuộc tình âu yếm chưa vẹn mận nồng?

Tôi thấy bóng thằng Bozic và chị Hạnh chập choạng, rời rã, chập choạng, rời ra...

NHÌN VÀO VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM TRONG NĂM 1969

Nguyễn Nhật Duật

Một cái nhìn vào văn chương Việt Nam (Nam Việt Nam) năm 1969, chỉ là một cái nhìn sơ khoáng. Bất buộc, trong giới hạn một bài báo. Không thể trong dịp này kiểm điểm kỹ lưỡng và đầy đủ được sinh hoạt một năm qua về chữ nghĩa từ Bến Hải vào đến Cà Mau. Cuộc sinh hoạt này thôi ồn ào náo

nhiệt. Đời sống của văn chương Việt Nam năm vừa rồi có cái vẻ cuộn cuộn của một dòng thác lũ cuốn theo đợt nước trắng xóa cả những viên đá quy cả những cành cây mục. Có cái vẻ hùng hực của một cơn bão lửa ngất trời đầy mùi giấy mực vừa ngào ngạt hương thơm vừa nặng hơi nồng tanh. Một bầu không khí hỗn độn cùng cực, một cuộc chạy đua rối mắt quá chừng, giữa những nhà xuất bản, giữa những người viết, giữa những sách báo được tung ra thị trường.

Những người nghiêm khắc có thể chỉ chấp nhận những gì được in thành sách mới nên gọi là tác phẩm, mới đáng xét tới. Nhưng hãy trả lui quan điểm này cho độc giả thế kỷ 17 ở Tây phương. Từ thế kỷ của những Voltaire, Addison, Schiller, sinh hoạt văn chương bồng bềnh trên báo chí, hào hứng, sôi nổi hơn sinh hoạt

trong những phòng bình văn, hơn cuộc đời của chữ nghĩa được in thành sách. Thế nhưng có điều phải nhìn nhận là ở đây, trong năm qua, văn chương trên báo chí chưa có được một sinh phong vững chãi, chững chạc, nó còn loạc choạc, hỗn hển trong hơi thở đứt đoạn, phân tán, vô tổ chức, thường chỉ nhờ sự xu mị độc giả mà sống còn, nó chưa phải là một sinh hoạt tự chủ, độc lập, nó chưa đưa ra một hướng tiến, nó chỉ tiến sâu vào cái hướng mà độc giả đã đưa ra cho nó, đã chỉ cho nó.

Thế mà đa số sáng tác văn chương được in thành sách ở đây lại thoát thai từ báo chí. Người ta, từ sự kiện đó, có thể thấy rõ phần nào đặc chất của một số đông sách in ở xứ này, trong năm qua. Là vì, trước khi in văn chương của mình thành sách, các tác giả phải đăng từng

đoạn trên nhật báo hay tuần báo để lĩnh tiền tiêu mỗi cuối tháng. Đó là một thảm trạng khó tránh, khi văn chương trong những năm này còn tiếp tục bị coi là món đồ chơi, thú vui để giải trí hay “món ăn tinh thần” thêm vào thực phẩm của mấy bữa cơm hàng ngày cho thân xác.

Người viết văn, có những lúc khả dĩ dám bất cần sự thẩm định hay sự yêu sách của độc giả, vẫn thường ngấm ngấm bị độc giả chi phối. Đã hết rồi thời múa hát ngông cuồng cao ngạo và nhún vai quay lưng lại với đại chúng, của một Rimbaud, một Valéry, người trước không cần ngó ngang tới việc xuất bản thơ của mình, người sau im lặng cả 20 năm không thềm đăng một dòng thơ văn trên báo mặc dù sự nhắc nhở của bạn bè, thầy kệ sự chờ mong nôn nao của độc giả ái mộ. Thời đó, những người đó, thực không còn ở

giữa chúng ta, ngoài một vài Đỗ Long Vân thực hiếm hoi, thực là hiếm hoi, và dù sao Đỗ Long Vân tác giả “Nguồn nước ẩn trong thơ Hồ Xuân Hương”, “Vô Kỵ giữa chúng ta”, không một lúc nào tham dự vào sinh hoạt văn chương với đám đông bằng cái nhiệt huyết cùng chung với đám đông đó, dù là đám đông giới hạn giữa những người viết. Còn thì, đại loại, tác giả nào cũng bám chặt vào sự thành bại của mình trước đám đông độc giả. Để sống một đời sống, huy hoàng hay cùng quẫn, nhưng đều tầm thường, hẩm thối. Họ đều tùy thuộc ở các chủ báo hay chủ nhà xuất bản, điều khó tránh, nhưng nơi nhiều tác giả sự tùy thuộc này lại quá đáng, vì những lý do cá nhân, họ bảo thế, nhưng là những lý do cá nhân cột chặt với sinh mệnh văn chương của họ, với tác phẩm mà họ đem trình diện trước đại chúng.

Xét theo sự hiện diện của các nhà xuất bản, người ta thấy văn chương năm 1969 ở xứ này là một hiện tượng đầy tính chất ganh đua. Trước hết, điều dễ nhận ra nhất, là cả một nền văn chương dịch thuật nuôi sống các nhà-văn-dịch-giả (1), và hơn thế, nuôi sống những người khai thác họ. Những tác giả được dịch thuộc đủ mọi tư trào, đại diện các loại cho bất cứ khuynh hướng văn chương tư tưởng nào mà người đọc muốn kiểm thấy. Từ Krishnamurti một tu sĩ được đề cao như là kẻ đã giác ngộ (hiểu theo nghĩa nhà Phật), tác giả những cuốn sách về tự do, về hiện sinh, đến Camus, tác giả những cuốn sách chống lại con đường phản kháng mà chính mình đã từng theo đuổi và xây dựng một thái độ nhân bản trong tuyệt vọng, bên cạnh là một Hemingway hào hùng và bi đát, một Remarque tố cáo chiến tranh một cách chua cay, từ một

Kawabata trữ tình trong các tập truyện, đến một Tagore thanh thoát, hào sảng. Những tác giả được dịch đã gián tiếp đóng góp những cách thể diễn tả và nhất là những thái độ, tâm tưởng của họ, làm cho văn chương xứ này theo đó mà mặc nhiên trở nên phong phú. Nào Beckett mới được giải Nobel, nào Pearl Buck một thời xa xưa, nào Tolstoi cổ điển, nào các tác giả phong trào tiểu thuyết mới ở Pháp, những khuynh hướng văn chương dịch thuật thực tản mác.

Nhà sách An Tiêm thường chú trọng tới những tác giả và tác phẩm nặng giá trị văn chương và tư tưởng của ngoại quốc, với những quan niệm thường phóng túng, táo bạo, có ý hướng khai phóng và đặt con người trước viễn tượng một tương lai hóa thân, những tác giả mà nhà An Tiêm nhắm giới thiệu là Krish-

namurti, Mishima, Suzuki, Dostoyevsky, Henry Miller, Remarque, Woolf, Tagore, vân vân. Chương trình giới thiệu này, bằng dịch phẩm, chưa thực hiện được bao nhiêu, mới có lác đác Krishnamurti, Remarque, Mishima, Tagore, trong năm 1969.

Nhà Lá Bối cũng theo một con đường song song với nhà An Tiêm, trong năm rồi đã dịch được Tolstoi, Kawabata, Remarque, riêng Tolstoi, tác phẩm được dịch gồm bộ “Chiến tranh và Hòa bình” 4 cuốn (bản dịch).

Nhà sách Ca Dao dịch nhiều sách có tính cách phổ thông, ít giá trị văn chương hơn.

Nhà sách Trình Bầy có một chương trình qui mô hơn cả, nói đúng ra là ôm

đồm hơn cả: vừa dịch những tác giả văn chương ăn khách nhờ tính cách trữ tình hay dục tình, bay bướm “viễn mơ” như Kawabata, Agnon, các nhà tiểu thuyết mới của Pháp (trong một tuyển tập dịch văn và giới thiệu khuynh hướng), lại vừa dịch những tác giả xã hội, những lý thuyết gia chính trị, những nhà văn rút tĩa chất liệu từ chính cuộc thế giới, như Morris West (tái bản bản dịch “Ông Đại Sứ”), Robert Bosc, Mrozek. Đặc điểm của nhà Trình Bầy là luôn luôn bám sát thời thế, cả thời thế văn chương tư tưởng lẫn thời thế chính trị.

Còn nhà xuất bản Thái Độ năm vừa rồi không dịch được một tác phẩm văn chương hay tranh đấu nào, mà lại xoay ra dịch Domenach và dịch sách về Tình Dục, bản dịch của người chủ trương

nhóm Thái Độ bản rất chạy. Một sự sa đọa hay chỉ là một phương thức kinh tài dễ dãi?

Những nhà xuất bản khác, nhà nào cũng có một vài dịch phẩm, như tổ hợp “Gió” dịch Pearl Buck, nhà Kỹ Nguyên dịch kịch của Beckett, Jean-Paul Sartre, Arthur Koestler, và cả đến Lewinsohn nữa! Nói chung, mạnh nhà xuất bản nào, nhà nấy dịch, dịch cho bằng thích, dịch bất cứ tác giả nào mà lời đồn đãi, mà dư luận văn giới gây tò mò cho độc giả. Nhất là loại sách về tình dục được dịch bừa bãi, bày bán nhan nhản trên hè phố.

Nhưng những nhà sách An Tiêm, Lá Bối và Trình Bầy tương đối có sách bán đều đều và bán chạy hơn cả, vì uy tín sẵn có của các cơ sở này. Những nhà xuất bản mới như Đại Ngã, Kỹ Nguyên

cũng xuất bản ồ ạt những sách có tính cách gây sôi nổi, như những truyện về lính tráng, những tác phẩm về tình dục, những dịch phẩm của những tác giả ăn khách. Hai nhà cũng đang hoạt động ráo riết; nhưng chưa thấy được thành quả chắc chắn vững mạnh; chờ xem Tổ hợp “Gió” tương đối có lối hoạt động vừa khiêm nhượng vừa đều đặn, len lỏi rất hay, xuất bản đủ loại sách, thơ, truyện, biên khảo, dịch phẩm, vân vân, bán chạy. Có hai nhà xuất bản chìm chìm khó phát triển mạnh là nhà Võ Tánh và nhà Hồng Đức, do hai thi sĩ trông coi : Bùi Giáng và Tô Thùy Yên, quả có khác người! Vì hoạt động của hai nhà xuất bản này không theo sát thị hiếu độc giả.

Sự xa cách đáng quý nhưng đưa đến kết quả chẳng khích lệ chút nào. Nói chung, những nhà xuất bản “hung hăng”

hơn cả trong năm vừa rồi là nhà Trình Bầy, nhà Đại Ngã, tổ hợp “Gió” và nhà Kỷ Nguyên, những cơ sở này xuất bản đều đặn, dồn dập và càng ngày càng vững thế. Còn những nhà xuất bản nhỏ mới xuất hiện lác đác thì chưa nhà nào gây được chú ý đặc biệt. Số lượng xuất bản trong năm vừa rồi cao nhất về truyện, rồi đến dịch phẩm đủ loại, sau đó mới tới biên khảo và còn thơ thì ít nhất, vì các thi sĩ thường tự xuất bản bằng vốn liếng ky cóp của mình. Thơ vốn dĩ khó bán ! Chẳng nhà xuất bản nào đại dột in thơ nhiều bằng nửa số lượng tác phẩm văn xuôi.

Xét theo sự hiện diện của các tác giả thì trong năm vừa rồi, có thể phân biệt tầng lớp tác giả: những tác giả già và những tác giả trẻ.

Những tác giả già gồm có Bình Nguyên Lộc, Võ Hồng, Võ Phiến, Tam Ích, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Mạnh Côn, vân vân. Những tác giả này, rất khác biệt nhau, đều xuất bản rất ít trong năm năm 1969. Đa số họ đều viết báo, nhận định hay bình luận, hoặc sáng tác, trên các nhật báo (Mai Thảo, Bình Nguyên Lộc viết feuilleton), tuần báo (Võ Phiến và Tam Ích viết phẩm luận và nhận định), nguyệt san (Vũ Khắc Khoan viết kịch)... Bình Nguyên Lộc cho nhà Lá Bối xuất bản tập truyện “Cuống rún chưa lia”, Võ Hồng xuất bản cũng ở nhà Lá Bối tuyển tập truyện ngắn “Những giọt đắng” và tái bản “Hoài Cổ Nhân”, Võ Phiến xuất bản ở nhà Thời Mới của ông một tuyển tập truyện ngắn “Phù Thế”, Tam Ích xuất bản tập luận thuyết “Sartre và Heidegger trên thảm xanh”, Mai Thảo xuất bản, nhiều hơn cả, những tập truyện

“Cũng đủ lãng quên đời”, “Mười đêm ngà ngọc”, “Chuyến tàu trên Sông Hồng”, Vũ Khắc Khoan không in tác phẩm nào; Nguyễn Mạnh Côn thì xuất bản những tiểu thuyết có màu sắc khoa học “Giấc mơ của đá”, “Yêu anh vượt chết», và một cuốn luận thuyết chính trị gây dư luận khá ồn ào: “Hòa Bình viết gì nghĩ gì”.

Nói chung lớp già sáng tác cầm chùng trong năm 1969, viết cẩn thận thì đúng hơn! Mai Thảo và Võ Phiến là hai người thuộc lớp già chịu khó tìm tòi nhất, khám phá nhiều nhất trong lãnh vực văn chương, bên cạnh lối viết mẫu mực có hũu của Võ Hồng, lối viết lưu loát và dễ dãi của Bình Nguyên Lộc, lối viết gọt dũa tỉ mỉ rất khó tính của Vũ Khắc Khoan, lối viết khề khà ngất ngưỡng như một cố tật của Tam Ích, lối viết chùng mực, chặt chẽ đến độ cầu kỳ và khô lạnh của Nguyễn

Mạnh Côn. Về mặt tư tưởng, Tam Ích trải rộng mọi vấn đề, Nguyễn Mạnh Côn đào sâu và cố gắng tìm những tổng hợp có tính cách điều giải, Vũ Khắc Khoan vẫn dẫn mình vào bước đường xây dựng một ý thức hệ trên cảnh đổ vỡ toàn diện ở xung quanh ông.

So chiếu với ba tác giả vừa kể, Mai Thảo và Võ Phiến thực là những nhà văn viết cho văn chương và vì văn chương, ném cái nhìn văn chương vào cuộc sống phức tạp và biến chuyển, một cái nhìn luôn luôn đổi mới và làm mới thực tại, càng ngày càng sâu và sáng.

Riêng Bình Nguyên Lộc thì có vẻ bằng lòng với sự hòa hợp của ông cùng cuộc đời, thỏa hiệp với những hình thái sinh hoạt sẵn có, thỉnh thoảng bồi đắp thêm bằng chất liệu cũ do sự hoài niệm đem lại cho hiện tại sống.

Có thể nói, từ mấy năm nay, các nhà văn lớp già này vẫn thế, họ chỉ tiếp tục trong năm 1969 con đường họ đã tự vạch cho họ đó.

Còn lớp người trẻ? Chũ trẻ ở đây cần được hiểu rộng rãi là trẻ về tuổi từ 25 đến 40.

Lớp trẻ này thật đông đảo kè không hết : Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyễn Sa, Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Lê Tất Điều, Duyên Anh, Thế Phong, Thế Nguyên, Nguyễn Thụy Long, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Nguyễn đình Toàn, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Xuân Hoàng, Luân Hoán, Thành Tôn, Tú Kếu, Trần Tuấn Kiệt, Đinh Phụng Tiến, Hoàng Ngọc Biên, Cao Thoại Châu, Hà Nguyên Thạch, vân vân và vân vân.

Họ là những người viết mạnh, mạch sáng tác tuôn trào dữ dội, họ là tất cả sức sống đang cuộn cuộn của văn chương ở đây và bây giờ. Trong mọi địa hạt truyện, thơ, biên khảo, dịch thuật, họ là những người đã đóng góp được những gì đáng kể nhất trong vòng ba bốn năm qua (hoặc từ lâu hơn nữa, nơi Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sa, Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Trần Tuấn Kiệt, Thế Phong và Thế Nguyên).

Nhưng trong số những người viết này, nhiều người đang sáng tác thật ào ạt và vài người chỉ xuất bản rất ít trong vòng 12 tháng vừa qua. Những người xuất bản rất ít đó là Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sa, Nguyễn Đình Toàn, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Xuân Hoàng, Huỳnh Phan Anh, Cao Thoại Châu. Nhưng họ đăng tải sáng tác trên

báo chí một cách khá đều đặn, họ viết thường trực không nghỉ.

Trong năm qua, Thanh Tâm Tuyền chỉ tái bản “Bếp lửa” một tập truyện dài không dài đã từng được tái bản một lần trước vào năm 1965, và lần xuất bản lần đầu tiên là năm 1957; Thanh Tâm Tuyền bỏ dở một feuilleton trên tuần báo Khởi Hành. Ông là người viết kỹ vô cùng, mỗi trang giấy của ông là một nghĩ ngợi, một dẫn đo về cách viết, hầu như Thanh Tâm Tuyền chưa dứt khoát được với một vài ám ảnh sâu đậm về văn chương và tư tưởng đã gặp từ trước khi ông khởi sự sáng tác; nói khác đi, ông luôn luôn ở trong tư thế phê bình (Situation Critique) đối với chính mình, bằng một ý thức vừa sáng suốt dữ dội vừa dày vò.

Còn Nguyễn Sa, trong năm vừa rồi chỉ xuất bản một tập thơ và một biên

khảo triết học về Descartes, về tập thơ chứa đựng nhiều bài cũ và biên khảo tỉ mỉ, có ý hướng nghiêm chỉnh nhưng không đem lại những khám phá mới mẻ đáng kể; những sáng tác khác của Nguyễn Sa là những bài thơ có màu sắc văn chương thời thế và những tham luận văn học nặng phân bút chiến, đăng trên những tạp chí như Nghiên Cứu Văn Học, Đất Nước.

Nguyễn Đình Toàn thì cả năm vừa rồi chỉ có những truyện ngắn in chung với Huỳnh Phan Anh và vài tác giả khác trong những tuyển tập có chủ đề, ngoài ra là những feuilleton dang dở trên những tờ báo bị đóng cửa đột ngột, và một feuilleton đã kết thúc mà chưa in! Sự sáng tác văn chương của Nguyễn Đình Toàn trong vòng 12 tháng mới qua đây những trở ngại, rắc rối, đặt ông vào tình trạng

lao tâm khổ tứ đến độ lặn đạn! Cùng với Thanh Tâm Tuyền, Huỳnh Phan Anh và Viên Linh, ông là một trong bốn nhà văn thuộc lớp trẻ chú trọng nhiều nhất vào kỹ thuật viết, có những lo toan trông thấy về ngôn ngữ, có ý thức sâu xa về quyền năng và giới hạn của văn chương, điều đó bộc lộ rõ rệt trong từng lời từng chữ của họ.

Tô Thùy Yên không xuất bản một tác phẩm nào trong một năm qua ! Dương Nghiễm Mậu viết một feuilleton trên tuần báo Khởi Hành. sau Thanh Tâm Tuyền, ngoài ra cũng không xuất bản tác phẩm nào mới. Nguyễn Xuân Hoàng thành tựu được một feuilleton trên tạp chí Văn, nhan đề “Khu rừng hực lửa”, nhưng đến nay cũng chưa in !

Cao Thoại Châu cho thơ ông xuất hiện rải rác trên các báo từ mấy năm nay

mà chưa in thành tập!

Huỳnh Phan Anh tự xuất bản lấy và phát hành lấy một tuyển tập truyện ngắn “Người Đồng Hành” và in chung vài truyện ngắn khác với Nguyễn đình Toàn trong tập truyện “Phía Ngoài”, còn thì ông chỉ viết và đăng rải rác ít truyện trên vài tạp chí Văn, Văn Đê, song song với việc viết (không đều đặn) những bài phê bình và tiểu luận có tính cách bút chiến.

Như thế, các nhà văn nhà thơ vừa kể là những người có sức viết, mạnh mẽ, nhưng trong năm 1969 đã sáng tác thiếu liên tục hoặc sự đăng tải hay xuất bản tác phẩm bị gián đoạn; tựu chung, họ đều không cho thấy được một số lượng dồi dào những tác phẩm mới mẻ. Điều đó tố cáo một khía cạnh nghèo nàn của văn chương năm 1969 ở miền Nam này.

Những tác giả khác, như Viên Linh, Duyên Anh, Nguyễn Thụy Long, Nhã Ca, Nguyễn Thụy Hoàng, vân vân, sáng tác mạnh mẽ, dồi dào hơn, xuất bản nhiều hơn. Như Viên Linh chẳng hạn ông đã cho in tới 5 cuốn truyện trong năm 1969, mà cuốn thành công nhất, có giá trị văn chương đáng kể, là cuốn “Mã lộ”, đánh dấu một chặng đường quan trọng trong cuộc tìm kiếm những hình thức diễn tả mới mẻ cho việc viết truyện dài.

Nguyễn Thụy Long thì vẫn tiếp tục khai triển những đề tài xã hội qua các nhân vật thuộc hạ tầng sinh hoạt ở trên giải đất 4.000 năm văn hiến này ! Thế giới tiêu thuyết của Nguyễn Thụy Long là thế giới luôn luôn sôi động, hỗn độn, và dẫn tới nhiều vấn nạn trầm trọng về xã hội này. Trong năm vừa qua, tác giả này xuất bản khoảng nửa tá truyện dài,

vốn là những feuilletons, mà cuốn điển hình nhất cho nội dung xã hội cũng như cho bút pháp hiện thực sống động của tác giả là cuốn “Xóm Âm Hồn”.

Còn các nhà văn phái nữ, như Nguyễn thị Hoàng, Nhã Ca, Trùng Dương, họ đều sáng tác rất khỏe, rất dữ và văn chương của họ dĩ nhiên là táo bạo, như người đọc vẫn biết thế ở những cây viết phụ nữ trẻ tuổi này. Trùng Dương vừa viết truyện vừa dịch, và dịch phẩm của cô do nhà Trình Bầy xuất bản là “Ngàn Cánh Hạc” làm cho cô nổi tiếng thêm, tuy bản dịch có nhiều đoạn còn gượng gạo. Nhã Ca xuất bản một cuốn ký sự mang lại thành công vật chất khá lớn cho tác giả, là cuốn “Giải khăn xô cho Huế”; Nguyễn Thị Hoàng sáng tác mạnh hơn cả, với “Vực Nước Mắt”, “Đất Hứa”, “Một ngày rồi thôi”, những tác phẩm đặt nhân vật

trong bối cảnh chiến tranh sôi sục.

Bên cạnh những tác giả quen thuộc và viết liên tục đó, năm 1969 ghi nhận sự xuất hiện hay tái xuất hiện của những người viết đã im lặng từ lâu, như Vũ Bằng và Tạ Tỵ. Vũ Bằng, một nhà văn thời tiền chiến, cho in lại một hồi ký “Cái” dưới cái tên mới “Phù Dung ơi vĩnh biệt” do nhà Thế Giới tái bản, và cuốn “Bốn mươi năm nói láo”. Cuốn trước kể về quãng đời nghiệm á phiện của tác giả và những chặng đường đưa ông đến chỗ chữa hẳn hút, đây là một tài liệu quý báu, đồng thời là một văn phẩm xứng danh, với lối văn có những đức tính của bút pháp lãng mạn; cuốn sau kể lại những kỷ niệm thời tác giả bước vào nghề viết, cũng bằng một lối văn chan chứa tình cảm u hoài, đầy ắp hình ảnh rục rờ.

Còn Tạ Tỵ, một họa sĩ lập thể nổi tiếng, trở lại với văn chương bằng tuyển tập truyện ngắn “Yêu Và Thù”, bộc lộ những ưu tư, hoài tưởng, và mơ ước của tác giả trước tình cảnh chiến tranh đằng đẵng một phần tư thế kỷ trên đất nước Việt Nam. Cùng với sự tái xuất hiện của hai nhà văn nhiều tuổi này là sự xuất hiện khiêm nhường, không một chút quảng cáo ồn ào của Đinh Phụng Tiến, một cây viết trẻ diễn tả những kinh nghiệm sống thực của một quân nhân chiến đấu trong thời buổi loạn ly này, bằng một bút pháp vừa sống vừa mộng, vừa hiện thực vừa lãng mạn, luôn luôn chân thành và tha thiết, qua tập truyện dài Cơn Lốc (Trình Bầy xuất bản).

Người ta còn phải kể đến thơ của Trần Tuấn Kiệt, của Bùi Giáng, của Luân Hoán, Thành Tôn, Hà Nguyên Thạch,

Huy Tưởng, vân vân. Tiếng thơ của họ luôn luôn trong trẻo, thiết tha, trầm mặc, gióng lên những tiếng vang cảnh tỉnh để dứt mọi người ra khỏi cơn ác mộng hàng ngày giữa cuộc chiến này. Bùi Giáng với cái dáng dấp ngầy ngất, say sưa choáng ngợp tâm hồn, nhiều khi chỉ tạo ra những vần thơ ngang chướng, nhưng không thiếu ở tác phẩm của ông những nhịp điệu xuất thần, như khúc nhạc mê loạn đăm đuổi những mộng tưởng huyền huyền ảo ảo thời hồng hoang khai nguyên vũ trụ, rung cảm trong những câu thơ hiểm hoi của Bùi Giáng – nhiều khi làm cho người đọc chau mày khó chịu - có lúc đạt tới khai độ của chân lý vô ngôn, ngưỡng cửa siêu hình của sự thể nhập giữa con người bối rối bấp búng và thực tại của hoang tịch hư vô mở hoác. Trong thất bại của ngôn ngữ, Bùi Giáng đã có lúc đạt tới kinh nghiệm

hữu thể học cơ bản: hạn tính của phận người qua hạn tính của ngôn ngữ. Ở Trần Tuấn Kiệt thì lại khác, từ “Triều Miên Ngâm Khúc” đến “Lời gửi cây bông vải” (giải Văn học 1969), thơ ông là một kinh nghiệm đối đầu với hữu-trần-đầy trong chiêm ngưỡng ngầy ngất, hãi hùng và bị thương hòa lẫn, sự chiêm ngưỡng đạt tới hiện hữu hội hợp giữa con người phiêu bồng phơ phất và thiên nhiên toàn triển và toàn hiện; kinh nghiệm ở thơ Trần Tuấn Kiệt trong giai đoạn 1968-1969 là kinh nghiệm lớn lao và tích cực (*expérience grandiose et positive*, nói như Henri Michaux).

Còn thơ Huy Tưởng qua thi phẩm “Mưa trong vườn chiêm bao” là một thể hiện của kinh nghiệm thiền tông: lắng nghe tiếng vọng của niềm im lặng bao la, và tan biến mình trong đó.

Riêng ba nhà thơ miền Trung: Hà Nguyên Thạch, Luân Hoán và Thành Tôn, đó là tiếng kêu thống thiết và chân thực của những tâm hồn xao xuyến kiếm tìm niềm bình yên, phát ra, vô vọng, trong cuộc chiến đầy máu lửa, chát chúa đạn bom này.

Nhìn chung tình trạng sinh hoạt văn chương năm 1969, cần nhắc lại rằng truyện dài, truyện ngắn xuất bản nhiều nhất, rồi đến các dịch phẩm, còn biên khảo văn chương thì thật nghèo nàn, thơ có giá trị lại càng ít ỏi dù đáng chú ý và đáng mong ước hơn hết.

Đến kịch thì tuyệt nhiên không có một vở nào! Những vở kịch được đem trình diễn rất nhiều trên vô tuyến truyền hình và đôi khi trên vô tuyến truyền thanh, đó không phải là kịch! Đó chỉ là kịch cớm, sản phẩm èo uột và giả tạo

diễn tả những cử động máy móc của những con múa rối là một nhóm thị dân, trưởng giả, thừa phứa cái trống rỗng, cái thiếu vắng, cái khao khát khi mơ hồ khi hạ cấp. Tại sao chúng ta thiếu kịch? Vì cái nếp sống của xã hội Việt Nam 1969 là một nếp sống chỉ vùng vẫy quẩn quại, trong một chuỗi ngày tuếch toác, buồn tênh, không có gì mới mẻ, hôm qua cũng như hôm nay cũng như ngày mai, và cứ thế. Một nếp sống thiếu hẳn cái động tính căn bản, thiếu kịch tính. Một xã hội chỉ có tiêu thụ, không có sản xuất thực sự, tất cả chỉ là vay mượn, bám níu, mô phỏng, nó tạo ra được cái gì, nó đẩy tới trước mặt những dự phóng tích cực nào, những kế hoạch, những chương trình xây dựng hữu hiệu nào? Một xã hội như thế làm sao có thể sản xuất ra nổi những năng lượng mới, làm sao tạo nổi những động lực mới cho hành vi, cho tiến bộ,

làm sao có thể gây nổi một sinh khí khả dĩ dung chứa được những động tác biến chuyển để tạo thành một vở kịch ? Phải có sản xuất thực sự trên mọi bình diện thì mới đem lại những giá trị mới và mọi hành động mới biến chuyển được một cách mạnh mẽ, hướng tới những viễn tượng những cứu cánh mới mà đời sống sản xuất mở ra và đưa đến. Không thể có động tác mang kịch tính sáng tạo nơi một tâm hồn lơ đãng ngắc ngoải và một thân xác rã rời mệt mỏi, tâm hồn và thân xác của người Việt Nam trong mấy năm nay.

Nhìn vào văn chương nước ta trong giai đoạn 12 tháng vừa rồi, còn có thể phân biệt 4 xu hướng khác nhau, nhiều khi chống đối nhau nữa, 4 xu hướng văn chương này bộc lộ rõ ràng nhất trong các sáng tác dưới hình thức các truyện

dài, truyện ngắn, và bàng bạc trong thơ.

Trước hết là xu hướng tình dục. Người ta có thể đọc thấy trên bất cứ nhật báo nào, bất cứ kỳ báo nào, của hầu hết các tác giả viết feuilleton ở đây, những đoạn văn khiêu khích dục tình, khơi dậy thèm khát xác thịt, của độc giả. Từ người viết nhiều tuổi như Bình Nguyên Lộc (truyện “Nhảy vọt”), đến người trẻ tuổi như Nguyễn Thụy Long (truyện “Xóm Âm Hồn”), văn chương tràn đầy nhục cảm, thứ nhục cảm bệnh hoạn vì là một ám ảnh, một đeo đuổi không rời trong tâm trí người viết. Những truyện của Thảo Trường, (“Th. Trâm”), Cung Tích Biên, (“Cõi Ngoài”), Trần Hoài Thư (“Nỗi Bơ vợ của bầy ngựa hoang”) đều có những đoạn văn dài mô tả cuộc tiếp xúc giữa hai thể xác khác giới, ấy là kè ra ba tác giả bất chợt được nhớ tới.

Những cảnh tả dĩ điểm thừa thừa trong truyện của Trần Hoài Thư, một tác giả mới viết. Tình dục ít ra cũng là một khía cạnh không thể nào không kể đến trong các truyện của Võ Phiến («Phù Thế»), Viên Linh (“Mã lộ”), Nguyễn thị Hoàng (“Vực nước mắt”), lại càng đóng vai trò quan yếu trong các truyện của Trùng Dương và Nguyễn thị Thụy Vũ.

Hiện tượng này còn hiển hiện ngay ở loại sách biên khảo : Thế Uyên dịch “Tình dục, một hồ sơ sống của một nhóm chuyên gia”, Lê Thanh Hoàng Dân dịch “Lịch sử đời sống tình ái của Lew- insohn”, nhà Âu Cơ xuất bản “Sưu tập cơ thể học về tình dục”, vân vân - Dịch và viết sách có “chất” tình dục để “câu” độc giả bằng cách khiêu khích họ, kích thích họ qua từng câu văn! Thậm chí có cả một chuyện được viết ra với mục đích thuần

túy là khiêu dâm, truyện “Cậu Chó” của Trần Đức Lai, mà nhà xuất bản và tờ báo đăng truyện đó đã gọi một cách trịnh trọng là “nhà văn” Trần Đức Lai: Cuốn sách được Bộ Thông Tin cho phát hành, rồi lại cấm, khiến nó trở nên khan hiếm (!) và nhiều người đọc tò mò phải mua chợ đen mà đọc! Thật là thảm hại! Nhưng hãy gạt qua một bên cái truyện tồi tệ này, hãy thử tìm hiểu xem tại sao xu hướng tình dục bành trướng mạnh mẽ dữ dội trên mọi nhật báo và trong các cuốn truyện được xuất bản đầy rẫy hàng tháng ?

Thực chẳng có gì khó hiểu cho lắm, vì văn chương tình dục chỉ là biểu lộ của một nếp sống cuồng loạn: cuồng loạn vì chiến tranh, vì ám ảnh cái chết bất chợt luôn luôn đe dọa, đưa tới chủ trương sống vội vàng yêu hối hả nghiêng ngả,

hưởng thụ đến cùng tột những thú vui nóng bỏng chóng tàn; cuồng loạn: vì cuộc sống nhờ vả, tạm bợ, lừa dối, nhàn rảnh, của bọn vô công rồi nghề, không phải làm gì và sống trên mồ hôi nước mắt của giới cần lao, nên họ sinh ra hư thối, đâm ra thèm muốn và đòi hỏi những thú vui đồi trụy, dâm dật. Cái “món ăn tinh thần” là văn chương đó, mĩa mai thay trở thành món ăn vật chất thực sự, nó là dụng cụ thỏa dâm thực rõ ràng, không ai chối cãi được nữa, không ai biện hộ nổi nữa. Dù người biện hộ đó có là Henry Miller bên Mỹ hay D.H. Lawrence sống lại ở bên Anh cũng thế thôi, lý do thực sự của xu hướng văn chương tình dục ở xứ này khác với lý do của 2 nhà văn kia, hiển nhiên vì phát sinh do những điều kiện xã hội rõ ràng và nhất định.

Xu hướng thứ hai là xu hướng văn chương quân sự hóa và nhà văn tự quân sự hóa. Nghĩa là những tác phẩm viết về lính tráng. Hãy đọc tất cả truyện của Nguyễn Vũ, hay chỉ lật qua bất cứ trang nào, người viết này - một sĩ quan ca tụng những lao công đào bình ngang tàng, những người lính ba gai bắt phục tùng mệnh lệnh thượng cấp, những người lính nổi máu du đảng đập cấp trên, với lý do rất cao thượng, với mục đích rất xây dựng, với luận điệu rất anh hùng! Những cuốn như “Vòng Tay Lửa”, “Thêm địa ngục” vân vân, cho thấy rõ điều đó. Ấy là tác giả chuyên viết về đời lính. Thảo Trường, với “Th. Trâm” cũng đi con đường đó, ngay cả Nguyễn thị Hoàng, ở truyện “Vực nước mắt”, cũng đặt nhân vật nữ của bà trong tình trạng đi kiếm người chồng quân nhân mất tích.

Các truyện ngắn của Cung Tích Biền đầy những cảnh lính hành quân qua các xóm làng. Dương Nghiễm Mậu qua truyện dài đăng trên tuần báo Khởi Hành, mang tên “Quà tặng cho thành phố” cũng viết về lính nổi! “Bờ sông lá mục” một tác phẩm mới của Phan Lạc Tiếp, cũng lại chỉ là một tập bút ký chiến tranh! Truyện “Xóm Âm Hồn” của Nguyễn Thụy Long mô tả giáo Thạch, nhân vật chính, là một quân nhân đào ngũ vì đập thương cấp, bị một viên thượng sĩ đến dọa dẫm và làm tiền. Hai cuốn truyện của Vũ Thất do nhà Thiên Tứ xuất bản mới đây cũng vẫn viết về lính: về đời thủy thủ hải quân; cả đến tập truyện quay ronéo, đầu tay, của Trần Hoài Thư, nhân vật chính xưng tôi cũng là quân nhân tác chiến, “Cơn Lốc” của Đinh Phụng Tiến cũng vậy nốt, Nhìn vào tác phẩm nào, ngó qua trang feuilleton nào cũng thấy lính, thấy hành

quân. Có thể nói, chín mươi phần trăm các tác phẩm trong năm vừa qua đều có thấp thoáng một quân nhân, truyện nào cũng cùng một mẫu quân nhân gan lì, bướng bỉnh, ngang tàng, hào hoa, bụi đời và đa tình. Người đọc muốn tìm “món ăn tinh thần” bằng các tập truyện trong năm 1969 hẳn phải bội thực vì cái món ăn thừa phứa đó. Là vì không khí chiến tranh vây phủ đời sống mọi người, ngay cả những người chỉ sống trong thành phố cũng không khỏi bị ám ảnh chiến tranh, không ở đâu không thấy quân nhân, và nhất là chính những người viết hầu hết họ cũng đều là quân nhân nên họ chỉ rút được nhiều kinh nghiệm hay nhiều mẫu chuyện lính tráng, về các cuộc hành quân.

Đó là một thực trạng, thực trạng tù túng của đời sống chúng ta, giam hãm

văn chương vào một cái khung nhỏ hẹp và cũ mòn. Do đó, sách cứ in ra, cứ với một thứ chuyện kể đi kể lại, người đọc chán ngấy, nhưng không biết đọc gì khác hơn, vì không có gì khác.

Văn chương ở đây chưa thoát khỏi khiến tranh vì đời sống chúng ta còn bị chiến tranh chi phối trực tiếp. Tuy nhiên, không phải vì chưa thoát khỏi chiến tranh, còn bị chìm ngập trong chiến tranh mà người ta chỉ biết có chiến tranh, mà người ta không mong mỏi nó chấm dứt, hẳn vậy. Và bởi thế người đọc có thể thấy qua hầu hết thơ văn trong năm 1969, ở Việt Nam, vừa mô tả chiến tranh một cách tỉ mỉ, vừa mình nhiên hay mặc nhiên, kết án chiến tranh, nói lên khát vọng hòa bình sâu xa, chán ngán cuộc chém giết nhảm nhí “mất thời giờ” này,

như lời một nhân vật của Đinh Phụng Tiến đã nói.

Đấy là xu hướng thứ ba được nhận thấy trong văn chương năm 1969. Những cuốn sách cho thấy sự chán ngán chiến tranh, ghê tởm chiến tranh ở mức độ cao nhất là Yêu và Thù của Tạ Tỵ, Xóm Âm Hồn của Nguyễn Thụy Long, Cơn Lốc của Đinh Phụng Tiến, “Nỗi Bơ Vơ của Bầy Ngựa Hoang của Trần Hoài Thư, ấy là không kể những cuốn nhận định tố cáo cuộc chiến tranh phi lý, phi nhân này, như cuốn “Đường bay Pháo Đài” của Linh Mục Nguyễn ngọc Lan, cũng như hầu hết những số báo Đất Nước viết về cuộc chiến ở đây. Ước vọng hòa bình còn bộc lộ một lần thật tha thiết, thật đấng chất, trong cuốn “Giải khấn sô cho Huế” của Nhã Ca. Cùng với sự mong mỏi nôn nao của thế giới nói chung và

của nhân dân Việt Nam nói riêng ở kết quả của những cuộc đàm phán tại hòa hội Ba lê, các tác giả Việt Nam, làm văn chương trong xứ này, cũng phơi bày cảnh cơ cực khốn cùng của đồng bào, nguyên rủa chiến tranh và ước nguyện hòa bình. Tiếng nói của nhà văn qua tác phẩm, trong khía cạnh này, cần thiết thật, quý giá thật, dù nó vẫn còn là tiếng kêu vô vọng, là nỗi xót xa kéo dài.

Xu hướng cuối cùng được nhận thấy trong văn chương một năm qua là xu hướng của những nhà văn độc lập: vượt lên trên những đòi hỏi thấp kém của thị hiếu (tình dục) và đứng bên ngoài vòng luẩn quẩn của những tác phẩm viết về quân đội, về chiến tranh. Đó là những nhà văn sáng tác trong sự tự chủ, không để mình bị lôi cuốn vào thời trang văn chương hời hợt, không nô lệ độc giả hay

nô lệ một thể lực chính trị nào. Những nhà văn này thường bị chỉ trích là “viển mơ” vì sự chọn lựa của họ khác với sự chọn lựa của nhóm người công kích họ: hai thái độ khác nhau trước xã hội, trước thời cuộc, hai quan điểm khác nhau về vai trò của văn chương. Một bên chủ trương dẫn thân và tố cáo, một bên chủ trương tách rời và lãnh đạm. Người đọc có quyền chọn lựa một trong hai quan điểm đó, cũng có thể chấp nhận cả hai trong những giới hạn xác định nào đấy, điều đó không ai bắt buộc được, vì trước hết, văn chương là tiếng nói, nó có thể biến thành cây súng nếu người ta muốn sử dụng nó như thế, nhưng tự nó, nó chỉ là tiếng nói.

Dẫn thân trong thời cuộc hay dẫn thân trong chữ nghĩa cũng đều là dẫn thân, đòi hỏi một thái độ rõ ràng, không

thể mập mờ đánh lộn con đen khi người ta muốn đi đến cùng con đường dẫn thân đó của mình. Và giữa cái không khí sôi nổi của văn chương tình dục và văn chương thời thế trong năm vừa qua, những tác giả như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Viên Linh, Nguyễn Đình Toàn, Huỳnh Phan Anh và Nguyễn Đức Sơn, mỗi người trong bọn họ vẫn đi con đường của riêng mình. Họ đặt nặng vấn đề ngôn ngữ, bản khoản về cách thể diễn tả, hay thắc mắc về một ý nghĩa nào đấy của đời sống, hoặc tra hỏi một viễn tượng của con người, không phải họ chẳng đặt họ và nhân vật của họ vào trong những hoàn cảnh sống cụ thể, họ còn đặt rất rõ là khác, nhưng không nhất định và không bắt buộc phải nói về cuộc chiến tranh này, về những người lính và về các cuộc hành quân, hoặc về tình dục, mới là phác họa hoàn cảnh cụ thể

cho nhân vật sống trong đó. Truyện của Mai Thảo, nhất là ở tập truyện “Chuyến tàu trên sông Hồng” đầy ắp kỷ niệm, đầy hình ảnh một thời thơ ấu đã xa rồi còn quần quít reo vui trong một tâm thức luyến tiếc, Nhân vật trong những truyện đăng báo của Thanh Tâm Tuyền trầm mình trong những tấn thảm kịch nội tâm; Nhân vật của Vũ Khắc Khoan bản khoản về chân lý của cuộc đôn về ý nghĩa của lịch sử, khởi từ những xao xuyến của tâm thức hơn là từ biến cố của thời đại được bộc lộ; Nhân vật của Nguyễn Đức Sơn tìm sự giải thoát ra khỏi nhà tù đời sống bằng cách tự tử sau khi tận hưởng tình yêu; Nhân vật của Huỳnh Phan Anh sống trong tâm trạng dầy vò của cuộc tìm kiếm chính mình, trong ám ảnh về bản thân mình; Nhân vật của Viên Linh cuốn mình trong bầu không khí của những lo toan hạnh phúc, của

những ý nghĩa phát xuất từ tình yêu và đau thương: Nhân vật của Nguyễn Đình Toàn lăn xả vào đời sống để tận hưởng lạc thú hạnh phúc đê mê hay niềm đau đớn, nổi dấn vật không nguôi. Người đọc không thấy thời cuộc trở thành một nhân vật bên cạnh những nhân vật của các tác giả này.

Giữa cuộc sống xô bồ, giữa những tranh chấp quyền lực vật chất, giữa những mưu toan, lo lắng hàng ngày của đám đông, văn chương vẫn tiếp tục đi con đường của nó. Văn chương năm 1969 đã qua, văn chương năm 1970 bắt đầu. Một cái nhìn đại quát qua vài khía cạnh đã cho thấy 12 tháng vừa rồi đánh dấu một thời kỳ có thể gọi là chuyển đoạn. Hầu hết những sáng tác lấy đề tài là tình dục hay chiến tranh đều lặp lại nhau ở những tình tiết chính. Những nhà văn

ở ngoài các xu hướng đó cũng vẫn còn quanh quẩn trong sự tìm kiếm say mê của họ, những khám phá được ghi nhận ở tác phẩm của họ chưa thổi nổi một luồng gió mới mạnh mẽ vào văn chương xứ này, chưa tạo nổi những chiều hướng mới, chưa khai thông bước những bế tắc căn bản phát sinh từ sự dằng co giữa ý nghĩa và ngôn ngữ, giữa đời sống càng ngày càng phức tạp và tham vọng diễn tả toàn diện để đem lại một cơ cấu ngôn ngữ tương đương và độc lập với hay tương ứng với cơ cấu đời sống. Những tác giả độc lập đã kể trên còn phải đẩy ra xa hơn nữa những tìm kiếm hiện thời của họ. Những tác giả như Trần Tuấn Kiệt còn hứa hẹn những gì thực sự mới mẻ và độc sáng mà người đọc đang chờ đợi. Giải thưởng văn học phát cho truyện và biên khảo 1969, chứng tỏ tình trạng nghèo nàn ẻo uột của sinh hoạt hai ngành

này trong bản chất, mặc dù số lượng thật đáng kể, bởi con số vốn vẫn không phải là tiêu chuẩn để thẩm định giá trị của tác phẩm văn chương.

Những người viết mới, một lớp người thật trẻ tuổi, đang sung sức hiện nay, cũng chưa cho thấy dấu hiệu một sự xuất hiện độc đáo đáng kể nào trong tương lai. Cả năm 1969 không có lấy một người viết mới thực sự mới mẻ trong bất cứ ngành sáng tác hay biên khảo nào, một điều thật đáng tiếc. Chờ xem, năm 1970 liệu có gì mới thật chẳng. Nhưng nếu tình trạng xuất bản sách báo và bối cảnh xã hội vẫn như bây giờ, thì thực rất ít hứa hẹn cho năm mới.

TRƯỚC BÀN THỜ

Võ Phiến

Tết đến, dù là Tết khắc khổ, dù là Tết kiệm ước, đây đó vẫn quần áo se sua. Thì ra tạo nên sự sung túc của quốc gia là khó, mà hãm lại sự phô trương một cảnh sung túc giả tạo cũng không dễ.

Tản mẫn muốn biết xem trước kia đồng bào ta đã ăn mặc ra sao. Trước, không phải là thời Hồng Bàng, là thời

Trọng Thủy Mị Nương: xưa như thế thành ra quá xưa, cơ hồ không còn liên quan gì với chúng ta. Chỉ mong ngược lại độ trăm năm, tìm biết về thế hệ người Việt cuối cùng trước khi Pháp đến xâm chiếm xứ này.

Về lớp người ấy, Trần Trọng Kim cho biết: “Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối.”

[Việt nam sử lược - Tân Việt tái bản lần thứ bảy - Sài Gòn, 1964, trang 485.]

Thiết tưởng ngày Tết chiếc quần ấy cũng không thể dài hơn. Người nghèo khổ là đa số. Đa số dân ta trước kia cơ cực đến thế sao?

Nếu phải nói luôn đến cái thiếu số sung túc nữa thì cũng chẳng có gì rục rĩ:

“Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng, chứ không được mặc đồ gấm đồ vóc và đi giày.” [Việt nam sử lược - Tân Việt tái bản lần thứ bảy - Sài Gòn, 1964, trang 485.]

Như thế, quang cảnh đám đông thuở ấy trong những cuộc hội hè, những cuộc vui ngày xuân, có vẻ ảm đạm, so với các đám đông đầy màu sắc sỡ ngày nay.

Ấy là sử gia hình như chỉ mô tả lối phục sức ở đất Bắc : màu nâu vừa nói đến trên trang sử không lan vào tới Đàng Trong. Nhưng cái nghèo nàn về y phục thì chắc chắn càng vào Nam càng đậm đà. Ở đất Bắc, nguồn gốc của dân tộc, có quá khứ văn hóa dài lâu, hẳn là tổ chức xã hội chu đáo hơn chuyện tâm tang canh củi đàn bà nào cũng thạo, việc may vá cũng phải khéo tay hơn ở miền đất mới. Trong Nam, mãi sau này Sơn

Nam vẫn còn đưa ra giới thiệu với chúng ta nhiều nhân vật hoặc khóa thân, hoặc quán mình bằng tấm bố. Lão Chòi Mui chưa thuộc về lịch sử: Có lẽ tiểu thuyết gia hồi còn nhỏ từng có dịp nắm tay, sờ râu ông ta.

Trong tranh, trong truyện, trong kịch tuồng thời xưa, chúng ta không gặp những nhân vật như thế. Trái lại, chỉ có những áo mào xanh xang, lụng thụng, chỉ có một cảnh phong lưu sang trọng. Dần dà, trong cảm tưởng mơ hồ, chúng ta đồng hóa người xưa với những đào kép phục sức cầu kỳ trên sân khấu hát bộ.

Thử tưởng tượng: những lão Chòi Mui ghéch mặt xem hát bộ làm sao không ao ước được trở về thời xưa, sống đời thịnh trị ?

Văn nghệ phong kiến khỏe tuyên truyền quá, gây cho đời sau một ảo tưởng quá đẹp, khiến chúng ta khi nhìn xuống cái khổ vốn thuộc vào cuộc sống thường nhật thuở ấy bỗng đâm ra ngỡ ngàng.

Trước đây trăm năm ông bà chúng ta kham khổ hơn chúng ta ngày nay, sự tiến bộ dĩ nhiên không do cuộc thống trị của Pháp đem lại, cho ta. Mà là do văn minh kỹ thuật đem lại chung cho cả loài người.

Một tác giả đã cho rằng vua Louis XIV ở thế kỷ 17 không sung sướng bằng một người thợ bây giờ bên xứ ông, vì trong điện Versailles thời ấy không có chút tiện nghi nào: phòng rộng, gió lộng càng thêm lạnh buốt. Cho đến đầu thế kỷ XIX, thường dân bên Pháp hạng nghèo suốt đời vẫn chỉ có một đôi giày, gặp

dịp quan trọng như hội hè tiệc tùng mới xách theo, tới nơi bỏ giày xuống xỏ chân vào. Cha chết để giày lại cho con như một gia bảo¹.

Ở Pháp, ở Nhật, ở Nga, ở đâu đâu trong khoảng trăm năm qua đều có những đổi thay ngoạn mục, đem lại nhiều tiện nghi cho con người. Thì ở ta cũng thế, không thể khác.

Nhưng văn minh một thế kỷ nay không phải chỉ có những đổi thay ấy. Trong cuộc sống Việt Nam, có thể để ý đến một phương diện ngộ nghĩnh hơn của văn minh,

Sách Đại Nam nhất thống chí² của Cao Xuân Dục có ghi tên mấy liệt nữ ở tỉnh Bình Định. Một liệt nữ lên là

¹ Nguyễn Hiến Lê Một niềm tin – 1965, trg 17.

² Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo – Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, 1964, trang 102.

Nguyễn thị Phiêu, năm mười lăm tuổi, bị một tên cường bạo là Trần văn Kiên toan hãm hiếp, đã cực lực chống cự, và bị bóp cổ chết; do đó năm Minh Mạng nguyên niên được vua nêu thưởng. Một liệt nữ khác tên là Bùi thị Tâm, bị người ở trong ấp là Võ đăng Hy bức bách thông gian, đã mắng nhiếc và bị đâm chết; do đó năm Minh Mạng thứ 16 được Vua nêu thưởng.

Chuyện như vậy mà không lạ lùng sao ?

Gái bị hiếp rồi chống lại, rồi bị giết, vút thây hoặc trong nghĩa địa, hoặc dưới lòng sông, hoặc trong phòng ngủ khách sạn v.v..., những tin tức ấy bây giờ chúng ta gặp hàng ngày trên báo. Nếu có kẻ nào đề nghị ông đô trưởng thưởng huy chương, bội tinh cho các nạn nhân, hẳn

ông đô trưởng cho là kẻ ấy định đùa mình.

Một đàng, việc xảy ra trong gang tấc mà viên chức sở tại không buồn để ý đến; một đàng cũng việc ấy, xảy ra ngoài ngàn dặm, tận nơi thôn ấp xa xôi hẻo lánh, mà nhà vua cứu xét khen thưởng. Người ta tưởng chừng sống hai nền văn minh khác nhau ! Có ai ngờ cả hai trường hợp đều diễn ra trên cùng một quốc gia, chỉ cách xa nhau có đôi ba thế hệ.

Vào thời kỳ lớp người mà chúng ta gọi bằng ông cố bà cố, người Việt Nam nhìn sự việc ở đời khác bây giờ nhiều quá.

Bây giờ nhìn nhau chỉ thấy những công dân, thuở ấy xã hội ăn ở với nhau như trong gia tộc.

Nhà cầm quyền nhìn dân như công dân, cho nên chỉ thưởng phạt về thái độ của họ đối với nghĩa vụ quốc gia, chứ không xen vào đời tư của họ. Có những huy chương cho người nghĩa quân anh dũng, có bội tinh cho người công chức cần mẫn, có bằng tưởng lệ, bằng danh dự để khuyến khích lòng tận tâm với công vụ; mà không có những khuyến khích gìn giữ tiết trinh, ăn ở hiếu đễ v.v...

Tiết trinh, hiếu đễ v.v... là đức tốt của con người, không phải của người công dân; là chuyện luân lý, không phải chuyện pháp luật. Về mặt luân lý kẻ nào tốt kẻ ấy tha hồ yên ổn với lương tâm, tha hồ hưởng sự kính trọng khâm phục của đồng bào; nhưng nhà nước thì không can thiệp đến. Trao một bằng thưởng về phẩm hạnh tốt cho ông nọ bà kia? Bộ nhà nước muốn chơi cha sao chứ? Nhà

nước có phải gồm những bậc đạo cao đức trọng đâu, có tư cách gì để quyết định về những vấn đề đạo đức của thiên hạ? Bởi vậy nhà nước không buồn biết đến vấn đề ấy. Trong trường hợp bà Nguyễn thị Phiêu, bà Bùi thị Tâm v.v..., ông đô trưởng thời nay chỉ cần tóm cổ trừng trị hai tên đàn ông về hành vi làm thiệt đến tính mạng kẻ khác, làm quấy động cuộc sống an ninh của xã hội. Tức là trị hai công dân bất hảo, chứ không phải trị hai con người sút điếm về đạo đức. Đã không trị kém đạo đức, tất nhiên không thể khen người cao trọng về đạo đức.

Đứng ở quan điểm ấy, chúng ta thấy vua quan ngày trước xử sự có phần lắm cảm. Như từng lẫn lộn cả pháp lý với đạo lý, cả việc nước với việc nhà. Xử sự không hẳn ra vua ra quan, mà có lúc lại như cha như mẹ. Trị đứa xấu nét một phát để

răn dại, rồi khen đứa con ngoan ngoãn mấy câu để khích lệ. Khen đàn bà nết na, khen con có hiếu với mẹ cha khen vợ biết chung thủy với chồng v.v... tức những chuyện tư riêng trong gia đình người ta, chuyện tư cách phẩm hạnh cá nhân của người ta Đứng ở quan điểm ấy, chúng ta thấy vua quan ngày trước xử sự có phần lắm cảm. Như từng lẫn lộn cả pháp lý với đạo lý, cả việc nước với việc nhà. Xử sự không hẳn ra vua ra quan, mà có lúc lại như cha như mẹ. Trị đứa xấu nét một phát để răn dại, rồi khen đứa con ngoan ngoãn mấy câu để khích lệ. Khen đàn bà nết na, khen con có hiếu với mẹ cha khen vợ biết chung thủy với chồng v.v... tức những chuyện tư riêng trong gia đình người ta, chuyện tư cách phẩm hạnh cá nhân của người ta.

Nhà nước như thế không những lo cai trị, mà còn lo dạy dỗ. Một thể hệ ý thức quyền bình đẳng giữa mọi người sẽ bất bình về một quan niệm nhà nước “kẻ cả” như vậy. Nhưng các thể hệ đã chấp nhận quan niệm ấy thì có lẽ lại cảm thấy không khí đầm ấm trong một khung cảnh xã hội – gia tộc.

TẾT ĐẾN, chiều ba mươi ta có tục cúng một bữa để rước ông bà,

Nếu ông bà về thực, trong cuộc đối diện, trước những tiện nghi, những xa hoa trong đời sống vật chất của chúng ta, hẳn là ông bà không khỏi mừng cho con cháu ăn nên làm ra, mỗi ngày mỗi khá. Còn chúng ta thì râu lòng ái ngại trước những cái quần ngắn quá gối của ông bà,

Ngược lại, biết đâu ông bà lại không âm thầm ái ngại nhìn con cháu sống bơ vơ giữa một xã hội vô tình, trong đó giữa một người chỉ có một liên hệ pháp lý?

THĂM NHÀ MỘT BUỔI

Mai Thảo

Mỗi năm, năm nào cũng vậy, kẻ sống một đời sống cách biệt đã quen ở tôi chỉ về thăm gia đình một vài lần. Vào những ngày giỗ chính.

Trong dịp Tết Nguyên Đán. Xa nhà từ vào đời, tia lửa 46, từ dấy động lớn, trôi dạt năm bảy năm liền dưới những bóng núi, trở về tự đó, những dặm đường tuy đã thật sự rút ngắn lại rồi, mà vẫn

nguyên vẹn là sự xa cách đó giữa tôi và những người thân yêu. Sống một phần lớn đời mình ngoài vùng không khí đoàn viên của một mái nhà ấm, ở tôi cái liên hệ rời đứt mong manh với tập thể ruột thịt không hề có bởi một hố thăm của xung đột hay ty hiềm nào. Chỉ hình như, trong một hộp mặt đây, thế tất phải có một thiếu vắng nhỏ. Chỉ hình như, cho mỗi sáng điểm danh, thường hằng là có một chỗ đứng khuyết. Chỉ hình như lá của một cành, ít nhất cũng có một phiến lạc, nước của một dòng, ít nhất cũng có một giọt mất, mây của một trời phải có một cụm lang thang. Và, cái phiến lá, cái cụm mây, cái giọt lạc xa lìa tách thoát ấy đã là tôi.

Gia đình tôi, như hàng nghìn gia đình miền Bắc khác, tản cư vào Nam,

thấm thoát đến cái Tết Canh Tuất này, từ 54 đến 70, đã mười sáu năm định cư trên đất mới. Như những gia đình khác tới đây, tập hợp lại sau đổi dời, lịch sử của nó cũng là cái lịch sử lần giở từng tờ của một hòa nhập tuần tự. Tôi đã nói, ở đâu đó, về một cảnh tượng hạ trại. Về một hiện tượng ghép cảnh. Đêm hạ trại đầu tiên, chỉ một ánh lửa yếu trong căn lều vải. Đêm thứ hai, ánh lửa lớn dần, từ một cảnh thổ khởi thủy xa lạ và thù nghịch thấy sống được, thấy gần hơn. Ngày ghép cảnh đầu tiên, cảnh nghe thân xem thân có nhận, thân lắng cảnh xem cảnh có hợp, hòa nhập thành hình từ thân với cảnh cùng thấy dạt dào một nguồn mạch tươi xanh. Gia đình tôi cũng vậy. Nó đã thổi được cái ánh lửa trại trong nó mỗi đêm một sáng rõ. Nó đã nhận được con mạch đời trong nó, mỗi ngày một thao thiết một đậm thắm hơn, thành một

dòng máu đỏ. Sống lại được, cho riêng một người, đã là một chuyện khó. Sống lại được, cho một tập thể là những già, trẻ, lớn nhỏ trong một gia đình, là một chuyện khó hơn. Gia đình tôi, đối chiếu những buồn vui riêng tây với huyết lệ và bất hạnh trùm đầu của đất nước, phải được coi như một gia đình may mắn. Tuy vậy, những ngày đầu tiên cũng là những ngày thật cực nhọc, thật lúng túng. Ba bốn chục mạng người ở chung trong một căn phòng duy nhất. Một bàn tay người lớn có thể làm được, phải làm cho hàng chục trẻ thơ. Không biết làm thế nào. Chưa hiểu sống ra sao. Ngày lại ngày mà sống. Rồi bằng những dò thăm kiên nhẫn, cái nhìn sáng dần những cánh rừng chung quanh chỗ hạ trại được khai phá, những con suối, những hốc đá được viếng thăm, cho tới khi mỗi lồng ngực đều có đủ cho mình không khí thở.

Tôi nhớ mãi những ngày đầu tiên ấy. Và những cái từ đó, mà có, mà thành. Lượng đời vô tận thật. Không một nhánh hoa nào nằm trước tầm tay với. Nhưng kiễng chân lên, vươn tay xa hơn nữa, chắc chắc không chỉ là hư vô, chắc chắc có một nhánh hoa. Tôi sẽ chẳng nhìn thấy gì hết, nếu tách lẻ từng ngày. Nhưng ném một cái nhìn suốt thấu mười sáu năm kể từ một buổi đầu hạ trại, kể từ một ngày đầu ghé bến, đời sống đã nuôi dưỡng từng bộ phận một của gia đình tôi lớn mạnh dần dần. Thằng cháu này, mới ngày nào còn lẫm chẫm chạy qua phi đạo chói nắng, Tết này không về nhà, nó đã nhập ngũ rồi, nó ở cùng đơn vị, nó ở ngoài mặt trận. Thằng cháu nọ, tảng sáng năm nào vượt Hồng Hà trong tã lót, tới năm nay, đã cái vóc thật mạnh,

cái dáng thật thẳng, đi vào đời bằng cửa ngõ thanh niên. Cha mẹ tôi lùi sâu vào tuổi già, những đứa cháu nhỏ lớn bổng lên theo tuổi lớn, đó là hai hình ảnh cực đoan của một đời sống dẫu tan nát vỡ vụn, vẫn sáng ngời cái ý nghĩa bất biến của một truyền tiếp. Nến thắp trên bàn thờ cháy chung với nến mừng sinh nhật. Xe tang ở một phía này, nôi hồng ở một phía khác. Điều tang có thể đọc, nhưng tin mừng vui theo. Mười sáu năm, tôi đã đưa một người bác, một người cô, lần đưa cuối cùng tới một lòng huyết mở. Sống như thế. Sống rồi phải chết. Nhưng trong mười sáu năm, cũng là những đám cưới, những tờ khai sinh báo tin những đứa nhỏ mới ra đời. Cái bị hủy đi được bù đắp lập tức bằng cái mới sinh thành. Khóc ngắt rồi cười lớn. Buồn cùng mưa. Rồi lại vui với nắng, Sống như thế. Từ khô mục nở những chùm non xanh. Và

sự truyền tiếp đích thực là cái hiện tượng đáng ghi nhận nhất của đời sống. Lúc này.

Tôi đọc được những hàng chữ vàng chói lọi nhất của cái hiện tượng truyền tiếp này, mỗi lần giỗ, mỗi ngày Tết về thăm cha mẹ tôi ở căn nhà nhỏ của các người trong một khu chung cư vùng Phú Nhuận. Chúng tôi trưởng thành, đứa nọ theo đứa kia đã cất cánh, đã bay xa. Cha mẹ tôi ở một mình. Cái thế giới thu nhỏ của các người bây giờ là một thế giới vắng lặng. Các bạn có đọc đoạn thiên “Les Vieux” của Alphonse Daudet? Đoạn thiên tuyệt tác ấy nói đến những ngưng đọng, những tịch mịch, những cõi lặng lẽ không tiếng gấm như dị thường của tuổi già. Những dải nắng lim dim trên những bờ thêm thêm thiếp. Màn rủ cùng bóng

tối. Sân nhỏ rêu phong. Cánh cửa khép hờ. Và kẻ thăm viếng trang trọng nhất cũng nghĩ mình là một kẻ phá rối.

Ngôi nhà cha mẹ tôi đang sống an nhiên phần đời còn lại của các người cũng tạo cho tôi cái cảm giác tương tự như vậy, mỗi lần trở về. Tôi nghĩ đến một cái am. Đến một ngôi đền. Với những cuộc đời hình bóng nhẹ tênh sống đỉnh đạc giữa quá khứ dụn dằng vây bọc.

Ngôi nhà cũ, ở đó biết bao nhiêu đời sống đã khôn lớn, rồi đã bỏ đi, sau mỗi năm lại chìm thêm vào lặng lẽ. Buổi sáng như buổi trưa, buổi trưa như chiều, không một tiếng động nhỏ. Lũ bàn ghế đứng nguyên một chỗ cũ, hết năm này sang năm khác. Chiếc đồng hồ trên tường, mười năm trước tới năm này, vẫn thả xuống cái bình không khí tĩnh từng ấy âm thanh. Vẫn những cây nển

trên mặt bàn thờ. Vẫn những thẻ hương trong lòng bát cổ. Ngoài vườn, vẫn cái bể non bộ cũ. Đem từ Bắc vào, treo trên một đầu cột, vẫn tấm gương tôi đã soi khuôn mặt trẻ thơ của mình những ngày xưa. Và sự truyền tiếp, vô hình mà rục rở, tôi nhìn thấy tụ đọng, hiển hiện, trên từng xó góc một.

Thêm một năm nữa, đêm giao thừa hay buổi sáng mừng một năm nay, một kẻ đang tử lang thang cách biệt quanh năm sẽ lại về thăm gia đình mình. Để hòa nhập trở lại với một không khí, ở đó đời sống là nơi chốn duy nhất không phải là những chặt đứt tàn nhẫn, những trở chiều mê hoảng, những quay đảo choáng váng, những dội đập bàng hoàng. Tôi biết phút trở về, như mọi lần, tôi sẽ đi thật nhẹ. Đẩy khẽ cánh cửa, lách mình

bước vào. Tôi sẽ đứng thật lâu, nhìn cỏi về chiều, nhìn vùng yên lặng. Tôi sẽ nhìn lên những tấm hình của những người đã chết, dấu tích của những người vắng mặt, nghĩ tới những người đã đi xa. Và chúc thọ cha mẹ tôi. Chúc các người sống thật lâu, bởi vì trên một ý nghĩa nào, các người là những người trẻ nhất. Rồi tôi sẽ ra ngồi một mình ở ngoài vườn. Để trong im lặng dịu dàng của một cỏi xuân riêng, trầm tư về một hiện tượng của truyền tiếp đã khiến cho đời sống cuối cùng vẫn được xem như một khởi đầu, một mùa xuân vĩnh viễn.

XIN CHỚ GẦN TÔI

Tuệ Mai

*Xin chớ gần tôi**Vì tôi sắp vỡ**xin chớ gần tôi**vì tôi sắp nổ**Hình như từ óc**hình như từ tim**Từ kiếp người hụi hãnh**ngậm tằm trái đắng gia đình**từng mảnh tôi sớm mai tàn rụng**từng mùa tôi cây cỏ không tên**từng bước tôi tới lui vướng mắc**từng dòng sông tôi bến vỡ thuyền chìm**Xin người yêu, xin bạn bè**hãy lánh xa tôi vì tôi sắp vỡ**hãy lánh xa tôi, cho tôi khoảng trống bao
la**vì tôi muốn biến tan trong ánh nắng**vì tôi muốn biến tan trong ánh trăng**Xin chớ gần tôi**vì tôi sắp vỡ*

xin chớ gần tôi
vì nếu hạt linh hồn tôi bám phải
sẽ nảy rất nhanh
những mầm bất hạnh
sẽ vươn rất nhanh
những cành khát vọng
sẽ thêm thêm hoài
rẽ chẳng chịt người
khi hồn đây ấp
thân mới tê rồi
sao mang vắc nõi!
Xin chớ gần tôi
vì tôi sắp vỡ
xin chớ gần tôi

vì tôi muốn thả
những hạt linh hồn vào ánh trăng
những hạt linh hồn vào ánh nắng
cho chúng nảy mầm
trên ngàn mây trên ngàn mây bao la vời
vời.
Xin chớ gần tôi...

QUẢNG CÁO

<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>NGUYỄN VĂN NGÔI</p> <p>GIÁM ĐỐC HÙNG BỘT GIẶT BẠCH TUYẾT</p> <p>MỠ GIẶT BẠCH TUYẾT HỮU DUNG</p> <p>TRUNG LỘ GIA ĐÌNH</p> <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>	<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>LA NGHĨA</p> <p>THƯƠNG GIA</p> <p>ĐTL, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>
<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>KINH DOANH</p> <p>LỢI SANH</p> <p>QUỐC LỘ 1, THANH KHÉ, QUẬN HỒ CHI MINH</p> <p>HUA CHẾ LIÊN LẠI</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30, Hoa Kỳ ĐƯỜNG - 30, Hoa Kỳ ĐƯỜNG - 30, Hoa Kỳ ĐƯỜNG - 30, Hoa Kỳ ĐƯỜNG <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>	<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>KINH DOANH</p> <p>CAO KIM HÀ</p> <p>KINH DOANH</p> <p>KINH DOANH QUÝ VỊ TRẦN CHỖ MỘT NĂM MỚI</p> <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>
<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>KINH DOANH</p> <p>NHỰT TÂN</p> <ul style="list-style-type: none"> - GIẶT ỒI BÔNG MÂY TỖ TÂN - VỆC LẮM SẠCH BỀ VÀ GIẢNH BÔNG TÂN <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>	<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>MỠ QUÂN</p> <p>LÊ VĂN LỘC</p> <p>PHI CỬA-RESTORANT-BAR</p> <ul style="list-style-type: none"> - TẠM GIỮ BỮA TIỆM DUYÊN DANG - TẠM GIỮ BỮA TIỆM DUYÊN DANG - TẠM GIỮ BỮA TIỆM DUYÊN DANG - TẠM GIỮ BỮA TIỆM DUYÊN DANG <p>VỚI DAN SÁCH QUÝ VỊ TRẦN CHỖ MỘT NĂM MỚI</p> <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>
<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>GARAGE :</p> <p>193 TRẦN HƯNG ĐẠO</p> <p>AUTO-REPAIR WORKSHOP</p> <p>QUẬN 1 - SỐ 1 CHỖ LÂM BÔNG VÀ BÊN CẠM SÀI GÒN ĐƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - VỆC LẮM BỮA TIỆM DUYÊN DANG - VỆC LẮM BỮA TIỆM DUYÊN DANG <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>	<p>CÔNG CHỨC TÂN QUÂN</p> <p>TÂN ĐÔNG</p> <p>TÂN THỜI QUANG</p> <p>PHI CỬA-RESTORANT-BAR</p> <ul style="list-style-type: none"> - BÀN CÀNG LẮM BÔNG BỒ TỖ TÂN VÀ NHỰT - CỐ THỢ CHUYÊN MÔN MỠ CHỖA <p>MKT, Phố Hồ Chí Minh ĐƯỜNG SỐ 17, TP. SÀI GÒN ĐƯỜNG</p>

Cung Chúc Tân Xuân

CÁU LẠC BỘ SĨ QUAN

HUYỀN HỮU BẠC

MỠ SƠN NHỰT

VỚI NHỮNG ĐẶC ĐIỂM DÀNH CHO MÙA MÙA:

- Đón tiếp quý Sĩ quan và thân khách
- Sân đậu xe rộng rãi
- Phòng ăn lịch sự và mĩ mĩ
- Đủ các thức ăn sáng chiều
- Đón tiếp nồng hậu.

SÀI GÒN ĐƯỜNG SỐ 17
TRẦN QUÂN Đ
QUẬN 17 SÀI GÒN Đ

Cung Chúc Tân Xuân

BỘT GIẶT

HÓA HỢP

NET

NHÂN HIỆU NÚI TUYẾT

DO KỸ SƯ VÀ CHUYÊN VIÊN VIỆT NAM CHẾ TẠO

bảo đảm phẩm chất tốt, ngang với hàng Âu - Mỹ

TIỀN LỢI VÀ RẺ TIỀN

V.N. TÂN HÓA PHẨM

VĂN PHÒNG : 38 NGUYỄN TRẦN SÀI GÒN - Đ.T. 38847
NHÀ MÁY : KHU KỸ NGHỆ LONG BÌNH, BIÊN HÒA

CÔNG CHỨC TÂN BIÊN CÔNG THỌ 48, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN LIÊU THIÊN LONG 38, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN NGUYỄN KIẾN KHƯƠNG 8, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN QUANG ĐỨC CHÁNH 45, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN KHA QUANG XƯƠNG 50, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN TÂN XƯƠNG 36, Nguyễn Văn Khoa CHỢ LỚN

CÔNG CHỨC TÂN BIÊN TIỆM TRÀ VĂN DÂN THAI CHUYÊN SẢN XUẤT TRÀ MỐI VỊ THƠM NGON BẮC MIỆT 45, Phạm Văn Đồng CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN TIỆM TRÀ VĂN QUỐC THAI CHUYÊN SẢN XUẤT TRÀ MỐI VỊ THƠM NGON BẮC MIỆT 47, Phạm Văn Đồng CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN TÂN HUỆ PHÁT CHUYÊN BÁN CÁC LOẠI MÁY TẠO MÁY KEO CHẤT KĂNG VÀ DẦU 33, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN KHOÁCH SẠN BẠCH ĐĂNG	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN ĐƯỜNG ĐƯỜNG TÉRÉSA	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN HÈNG VĂN TÀI TƯỜNG THỦ - 068, Lê Quang Liêm - 72, Trần Hưng Đạo

CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG THÊU KIẾN THỨC TRẦN QUỐC THIÊN 418, Cầu Giấy SÀI GÒN		CÔNG CHỨC TÂN BIÊN KIM TƯỜNG PHÁT - CHUYÊN BÁN CÁC LOẠI TÊN - QUÊ PHẢI CHỈNH 47, Đại Lộ Thủ Khoa HUYỀN SÀI GÒN
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG THÊU HOA CHƠI NGUYỄN THANH CHÂU 74, Trần Hưng Đạo SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG THÊU CHUYỀN CHƠI LÂM GIA VI 70, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG BÉP NGƯỜI SICOVINA Đại Lộ Thủ Khoa HUYỀN SÀI GÒN
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG BỐN HÒA TRỊNH CHAY 70, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG BỐN HÉP ĐÚ LONG 70, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG MÁT BIẾN XƯƠNG MINH Đại Lộ Thủ Khoa HUYỀN SÀI GÒN
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG BỐN TRẦN NGUYỄN 54, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG BỐN KHOẢNG VĂN THỦY 41, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN MÈNG BỐN PHẠM THÔNG 41, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN

CÔNG CHỨC TÂN BIÊN HỒN QUÂN LÊ HOÀNH SƠN CHUYÊN BÁN CÁC LOẠI MỸ PHẨM 33, Trần Hưng Đạo CHỢ LỚN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN VIÊN ĐÔNG DƯỢC PHÒNG 10, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN AN MÔN ĐỒ KHUẨN CÔNG NHỘ THUỘC SỞ THAI SẢN HƯỚNG DẪN ĐƯỢC TÍNH ĐƯỢC CÔNG GIÁO TRƯỚC MẠCH KHUẨN KINH ĐỘ CHỨNG TỬ 1-64
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN HỒN QUÂN ĐỨC HƯNG CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI MỸ PHẨM THƠM NGON - KHÔNG MỒM QUỐC 3, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN HỒN QUÂN VIỆT HOA BÁN CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ TÁP HỒA 30, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN
CÔNG CHỨC TÂN BIÊN VĂN THÀNH HƯNG CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI MỸ PHẨM MỐI VỊ THƠM NGON NHẤT LÀ DUGAUMONT HƯỚNG TỶ LƯỢNG LỬA 10, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN VĨNH NAM BÁN LẺ VÀ BÁN SẺ CÁC LOẠI VẬT DỤNG HÀNG THƯƠNG 10, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN

CÔNG CHỨC TÂN BIÊN HÀNG NƯỚC BÀ KIM SA 10, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN	CÔNG CHỨC TÂN BIÊN HÀNG NƯỚC ĐI AN HÒA 10, Phạm Văn Đồng SÀI GÒN
--	--

Cung Chúc Tân Xuân

HANH LONG
Hotel & Restaurant

MODERN BUILDING WITH
 • COMPLETELY AIR CONDITIONED
 • SPECIAL RATE FOR MONTHLY RENT

1095-1096, TÂN HUNG ĐẠO CHOLON
 CABLE ADD "HANG LONG" CHOLON
 G. P. O. BOX 44 CHOLON TEL: 59.851

Cung Chúc Tân Xuân

VIỆT NAM CÔNG THƯƠNG CÔNG TY
(Hội đồng quản trị) (Số đăng ký thuế số vốn 20.500.000 VNĐ)

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP VÀ TRUNG KỸ NGHỆ

154, NGUYỄN HIỆU CHOLON
 ĐIỆN THOẠI: 37.101 - 37.103

Cung Chúc Tân Xuân

PHẠM HIỆP CTY
133, NGUYỄN VĂN HỌC GIẢI PHỐN ĐIỆN THOẠI: 20.892

Sản xuất vật dụng Cao su và Nhựa

- THẠM LỘN NHÀ (TANG)
- ĐỒ CHƠI NHỰA NƯỚC (TUYỂN)
- CẶP VỎ XE
- VẸY DÙ
- BÀN CHƠI

Cung Chúc Tân Xuân

XUỞNG CAO SU VIỆT NAM

CHÂU BÁ
174-176, Phan Đăng Bìn - SAIGON (Điện thoại) 25.314

SẢN-XUẤT:

- BUNG BÔNG CAO SU BỎ MỀM (SỐ 1) (Phan Đăng Bìn)
- ĐĂNG NÔNG GIỚI (SỐ 1) (Phan Đăng Bìn)
- HỒM VỎ THẺ AN BÙ RỬA VÀ ĐÓNG CHỖ (Tân Hưng)
- BẠC TẠY CAO SU (CÁI MẮC) (SAIGON TRADING COMPANY)
- CẶP GIẶT BỤI, LƯỚI ĐẠO CỤM (Phan Đăng Bìn)
- BẮP VỎ XE HƠI HỘM KAMON (SAIGON TRADING COMPANY)
- XE VỎ XE HƠI BẮP RÍT (Đông Hưng)

CUNG CHỨC TÂN XUÂN

Cortal
CHỌNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
CHẶN ĐỪNG ĐAU NHỨC

• MẠNH MẼ
• CÔNG HIỆU
• CHẮC CHẴN

TRƯỜNG ĐẠI Y HỌC VIỆT NAM
 TỈNH LÂM ĐỒNG PHAN THỊNH ĐỨC,
 100, ĐƯỜNG 100, SAIGON
 30 NĂM THÀNH LẬP (1940-1970)

ASCY
TRỢ CHẨN CỤM ĐAU NHỨC

Vitac
500
MỖI LỨT GẶP CHỈ, TỈNH CƯỜNG SỨC LỰC

CUNG CHỨC TÂN XUÂN

CUC HUC T

Hymos
SẢN PHẨM
SẠCH VÀ SÁNG MẮT

Blanche Neige

CUNG CHỨC TÂN XUÂN

MỘT TIN VUI CHO CÁC GIA ĐÌNH

CHAU BAN

Bột giặt BẠCH TUYẾT

Cung Chúc Tân Xuân

LÊ - NINH
 ĐẢN BIỂU QUỐC HỘI
 CHỦ TỊCH ỦY BAN BÀI TRÚ THAM NHƯNG

Kính chúc đồng bào toàn quốc một năm mới an khang và thịnh vượng

Cung Chúc Tân Xuân

ĐÀO - NGỌC - THỌ
 ĐẢN BIỂU QUỐC HỘI
 HỘI TRẦN ĐÌNH PHÁP VIỆN
 CHỦ BẾT NHẬT BÁO QUYẾT TÊN

Kính chúc đồng bào và độc giả toàn quốc một năm mới đầy vui tươi và hạnh phúc

6. TRẦN HOÀNG QUẬN SAIGON. ĐT. 50.487 - 51A, KHU 10, QUẬN BÌNH DƯƠNG VĨNH LONG. ĐT. 899.

Cung Chúc Tân Xuân

Bà PHẠM THỊ KHÁNH TRANG
 TỔNG GIÁM ĐỐC

HƯNG VIỆT BẢO HIỂM CÔNG TY
 CÔNG TY NẮC DANH VỐN 30.000.000\$ VN.
 TAY 07 - LẦU 4, PH. 111 & 113 BUC, CRYSTAL PALACE
 NGUYỄN VĂN LẬP VÀ 4, NGUYỄN KHÔNG TRUYỀN SAIGON
 ĐIỆN THỌAI : 10.110.

DO HOẠT ĐỘNG VIỆT NAM BANG LẬP VÀ ĐIỀU KHIỂN • BẢO HIỂM XE CỬ • CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA BẮNG
 QUẢNG THỨC, MƯỜNG BÙ, MƯỜNG BANG KHÔNG • BẢO HIỂM • TẠI HÀN CẢ NHÀN • TẠI HÀN
 LAO NÔNG • TRÁCH NHẬN ĐẦY ĐỦ

Cung Chúc Tân Xuân

PHẠM VĂN HAI
 GIÁM ĐỐC
VIỆT-NAM THƯƠNG-TÍN
 KINH DOANH QUỸ TỶ TRẢNH CHỖ MỘT NĂM MỚI AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

18, LÊ VĂN DUYỆT CẦN THƠ

Cung Chúc Tân Xuân

NGUYỄN VĂN VÂN
ĐẠI-ĐOÀN VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TẠI CẦN-THƠ
 KINH DOANH QUỸ ANH KHUẾ MỘT NĂM MỚI AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

78, MINH MẠNG CẦN THƠ

Cung Chúc Tân Xuân

V. I. T. A. B. O. XUAN
VIỆT-NAM VẬN-TẢI THỦY-BỘ
 (SÉTÉ DE TRANSPORT, TRANSIT ET D'ACCOMMODER VIET-NAM)
 SỐ 4, ĐƯỜNG TRẦN QUÝ CÁP ĐÀ NẴNG ĐIỆN THỌAI : 3.383

KINH DOANH QUỸ TỶ TRẢNH CHỖ MỘT NĂM MỚI AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

Cung Chúc Tân Xuân

Linh-mục NGUYỄN QUANG XUYỀN
 Cha Bề trên chánh xứ Đà-Nẵng
 PHẬN KHOR CUOL KHỔ MỘT NĂM MỚI AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

Activate
Go to Settings

sau số báo này, khởi hành ¹ngay tet



khởi hành tân niên
(SỐ 41)

SẼ PHÁT HÀNH VÀO TRUNG TUẦN THÁNG GIÊNG ÂM LỊCH
(NĂM THÁNG HAI DƯƠNG LỊCH) MONG BAN ĐỌC ĐÓN CỜ

<p style="text-align: center;">NHÀ XUẤT BẢN KIỀU CÔNG NHẬN <small>190 Phố Huế Hà Nội</small> <small>190000</small> <small>ĐT: 30224</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Nhấn sách mới là bạn gần gũi cho riêng ta và KHU CHỨC QUỸ TRẦN HỮU MỘT NĂM MỚI SẼ ÁP KHANG VÀ THỊNH KHƯNG</small></p>	<p style="text-align: center;"><small>CHUNG CƯƠNG NĂM T</small></p> <p style="text-align: center;">VỀNH CƠ MẪU DỊCH</p> <p style="text-align: center;"><small>31, Phố Lê Thái</small> <small>CHỢ LỚN</small></p>	
<p style="text-align: center;"><small>KINH DOANH TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">THẾ GIỚI «The World»</p> <p style="text-align: center;"><small>Residence - Gaidarov</small> <small>45-49, Phố Đinh</small> <small>CHỢ LỚN</small> <small>ĐT: 138.000</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Mỗi tuần ra một quyển Mỗi bản «THẾ GIỚI» có một quyển nhỏ Người ở nước ngoài mua Người ở «THẾ GIỚI» không mua nữa</small></p>	<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">HOA-THUẬN-HUNG</p> <p style="text-align: center;"><small>• Chỉ tiêu 40 bản • Văn học nghệ thuật • Được nhiều ưu đãi của Nhà nước</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Chức năng giữ gìn và phát triển văn hóa và phong cách truyền thống</small></p> <p style="text-align: center;"><small>316, Phố Long Biên</small> <small>CHỢ LỚN</small> <small>ĐT: 138.000</small></p>	
<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">HỆP THÀNH</p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ xuất bản: CHỢ LỚN, 45/49 PHỐ ĐINH, HANOI</small> <small>Được ưu đãi, số nhiều</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ mua: CHỢ LỚN</small></p>	<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">BÌNH KÝ</p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ xuất bản: CHỢ LỚN, 45/49 PHỐ ĐINH, HANOI</small> <small>Được ưu đãi, số nhiều</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ mua: CHỢ LỚN</small></p>	<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">THÀNH TRIỀU</p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ xuất bản: CHỢ LỚN, 45/49 PHỐ ĐINH, HANOI</small> <small>Được ưu đãi, số nhiều</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ mua: CHỢ LỚN</small></p>
<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">TRẦN HỮU MỘT</p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ xuất bản: CHỢ LỚN, 45/49 PHỐ ĐINH, HANOI</small> <small>Được ưu đãi, số nhiều</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ mua: CHỢ LỚN</small></p>	<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">HỒ HỒN</p> <p style="text-align: center;">DIỆM KÝ</p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ xuất bản: CHỢ LỚN, 45/49 PHỐ ĐINH, HANOI</small> <small>Được ưu đãi, số nhiều</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ mua: CHỢ LỚN</small></p>	<p style="text-align: center;"><small>CÔNG CHỨC TÊN BIÊN</small></p> <p style="text-align: center;">HỒ HỒN</p> <p style="text-align: center;">BẢO TOÀN</p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ xuất bản: CHỢ LỚN, 45/49 PHỐ ĐINH, HANOI</small> <small>Được ưu đãi, số nhiều</small></p> <p style="text-align: center;"><small>Địa chỉ mua: CHỢ LỚN</small></p>

KHỞI HÀNH

*Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ
năm số 39 và 40, ngày 22-29/01/1970.
Xuân 1970*

